

VIỆT SỬ TÂN KHẢO

CHÚ GIẢI & KHẢO LUẬN

Quyển 11/1

(Trang 3253 - Trang 3421)

VIỆT NAM 1946 – 1956

PHẦN I

CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG LẦN THỨ I
&
ĐIỆN BIÊN PHỦ

CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG LẦN THỨ NHẤT

Chương 1

CHIẾN TRANH KHÔNG TUYÊN CHIẾN

Đêm 19-12-1946, Võ Nguyên Giáp đã phát khởi mặt trận Hà Nội với một mục đích duy nhất khẩn yếu là dùng mặt trận này như phen dậu chặn đường tiến công của quân Pháp để ban lãnh đạo của Cộng Sản Việt Minh (CSVM) có đủ thời gian trốn chạy khỏi Hà Nội. Sau khi ban lãnh đạo CSVM rút lui an toàn ra khỏi Hà Nội trong đêm 19-12-1946, Võ Nguyên Giáp mới ban bố quân lệnh² cho toàn thể bộ đội chính quy¹ và dân quân tự vệ của Việt Minh ở Trung-Nam- Bắc đồng loạt tấn công quân binh và kiều dân của thực dân Pháp và sau đó mới đến lượt Hồ Chí Minh (HCM) kêu gọi toàn quốc kháng chiến: chiến tranh không tuyên chiến giữa thực dân Pháp và CSVM thực sự xảy ra từ 21-12-1946 từ Nam chí Bắc nước Việt Nam khi tướng CSVM là Nguyễn Bình tuân thủ lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 20-12-1946 của HCM ra lệnh tổng tấn công quân Pháp ở Nam Kỳ. Sau đây là toàn văn bản kêu gọi toàn quốc kháng chiến của HCM:³

Hỡi đồng bào toàn quốc,
 Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng nữa. Nhưng chúng ta cũng không nhượng nữa. Chúng ta sẵn sàng đánh Pháp cũng là đánh chính mình. Chúng ta quyết đi làm cách mạng ta lên nữa!
 Khó! Khó! Chúng ta sẽ hy sinh tất cả, chỉ một điều không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.
 Hỡi đồng bào!
 Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, người nghèo, người giàu, tất cả phải đứng lên, tất cả phải sẵn sàng đánh Pháp để cứu nước ta.
 Ai có súng dùng súng.
 Ai có gươm dùng gươm,
 Ai có tay không dùng tay không.

Ai có gươm dùng gươm,
 Ai có súng dùng súng,
 Ai có tay không dùng tay không.
 Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!
 Giờ cứu nước đã đến, ta phải hy sinh tất cả, máu chảy, ruột đau, ruột nát.
 Vì lợi ích quốc gia dân tộc!
 Vì lợi ích nhân dân!
 Vì lợi ích tự do, độc lập, hòa bình!
 Vì lợi ích danh dự, lòng tự trọng!
 Vì lợi ích sự sống còn!
 Vì lợi ích sự sống còn!
 Vì lợi ích sự sống còn!

Hỡi đồng bào toàn quốc.

Chúng ta muốn hoà bình. Chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kỳ người già, người trẻ. Hễ là người V.N thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc.

Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm. Không có gươm thì dùng cuốc xuống gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước. Nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, dù phải gian lao kháng chiến, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

V.N độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Hồ Chí Minh⁴

Theo quân lệnh của Võ Nguyên Giáp, các đội tự vệ cảm tử và dân quân của Việt Minh phải liều chết hy sinh đến giọt máu cuối cùng để ở lại bám trụ trong nội vi thành phố Hà Nội để tất cả bộ đội chính quy của CSVN rút hết một cách an toàn về phía bắc thượng du Bắc Kỳ. Trận chiến không cân sức ở Hà Nội giữa các lực lượng cảm tử của CSVN với vũ khí thô sơ, yếu kém đối địch với binh đội hiện đại, hung hãn của thực dân Pháp kéo dài đến ngày 17-02-1947 để người bộ đội chính quy cuối cùng của Giáp thoát khỏi một cách bí mật và an toàn khỏi vòng vây kiểm tỏa của quân Pháp ở Hà Nội.⁵ Quân binh Pháp tham dự trực tiếp vào trận chiến Hà Nội vào khoảng 3,000 người của sư đoàn đoàn bộ binh thuộc địa thứ 9 (La 9^e division d'infanterie coloniale/ 9^e DIC) và trung đoàn lính Phi châu Tchad⁶ (*Le Régiment de marche du Tchad /RMT*)⁷. Các ổ cảm tử Việt Minh ở Phòng Thương mại và tòa Đô chính bị tiêu diệt vào ngày 22-12 sau khi bị máy bay săn giặc của Pháp dội bom. Cường độ kháng cự từ phía Việt Minh bắt đầu suy giảm trong phạm vi trung tâm thành phố. Những trận chạm súng giữa hai bên lần lần bị đẩy lùi ra vùng ngoại ô thành phố. Ổ kháng cự Việt Minh ở vùng nghĩa địa bị thiêu hủy vào ngày 24-12. Những vùng phụ cận thành phố như khu Khâm Thiên, Kim Liên bị quân Pháp kiểm soát kể từ ngày 30. Các nơi khác như khu vực đường Đê Parreau⁸, khu vực hàng bia Hommel⁹, khu vực phía Nam Hồ Tây (Grand Lac) và khu vực phía Tây vườn Bách thảo đều bị quân Pháp càn quét và làm chủ từ 03-01-1947.

Những cuộc chạm súng dần co nhất đã xảy ra trong khu tam giác bao gồm Hồ Hoàn Kiếm-thành Hà Nội-Sông Hồng trên các khu phố cổ chật hẹp, lòng vòng, chằng chịt, quanh co của trung tâm thương mại Hoa-Việt là ở khu phố Chợ Đồng Xuân (Grand Marché). Các cuộc chạm súng tại khu tam giác này vào ngày 27-12-1946 đã gây tổn thất đáng kể cho quân Pháp với 15 chết và 30 bị thương, trong số đó có một sĩ quan. Dân chúng Việt Nam và Hoa Kiều tại khu này bị vạ lây vì bom đạn của pháo binh và máy bay săn giặc của Pháp. Tướng Molière phải áp dụng kế sách trì hoãn tấn công nhưng vẫn tiếp tục bao vây khu vực này để theo lời yêu cầu ngừng bắn của lãnh sự Trung Hoa và các thương gia Hoa kiều để kiều dân của họ có thể di tản khỏi vùng bom đạn.¹⁰ Nguyên Bí thư Đảng ủy Mặt trận Hà Nội thời gian đầu kháng chiến chống Pháp 1946-1947 là

Nguyễn Văn Trân kể lại: ‘ngày 14-1-1947, đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã cùng đại diện các nước Anh, Hoa Kỳ, Trung Hoa, Nhật tổ chức một cuộc đàm phán tại Hà Nội thỏa thuận: Việt-Pháp cần có một ngày ngừng bắn để kiều dân tản cư ra ngoài.’¹¹



Tự vệ và nhân dân Thủ đô Hà Nội bố trí vật cản chặn quân Pháp ở khu chợ Đồng Xuân.
Ảnh tư liệu: <http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-VN/61/43/301/302/302/170212/Default.aspx>



Ngày 14-2-1947, tại Hà Nội, đại Việt Minh và đại diện các nước Anh, Mỹ, Trung Hoa, Nhật họp bàn nhằm đề nghị Việt Minh và Pháp ngừng bắn một ngày, bảo đảm an toàn cho kiều dân tản cư ra ngoại thành. (Từ phải sang: Lãnh sự Nhật, Nguyễn Văn Trân-Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hà Nội, Hoàng Hữu Nam-Thứ trưởng Nội vụ, Bộ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám,

Lãnh sự Mỹ Su-li-van, Lãnh sự Trung Hoa Viên Tử Kiện, Lãnh sự Anh Uyn-son).
Ảnh tư liệu: <http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-VN/61/43/301/302/302/170212/Default.aspx>

Đợt di tản thứ nhất được thực hiện vào ngày 15-01-1947, gồm có 6,000 thường dân Việt Nam, 500 Hoa kiều thuộc thành phần già lão, đàn bà và trẻ nít. Đợt di tản thứ nhì vào ngày 24-01-1947 gồm có 3,000 Hoa Kiều và 200 người Việt già yếu bệnh tật.¹²

Cũng theo lời kể lại của Nguyễn Văn Trân:

Liên tục trong các ngày từ 6-2-1947 đến 14-2-1947 (24 tháng Giêng Đinh Hợi), giặc Pháp tổ chức nhiều cuộc tấn công lớn vào một số vị trí đóng quân của Trung đoàn Thủ Đô tại nhà Xô-va, trường Ke, khu chợ Đồng Xuân và nhiều đường phố khác.

Trong những trận này, ta đã tiêu diệt và làm bị thương gần 400 lính Pháp.

Tuy nhiên, địa bàn kiểm soát của ta dần bị thu hẹp, lương thực, đạn dược thiếu. Sáng 16-2-1947, Trung đoàn Thủ Đô nhận lệnh rút quân khỏi vòng vây ra vùng tự do. Cũng ngày này, lãnh sự Trung Hoa dân quốc Viên Tử Kiện đến gặp Ban chỉ huy Trung đoàn Thủ Đô đầu phố Hàng Đào đề nghị xin tiếp tế cho số Hoa kiều còn nằm trong khu kiểm soát của Việt Minh và cùng Pháp ngừng bắn một ngày, có thể vào ngày 18-2 để số Hoa kiều ấy tản cư ra vùng ngoại thành. Sáng 18-2-1947, Viên Tử Kiện cùng số Hoa kiều dự kiến tản cư mang cờ đến đầu phố Hàng Đào nhưng chờ mãi không thấy bóng một cán bộ, chiến sĩ Việt Minh nào. Họ vào tìm trong các nhà thì chỉ thấy những dòng chữ “Tạm biệt Hà Nội thân yêu”, “Hẹn ngày chiến thắng trở lại Thủ đô.”



Nguyễn Văn Trân(1017-)
Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước
(từ tháng 4 năm 1958 đến tháng 12 năm 1958)

(http://clvtriangle.vn/portal/page/portal/bkhd/btkhd/298706/nguyenvantran?p_page_id=155275)

(<http://vtc.vn/394-300062/phong-su-kham-pha/chuyen-chua-biet-ve-cuoc-vuot-nguc-son-la-huyen-thoai.htm>)

(<http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-VN/61/43/314/317/317/173366/Default.aspx>)

Tin tức về việc CSVN khởi động tấn công quân binh và kiều dân Pháp ở Hà Nội đã được báo cáo về chính phủ Pháp ở Paris vào lúc trưa ngày 20-12-1946 gây xúc động mạnh mẽ trong dư luận quần chúng và quốc hội Pháp. Nhưng mặt khác, dư luận báo chí ở Pháp thì sôi động tức giận bởi họ đã không tiếp thu được những nguồn tin tức xác thật về biến cố xảy ra trong đêm 19-12 ở Hà Nội mà chỉ biết được những loại tin tức một chiều của chính quyền thực dân mới Pháp ở Sài Gòn tung ra nhờ sự tiết lộ của một đặc phái viên của tờ báo *France Presse/AFP* phát hành ở Pháp. Loại tin tức kiểu này đã gây một làn sóng dư luận thù nghịch đối với CSVN để đồng hóa sự hiếu chiến của VM với những hành vi tội phạm hình sự ám hại những người Pháp và cho rằng không thể thương thảo với những kẻ sát nhân Việt Minh còn HCM thì là một kẻ tòng phạm chẳng có một quyền lực lãnh đạo nào cả.¹³ Các dư luận báo chí CS Pháp và những đảng phái có cảm tình cũng tỏ vẻ e ngại, bối rối không biết phải bênh vực cho CSVN bằng cách nào hoặc là chỉ miễn cưỡng bênh vực bằng cách quy trách nhiệm lên những phần tử CSVN hiếu chiến thân Trung Cộng.¹⁴

*

Chương 2

CHÍNH PHỦ PARIS TÌM MỘT GIẢI PHÁP CHÍNH TRỊ CHO CUỘC CHIẾN KHÔNG TUYÊN CHIẾN VIỆT- PHÁP Ở VIỆT NAM

1 - Sứ mệnh của Marius Moutet và tướng Leclerc ở Đông Dương

Bộ trưởng bộ Pháp quốc Hải ngoại Marius Moutet trong khi điều trần trước Quốc hội Pháp đã tuyên bố là ông ta sẽ đích thân sang Đông Dương để tái lập những điều kiện của một chính sách mà hai bên Việt – Pháp đều có thể thực hiện một cách ngay thẳng, trung thực. Nhiệm vụ của ông ta là tìm phương hướng áp dụng những sự thỏa hiệp trong Tạm ước ngày 06-03-1946, phụ ước Quân sự tháng 04-1949 và Tạm ước Modus Vivendi tháng 09-1946 qua cuộc hội họp của những Ủy ban đã được ấn định từ các tạm ước và phụ ước đó theo tinh thần tôn trọng quyền lợi của người Pháp bằng những phương cách hòa giải mà không cho chấp nhận bất cứ hành động bạo lực nào áp đặt và hy vọng rằng thiện chí hòa bình sẽ thắng lợi.¹⁵ Từ Paris, Moutet lên máy bay vào buổi chiều ngày 22-12-1946 đi sang Sài Gòn và ngay sáng ngày 23, thủ tướng Pháp Léon Blum đã tuyên bố trước Quốc hội Pháp tình hình ở Đông Dương rất là nghiêm trọng và vì thế chính phủ đã biệt phái Moutet và Leclerc thi hành một sứ mạng kinh lý tình hình chiến sự ở đó.

Cao ủy Đông Dương d'Argenlieu đã lên đường từ ngày 20-12 để trở lại Sài Gòn vào ngày 23-12 để cấp tốc triệu tập và chủ tọa Hội Đồng Cố Vấn Đông Dương để bày tỏ thái độ phản kháng việc chính phủ Pháp ở Paris đã đơn phương đặc phái Moutet và Leclerc thi hành sứ mệnh ở Đông Dương trong khi d'Argenlieu chưa từ nhiệm chức vụ Cao Ủy Đông Dương.¹⁶ Điều này cho thấy rõ thêm bản chất thực dân hiếu chiến và ý muốn làm vua riêng một cõi của thầy tu d'Argenlieu. Moutet và Leclerc trước sau tới Sài Gòn vào ngày 26 và 28-12. Ngay sau khi xuống máy bay, Moutet đã đến hội kiến với thủ tướng Lê Văn Hoạch của xứ Cộng Hòa Nam Kỳ Tự Trị. Ngày 27-12, Moutet hội kiến với d'Argenlieu và trong cuộc hội kiến “câm và điếc” này đã xảy ra một cuộc tranh luận gay gắt khi d'Argenlieu trình bày tình hình Việt Nam cho Moutet và cho rằng những lời đề nghị của Hồ chí Minh gặp Moutet để hòa giải là giả dối, chiến sự xảy ra là do Việt Minh khởi xướng và nêu nước Pháp và chính phủ Pháp ở Paris muốn giải quyết vấn đề bằng đàm phán với CSVN thì sẽ không có kết quả. Trước đó, vào ngày 26-12-1946, đài phát sóng của VMCS đã loan đi tin tức chính phủ và cơ quan đầu của họ đã di tản an toàn về Hà Đông, cách Hà Nội chỉ có 10 km. Ngày 29, CSVN cho phát sóng thông điệp của HCM gửi đến thủ tướng Pháp Léon Blum đề tỏ ý hoan nghênh việc chính phủ Pháp ở Paris đã biệt phái Maurius Moutet sang Đông Dương đồng thời HCM cũng đề nghị rằng bộ đội Pháp hãy trở lui về nhưng vị trí cũ của họ đã trấn đóng từ ngày 17-12-1946 đồng thời thực hiện ngay một cuộc ngưng bắn. Tiếp đến, ngày 01-01-1947, CSVN lại cho phát sóng lời chúc mừng năm mới của HCM đến chính phủ và nhân dân của nước Pháp đồng thời tỏ ý sẵn sàng gặp mặt bộ trưởng Pháp quốc Hải Ngoại Moutet tại Hà Nội.¹⁶

Trong khi tướng Leclerc đi ngay ra Hà Nội thì Moutet lên đường đi kinh lý xứ Cao Miên và xứ Lào. Ngày 02-01-1947, Moutet đến Hà Nội. Trước khi lên máy bay đi Hà Nội, Moutet đã lập lại một lần nữa là chính phủ Pháp đặt hết sự mong ước vào một giải Pháp hòa sẽ được tái lập bởi vì người Pháp muốn có hòa bình ở Đông Dương và muốn tỏ

cho mọi người hiểu rằng giải pháp hoà giải dựa trên dựa trên tạm ước Modus Vivendi ngày 14-09-1946 phải chiếm ưu thế hơn là giải pháp bạo lực.

Ra sân bay đón tiếp Moutet có tướng Leclerc, cùng với tướng Molière và Valluy. Ngay sau đó tướng Leclerc đã lên máy bay đến Lạng Sơn để thanh sát chiến trường còn tướng Molière thì được d'Argenlieu gọi về Sài Gòn một cách khó hiểu. Marius Moutet chỉ ở Hà Nội có 2 ngày để có thể quan sát và nhận định tình hình. Ngay sau khi hội kiến với J. Sainteny vẫn còn mang thương tích, Moutet đã thoát chết từ một cuộc mưu sát của Việt Minh trong khi đang ngồi ăn cơm chiều tại khách sạn hành dinh của Pháp. Tiếp theo là một cuộc thị sát thực tế chiến trường đở nát Hà Nội để rồi đi đến một kết luận trái ngược hẳn với những gì mà đương sự đã tuyên bố trước khi lên máy bay từ Sài Gòn đi Hà Nội.

*



1



2



3



4



5



6



7



8



9



10

H1, H3: Moutet ngồi trong xe bọc sắt thị sát chiến trường Hà Nội.

H2, H4, H5, H6: xe cơ giới và xe bọc sắt của quân Pháp đang tấn công các ổ kháng cự của Việt Minh khắp các đường phố Hà Nội.

H7: quân binh Pháp tử thương được mang xác đi trên xe bọc thép.

H8, H11, H12: Các thanh niên Tự Vệ và cảm tử của Việt Minh trong trận chiến Hà Nội 1946. Hầu hết là những thanh niên còn nhỏ tuổi.

H9, H10, H13: Quan cảnh tàn phá đổ nát trên đường phố Hà Nội.



11



12



13



14



15



16



17



18



19



20

H14: Phủ chủ tịch HCM và cảnh dân chúng chạy giặc.

H15, H19: Một công sự chướng ngại vật do Tự Vệ dựng lên trên đường phố để cản đường giao thông và di chuyển của quân Pháp.

H16: Valluy, Leclerc và Molière chờ đón Moutet ở sân bay.

H17, H18: Moutet đến Hà Nội.

H20: nón sắt của quân Nhật để lại cho lính Tự Vệ Việt Minh tìm thấy trong giao thông hào ở Hà Nội.

Nguồn hình ảnh: <http://www.youtube.com/watch?v=zbN85PLInuU>

Sau khi trở lại Sài Gòn, ngày 06-01-1947 Moutet đã tuyên bố với nghiệp đoàn báo chí rằng cảm nhận của đương sự thật là ngao ngán thất vọng và không ai có thể tha thứ về những những hành vi xuẩn động mà CSVN đã sai phạm. Những sự cố xảy ra khác xa với sự mong ước và tin tưởng của đương sự bởi vì rõ ràng là CSVN đã có chủ mưu tấn công trước sau khi đã tính toán chuẩn bị một cách bí mật và có kế hoạch. Moutet cho biết lập

trường của đương sự bây giờ là người Pháp bắt buộc phải dùng vũ lực quân sự để tái lập an ninh trật tự trước khi cứu xét tới những vấn đề chính trị. Đối với những lời kêu gọi hòa bình của HCM trên các là sóng phát thanh mới đây thì Moutet cho rằng chỉ là những lời giả dối nhằm mục đích tuyên truyền. Moutet còn nói rằng những kẻ nắm quyền lực thực sự của đảng CSVN không muốn có một thỏa ước hòa giải Pháp-Việt.¹⁷

Trong khi Marius Moutet đang lượng định tình hình chính trị bế tắc Hà Nội thì tướng Leclerc cũng đang thanh sát tình hình quân sự ở Bắc Kỳ và ở Nam Kỳ. Kết cuộc thanh sát thì Leclerc cũng đi đến cùng một quan điểm với Moutet là cần phải dùng biện pháp quân sự để hỗ trợ cho một cuộc đàm phán hòa bình với CSVN và do đó Leclerc đề nghị chính phủ Pháp gửi thêm một sư đoàn lính viễn chinh Pháp sang Đông Dương, để chuẩn bị cho một chiến dịch quân sự quy mô ở Bắc Kỳ vào mùa Hè 1947-1948, nâng tổng số quân Pháp ở Đông Dương đến gần 120 ngàn người.¹⁸

2 - Tình hình chiến sự Pháp-Việt Minh ở Hà Nội và ở Bắc Kỳ

Những cuộc hành quân phản công giải tỏa các đồn bót và trại binh của quân đội Pháp đã được thi hành nhiều cách. Lạng Sơn được giải tỏa vào ngày 24-12-1946 để tái lập đường giao thông liên lạc giữa Tiên Yên và Vịnh Hạ Long. Một cánh quân Pháp xuất Phát từ Hà Nội đã tái chiếm tỉnh thành Bắc Ninh vào ngày 23-12-1946 và giải tỏa Phủ Lạng Thương vào ngày 27-12-1946. Các đơn vị tác chiến của đại tá Debès phát xuất từ Hải Phòng đi giải vây cho hai đại đội quân Pháp đang bị bộ đội CSVN bao vây trên tuyến đường giao thông Hải-Dương-Hà Nội. Vào cuối tháng 02-1947, quân Pháp đã nói rộng vòng vây kiểm soát khắp nơi và làm chủ hầu hết các tuyến đường giao thông ở vùng đồng bằng. Ngày 03-03-1947, quân Pháp hành quân truy kích vùng lãnh thổ Hà Đông cách Hà Nội 10km về phía Nam để tìm bắt toàn bộ đầu não của CSVN ở một hang động ở Long Châu nhưng không tìm thấy một ai còn ở đó. Cuộc tái chiếm Hà Nội của quân Pháp kể như đã hoàn tất.¹⁹

3 - Tình hình chiến sự ở Trung Kỳ và Nam Kỳ

3.1- Trung Kỳ

Trong khi quân binh Pháp ở Bắc Kỳ liên tiếp phản công và làm chủ tình hình khắp các mặt trận thì ở Trung Kỳ, quân Pháp cũng thực hiện cũng đang mở các cuộc phản công để giải tỏa hoàng thành Huế bị hàng ngàn bộ đội CSVN chiếm đóng từ 19-12-1946. Quân binh của Pháp ở Huế vào lúc này gồm có 800 lính viễn chinh, 500 kiều dân Pháp và 400 lính đánh thuê người Trung Kỳ đang bị bộ đội CSVN bao vây tại một doanh trại trên vùng đất tam giác ở phía Nam sông Hương. Bộ đội CSVN bắt đầu tấn công vào quân Pháp vào ngày 20-12-1946 nhưng với cường độ yếu và không liên tục nhưng kể từ ngày 21-12-1946 tức là ngay sau khi HCM phát thanh lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến thì cường độ tấn công vào ban đêm của bộ đội CSVN bắt đầu gia tăng và liên tục kéo dài gần hai tuần lễ và quân Pháp chỉ phòng thủ để chờ viện binh. Quân tăng viện Pháp của Pháp bắt đầu đổ bộ lên bờ sông Hương kể từ ngày 18 và 20-01-1947 nhưng bị bộ đội CSVN chống cự mạnh mẽ kéo dài gần hai tháng và Huế được quân Pháp tái chiếm. Quảng Trị bị quân Pháp tái chiếm vào ngày 16-02-1947. Ở Đà Nẵng, quân Pháp với sự

yểm trợ của trọng pháo từ các chiến hạm đã cầm cự cho đến khi được quân Pháp tăng viện từ Sài Gòn đưa ra mới giải tỏa được áp lực của bộ đội CSVN vào khoảng giữa tháng 01-1947.²⁰

3.2- Nam Kỳ

Quân Pháp tái chiếm Bắc Kỳ và Trung Kỳ thực hiện qua sự tăng viện binh đội từ chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ: 5 ngàn quân binh Pháp đã được từ Nam Kỳ ra Bắc Kỳ. Điều này khiến cho sức mạnh quân sự và việc bình định của binh đội Pháp trở thành chật vật khó khăn vào lúc tướng Nguyễn Bình khởi phát khắp nơi những cuộc tấn công của bộ đội du kích CSVN ngay sau khi lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của HCM được phát sóng vào ngày 21-12-1946. Qua những lần tạm ngưng bắn trước đây, tướng Nguyễn Bình đã có thể quy tụ và gây dựng lại bộ đội CSVN ở Nam Kỳ và chủ trương dùng chiến thuật chiến tranh du kích theo đúng chỉ thị của CSVN Hà Nội để làm tiêu hao lực lượng quân sự của Pháp ở Nam Kỳ. Cuộc chiến ở Nam Kỳ đã được Trung Ương ĐCSVN chỉ thị qua văn kiện *Gửi Xứ Ủy Nam Bộ ngày 16-12-1946* và *Thư của Trung ương Đảng gửi các đồng chí Nam Bộ tháng 12-1946*:

(i) **Thư Gửi Xứ Ủy Nam Bộ, ngày 16-12-1946**²¹

Theo tình hình bên Pháp và lòng tham của thực dân, chỉ có một cuộc chiến tranh toàn diện, lâu dài, gay gắt, khó khăn mới giải quyết được chủ quyền của Việt Nam. Chủ trương của Đảng đã nhất định gấp rút chuẩn bị. Tình hình rất căng. Phải cho đồng chí và dân chúng hay, nhận rõ trường kỳ kháng chiến. Việc giữ các đô thị lớn và thành phố không phải là vấn đề khẳng định và thế nào thắng lợi cũng về ta. Tất nhiên ta phải chịu trăm ngàn khổ sở nữa. Nhiệm vụ Nam Bộ là không để cho Pháp đem hết tài sản chiếm được ở Nam Bộ ra đánh Trung, Bắc. Việc hành binh phải tìm cách có ý thức uy hiếp Sài Gòn. Nhất là phá quân nhu, đạn dược ở Sài Gòn. Việc này phải làm cho kỳ được. Tổ chức phá hoại tàu bè chuyên chở. Mật thiết liên lạc với phái tả Pháp.

Trung ương đảng cộng sản Đông Dương

(ii) **Thư của Trung ương Đảng gửi các đồng chí Nam Bộ tháng 12-1946 (Trích)**²²

.....

4. Công tác bây giờ ở Nam Bộ: Nam Bộ là căn cứ của Pháp thực dân để lấy nhân, vật, tài lực để chiến tranh với cả toàn quốc của ta và Đông Dương, vì nước Pháp đã và đang nguy khốn tài chính, chúng lại càng dùng chính sách "dĩ chiến tác chiến" của Nhật. Những ý định lấy Sài Gòn làm trung tâm chính trị đã biểu lộ, tất nhiên chúng ta phải có chính sách không những làm cho chúng không có thể lấy Nam Bộ dùng đánh Trung, Bắc mà lại làm Nam Bộ cản trở thêm khó khăn nguy hại cho chúng. Cho nên công tác phá hoại, bất hợp tác về mọi phương diện là công tác chánh và chánh sách này muốn thực hành đầy đủ phải làm cho toàn dân có ý thức giác ngộ, hiểu rõ mọi người đều có thể làm và phải làm để cứu nước. Nó lại là một việc của toàn dân chớ không phải riêng cho nhóm nào, chủ trương không phát động phong trào ấy trong quảng đại quần chúng sợ bị lộ là một chủ trương không đúng. Phải tranh đấu kịch liệt chống chủ trương này đã biểu lộ trong vài đồng chí hay nói như vậy. Không quên có những đội cảm tử xung phong, phải hợp tác công tác xung phong cảm tử với quảng đại quần chúng bằng phương pháp lẫn công đình công, đòi quyền lợi kinh tế trong các công xưởng, các sở với những hình thức tranh đấu chính trị chung, tẩy chay chính phủ bù nhìn, đòi các quyền tự do dân chủ, chống khủng bố, trong lúc này cũng vẫn rất quan trọng nghĩa là phải kết hợp những cuộc tranh đấu không bạo lực với các cuộc chiến đấu bằng lực lượng vũ khí.

Những cuộc tác chiến đánh úp trong những điều kiện có thể dùng võ lực bảo vệ tài sản, sinh mạng dân chúng đi đôi với các cuộc giết bọn Việt gian, bọn lợi hại của chúng.

Một điều đáng chú ý là luôn luôn bảo vệ và xây đắp chính quyền chúng ta khắp thôn quê, thành thị, phải có những cơ quan hành chính bí mật hay công khai, bao giờ cũng tiêu biểu chính quyền của ta vẫn có ở Nam Bộ.

.....
Trong sự đoàn kết của toàn dân kêu gọi các nhà đại trí thức, điền chủ phải làm ráo riết, nhưng quan trọng nhất là về tôn giáo, công giáo, Cao đài, Hoà hảo cố tìm hết cách để đoàn kết. ở Trung, Bắc đã thực hiện tôn giáo đoàn kết, ở Nam cũng có thể làm...

.....
Một công tác khác cũng rất quan trọng là công tác địch vận...

Ta phải làm cho địch rối loạn, đánh vào cân não địch đồng thời không quên coi chừng bọn mácxít giả hiệu, bọn mật thám khiêu khích. Về Đảng phải chú ý nhất là bọn đệ tứ, bọn Việt Quốc, bọn Đại Việt, đứng đầu bọn này sẽ kéo Cao đài, Hoà hảo, công giáo để thành lập chính phủ trung ương ở Sài Gòn do phản động Pháp và quốc tế giúp sức. Phải vạch mặt chúng, cố thắt chặt hàng ngũ với Dân chủ Đảng và các đảng phái. Muốn thực hành những nhiệm vụ này, Đảng ta cần phải mạnh và thống nhất. Không có một Đảng thống nhất và mạnh mẽ không thể đương đầu với tình thế hiện tại được. Thống nhất... cùng có Đảng, phát triển Đảng thành một đảng quần chúng đủ oai quyền đầy đủ năng lực lãnh đạo là điều kiện cốt yếu để kháng chiến kiến quốc - các đồng chí nỗ lực chiến đấu để làm tròn nhiệm vụ người cộng sản.

Chào quyết thắng

T.U

*

Chỉ trong vòng 2 tháng, từ đầu tháng 01-1947 đến cuối tháng 02-1947, những cuộc hành quân phản công tái chiếm liên tục của Pháp đã thực hiện theo một nhịp điệu khẩn cấp và chủ động trên khắp vùng lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên vì không đủ quân binh để có thể phân bổ trải dài trên một lãnh thổ đầy chông gai và phức tạp của Việt Nam cho nên quân binh Pháp không thể nào tận dụng hết khả năng chiến đấu của họ để chiếm giữ và làm chủ hoàn toàn lãnh thổ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ trong khi tình hình chiến sự ở Nam Kỳ thì vẫn còn mơ hồ và bấp bênh. Quân đội viễn chinh hiện đại của thực dân Pháp vượt trội xa bộ đội của CSVN trên khắp các mặt trận nhưng vấn đề giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương nói chung và ở Việt Nam nói riêng không phải chỉ là tùy thuộc vào sức mạnh quân sự nhưng chủ yếu chính là yếu tố chính nghĩa của hai bên Pháp-Việt hay nói khác đi chính là tiến trình thu phục nhân tâm quần chúng và nhanh chóng tìm một giải pháp chính trị thỏa đáng cho Đông Dương và Việt Nam. Chính bộ trưởng Pháp quốc Hải Ngoại Marius Moutet trước khi lên đường từ Sài Gòn trở về Paris đã tuyên bố vào ngày 07-01-1947 rằng '*Nước Pháp không muốn nuốt lời của mình, nhưng nước Pháp muốn điều đình một cách an toàn với những đại diện chân chính của nhân dân Việt Nam, quyết tâm thi hành hết sức trung thực những hiệp định đã tự nguyện thỏa thuận với nhau. Tôi chưa bao giờ cho rằng một quyết định quân sự có thể thay thế cho những giải pháp chính trị. Tôi muốn hy vọng rằng thời điểm của những giải pháp chính trị sẽ đến trong một ngày không xa*'.²³

Rõ ràng Moutet không tin tưởng CSVN là đại diện chân chính của nhân dân Việt Nam để tiếp tục đối thoại hòa giải với thực dân Pháp ở Đông Dương mặc dù đương sự

chưa có một dịp nào để tiếp xúc trực diện với HCM hoặc những đảng viên cao cấp khác của đảng CSVN. Cao ủy Đông Dương d'Argenlieu đã vui mừng hơn hờ mà tuyên bố rằng:

‘Nhờ ơn Chúa, Moutet đã không có một cuộc tiếp xúc cá nhân nào với nhóm ông Hồ Chí Minh. Đó là một điểm thắng lợi đầu tiên.

*‘Ngày mai Chính phủ Pháp cần tuyên bố đã quyết định chấm dứt mọi quan hệ với nhóm đó và lấy lại hoàn toàn quyền tự do của mình. **Cần phải nói thêm rằng chủ trương chính sách rộng rãi tự do cơ bản luôn luôn là một, không có gì thay đổi, nhưng sẽ được tiếp tục với những nhân vật khác thực sự tiêu biểu cho nhân dân Việt Nam.** Đây sẽ là điểm thứ hai.*

‘Quân lực của chúng ta sẽ tiếp tục tái lập trật tự công cộng trên mọi điểm máu chóat nơi vùng châu thổ Bắc Kỳ và giải đất Trung Kỳ. Họ phải truy kích Chính phủ lưu vong và loại trừ nó đi.

‘Đối với những ai vượt qua những tình huống của một ngày đau thương thì cuộc bỏ chạy nhục nhã của chính phủ Hồ Chí Minh mang đến cho nước Pháp một sự thuận lợi to tát trong tiến trình tiếp tục hành động và hoàn thành một cách xứng đáng sứ mệnh của nó ở Đông Dương.’²⁴

Theo nhận định của tướng Leclerc thì chủ trương chống CSVN chỉ là một khúc đòn bẩy không có điểm tựa vì người Pháp chưa có được hậu thuẫn của nhân dân và không thể dùng xác chết để lập đầy hố cách biệt giữa Việt Nam và nước Pháp. Khi về đến Paris vào ngày 12-01-1946, Leclerc đã phúc trình ngay với thủ tướng Pháp Léon Blum trong đó có đoạn viết:

‘...với những phương tiện đang có hiện nay..., Cấp lãnh đạo (Pháp) không thể nào thực hiện một trận đánh quyết định, triển vọng duy nhất của cấp lãnh đạo này là hoạt động để lần lần làm tiêu hao chính phủ Hồ Chí Minh hiện nay, và cần phải được kết hợp chặt chẽ với hoạt động chính trị...

‘Tiến hành một hoạt động rộng rãi và rất tích cực trên những địa bàn đã chọn, nếu không chúng ta sẽ ngày càng trở thành những tù nhân trong những thành phố và căn cứ mà chúng ta chiếm đóng. Tuy nhiên, ngay từ bây giờ, vấn đề cơ bản vẫn là vấn đề chính trị. Đây là vấn đề điều đình với một chủ nghĩa quốc gia bài ngoại đang trở dậy, là khai thông nhằm bảo vệ lấy, ít nhất là một phần nào, những quyền lợi chính đáng của nước Pháp.’²⁵

Moutet đại diện cho chính phủ Pháp ở Paris tuyên bố **nước ‘Pháp muốn điều đình một cách an toàn với những đại diện chân chính của nhân dân Việt**’ kể đến cao ủy d'Argenlieu tuyên bố **‘chủ trương chính sách rộng rãi tự do cơ bản luôn luôn là một, không có gì thay đổi, nhưng sẽ được tiếp tục với những nhân vật khác thực sự tiêu biểu cho nhân dân Việt Nam**’.

Như vậy rõ ràng là chủ nghĩa thực dân mới của nước Pháp đang thực hiện ý đồ đi tìm sự hợp tác với những thành phần đảng phái chính trị Việt Nam Không Cộng Sản thường được mang danh xưng là những thành phần Quốc Gia. Câu hỏi đặt ra là:

- Những thành phần đảng phái Quốc Gia chân chính ở Việt Nam vào thời điểm này là những những đoàn thể, tổ chức hay đảng phái nào hay nhân vật nào thực sự tiêu biểu và đại diện chân chính cho nhân dân Việt Nam mà không cần phải theo hay tuân phục bất cứ một thế lực ngoại bang nào? Giáo Hội Công giáo Việt Nam thì tùy thuộc với Vatican ở Roma và nên nhớ d'Argenlieu là một giáo sĩ của Vatican và cũng không được quên là các giáo sĩ thừa sai của đế quốc Pháp đã đóng vai trò đội quân thám báo trong tiến trình xâm lược nước Đại Nam vào thế kỷ thứ XIX ngày trước. Đối với các giáo phái khác hay các đảng phái không cộng sản ở bên trong nước Việt Nam từ lâu đã được nuôi dưỡng bằng một tinh thần quốc gia cực đoan và tư tưởng bài ngoại cuồng tín thì nhất định phải có cho bằng được một nền độc lập toàn vẹn cho Việt Nam. Tuy nhiên, vì quá yếu kém và nghèo thiếu cho nên, để thực hiện được một nền độc lập toàn vẹn như thế, họ sẽ phải tùy cơ nương tựa vào một thế lực ngoại bang chẳng hạn như Trung Hoa, Nhật Bản, Hoa Kỳ về chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự. Nhất thời họ có thể tuân phục và hợp tác với người Pháp để loại trừ CSVM bởi vì CSVM cũng đang tiến hành chính sách tiêu diệt họ hay nói khác đi sự hợp tác của họ với Pháp đều là một một mối lợi ngay tức khắc để giành quyền làm chủ nước Việt Nam khốn khổ. Tuy nhiên, đối với những người Pháp thực dân mới, những cá nhân thuộc thành phần Quốc Gia không Cộng Sản này hầu hết chỉ là những kẻ hám quyền, hám danh, hám lợi, hám trả thù cho nên họ sẽ sẵn sàng chịu ép mình tuân phục hợp tác và làm bù nhìn tay sai cho người Pháp đi ngược lại quyền lợi của quốc gia, tự do dân tộc và nền độc lập của nước một nước Việt Nam toàn vẹn. Đối với họ, người Pháp rất dễ đối phó: chỉ cần người Pháp ban phát ân huệ và vài thứ đặc quyền, đặc lợi cho họ. Như thế, hiện tại chỉ còn có CSVM là đối tượng duy nhất mà người Pháp cần phải bận tâm đối phó và tiêu diệt.

Đối với tập đoàn thực dân mới của nước Pháp ở Đông Dương do cao ủy d'Argenlieu cầm đầu thì việc cắt đứt thương thảo với CSVM nhất định phải là đạo khúc cần thiết cho việc tiêu diệt CSVM và Moutet đại diện cho chính phủ Pháp ở Paris cũng đã chủ trương như vậy sau cuộc kinh lý và thị sát Việt Nam của mình mặc dù không tuyên bố một cách tách bạch. CSVM đã bắt đầu thấy được chủ trương cắt đứt thương thảo và dùng bạo lực của người Pháp cho nên vào ngày 08-01-1947 họ đã cho phát thanh lời cảnh cáo và quy trách nhiệm cho Moutet phá hỏng việc phục hồi tiến trình thương thảo Việt Pháp và kế đến là cho phát thanh lời tuyên bố ngày 11-01-1947 của chính quyền CSVM 'quy định toàn thể lực lượng vật chất và tinh thần của đất nước để gia tăng cường độ đấu tranh cho nền độc lập.'²⁶

Như đã được đề cập, tướng Leclerc tuyên bố '***Đây là vấn đề điều đình với một chủ nghĩa quốc gia bài ngoại.***' Bài ngoại theo Leclerc là đồng nghĩa với việc chống trả các thế lực xâm lược và chủ nghĩa thực dân thuộc địa bóc lột của ngoại bang nhưng cần nên thương lượng với họ kể cả những thành phần quốc gia cực đoan trong chính quyền của CSVM hiện tại để các quyền lợi của nước Pháp được bảo vệ và tồn tại. Thủ tướng Léon Blum đã nghiên cứu theo chủ trương của tướng Leclerc cho nên đã đề nghị Leclerc thay thế d'Argenlieu trong chức vụ Cao Ủy Toàn Quyền Đông Dương.

Sau khi hội ý với tướng De Gaulle, Leclerc không những từ chối đề nghị của thủ tướng Pháp vì de Gaulle chủ trương không thay thế d'Argenlieu mà còn đề nghị thêm – cũng có thể là theo lệnh của de Gaulle - với thủ tướng mới của chính phủ Pháp Paul Ramadier phải cách chức tướng Molière bởi vì Molière đã bị nhiều dư luận điều hâu thuộc nhóm thực dân mới của Pháp phê phán là đã quá mềm yếu trong quá khứ để chủ hòa với Việt Minh và làm hỏng kế hoạch của tướng Valluy trong cuộc binh biến của quân đội Pháp nhằm lật đổ chính quyền CSVN ở Hà Nội.²⁷ Tuy nhiên, có thể nói rằng nếu không phải là vì ảnh hưởng của tướng de Gaulle khiến cho tướng Leclerc khước từ chức vụ Cao Ủy thay thế d'Argenlieu theo lời mời của Paul Ramadier tân chủ tịch Hội Đồng chính phủ Lâm Thời của nước Pháp thì với những điều kiện về tăng cường và duy trì số lượng quá lớn đoàn quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương của Leclerc đưa ra thì Ramadier cũng không thể nào thực hiện được: *'Si je les tiens pour raisonnables, lui écrit-il le 12 février, elles exigent cependant, dans la domaine militaire, un effort que la France ne pourra peut-être pas consentir.'* (Ngày 12-02, Ông ta viết thư cho tướng Leclerc rằng, cho dù bản chức cho rằng những đề nghị đó là hữu lý về mặt quân sự nhưng chúng đòi hỏi một sự cố gắng mà nước Pháp sẽ không thể nào gánh vác nổi . . .) Và chính vì lý do này mà tướng Leclerc đã từ chối chức vụ Cao Ủy Toàn Quyền Đông Dương do tân thủ tướng Pháp Ramadier mời gọi để thay thế d'Argenlieu.²⁸

4 - Giải pháp Bảo Đại của Cao Ủy Đông Dương d'Argenlieu và sứ mạng của Émile Bollaert

4.1 - Giải Pháp Bảo Đại của d'Argenlieu

Trong khi tân chính phủ Pháp ở Paris đang tìm người mới giữ chức vụ Cao Ủy sau khi Leclerc đã từ chối chức vụ này thì ở Sài Gòn, Cao ủy tại nhiệm D'Argenlieu lại đề xướng một kế sách chính trị mới nhằm cảm giỗ và thu hút những thành phần chính trị Quốc Gia Việt Nam không Cộng Sản để đối đầu với CSVN và duy trì ảnh hưởng của người Pháp ở Việt Nam. Đây là sản phẩm của Léon Pignon, ủy viên Liên bang Đông Dương phụ trách Các vấn đề chính trị, một cố vấn chính trị nhiệt thành và trung tín của d'Argenlieu. Kế sách chính trị mới này đã được Pignon trình bày qua một văn kiện quan trọng có thể giúp cho người ta có thể hiểu tại sao lại xảy ra cuộc chiến tranh lần thứ I ở Đông Dương giữa Pháp và CSVN. Văn kiện mật này là **Thông Tư Định Hướng số 9 ngày 04-01-1947**, dài 7 trang giấy mà những điểm chính yếu có thể trích dẫn một cách tóm lược như sau:

- Một điều chắc chắn là người Pháp không thể nào tiếp tục điều đình trở lại với Chính phủ Hồ Chí Minh bởi vì chính phủ đó luôn luôn theo đuổi một mục tiêu duy nhất là đòi hỏi cho bằng được một nền độc lập vĩnh viễn và hoàn toàn cho cả nước Việt Nam bằng cách vận dụng mọi biện pháp ngăn cản không để cho Pháp trở lại với bất cứ giá nào bởi vì theo quan điểm của họ thì nước Pháp, do những quyền của nó, do những vị trí mà nó vẫn duy trì, là mối nguy hiểm chính cho nền độc lập của Việt Nam. Vậy thì dứt khoát phải loại trừ nó ra.

- Điều đình với họ giờ đây có nghĩa là đầu hàng, là tiêu tan mọi ảnh hưởng của Pháp một cách nhanh chóng, không những trong nước Việt Nam mà trong cả Đông Dương và

cả vùng Viễn Đông nữa. Uy tín của nước Pháp sẽ không tồn tại nổi sau sự thoái lui này, và người Pháp sẽ thấy sự tan rã của Đế quốc Pháp.

- Nếu không thể điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh được nữa, thì buộc lòng người Pháp phải đánh, ít nhất là trong một chừng mực cần thiết để bảo đảm an ninh các vị trí và sự đi lại của người Pháp.

- Người Pháp không nên biến trách nhiệm gây chiến của Đảng CSVN thành trách nhiệm chung của một quốc gia để rồi đào sâu hố hận thù với các tầng lớp dân chúng Việt Nam chắt phát qua những cuộc hành quân nhằm đốt phá làng mạc, giết hại thường dân vô tội tại ở các vùng nông thôn.

- Để thoát khỏi những khó khăn mà họ vất vả lắm mới có thể vượt qua, Hồ Chí Minh và CSVN phải dùng giải pháp gây chiến tranh sắt máu ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và vì thế họ đã tạo ra sự bất bình trong dân chúng nhưng không thể vì thế mà người Pháp có thể khẳng định rằng sự bất bình bao trùm hoàn toàn ở 2 nơi đó. Hồ Chí Minh được nhân dân Nam Kỳ yêu mến. Cho dù quần chúng có bắt đầu bộc lộ bất mãn đối với các cấp lãnh đạo trong đảng CSVN thì người Pháp cũng không được phép suy định là họ đã hoàn toàn ly khai với đảng CSVN.

- Người Pháp cần phải quan tâm tới tư tưởng quốc gia sâu sắc trong mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam và cần phải làm cho họ tin tưởng rằng tư tưởng quốc gia của họ không hề bị đe dọa vì người Pháp.

- Mục tiêu của người Pháp bây giờ phải là **Việt Nam hóa chiến tranh bằng cách chuyển cuộc xung đột của người Pháp với Việt Minh thành cuộc xung đột nội bộ của người Việt Nam**, trao những trọng trách thi hành những chiến dịch bình định và những cuộc hành quân càn quét bình định cho những người Việt Nam bản xứ thù địch với CSVN.²⁹

Như vậy, rõ ràng là sự định hướng của Pignon đã chú trọng vào một đối tượng quốc gia Việt Nam được tổ chức theo trật tự truyền thống lâu đời chứ không phải là một quốc gia theo tổ chức dân chủ trá ngụy, theo kiểu cách mạng Cộng Sản ngoại nhập của Việt Minh. Câu hỏi đặt ra là ai hoặc tổ chức hay phe phái nào được nhóm thực dân mới của Pháp Pignon-D'argenlieu xem như là tiêu biểu trên thượng tầng kiến trúc của xã hội truyền thống Việt Nam lâu đời? Nhất định không phải là những thành phần quốc gia không Cộng sản ôn hòa bất lực hoặc đón gió, không phải là thành phần chủ trương Pháp-Việt đề huề. Cũng không phải là những đảng phái không Cộng Sản của những người Việt Nam lưu vong ở ngoại quốc từ thời Đông Kinh Nghĩa Thục hay những hiệp hội, đoàn thể, các giáo phái chống Việt Minh ở Việt Nam. Xã hội truyền thống Việt Nam là xã hội theo thể chế quân chủ lâu đời đứng đầu bởi *con trời* thể thiên hành đạo cai trị muôn dân Việt Nam. Con trời cuối cùng của nước Việt Nam hiện nay vẫn còn đó và chính là cựu hoàng đế Bảo Đại đang sống lưu vong ở Hong Kong và người Pháp nếu muốn 'kinh doanh' ở Việt Nam thì phải hướng mắt về phía nhân vật *con trời* này.

Cao ủy Đông Dương tại nhiệm d'Argenlieu đã nghe theo những lời của quân sự cố vấn chính trị Louis Pignon đề thảo phát ra hai văn kiện lịch sử khác thường rất đáng được chú ý đối với những thế hệ người Việt Nam hậu thế. Văn kiện thứ nhất là Thông Điệp số 215/CP đề ngày 15-01-1947. Trong Thông điệp này d'Argenlieu tố cáo CSVN là một tổ chức lừa đảo, my dân, lật lọng và ‘ *Cái gọi là Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ là một bộ máy khủng bố mà cái tên thật của nó là “Đảng Việt Minh . . . Đã đến lúc cần phải làm tiêu tan cái tình hình lập lờ hai mặt đó”*.³⁰ Văn kiện lịch sử thứ hai của d'Argenlieu là một Giác Thư đề ngày 14-01-1947 gửi cho chủ tịch Hội Đồng nội các chính phủ Pháp Léon Blum và vài nhân vật chính trị khác của nước Pháp. Trong phần cuối của văn kiện này, d'Argenlieu đã đề nghị chính phủ Pháp ở Paris hãy thương lượng với cựu hoàng đế Bảo Đại đang sống lưu vong ở nước ngoài. D'Argenlieu viết:³¹

- ‘ . . . Thế chế chính trị có thể được chấp nhận là hợp pháp phải chăng là chế độ quân chủ truyền thống trước ngày Nhật đầu hàng?

- ‘ . . . Nhà vua, là điểm tựa của tất cả nếp sống xã hội và tôn giáo trước đây, chỉ mới rời bỏ ngôi vị 18 tháng.

- ‘ . . . Ngay cả VM, sau khi hạ bệ nhà Vua và qua nhiều lần thay đổi liên tiếp thành phần nhân sự điều hành của họ, đã tiếp tục không dứt giao nhiệm chức chương quan trọng Cố Vấn Tối Cao cho cựu hoàng đế Bảo Đại.

- ‘ . . . Vì thế, sự trở lại của nhà Vua nhất định sẽ có tác dụng làm yên lòng những kẻ đứng về phe chống đối Việt Minh nhưng lại sợ bị kết án là những kẻ phản bội.

Cùng trong ngày 14-01-1947, d'Argenlieu đã báo cáo với tướng de Gaulle về những nét chính của bản Giác Thư kèm thêm lời cảnh cáo rằng nếu chính phủ Léon Blum không đáp ứng những đề nghị nêu ra trong Giác thư thì quân đội viễn chinh Pháp, vì sự hy sinh thống khổ của những chiến sĩ Pháp vĩ đại đã bị tử vong một cách tủ nhục ở Hải Phòng và Hà Nội, nhất định sẽ không tiếp tục hợp tác để bị áp đặt phải gánh chịu một sự hy sinh giống như thế.³²

Theo Hồi Ký Le Dragon d'Annam thì trong vòng tháng 01-01-1947, một tùy viên lãnh sự Pháp tên là Cousseau tiếp xúc và thăm dò thái độ và phản ứng của cựu hoàng Bảo Đại ở Hong Kong đối với những chủ trương của mà d'Argenlieu đã đưa ra trong Giác Thư 14-01-1947 nhưng ông cựu hoàng này đã tỏ ra lạnh nhạt xa cách.³³

Ngày 21-01-1947, tân thủ tướng Pháp Paul Ramadier thành lập nội các mới và Moutet lại được tiếp tục chức vụ bộ trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại. Ngày 23-01-1947 Moutet thông báo cho D'Argenlieu biết là không đồng ý bản Giác Thư ngày 14-01-1947 và đã chuyển tiếp lên tân chính phủ Pháp để chờ tân thủ tướng Paul Ramadier cứu xét và quyết định. D'Argenlieu phản ứng bằng cách tự ý ký một Dụ Lệnh (Ordonnance Fédérale) Liên Bang (Ordonnance Fédérale) đề ngày 01-02-1947 nới rộng quyền hạn của thủ tướng Lê Văn Hoạch ở Sài Gòn và công nhận Cộng Hòa Tự Trị Nam Kỳ như là một Tiểu Bang Tự Do nằm trong Liên Bang Đông Dương và trong Khối Liên Hiệp Pháp. Hành động này của

D'Argenlieu gây chỉ trích, bình luận xôn xao trong dư luận báo chí ở Paris và khiến cho bộ trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại cảm thấy tức giận khó chịu.

Ngày 05-02-1947, đích thân tân thủ tướng Pháp Ramadier gửi Công Điện phúc đáp cho d'Argenlieu về những giải pháp chính trị mà d'Argenlieu đã kê khai ra trong Giác Thư 14-01. Ramadier nhấn mạnh rằng việc tái lập quyền lực cai trị cho cựu hoàng Bảo Đại hay cho bất cứ nhân vật cũ nào trong hoàng tộc của ông hoàng này sẽ làm cho người Pháp tách rời quá xa cái mục đích và cách giải quyết một cuộc chiến tranh mà người Pháp không thể kéo dài quá mức độ cần thiết. Những hình ảnh về triều đình Huế và nhất là về những ám ảnh về cựu hoàng Bảo Đại gắn liền với chế độ trực trị của những quan chức cai trị người Pháp không được lòng người dân Việt Nam thì đối với bất cứ người Pháp nào biết tôn trọng thực tế đều coi như không còn hợp thời nữa. Phục hồi chế độ quân chủ cho Việt Nam không những sẽ khiến cho các phần tử cực đoan của CSVN có lý do để kéo dài cuộc chiến tranh hiện tại mà còn sẽ làm cho các phần tử quốc gia không CS thất vọng, bất mãn không hợp tác với người Pháp. Hậu quả là người Pháp sẽ phải tiếp tục một cuộc chiến tranh đầy tai họa với với mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam chứ không phải chỉ có đối phó với CSVN mà thôi. D'Argenlieu khuyến cáo là sẽ đệ đơn từ chức nêu chính phủ Pháp ở Paris không đáp ứng những sáng kiến chính trị của mình. Ngày 06-02-1947, thủ tướng Ramadier, bộ trưởng Moutet và Tổng Thống Vincent Đệ Tứ Cộng Hòa Pháp Quốc Vincent Auriol đã hội họp với nhau ở điện Élysée và tổng Pháp đã tuyên bố với hai người này rằng Giác Thư của D'Argenlieu chỉ là một sự sắp đặt để trì hoãn thời gian lại kèm theo những lời lẽ hăm dọa gây áp lực với tân chính phủ Pháp chứ không phải là một đơn xin từ chức mặc dù cựu thủ tướng Léon Blum và tân thủ tướng Ramadier trước sau đã bác bỏ những sáng kiến chính trị của đương sự. Vậy thì tân chính phủ Pháp phải viết một văn thư chính thức yêu cầu D'Argenlieu nộp đơn xin từ chức Cao Ủy Đông Dương.³⁴ Ramadier và Moutet chưa kịp làm theo chỉ thị của Tổng Thống Auriol thì ngày 12-02-1947 d'Argenlieu lại đề nghị tân chính phủ ở Paris ra lệnh quân đội Pháp ở Bắc Kỳ hành quân truy bắt toàn bộ đầu não của chính phủ Hồ Chí Minh ở một vùng căn cứ an toàn của CSVN nhưng đề nghị này cũng bị Moutet phản ứng mạnh mẽ không chấp thuận vì cho rằng chính phủ ở Paris không thể hành động giống như những bọn lưu manh đầu trộm đuôi cướp. Ramadier quyết định thay thế D'Argenlieu và tiến cử tướng Leclerc nhưng tướng Leclerc đã từ chối như đã được trình bày ở phần trước đây. Ngày 17-02-1947 Ramadier lại gọi mời tướng Juin nhưng tướng này cũng từ chối không nhận. Cuối cùng Chính phủ Pháp ở Paris phải mời một nhân vật dân sự là Émile Bollaert nguyên trước đây là cố vấn Hội Đồng Kháng Chiến của nước Pháp và là đảng viên đảng Cộng Hòa cấp tiến thay thế D'Argenlieu.

Ngày 24-02-1947 d'Argenlieu tới Paris và nhận được ngay một thư riêng của tướng Charles de Gaulle khuyến cáo đương sự không được tự mình làm đơn xin từ chức Cao ủy Đông Dương và cứ để mặc cho chính phủ của Ramadier gánh chịu trách nhiệm trong việc cách chức và hạ bệ d'Argenlieu bằng cách khẳng khẳng một mực giữ vững lập trường của đương sự đã đề ra trong giác thư ngày 14-01-1947. Ngày 03-04-1947, trước mặt Ramadier, D'Argenlieu lại cả quyết tuyên bố giữ vững lập trường khiến cho Ramadier không còn do dự gì để tuyên bố thẳng là nếu như vậy thì d'Argenlieu không thể nào quay

trở lại Đông Dương được nữa và d'Argenlieu đáp lại ngay rằng lời tuyên bố của Ramadier hiển nhiên được xem như là một lệnh bãi nhiệm chức vụ Cao Ủy Đông Dương của đương sự.³⁵

4.2 - Sứ mạng của Tân Cao Ủy Đông Dương Émile Bollaert

Ngày 18-03-1947, tân thủ tướng Paul Ramadier sau khi nhậm chức đã ra tường trình trước quốc hội Pháp rằng đương sự quan tâm đến nền độc lập và thống nhất của nước Việt Nam – “độc lập trong khối Liên Hiệp Pháp” và trong “một khối 3 xứ *An Nam*” đúng theo như ước vọng của người *An Nam*. Tuy nhiên, Ramadier lại tuyên bố thêm một cách lập lũng mơ hồ rằng người Pháp sẽ để thành hình trên nước *An Nam* 3 xứ Cộng Hòa mới mẻ, với những quyền tự do mới mẻ.³⁶

Ramadier đã cố tình tránh né không dùng hai chữ Việt Nam như cựu Cao Ủy Đông Dương Thierry d'Argenlieu đã khởi xướng “*không có hai chữ Việt Nam*” và tiếp tục khơi lại hai chữ *An Nam*, một danh xưng mà trong thời cổ sử đế quốc Trung Hoa đã dùng để chỉ nước Việt Nam: Cho đến cuối đời Hậu Lê, nước *An Nam* theo đế quốc Trung Hoa chỉ có **Trung Kỳ và Bắc Kỳ hiện nay**. Đến đầu triều đại của hoàng đế Gia Long Nguyễn Phúc, đáng lý ra người Trung Hoa phải đổi gọi nước *An Nam* thành nước *Nam Việt* theo đòi hỏi của hoàng đế Gia Long Nguyễn Phúc Ánh nhưng họ lại phải xuống nước yêu cầu Hoàng đế Gia Long chấp nhận danh xưng *Việt Nam* vì e **sợ nhầm lẫn với nước Nam Việt của Triệu Đà ngày xưa bao gồm các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Hoa và Giao Chỉ (Bắc Kỳ) bởi vì họ đánh hơi và suy diễn rằng đây là một sự nhầm lẫn cố tình - một sự nhầm lẫn ngoạn mục - để sau này hoàng đế Gia Long sẽ có thể lạm dụng danh xưng Nam Việt mà đòi thêm các phần đất còn lại của *Nam Việt vương Triệu Đà* trên đất Trung Hoa**. Như vậy nguồn gốc và lý do tại sao có quốc hiệu *Việt Nam* là do hoàng đế Gia Long, khởi xướng và thụ đắc sau khi đã thống nhất hoàn toàn lãnh thổ **Việt Nam bao gồm cả 3 kỳ Nam, Trung, Bắc hiện nay**. Như vậy, Ramadier khi dùng danh xưng nước *An Nam* hay người *An Nam* (Annamite) thì đã có ý ám muội loại bỏ Nam Kỳ ra khỏi nước Việt Nam bởi vì, như vừa mới nói ở trên, nước *An Nam* theo cổ sử từ cuối đời nhà Hậu Lê và đầu đời họ nhà Nguyễn Phúc chỉ có Bắc Kỳ và Trung Kỳ; còn Nam Kỳ là của người Pháp kể từ thời hoàng đế Tự Đức. Hậu ý mờ ám của Ramadier còn biểu hiện cho thấy thêm là khi dùng hai chữ *nước An Nam* và *người An Nam* đương sự cũng đang hướng mắt về một ‘chủ nhân’ của một vương quốc *An Nam* cũ - vương quốc của nhà Nguyễn Phúc- như là một đối nhân thương thảo trong tương lai với người Pháp. mặc dù Ramadier không muốn nói rõ đối nhân này là ai nhưng nhất định không ai khác hơn là cựu hoàng Bảo Đại đang lưu vong ở Hong Kong và đây chính là sáng kiến chính trị của cựu Cao ủy Đông Dương d'Argenlieu, một sáng kiến mà Ramadier đã cực lực lớn tiếng chống đối.

Rõ ràng là Ramadier “tình trong như đã, mặt ngoài còn e”, dùng thủ đoạn chính trị bất chính “của người phúc ta” để cướp công d'Argenlieu. Chỉ có khác nhau ở chỗ: d'Argenlieu chủ trương không thương thảo với CSVN và dùng giải Pháp Bảo Đại còn Ramadier chủ trương dùng giải pháp Bảo Đại đồng thời nối lại cuộc thương thảo với VMCS. Người Pháp thực dân nào rồi thì cũng thế thôi. Bất cứ họ là Cộng Hòa, là Xã Hội,

hay là Cộng Sản, tất cả đều là kẻ thực dân thuộc địa vào thời buổi đó, cho nên họ nhất định không buông tha vùng đất Việt Nam chưa được khai thác về kinh tế đúng nghĩa và biến dân tình ở nơi này thành những kẻ làm nô lệ suốt đời cho mẫu quốc và người Pháp. Bản tường trình mập mờ kiểu bỏ thì vương vấn, mang thì gánh lấy tội vạ, đây ả ý của Ramadier trước Quốc Hội Pháp ngày 18-03-1947 đã gây tiếng vang xôn xao không ít ở Việt Nam.

Việc chính phủ Pháp triệu hồi d'Argenlieu và cử Bollaert thay thế chức Cao ủy Đông Dương khiến cho Hồ Chí Minh ảo tưởng rằng chính phủ mới của nước Pháp sắp sửa nổi lại sự thương thảo nghiêm chỉnh và thành thật với chính phủ Cộng Hòa Dân Chủ ở Bắc Kỳ cho nên đã phó mặc để cho Hoàng Minh Giám (HMG) giữ nhiệm vụ bộ trưởng ngoại giao mới của CHDCVN kể từ 18-03-1947 để đối phó với chính sách ngoại giao mới của chính phủ Pháp. Theo Hồi ký của Hoàng Minh Giám thì sau khi toàn bộ đầu não của chính quyền CSVN rút lui ra khỏi Hà Nội trong đêm 19-12-1946 để rút về các chiến khu an toàn ở Việt Bắc thì trụ sở bộ ngoại giao đóng ở gần một làng hẻo lánh cách huyện lỵ Sơn Dương khoảng 11 km. Đóng trụ sở ở gần Bộ Ngoại giao còn có các bộ khác như: Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ (Bộ Nội vụ lúc đầu do Tôn Đức Thắng làm Bộ trưởng một thời gian ngắn, sau đó là Phan Kế Toại thay thế), Bộ Lao động... Từ chỗ Bộ Ngoại giao đi tiếp quãng nữa thì tới con suối Lê, qua suối Lê đi tiếp một đoạn nữa thì tới xã Tân Trào, nơi có đình Tân Trào.³⁷

Ở Pháp, trong một cuộc họp vào ngày 19-03-1947, Ủy Ban Trung ương đảng Cộng sản Pháp lại khẳng định rằng người Pháp *‘phải chấm dứt những hành vi thù nghịch ở Đông Dương, phải nổi lại ngay cuộc hòa đàm với chính quyền Việt Nam và Hồ Chí Minh trên căn bản của Thỏa Ước ngày 06-03-1946, phải tôn trọng độc lập và chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam trong khuôn khổ Liên Bang Đông Dương và Liên Hiệp Pháp.’*³⁸

Ngày 21-03-1947, HMG cho phổ biến trên đài phát thanh lời tuyên bố của HCM đáp ứng chủ trương và chính sách mới về Đông Dương của thủ tướng Pháp Ramadier. HCM nhắc lại rằng chỉ cần người Pháp ra lệnh ngưng các hoạt động thù nghịch và công nhận Độc Lập chủ quyền toàn vẹn cho nước Việt Nam thì mọi việc khác sẽ được giải quyết một cách nhanh chóng và ổn thỏa. Cùng trong một ngày, đại diện của chính quyền HCM ở Paris là Trần Ngọc Danh đề nghị chính phủ Pháp mở lại ngay những cuộc tiếp giao với CSVN.³⁹ Điều mà CSVN lo âu nhất chính là mất đi sự độc quyền lãnh đạo phong trào Quốc Gia của nước Việt Nam nhưng vẫn còn có thể tiếp tục được xem như là một thành viên trung kiên tuân thủ chủ nghĩa và sách lược toàn cầu của các đảng Cộng Sản quốc tế.



Chính phủ Hồ Chí Minh trong chiến khu Việt Bắc năm 1948.

(Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoàng Minh Giám là người đứng thứ tư hàng thứ hai từ phải sang).

Nguồn ảnh: <http://dvt.vn/20110922105316171p0c93/gs-hoang-minh-giam-ke-ve-nhung-ngay-van-nuoc-nghin-can-treo-soi-toc-phan-6.htm>

*

Ngày 01-04-1947, tân Cao ủy Đông Dương Émile Bollaert đến Sài Gòn. Ngày 24-04, đích thân bộ trưởng ngoại giao CHDCVN gửi công điện đến Bollaert đề nghị ngừng ngay những hành vi động thù nghịch và mở lại hòa đàm để giải quyết những mâu thuẫn giữa hai bên. Đề nghị này của CSVN khiến cho Bollaert ngạc nhiên và lạc quan Tuy nhiên tướng Valluy, Tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Nam Á đã không còn tin tưởng miệng lưỡi của VMCS cho nên đề đáp ứng tuyên bố của HCM và đề nghị của HMG, ngày 25-04-1947 tướng Valluy, đã tường trình và đề nghị trước Hội Đồng Quốc Phòng Liên Bang Đông Dương những điều kiện mà Valluy thấy cần phải có để phòng ngừa CSVN có thể tiếp tục lừa đảo, trở mặt, thừa cơ ngừng bắn để củng cố và tăng cường số lượng bộ đội chính quy và dân quân du kích của họ. Những đề nghị này của Valluy cũng được báo trình lên chính phủ mới của Pháp ở Paris và gồm có như sau:⁴⁰

1- Trong vòng 15 ngày, đôi phương phải giao nộp một số lớn vũ khí quan trọng cho Pháp.

2 – Đôi phương phải ngưng ngay tức khắc các hoạt động thù nghịch, khủng bố và tuyên truyền.

3- Phải trả lại cho Pháp tất cả những tù nhân chiến tranh và những con tin (*otages*).

4- Phải trao cho Pháp tất cả những kẻ đào ngũ thuộc quân đội Pháp và quân đội Nhật Bản.

5- Giải tỏa tức khắc các tuyến đường giao thông.

Ngoài ra, ngày 03-05-1947, Bollaert còn bổ túc thêm những điều kiện ngặt nghèo khác như sau :

- Phải giao nộp ½ số vũ khí và quân cụ hiện có.

- Phải đề một mình chính quyền Pháp đảm nhiệm việc canh phòng an ninh trật tự.

- Quân đội Pháp có quyền tự do đi lại khắp nơi trên toàn lãnh thổ nước Việt Nam.

- Bộ đội VM không được di chuyển dưới bất cứ một hình thức nào.

Bollaert còn đi xa hơn và đòi hỏi rằng tù binh CSVN chỉ được thả ra sau khi CSVN thi hành nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn. Tất cả những đề nghị của Vally-Bollaert đều được chính phủ Pháp ở Paris đồng ý bởi vì theo lời tuyên bố chủ quan của bộ trưởng Quốc Phòng Coste-Floret sau khi kinh lý Đông Dương trở về Pháp thì quân đội Pháp đã thành

công và hiện giờ không còn có vấn đề quân sự mà chỉ có vấn đề chính trị cần giải quyết ở Đông Dương. Ngày 25-04 -1947, Bollaert phái cố vấn chính trị Paul Mus bắt liên lạc với Hoàng Minh Giám để được gặp HCM. HMG kể lại sự việc này như sau:

Một ngày đầu tháng 5/1947, có cuộc gặp gỡ giữa tôi và lãnh sự Anh Tressor Wilson gần cầu Đuống. Sau mấy phút trao đổi ý kiến về “vấn đề tù binh” và tình hình chung, viên lãnh sự Anh nói:

- Ông có biết ông Paul Mus? Ông ấy nói đã có dịp gặp ông ở Hà Nội và đã được yết kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh trước ngày 19 tháng 12/1946.

- Có, đúng như vậy.

- Ông P. Mus muốn gặp ông. Ông ấy đã đi theo tôi đến phía bên kia cầu Đuống, cách đây độ một cây số, và đang chờ ở đó. Nếu ông đồng ý

tiếp, thì ông ấy sẽ đến ngay.

- Ông ấy muốn gặp tôi về việc gì? Ông có biết không?

- Ông ấy nói rằng có một việc rất quan trọng, và ông ấy tha thiết muốn gặp ông. Hiện nay ông ấy là một người giúp việc thân cận, một cố vấn của cao ủy Bollaert.

- Được. Nhờ ông báo cho ông P.Mus rằng tôi vẫn sẵn sàng gặp ông ấy.

Một lát sau, P.Mus đến. Sau khi chào hỏi, ông ta vào đề ngay:

- Tôi có một việc rất quan trọng, bí mật và gấp, muốn được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi được ủy nhiệm chuyển trực tiếp đến Chủ tịch một thông điệp của cao ủy Bollaert. Nếu có thể, tôi sẵn sàng đi theo ông ngay bây giờ.

- Rất tiếc. Đi ngay bây giờ thì không được. Tôi sẽ báo cáo với Chủ tịch. Tôi sẽ trả lời cho ông biết quyết định của Người. Ông cho biết nên trả lời cho ông bằng con đường nào, vừa nhanh chóng vừa đảm bảo bí mật?

- Cảm ơn. Đề nghị ông trả lời cho tôi bằng điện đài.

P. Mus đọc một câu có nghĩa lỏng, và nói tiếp: “Bắt đầu từ ngày kia, mỗi buổi sáng, hồi 9 giờ, bộ phận nghe đài của chúng tôi sẽ đón nghe đài của các ông, nghe được câu lỏng đó, tôi sẽ đến địa điểm này, đúng giờ hẹn, để được dẫn đến gặp Hồ Chủ tịch và trao trực tiếp bản thông điệp của cao ủy Bollaert.

Sau đó, điện đài của ta báo cho phía Pháp biết Hồ Chủ tịch bằng lòng tiếp đặc phái viên của cao ủy Bollaert. Đúng hẹn, người của ta chờ P. Mus ở cầu Đuống và dẫn vào vùng giải phóng. Để bảo đảm bí mật và vì các đường cái đã bị dân công đào, cắt, ông ta đã phải đi bộ qua các làng phần lớn đã sơ tán, và đi ban đêm. Và một buổi tối trung tuần tháng 5/1947, P. Mus đã được Hồ Chủ tịch tiếp, lúc đó khoảng 22 giờ, tại Thái Nguyên.

Thị xã Thái Nguyên đã tàn cư triệt để, và tiêu thổ kháng chiến. Các đồng chí bảo vệ đã tìm được một ngôi nhà tuy không nguyên vẹn, nhưng cũng còn được một gian tương đối khá quan, có bàn và ghế, có thể dùng làm nơi Bác tiếp người phái viên bí mật của Bollaert.

Tôi chờ P.Mus và đưa ông ta vào gian nhà yết kiến Hồ Chủ tịch. Dưới ánh sáng của ngọn đèn măng-sông, tôi cảm thấy ông ta xúc động được gặp Bác, được Bác tiếp, giản dị, lịch sự như lúc ở phòng khách tại nhà 12 Ngô Quyền, Hà Nội.

P. Mus cảm ơn Hồ Chủ tịch đã vui lòng cho ông ta gặp để làm nhiệm vụ do cao ủy Đông Dương giao cho và xin phép đọc cho Bác nghe (đọc thuộc lòng) bản thông điệp không ghi vào giấy

(*messenger verbal*) của Bollaert, trả lời bức thư đề nghị ngừng bắn của Chính phủ ta đề ngày 25/4/1947.

Thông điệp của Bollaert nêu lên bốn điều kiện cho ngừng bắn:

- 1- Quân đội Việt Nam phải nộp vũ khí cho Pháp.
- 2- Quân đội Pháp được quyền đi lại tự do trên đất nước Việt Nam.
- 3- Chính phủ Việt Nam phải trả lại cho Pháp tất cả những người đã bị bắt mà họ gọi là con tin (*otages*).
- 4- Chính phủ Việt Nam phải trao cho Pháp tất cả những người nước ngoài (ý nói người Nhật và người Pháp) đã chạy sang phía Việt Nam.

Sau khi nghe những điều kiện láo xược đó của cao ủy Pháp, Hồ Chủ tịch nghiêm nét mặt, nhưng bình tĩnh và giọng nói ôn tồn. Người nói:

- Ông Mus, tôi biết ông đã tham gia cuộc kháng chiến chống Hitler của nhân dân Pháp, điều đó có đúng không?

- Thưa Chủ tịch, đúng.

- Vậy ông hãy trả lời tôi: Nếu ở địa vị tôi, ông sẽ có thái độ thế nào với bản thông điệp của ông Bollaert? Ông có nhận những điều kiện đó không?

P. Mus lúng túng... Bác nói tiếp:

- Tôi nghe nói ông Bollaert cũng đã tham gia cuộc kháng chiến chống Hitler và có thành tích. Những điều kiện ông ấy đòi chúng tôi phải đầu hàng. Ông Mus, bản thân ông có nghĩ rằng chúng tôi có thể đầu hàng không? Lại còn điều kiện liên quan đến những người nước ngoài đứng trong hàng ngũ kháng chiến Việt Nam chống thực dân. Phải là một con người hèn mạt, mới chấp nhận điều đó. Nếu tôi chấp nhận, tôi là kẻ "hèn mạt" (*Si j'accepte, je serais un lâche*). Và tôi nghĩ rằng trong Liên hiệp Pháp không có chỗ cho những kẻ hèn mạt (*Je pense que dans l' Union française, il ne doit pas y avoir de place pour des lâches*).

P. Mus im lặng, gật đầu, tỏ ý đồng tình. Rồi nói:

- Tôi hiểu, thưa Chủ tịch, tôi hiểu...

Thế rồi không nói đến bản thông điệp nữa.

Bác giải thích về lập trường của Chính phủ và nhân dân ta: Yêu chuộng hòa bình, muốn có quan hệ tốt với nhân dân Pháp, nhưng kiên quyết kháng chiến để bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc mình.

P. Mus thừa nhận rằng đó là những tình cảm và ý chí chính đáng, hứa sẽ báo cáo với cao ủy Bollaert những ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông ta chúc sức khỏe Bác, và lúc chào từ biệt, tỏ ra cảm động thực sự. Lời cuối cùng của ông ta lúc ra về là:

- Chúc Chủ tịch dũng cảm (*Du courage, Monsieur le Président!*).

Bác đáp lại:

- Luôn luôn! Tất nhiên! (*Toujours! Naturellement!*).

Một sự việc nhỏ có lẽ đã làm cho P. Mus ngạc nhiên: Khi cuộc tiếp kiến kết thúc, các đồng chí phục vụ đã bung ra mấy cốc rượu sâm banh để Bác mời khách uống trước khi ông ta rút lui vào bóng tối đêm khuya.⁴¹

Vậy là nhiệm vụ thăm dò của Paul Mus có thể đồng hóa với một tối hậu thư, và Hồ Chí Minh đã trả lời: "Nếu tôi chấp nhận, tôi là kẻ hèn mạt (*Si j'accepte, je serais un lâche*). Và tôi nghĩ rằng trong Liên hiệp Pháp không có chỗ cho những kẻ hèn mạt (*Je*

pense que dans l' Union française, il ne doit pas y avoir de place pour des lâches)'. Sự thật chính là người Pháp thực dân mới đã cảm thấy hân hoan về lời tuyên bố của HCM với Paul Mus bởi vì nhờ sự tuyên bố từ chối đó mà người Pháp có thể vững lòng đổi hướng theo một giải pháp khác đi tìm những thành phần ngoan ngoãn không Cộng Sản chạy theo chủ trương 'Pháp-Việt đề huề', những 'tay sai', những 'người bạn của nước Pháp' và thành lập với những thành phần này 'một chính phủ thay thế' mà người Pháp từng mong ước từ tháng 8/1946 đến nay.⁴²

Sau khi loại trừ ảnh hưởng của nhóm Cộng sản Pháp trong thành phần nội các của mình, thủ tướng Ramadier đã thoát được áp lực của CS đòi hỏi chính phủ Paris phải thương lượng và hòa đàm với riêng một mình CSVM mà thôi. Những phe quân sự cùng với nhóm quan viên cai trị có ảnh hưởng lớn của chính quyền thực dân mới ở Đông Dương chưa bao giờ chấp nhận sự cần thiết phải thương lượng với HCM kể từ ngay sau khi đoàn quân viễn chinh của họ theo chân đoàn quân giải giới của Anh chiếm lại được Nam Kỳ và kế tiếp lại còn xúi giục thành lập và thừa nhận **Xứ Cộng Hòa Nam Kỳ Tự Trị**. Họ cũng chưa bao giờ xem việc thoái vị của cựu hoàng đế Bảo Đại như là chung cuộc.⁴³ Tướng De Gaulle cũng lại ra mặt tuyên bố ở tỉnh Bordeaux vào ngày 15/05/1947: *'Đánh mất Khối Liên Hiệp Pháp sẽ là một sự hạ thấp tai hại nền độc lập của nước Pháp. Giữ được và làm cho Khối Liên Hiệp này sinh động chính là sự tồn tại của những sự vĩ đại và kết quả là giữ được những quyền tự do.'* Cùng ngày 15/05/1947, Cao ủy Đông Dương Bolaert cũng phỏng theo lời của tướng De Gaulle để tuyên bố ở Hà Nội rằng *'Pháp sẽ ở lại Đông Dương và Đông Dương sẽ tồn tại trong Khối Liên Hiệp Pháp . . . Thời đại đế quốc đã được thanh toán và thời đại hữu nghị phải được khởi đầu.'* Bolaert cũng tuyên bố rằng người Pháp xác định ý chí thương thảo với các người đại biểu của tất cả mọi đảng phái: *Bản chức nói là tất cả mọi đảng phái. Vì chúng người Pháp chúng tôi không công nhận bất cứ một phe nhóm nào tự xem mình như là độc quyền đại biểu cho nhân dân Việt Nam.'*⁴⁴ Lời cảnh cáo này nhất định là nhắm vào đảng CSVM đội lớp dưới chiêu bài Mặt Trận Dân Tộc Quốc Gia đã được đảng CSVM khai sinh trước khi HCM lên đường sang thăm viếng nước Pháp trong khi phái đoàn CSVM tham dự hòa hội ở Fontainebleau.

4.3 - Những đáp ứng chính trị sau lời tuyên bố của E.Bolaert

Tuyên ngôn của Émile Bolaert ở Hà Nội ngày 15/05/1947 đã gây ra một chuỗi phản ứng rộng khắp nội tình chính trị Việt Nam ở trong cũng như bên ngoài nước. Những nhân vật chính trị, đảng phái, giáo phái, các phe nhóm đã đánh hơi được không khí thuận lợi để được chia phần tham gia vào tiến trình tạo dựng một nước Việt Nam độc lập và thống nhất, một tiến trình mà trước đây Cộng Sản Việt Minh luôn luôn tiếm mạo một cách độc tôn.

4.3.1 - Phản ứng của đảng CSVM

Cộng Sản Việt Minh đã ra chỉ thị tố cáo rằng thực dân Pháp âm mưu lừa gạt nhân dân Việt Nam và che đậy dư luận ở nước Pháp cùng quy động những phần tử phản động chống CSVM để đi đến việc 'thành lập một chính phủ bù nhìn toàn quốc, công Cộng Sản

Việt Minh.' Sau đây là toàn văn bản Chỉ thị của Trung ương đảng CSVN ngày 22/05/1947:

Chỉ thị của T.Ư, ngày 22-5-1947⁴⁵

I- Ngày 25 tháng 4 năm 1947, Chính phủ ta vì mục đích hoà bình và nhân đạo đã gửi cho Chính phủ Pháp một bức thư đề nghị đình chiến để mở một cuộc đàm phán giảng hoà giữa hai nước. Bức thư này do Bộ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám ký, được Hội đồng Chính phủ duyệt y và gửi qua Thượng sứ Bôla để chuyển cho Chính phủ Pháp.

Ngày 11 tháng 5 năm 1947, Thượng sứ Bôla phái một người đại diện đến gặp Hồ Chủ tịch và Bộ trưởng Hoàng Minh Giám. Trong cuộc hội kiến này, vị đại diện Thượng sứ Bôla nói đại khái: Pháp công nhận nước Việt Nam thống nhất và độc lập, nhưng Việt Nam phải chịu những điều kiện như dưới đây:

- 1) Nộp vũ khí cho quân đội Pháp;
- 2) Để quân đội Pháp đi lại và đóng binh tự do khắp nơi trên đất Việt Nam;
- 3) Giao trả những lính Pháp hay lính Lê dương đảo ngũ chạy qua phía Việt Nam.
- 4) Tha những người Pháp và người Việt Nam thân Pháp do Chính phủ Việt Nam giam giữ vãn vãn...

Xem đó, bọn phản động Pháp thật là tham lam hỗn xược. Chúng định bắt ta đầu hàng nhục nhã mà nuốt chửng cái bánh vẽ độc lập và thống nhất giả hiệu. Cố nhiên Chính phủ ta cự tuyệt.

II- Đại diện Bôla nói miệng, không có công hàm và hứa sẽ có thư của Bôla xác nhận những điều kiện y nói trên.

Ta đang đòi thư chính thức trả lời của Chính phủ Pháp về việc Chính phủ ta đề nghị đình chiến thì có tin từ Sài Gòn phát đi: "Mặt trận liên hiệp quốc gia" (Front d'union national) thành lập. Theo đài Sài Gòn của Pháp thì Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Hải Thần và cả Bảo Đại cũng tham gia "mặt trận" đó. Tin này tuy chưa được lấy gì làm đích xác, nhưng thực dân Pháp phóng nó ra tức là có ý dọa Chính phủ ta rằng: nếu không nhận những điều kiện của chúng thì chúng sẽ vượt qua đầu mà dàn xếp với bọn khác.

Dù sao tin trên kia cũng chỉ rõ ra một sự thật: thực dân Pháp định dùng mưu lừa gạt dân ta và dư luận bên Pháp; chúng đang vơ vét những phần tử phản động để lập một mặt trận chống Việt Minh, và chống cộng sản rồi đánh đến một mức nào đó, chúng sẽ lập một chính phủ bù nhìn toàn quốc, chống Việt Minh, chống cộng sản, mở một cuộc đàm phán với bọn đó, đặt cho bọn đó những điều kiện bán nước. Cũng có thể chúng mở đàm phán với bọn bù nhìn kia và mời Chính phủ ta tham dự. Khi ấy nếu Chính phủ ta từ chối, chúng sẽ bảo Chính phủ ta không thành thực hoà bình, là "hiếu chiến", là "khát máu", và nếu Chính phủ ta cử đại biểu đi tham dự thì tự nhiên mất quyền chủ động và giống như không còn là một Chính phủ hợp pháp của nước Việt Nam nói chuyện với Chính phủ Pháp nữa.

III- Thái độ của nhân dân và của Chính phủ ta là: kiên quyết giành cho được độc lập và thống nhất. Nếu Pháp không công nhận ta độc lập và thống nhất thì ta tiếp tục kháng chiến đến toàn thắng mới thôi.

Chỉ có Chính phủ Hồ Chí Minh là chính phủ duy nhất hợp pháp của nước Việt Nam, thành lập theo đúng hiến pháp, được Quốc hội Việt Nam truy nhận, thì nó mới có quyền ngoại giao với Pháp hoặc với một nước ngoài nào khác. Kẻ nào mạo nhận là thay mặt dân, đứng ra đàm phán với Pháp đều bị quốc dân coi là Việt gian, bị Chính phủ xử vào tội phản quốc, thông mưu với giặc và sẽ bị trừng trị theo pháp luật.

Pháp thừa nhận thống nhất và độc lập với bọn bù nhìn, thì nhất định thống nhất và độc lập ấy sẽ giả dối, hữu danh vô thực.

Thực dân Pháp có thể mua chuộc một bọn bán nước làm cái trò hề bù nhìn, nhưng chúng sẽ thất bại đau đớn. Vì nước Việt Nam và dân Việt Nam ngày nay khác trước xa. Vô luận chúng dùng cách gì cũng không khắc phục được hay lừa bịp nổi.

Pháp muốn giải quyết vấn đề Việt Nam thì chỉ có một cách là thẳng thắn mở cuộc đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh và công nhận Việt Nam thống nhất và độc lập thực sự trong khối Liên hiệp Pháp.

IV- Như trên đã nói, lúc này mưu gian của thực dân Pháp rất thâm độc. Chống lại mưu ấy, chúng ta phải làm gì? Phải vạch rõ thủ đoạn của thực dân Pháp trước nhân dân Việt Nam, trước dư luận dân Pháp và thế giới. Đồng thời gây một phong trào rộng rãi khắp nước chống bọn phản động Pháp và bọn "bù nhìn" "Mặt trận liên hiệp quốc gia", ủng hộ kháng chiến, ủng hộ chính phủ duy nhất hợp pháp Hồ Chí Minh bằng những hình thức dưới đây:

a) Toàn thể bộ đội và dân quân phải ra sức kháng chiến, đánh ráo riết hơn để dùng hành động quân sự mà trả lời cho thực dân Pháp rằng mưu gian của chúng không lừa được quân và dân Việt Nam.

Cuộc kháng chiến càng sôi nổi mãnh liệt hơn nếu thực dân Pháp mù quáng cố ý thực hiện mưu gian ấy.

b) Hợp mít tinh trong bộ đội cũng như thường dân vạch mưu gian của Pháp, hô hào đoàn kết chống quân phiệt thực dân Pháp, chống các hạng bù nhìn, biểu quyết nghị án (motion) gửi lên Chính phủ và các đoàn thể ái quốc yêu cầu kiên quyết đối phó với phản động Pháp và bọn "Mặt trận liên hiệp quốc gia".

c) Các đoàn thể ái quốc của ta khai hội, gửi điện cho Hồ Chủ tịch và Chính phủ và đánh điện cho các tổ chức dân chủ bên Pháp, như Hội Pháp - Việt Nam, Hội Nhân quyền, Tổng Liên đoàn Lao động Pháp, Đoàn Thanh niên cộng hoà Pháp, Hội Phụ nữ Pháp, Đảng Xã hội Pháp, Đảng Cộng sản Pháp, v.v. yêu cầu các tổ chức ấy kiên quyết can thiệp với Chính phủ Pháp, bắt bọn phản động thuộc địa và bọn quân phiệt thực dân phải đình chỉ kế hoạch gian dối nói trên và đàm phán ngay với Chính phủ Hồ Chí Minh.

d) Rải truyền đơn hiệu triệu đồng bào của Hồ Chủ tịch và của Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, gián áp phích, phát bươm bướm, nêu cao mấy khẩu hiệu này:

- Đánh đổ bọn quân phiệt thực dân Pháp tham tàn và gian dối!
- "Mặt trận liên hiệp quốc gia" là một bọn bù nhìn bán nước cầu vinh!
- Phản đối "thống nhất" và "độc lập" bánh vẽ!
- Việt Nam chân chính thống nhất và độc lập muôn năm!
- Chính phủ Hồ Chí Minh muôn năm!
- Kháng chiến thẳng lợi thành công muôn năm!

e) Trong vùng địch kiểm soát thì dùng mọi hình thức tranh đấu bí mật hay công khai (truyền đơn, áp phích, báo chí, diễn thuyết xung phong, bãi công, bãi thị, bãi khoá, v.v.) để chống lại mưu gian của thực dân Pháp. Rải cho thật rộng bản hiệu triệu dân Pháp của Hồ Chủ tịch.

...

f) Các báo chí và Tiếng nói Việt Nam mở một cuộc tranh đấu chống mưu của Pháp và vạch rõ nếu Pháp không đàm phán với Chính phủ chính thức của Việt Nam và thành thực công nhận Việt Nam độc lập trong khối Liên hiệp Pháp (độc lập và thống nhất thực sự) thì nhân dân Việt Nam chiến đấu mãi không ngừng.

V- Trong các cuộc mít tinh cũng như trên mặt báo, cần đặc biệt chú trọng vạch mặt bọn lãnh tụ bù nhìn của "Mặt trận liên hiệp quốc gia" như bọn Nguyễn Văn Sâm, khâm sai Nam Bộ dưới thời Nhật, Lê Văn Hoạch trùm phản quốc trong "chính phủ bù nhìn Nam Kỳ"; Nguyễn Tường Tam, tên văn sĩ dâm ô, say rượu thụt két hai triệu bạc của Chính phủ ta trốn sang Tàu, trước làm tay sai cho Nhật, sau cho Tàu, nay cho Pháp; Nguyễn Hải Thần, một tên cựu trào trong khối Liên hiệp Pháp theo dân tộc ta và Chính phủ ta hiểu phải như thế nào.

Chú ý: ta đòi độc lập và thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp như đã nói trong bài xã luận báo Cứu Quốc ra ngày 27-4-1947, và như Lời kêu gọi của Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam ngày 26-5-1947. Còn Pháp định nhận Việt Nam độc lập và thống nhất nhưng không cho Việt Nam có quyền ngoại giao với các nước và phòng thủ nước mình (hai quyền ấy dành riêng cho Pháp); đồng thời quân Pháp tha hồ đóng trên đất Việt Nam (bất cứ đóng ở đâu và đóng đến bao giờ), nghĩa là một thứ "độc lập thống nhất" có danh không có thực.

Lại phải nhấn mạnh vào chỗ muốn độc lập và thống nhất cho ra trò, phải đoàn kết nhất trí hơn nữa, kháng chiến kiên quyết hơn nữa. Tự do không xin mà được. Tự do phải chiến đấu mà giành lấy.

VII- Chú ý làm nổi bật vai trò Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam trong cuộc vận động chống phản động Pháp và khối bù nhìn. Nhân cuộc này, ra sức phát triển Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam để làm lợi khí đoàn kết rộng rãi toàn dân trong "mặt trận quốc gia thống nhất". Nên mời các vị nhân sĩ, các đại biểu đảng phái (kể cả Đảng Xã hội Việt Nam, Đồng Minh hội, phái ông Bồ Xuân Luật và Quốc dân đảng cải tổ), các bậc lão thành trong Công giáo và các đạo giáo khác, các nhà phú hào vô đảng phái, v.v. đứng ra hiệu triệu nhân dân chống bọn phản động Pháp và bọn bù nhìn. Nhân đó mời cho thật rộng các cá nhân và đoàn thể vào Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, làm cho hội thu hút toàn dân vào mặt trận dân tộc thống nhất chống phản động Pháp và bọn bán nước.

Cần chấn chỉnh ban biên tập báo Toàn dân kháng chiến, khiến cho tờ báo ấy làm tròn nhiệm vụ đại đoàn kết, động viên toàn dân kháng chiến, chống phản động Pháp và Việt gian, các địa phương cần ủng hộ báo Toàn dân kháng chiến về mọi mặt.

Những chỉ thị trên đây các đồng chí cần phải thi hành ngay và kết quả thế nào báo cáo cho T.U biết.

Thân ái và quyết thắng

Thường vụ Trung ương

Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

T.U: Trung ương (B.T).

4.3.2 - Những phản ứng ở Bắc Kỳ

Phản ứng chính trị ở Bắc Kỳ không cần phải chờ đợi sau khi có tuyên ngôn của E. Bolaert ngày 15/05/1947 mà đã xảy ra ngay từ lúc E. Bolaert vừa mới đặt chân đến Hà Nội trong ngày 14/05/1947: Tờ báo viết bằng Pháp ngữ *Thời Sự* đã ra số đặc biệt đăng tải lời kêu gọi của những nhân vật trước đây nguyên tự xem những là thành phần đại biểu đối lập trong Quốc Hội Việt Nam của Cộng Sản Việt Minh ở Bắc Kỳ là Trần Quốc Bảo, Vong Quốc Thái và Nghiêm Văn Nhân. Sau khi lưu ý rằng người Pháp đã nhằm lẫn tai hại khi ký kết Hiệp Định Sơ Bộ ngày 06/03/1946 với CSVN và khuyến cáo rằng không thể tiếp tục thương lượng với những kẻ 'cuồng tín khát máu'. Lời kêu gọi được viết tiếp rằng theo quan điểm của những người này thì người Pháp chỉ có thể và chỉ được quyền thương lượng với cựu hoàng Bảo Đại mà thôi. Năm ngày sau tức là vào ngày 19/05/1947, một tổ chức gọi là Ủy Ban Thanh Lý Hành Chánh Lâm Thời được thành lập do Trương Đình Tri làm chủ tịch. Trương Đình

Tri nguyên là một đảng viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng và trước đây đã từng giữ chức bộ trưởng Bộ Y Tế và Xã Hội trong chính phủ của HCM trong giai đoạn 1945-1956. Chủ trương của Ủy Ban này có tính cách chính trị hơn là hành chánh quản trị và đã ra tuyên bố hoan hô chính sách một nước Việt Nam độc lập gồm có 3 Kỳ trong khối Liên Hiệp Pháp và một chính phủ trung ương cho quốc gia Việt Nam.⁴⁶

4.3.3 - Những phản ứng ở Trung Kỳ

Ở Huế, tổ chức *Quốc Gia Liên Hiệp Việt Nam* và Ủy Ban Thanh lý Hành Chánh lâm thời được hình thành do các cựu thân bảo hoàng là Trần Thanh Đạt và Trần Văn Lý tổ chức và điều hành để ủng hộ sự trở lại của cựu hoàng Bảo Đại.

4.3.4 - Những phản ứng ở Nam Kỳ

Kể từ mùa Hè 1947, nhiều khuynh hướng trong chính giới người Việt Nam ở bên trong cũng như bên ngoài nước đã muốn nương nhờ vào tên tuổi của cựu hoàng Bảo Đại để chống lại CSVN và chia phần quyền lực làm chủ nước Việt Nam trong tương lai nhất là những thành phần đảng phái của người Việt Nam không Cộng Sản đang lưu vong ở Trung Hoa chủ yếu là 2 đảng Việt Cách và Việt Quốc. Từ tháng 02/1947, hai đảng này đã khởi xướng và thành lập Mặt Trận Quốc Gia Hợp Nhất (MTQGHN) mặc dù có sự bất đồng chính kiến giữa 2 đảng trong vấn đề chống hay không chống thực dân Pháp ở Đông Dương nhưng MTQGHN cũng được hai giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo trong nước tham gia và sát nhập các lực lượng quân sự của họ vào mặt trận này. Cả hai giáo phái này trước đây đã liên minh một cách không thân thiện lắm với *Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ* của Việt Minh vào năm 1946 do đó một số thành phần của họ đã tách rời khỏi việc tiếp tục liên kết với CSVN ở Nam Kỳ. Mùa Thu 1946, Pháp trả tự do cho hộ pháp Cao Đài Phạm Công Tắc bị lưu đày sang đảo Madagascar vì đã về phe quân phiệt Nhật chống lại Pháp kể từ khi quân Nhật xâm chiếm Đông Dương. Cuối năm 1946, chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ lại giao cho một thành viên cao cấp của Giáo phái Cao Đài là bác sĩ Lê Văn Hoạch đứng đầu chính phủ Nam Kỳ Tự Trị nhưng không được bao lâu chính phủ Nam Kỳ Tự Trị này bị sụp đổ vì chủ trương tách rời Nam Kỳ ra khỏi nước Việt Nam theo mưu đồ củ thực dân Pháp. Mặc dù có lời kêu gọi của hộ pháp Phạm Công Tắc yêu cầu hợp tác với Pháp nhưng một số thành phần của giáo phái này tách riêng và tiếp tục theo CSVN để chống Pháp. Giáo phái Hòa Hảo đã đổi hướng theo về với người Pháp và chống lại CSVN ở Nam Kỳ một cách thẳng tay kể từ khi giáo chủ Huỳnh Phú Sổ của họ bị CSVN của tướng Nguyễn Bình ở Nam Kỳ sát hại vào tháng 04/1947. Cả hai giáo phái này cũng hướng nhìn đến giải pháp Bảo Đại nhưng không nhiệt tình.



Cuộc biểu tình vĩ đại tại Sài Gòn năm 1947
yêu cầu Cựu hoàng **Bảo Đại** (đang ở Hồng Kông) hồi hương chấp chánh
Nguồn: http://sachhiem.net/HOANHLINH/VNML4_1.php 0

4.3.4^{bis} - Những phản ứng từ bên ngoài nước Việt Nam

Vào đầu tháng 12/1946, các lãnh tụ lưu vong của đảng Việt Cách và Việt Quốc đã tới Hong Kong để gặp Bảo Đại. Họ phát biểu rằng hiện giờ đa số quần chúng Việt Nam đang chờ đợi thái độ của Bảo Đại rồi họ cam kết 2 đảng của họ sẽ đứng sau lưng để yểm trợ cựu hoàng này. Vài ngày sau, cựu thủ tướng Trần Trọng Kim cũng đến Hong Kong gặp Bảo Đại. Theo hồi Ký *Le Dragon d'Anam* đã có rất nhiều nhân vật chính trị và giáo phái Việt Nam trong và ngoài nước đã đến Hong Kong hội kiến với Bảo Đại trong số này gồm có Trần Văn Tuyên của Việt Quốc, bác sĩ Lê Văn Hoạch của giáo phái Cao Đài, Ngô Đình Diệm, Phạm Công Tắc giáo chủ tòa thánh Tây Ninh, tướng Lê Văn Soái của giáo phái Hòa Hảo. Tất cả đều tỏ ý tán trợ cho việc cựu hoàng Bảo Đại trở lại giữ quyền lực cai trị trên toàn lãnh thổ nước Việt Nam.

Vài ngày sau khi Bollaert từ Hà Nội trở về Sài Gòn vào cuối tháng 05/1947, thì một tùy viên hành chánh dân sự của tòa lãnh sự Pháp ở Hong Kong tên là Cousseau xin đến gặp Bảo Đại gọi là thăm viếng xã giao nhưng thật ra là để thăm dò ý hướng của cựu hoàng này về tình hình chính trị đang diễn ra ở Việt Nam. Trong cuộc hội kiến này Cousseau phát biểu rằng Bảo Đại đã đòi hỏi những điều kiện còn nhiều hơn là những đòi hỏi của HCM và CSVN. Bảo Đại đã không ngần ngại mà trả lời rằng: *‘Nếu đã thế thì nước Pháp hãy thương lượng với HCM.’* Bảo Đại còn lên tiếng phê phán rằng người Pháp không trước sau như một – tiền hậu bất nhất; một mặt Cousseau phát biểu như thế thì một mặt khác, trong những lời tuyên bố chính thức người Pháp luôn luôn nói họ không muốn thương lượng với HCM. *Hay là ông cho rằng bản chức là một kẻ ngu si đàn độn?’* Và để chính thức hóa quan điểm của mình, ngày 05/07/1947, Bảo Đại cho phép nhật báo *L’Union Française* ở Sài Gòn đăng tải lời tuyên bố ghi rõ những chủ trương và đường hướng của mình nếu được toàn thể nhân dân Việt Nam tin tưởng và giao phó trong việc thiết lập những quan hệ tốt đẹp với người Pháp. Người Pháp đã rõ những đòi hỏi của Bảo Đại⁴⁸. Bản tuyên bố cũng viết: Bảo Đại không ủng hộ mà cũng không chống Việt Minh. Đề nghị của Bảo Đại là chỉ đóng vai trò trung gian giữa nước Pháp và tất cả các đảng phái ở Việt Nam.⁴⁹

Như là để đáp ứng lại lời tuyên của Bollaert ngày 15/05/1947, và lời tuyên bố của Bảo Đại đăng trên nhật báo *L'Union Française* ngày 05/07/1947 HCM đã cải tổ thành phần chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở Bắc Kỳ vào ngày 19/07/1947 để làm nhạt bớt đi màu đỏ Cộng Sản của chính phủ này. Võ Nguyên Giáp, thường bị dư luận của người Pháp tố giác là thành phần hiếu chiến và khuấy động đầu nêu gây chiến trong cuộc binh biến ngày 19/12/1946 ở Hà Nội và những ngày tháng tiếp theo ở Bắc Kỳ, không còn giữ chức vụ bộ trưởng bộ Quốc Phòng và được thay thế bởi một thành phần lưng chừng đứng giữa là Tạ Quang Bửu, chỉ có chức nhưng lại không có quyền lực quân sự, bởi vì Giáp vẫn là tổng tư lệnh quân đội của CSVN. Một thành phần CS quá khích khác là Tôn Đức Thắng cũng được thay thế trong chức vụ Bộ trưởng Nội Vụ bởi Phan Kế Toại, một công chức cao cấp của chính quyền Trần Trọng Kim ngày trước nhưng đã chạy theo đầu thú VMCS kể từ mùa Thu 1945. Hoàng Minh Giám được trao giữ chức bộ trưởng Ngoại Giao, Phan Anh thuộc khối Công Giáo giữ chức bộ trưởng Kinh Tế, và công dân Nguyễn Vĩnh Thụy, tức cựu hoàng Bảo Đại đang lưu vong ở Hong Kong, vẫn tiếp tục giữ chức vụ cố vấn chính tối cao. Trong thành phần chính phủ mới này, những phân tử đảng CS Mác xít, đảng Dân chủ và Xã hội khuynh tả đều về phe CSVN và nắm giữ những vị thế chủ chốt quan trọng.⁵⁰

Có một điều cần chú ý trong lần cải tổ chính phủ này, HCM và đảng CSVN vẫn cố bám giữ cựu hoàng Bảo Đại Nguyễn Vĩnh Thụy như là một mối câu để lôi kéo sự ủng hộ của người Pháp, của các phe phái Việt Nam gọi là không Cộng Sản cùng với số đông quần chúng Việt Nam hiện nay. Đây vẫn là mưu lược hằng cửu ‘*của người phúc ta, ngồi mát ăn bát vàng*’ mà HCM đã luôn luôn áp dụng để lôi kéo những nhóm người Việt Nam không Cộng sản lưu vong ở Trung Hoa trước đây và sau khi được việc rồi thì họ Hồ sẽ tìm cách loại trừ những nhóm người Việt Nam không cộng sản này. Câu hỏi đặt ra là hiện nay Bảo Đại ở Hong Kong có còn hài lòng để tiếp tục hành động như là một công cụ của CSVN nữa hay không? Sau lời tuyên bố ngày 21/03/1947 của HCM một phóng viên báo *United Press* ở Hong Kong chất vấn Bảo Đại rằng với vị thế cố vấn tối cao của chính quyền HCM, liệu rằng Bảo Đại sẽ giữ trách vụ thương thảo hay không? Bảo Đại đã trả lời rằng Ông sẽ không thương lượng dưới danh chức cố vấn tối cao của chính quyền HCM.⁵¹ Tương cũng cần nhắc lại là 21/0/-1947, Hoàng Minh Giám cho phổ biến trên đài phát thanh lời tuyên bố của HCM để đáp ứng chủ trương và chính sách mới về Đông Dương của thủ tướng Pháp Ramadier. HCM nhắc lại rằng chỉ cần người Pháp ra lệnh ngưng các hoạt động thù nghịch và công nhận Độc Lập chủ quyền toàn vẹn cho nước Việt Nam thì mọi việc khác sẽ được giải quyết một cách nhanh chóng và ổn thỏa.⁵² Mưu lược *của người phúc ta, ngồi mát ăn bát vàng* mà HCM thường áp dụng và lần này lại áp dụng lên cá nhân của Bảo Đại trong việc vẫn giữ tên cố vấn Nguyễn Vĩnh Thụy trong thành phần nội các mới được HCM cải tổ. Về việc này, trong sách *Le Dragon d'An Nam*, cựu hoàng Bảo Đại đã gọi HCM là một ‘*ông già lừa đảo, mưu mẹo - le vieux rusé*’ khi biết được HCM trả lời trong một cuộc họp báo rằng : ‘*có rất nhiều thành phần trong chính phủ kể luôn cả họ Hồ, tất cả đều là thân hữu của ông cố vấn Nguyễn Vĩnh Thụy, đang mong chờ mãnh liệt được gặp lại ông, và ước muốn ông trở về sớm để cùng chung giữ những trọng trách của Quốc Gia. . . . Chúng tôi tuy rằng xa mặt nhưng không cách lòng.*’⁵³

Một mưu lược ly gián ngoạn mục của HCM nhằm ly gián Bảo Đại với người Pháp, với các thành phần thứ 3 trung lập, với các đảng phái, tổ chức, giáo phái không theo CSVN. Một mưu chước xảo diệu nhằm gây ảo tưởng khắp nơi, ở Pháp, ở Hong Kong cũng như ở Việt Nam về một giải pháp chính trị phối hợp HCM-Bảo Đại để lấy lại nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cho toàn thể nhân dân Việt Nam qua sự thương thảo với người Pháp trong tương lai.

Khi Bảo Đại tuyên bố với báo chí rằng *Ông sẽ không thương lượng với Pháp dưới danh chức cố vấn tối cao của chính quyền HCM* thì như thế không có nghĩa là cựu hoàng này sẽ loại trừ sự hợp tác với HCM và đảng CSVN nếu trong tương lai nếu Ông được đứng đầu một hình thức chính quyền Đoàn Kết Quốc Gia nào đó mà trong đó bao gồm nhiều thành phần đảng phái chính trị của người Việt kể cả đảng CSVN. Hiên nhiên là vào thời điểm này Bảo Đại chưa có thể nào dứt khoát thái độ với HCM vì sau lưng HCM còn có CSVN và lực lượng quân sự đáng kể của họ. Ngược lại, HCM cũng chưa thể dứt khoát loại trừ Bảo Đại bởi vì trong thực tế cảm tình của người dân Việt Nam đối với đế chế nhà Nguyễn Phúc quen thuộc lâu đời vẫn còn lớn hơn là cảm tình của họ đối với một thể chế Cộng sản xa lạ ngoại lai. Vị thế đối với nhau giữa HCM và Bảo Đại là vị thế của cây Đa cây Thần, Thần cây cây Đa. Do đó Bảo Đại đã cảm thấy khó chịu và bức bối khi một đảng viên của đảng Việt Quốc là luật sư Trần Văn Tuyên lạm quyền và tự ý tuyên bố ở Sài Gòn vào cuối tháng 25/08/1947 rằng ‘Bảo Đại không còn là cố vấn tối cao của chính phủ HCM nhưng không chống đối về việc thỏa thuận với chính phủ này để thương thảo với chính phủ Pháp với điều kiện là sự thỏa thuận này với chính phủ HCM phải được đặt trên một căn bản bình đẳng và Việt Minh không được tự xem mình là đứng trên hết các đảng phái khác.’⁵⁴ Nguyễn Phan Long, một trong các cựu thành viên *Đảng Lập Hiến* ở Nam Kỳ do Bùi Quang Chiêu sáng lập nhưng nay đã tách riêng để làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo *L’Echo du Việt Nam-Tiếng Vọng Việt Nam* ở Sài Gòn đã lên tiếng nhận định rằng ‘Nguyễn Vĩnh Thụy chỉ có thể thương lượng một cách hiệu quả cho nhân dân Việt Nam với sự chấp nhận của chủ tịch HCM.’⁵⁵

Việc cải tổ chính phủ kèm với những lời tuyên bố gần đây của HCM về trường hợp của cựu hoàng Bảo Đại - công dân Nguyễn Vĩnh Thụy, cố vấn tối cao của chính phủ Cộng Hòa Dân Chủ ở Bắc Kỳ - khiến cho người Pháp và chính phủ Pháp trở thành hoang mang cho rằng họ không còn có thể khẳng khẳng dựa vào những điều kiện mà HCM đã lập lại trong lời tuyên bố ngày 21/03/1947 ‘*chỉ cần người Pháp ra lệnh ngưng các hoạt động thù nghịch và công nhận **Độc Lập** chủ quyền toàn vẹn cho nước Việt Nam thì mọi việc khác sẽ được giải quyết một cách nhanh chóng và ổn thỏa*’ để loại trừ họ Hồ và chỉ còn quy hướng về phía Bảo Đại trong việc kì kèo trả giá về 2 chữ ‘Độc Lập’. Người Pháp đã thành công thay thế hai chữ Độc Lập bằng hai chữ Tự Do trong **Hiệp Định Sơ Bộ** ký kết với HCM vào ngày **06/03/1946**.

4.3.5 - **Sáng kiến hòa giải của Cao Ủy Đông Dương E.Bolaert**

Rất nhiều lý do tại sao người ta đổ xô hướng về cựu hoàng Bảo Đại như là lá bài chủ chốt để giải quyết các vấn đề Việt Nam hiện giờ. Có kẻ muốn lợi dụng lá bài này để tống khứ tập đoàn thực dân mới của Pháp ở Việt Nam. Có kẻ muốn dùng lá bài này như là trái

độn trung gian để thương lượng với HCM và Cộng Sản Việt Minh. Lại có kẻ muốn nhờ vào lá bài Bảo Đại như là tấm khiên che an toàn để khỏi bị các phe phái quốc gia không cộng sản và người dân trong nước lên án là hám danh lợi cam tâm làm Việt gian nô dịch tay sai cho nước Pháp mẫu quốc. Dù trên thực tế là như thế nhưng Cao ủy Đông Dương Bollaert nghe theo những nhà cố vấn chính trị của mình để tiếp tục đề xuất một kế hoạch thương lượng với HCM và Cộng Sản Việt Minh. Ngày 07/08/1947, E.Bollaert cùng với các cố vấn tin cẩn là Messmer, Didier Mitchell và Royère đi Hà Nội để chuẩn bị cho việc công bố các đề nghị quan trọng cho việc mở lại cuộc hòa đàm thương lượng: 1/ Phía Pháp sẽ **đơn phương ngưng bắn** vào lúc 12 giờ trưa ngày 15/08/1947 để Việt Minh và Pháp có thể mở ngay các cuộc thương lượng về các vấn đề quân sự. 2/ Nước Pháp công nhận trên nguyên tắc nền **Độc Lập** của nước Việt Nam trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp. Kế hoạch tấn công hòa bình này của Cao ủy Bollaert dự trù sẽ được công bố vào ngày 15/08/1947 - tức là cùng một ngày mà nước Ấn Độ và Pakistan sẽ chính thức được đế quốc Anh trao trả Độc Lập cùng một thời điểm với đế quốc Hòa Lan công nhận chế độ tự trị rộng rãi cho Nam Dương - đã không thông qua sự tham khảo của Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương là tướng Valluy. Kế hoạch của tướng Valluy là quân đội Pháp phải đánh phủ đầu CSVM trước khi có những cuộc thương lượng hòa bình với họ. Ngưng bắn đơn phương theo kế hoạch của Bollaert sẽ là một thảm họa cho người Pháp. Ngày 25/07/1947, tướng Valluy sang Paris để báo cáo với chính phủ Pháp về sự bất đồng của đương sự đối với kế hoạch mới của Bollaert. Hội đồng chính phủ Pháp gọi Bollaert về Paris để tường trình tự sự và đi đến quyết định cho phép Bollaert tuyên bố kế hoạch mới nhưng **không được tuyên bố đơn phương ngưng bắn và phải thay thế 2 chữ Độc Lập bằng 2 chữ Tự Do**. Bản kế hoạch Bollaert hiệu chỉnh được Hội Đồng chính phủ Pháp thông qua vào ngày 27/08/1947 sẽ được Bollaert công bố ở Hà Đông vào ngày 10/09/1947.⁵⁶

Như vậy, sáng kiến của Bollaert sau khi được hội đồng chính phủ Paris sửa đổi và chấp thuận rốt cuộc rồi cũng chỉ là bản cũ soạn lại không có gì đáng gọi là sáng kiến. **Tự Do** không có ý nghĩa gì nếu không có **Độc Lập**.⁵⁷ Bộ trưởng Ngoại Giao của Việt Minh là Hoàng Minh Giám đã tuyên bố với các phóng viên báo chí rằng *‘chính phủ và nhân dân Việt Nam rất bất mãn về chính sách hẹp hòi mà Cao ủy đã công bố ở Hà Đông*. Đài phát thanh của Việt Minh bắt bỏ sáng kiến của Bollaert.⁵⁸ Một bức điện văn đề ngày 15/09/1947 của tòa lãnh sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn gửi về Bộ Ngoại giao Washintong thì bản tuyên bố ngày 10/09/1947 của Cao ủy Pháp ở Đông Dương Bollaert là một bước thụt lùi so với tạm ước ngày 06/03/1946 và nhắm vào một mục tiêu mà người Mỹ đã từng lo ngại nhiều nhất: đó là dùng sức mạnh quân sự của Pháp ở Đông Dương để tiêu diệt chính quyền CSVM do HCM lãnh đạo. Sáng kiến thụt lùi của Bollaert là một thực tại cố ý của người Pháp nhằm làm cho đối phương không thể nào chấp nhận sáng kiến này để họ có thể tiến hành chiến lược quân sự loại trừ CSVM và HCM. Người Pháp nhân cơ hội này cũng muốn tạo áp lực để lôi cuốn cựu hoàng Bảo Đại vào tiến trình thương thảo với họ nhưng với những hứa hẹn mơ hồ một chiều và giới hạn: *Tự Do* chứ không phải *Độc Lập*. Thêm vào đó, dân bản xứ cũng chưa hòa hợp và ngay cả trong nội bộ của Mặt Trận Quốc Gia Hợp Nhất (MTQGHN) do các phe nhóm và đảng phái không CS của người Việt Nam

mới thành hình gần đây cũng chưa thuận nhất một lòng. HCM đã lánh xa không tham gia vào MTQGHN này bởi vì cho rằng mình là đại diện chính thức cho nhân dân Việt Nam và vì thế MTQGHN phải cần phải chạy đến để dựa thế chứ không phải họ Hồ cần đến mặt trận này.⁵

4.3.6 - Cựu hoàng Bảo Đại nhập cuộc

Vào đầu tháng 09/1947, trong khi cao ủy Đông Dương Bollaert vừa từ Paris trở lại Sài Gòn để chuẩn bị ra Hà Đông tuyên bố bản sáng kiến hòa bình đã được Chính phủ Pháp tu chỉnh thì cựu hoàng Bảo Đại ở Hong Kong đã phổ biến một bản triệu tập tất cả các nhân vật chủ chốt thuộc mọi đảng phái chính trị hãy đến Hong Kong cùng nhau tham kiến và tìm kiếm những phương sách thích đáng để thực hiện một nền hòa bình danh dự và bền vững. Những nhân vật đến Hong Kong ngày 09/09/1947 theo lời triệu tập của Bảo Đại gồm có:

- Nam Kỳ: Nguyễn Văn Tâm của Phong trào Nam Kỳ, Nguyễn Văn Sâm của MTQGHN, Trần Quang Vinh của giáp phái Cao Đài.

- Trung Kỳ: Trần Văn Lý và Cao Văn Chiêu.

- Hong Kong: các nhân vật chủ chốt của 2 đảng Việt Cách và Việt Quốc.

Thông cáo chung của cuộc hội kiến này thừa nhận cựu hoàng Bảo Đại là người có đầy đủ tư cách cai trị và là người duy nhất đại diện toàn dân Việt Nam trong việc thương lượng với người Pháp để mang trở lại hòa bình, một nền **hòa bình và độc lập** cho nước Việt Nam.⁶⁰

Phản ứng của Bảo Đại đối với sáng kiến mới của Bollaert công bố ở Hà Đông ngày 10/09/1947 là một sự thất vọng hòa toàn vì theo lời tuyên bố của Bảo Đại thay mặt cho các thành viên của cuộc họp mặt ở Hong Kong ngày 09/09/1947 thì ‘những đề nghị chính thức của người Pháp đã không đáp ứng thỏa đáng những nguyện vọng chân chính của người dân Việt Nam và những đề nghị đó cũng không có tính cách hòa điệu để thiết lập một nền hòa bình bền vững.’⁶¹

Lượng định tình hình chung, Bảo Đại nhận thấy rằng hiện giờ phe cộng sản trong chính phủ Pháp đã không đủ khả năng gây áp lực để bênh vực và yểm trợ cho CS Việt Minh và càng lúc càng thấy rõ là chính phủ Pháp hiện tại không còn muốn tiếp tục hòa đàm với HCM nữa. Mặt khác, Cộng sản Trung Hoa do Mao Trạch Đông chưa đủ mạnh để yểm trợ cho CS Việt Minh. Kế đến là tình trạng căng thẳng giữa Cộng Sản Liên Xô và Hoa Kỳ khiến cho Hoa Kỳ rất e ngại mà thấy một nước Việt Nam sẽ bị rơi vào vòng kiểm tỏa của Cộng sản Quốc tế. Sau cùng, đã có những cuộc biểu tình ở Huế, ở Hà Nội và ở Sài Gòn vào hai tuần lễ đầu của tháng 09/1947 ủng hộ việc Bảo Đại trở lại cầm quyền trên đất nước Việt Nam. Do đó Bảo Đại nhận định rằng đến lúc ông có thể chính thức nhập cuộc và do đó ông đã phổ biến một bản tuyên cáo đề ngày 18/09/1947 cho toàn dân Việt Nam biết rằng theo ý dân, ông phải đứng ra nhận lãnh trách nhiệm đàm phán với người Pháp để lấy lại Độc Lập và Thống Nhất cho đất nước như toàn dân Việt Nam mong ước, đạt tới những thỏa thuận được cả hai bên đảm bảo. Như thế, ông sẽ mang đến cho dân chúng những quyền uy của ông để hòa giải những tranh chấp giữa các phe nhóm khác

nhau bởi vì sau khi đã cùng hướng về một mục đích chung thì sẽ không còn gì có thể cản trở cho việc mang hòa bình trở lại.⁶²

Cũng giống như HCM và CSVN, Bảo Đại cũng khước từ không chấp nhận sáng kiến của E.Bollaert và tái xác quyết về các mục tiêu Độc Lập và Thống Nhất. Tuy nhiên, Bảo Đại đã đi trước HCM một bước qua bản tuyên cáo của ông ngày 18/09/1947. Hiệu quả ngay tức khắc là ngày hôm sau, các thành viên trong MTQGHN đã đồng tình chuẩn nhận bản tuyên cáo đó bằng cách cũng ra tuyên ngôn kêu gọi dân chúng Việt Nam siết chặt hàng ngũ chung quanh Bảo Đại. Một hiệu quả khác nữa là Bác sĩ Lê Văn Hoạch vào ngày 29/09/1947 đã thuận theo lời yêu cầu của Bảo Đại để từ nhiệm chức Thủ tướng của chính phủ Nam Kỳ Tự Trị do thực dân Pháp kiều mới ở Đông Dương thai nghén và cho ra đời. Hậu quả chú ý hơn hết là qua lời tuyên cáo của Bảo Đại người Pháp đã có được một bước đi mới: thương thảo với cựu hoàng Bảo Đại trong khi HCM và CSVN không có một phản đề nghị nào để tiếp nối sự thương thảo trên bình diện chính trị sau khi họ đã bắt bỏ sáng kiến của E.Bollaert. Đối với người Pháp thì lực lượng thứ III của dân chúng Việt Nam đã chọn Bảo Đại để chiến đấu chống VMCS và người Pháp có thể thông dong và yên tâm thực hiện kế hoạch quân sự của tướng Valluy nhằm tiêu diệt lực lượng quân sự của CSVN ở Bắc Kỳ.

4.3.7 - Chiến dịch mùa Thu 1947 của quân đội Pháp ở Bắc Kỳ

Mùa thu 1947, tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương Valluy phát động một cuộc tấn công lớn nhằm vô hiệu hóa các mật khu an toàn ở các miền trung du và thượng du Bắc Kỳ, khóa chặt toàn bộ vùng biên giới Hoa-Việt ở vùng Quảng Tây, Lạng Sơn, Cao Bằng, ngăn chặn tuyến đường tiếp vận của CSVN từ nội địa lãnh thổ Trung Hoa đồng thời chiến dịch còn có mục tiêu đặc biệt là vây bắt HCM và toàn bộ các cán bộ chủ chốt của CSVN để có thể gây thêm thanh thế trong khi điều đình với Bảo Đại nhất là thúc buộc Bảo Đại phải thành lập một chính quyền Việt Nam theo ý muốn của người Pháp tức là một chính quyền thân Pháp và triệt để chống CSVN.

Từ tháng 10/1947, tướng Valluy giao phó chiến dịch hành quân cảnh sát mang tên *Léa* cho tư lệnh quân sự ở Bắc Kỳ là tướng Raoul Salan với một đội quân binh 12,000 người tiến đánh theo chiến thuật gọng kiềng: một cánh quân được tàu thủy chuyên chở ngược nguồn sông Hồng và sông Thanh Thủy hay sông Lô (người Pháp gọi là Rivières Claire); một cánh quân khác xuất phát từ Lạng Sơn, tiến chiếm Cao Bằng rồi chia quân tiến về phía Nam. Hai toán quân hội tụ tại một địa thế ở Bắc Cạn được xem như là tổng hành dinh của các bộ phận đầu não CSVN.⁶³ Quân Pháp đã tận dụng yếu tố bất ngờ để thực hiện chiến dịch hành quân cảnh sát Léa khiến cho CSVN không kịp đối phó và phải nhanh chóng phân tán thoát khỏi vòng bao vây kiềng kẹp của quân Pháp. Hồ Chí Minh cũng thoát được cuộc vây bắt gần Bắc Cạn, nhưng phải chịu ép mình ẩn lánh và giữ yên lặng một thời gian. Bộ Tham mưu hành quân Léa cho biết có đạt được thắng lợi về mặt chiến thuật: làm tan rã và làm mất khả năng chiến đấu các lực lượng bộ đội CSVN. Một bản báo cáo quân sự gửi cho Thủ tướng Chính phủ Pháp đề ngày 20/12, có đoạn viết rằng:

“Những cuộc hành quân ở Bắc Kỳ đã cắt đứt các con đường buôn lậu qua Trung Quốc và trên bình diện quốc tế đã chứng tỏ được sự hiện diện của người Pháp nơi biên giới Trung

Hoa qua việc chiếm đóng Cao Bằng và Lào Cai; Các cuộc hành quân đó đã làm tan rã bộ máy quân sự và chính trị của Việt Minh, chiếm được một lượng thiết bị hết sức quan trọng, và cho phép người Pháp đạt được những kết quả thiết thực, mở đầu cho một trào lưu quy tụ giữa những sắc tộc thiểu số ở vùng biên giới cũng như giữa những thành phần người An Nam bản xứ những cơ quan chính thức hoặc bí mật đã bị phân tán...

..... Bộ đội CSVN Minh trong tương lai không còn được coi như là một phương tiện để tạo áp lực hỗ trợ về mặt chính trị nữa bởi vì từ lúc này trở đi bộ đội đó sẽ lâm vào tình thế phải sống bấp bênh nay đây mai đó của những nhóm loạn quân du kích hoặc những đám thổ phi....

Tóm lại, những cuộc hành quân hiện tại đã đạt được những thành công không ai có thể phủ nhận, nó đòi hỏi phải được khai thác triệt để trên bình diện chính trị.”⁶⁴

4.3.8 - Giải pháp Trần Văn Xuân:

Sau khi thủ tướng Lê Văn Hoạch của chính phủ xứ Nam Kỳ Tự Trị từ chức, người Pháp đưa tướng Trần Văn Xuân lên thay thế. Trần Văn Xuân tốt nghiệp trường Bách Khoa Kỹ Thuật ở Pháp, gia nhập quân đội Pháp lâu năm và được thăng đến chức thiếu tướng. Trần Văn Xuân chủ trương một kế hoạch gồm có 2 giai đoạn: giai đoạn hiện thời phải chấp nhận một hình thức nước Việt Nam gồm có 3 Kỳ riêng rẽ: Bắc kỳ với HCM, Trung kỳ với Bảo Đại và Nam Kỳ với Trần Văn Xuân. Giai đoạn kế tiếp sẽ loại bỏ HCM với chế độ cộng sản và Bảo Đại với chế độ tân quân chủ để nhường chỗ cho một chính thể Cộng Hòa đầy đủ quyền lực xã hội và tiến bộ. Bảo Đại không đồng ý gửi điện văn cao ủy E. Bollaert yêu cầu giải tán chính phủ Nam Kỳ Tự Trị và thay thế bằng một Ủy Ban Hành Chánh ở Sài Gòn giống như ở Huế và ở Hà Nội hiện giờ. Yêu cầu này của Bảo Đại không được hồi đáp và chính phủ mới do tướng Trần Văn Xuân đứng đầu được cho ra mắt với một cái tên mới: **Chính Phủ Lâm Thời Miền Nam Việt Nam**.⁶⁵ Phải nói rằng đây là một cuộc đảo chánh nội bộ của Hội Đồng Cố Vấn Nam Kỳ do những thành phần thân Pháp chủ trương hạ bệ Lê Văn Hoạch và đưa Trần Văn Xuân lên thay mặc dù Trần Văn Xuân đã nhờ sự đề bạt của Lê Văn Hoạch trước đây để lên chức phó thủ tướng chính phủ Nam Kỳ Tự Trị. Trong thành phần chính phủ mới của Trần Văn Xuân, Lê Văn Hoạch và Trần Văn Hữu được trao giữ chức phó thủ tướng nhưng Lê Văn Hoạch không nhận chức phó thủ tướng do Xuân ban phát và đi sang Hong Kong với tư cách là phái viên đại diện giáo phái Cao Đài.^{64bis}

Ngày 19/11, Ramadier từ chức thủ tướng và Robert Schuman, một người của phong trào Cộng hòa bình dân (MRP) thay thế đứng đầu chính phủ Pháp. Paul Coste-Floret thay thế Marius Moutet tại Bộ Pháp quốc Hải ngoại. Coste-Floret hoàn toàn chống lại mọi ý đồ nói lại đàm phán với Hồ Chí Minh.

Đầu tháng 11, Bollaert đề nghị một cuộc gặp gỡ với Bảo Đại và họ đã gặp nhau tại vịnh Hạ Long vào 2 ngày ngày **06** và **07/12/1947**. Bảo Đại thận trọng và yêu cầu nước Pháp không được điều đình với HCM nữa. Trong lần gặp mặt này, Bollaert khuyến dụ Bảo Đại ký tên vào một bản tuyên bố chung và một nghị định thư. Bảo Đại từ chối không ký tên chính thức vào bản thảo Nghị Định Thư viết sẵn theo ý của Bollaert với nhiều điểm mờ ám về các vấn đề ngoại giao, quốc phòng, kế hoạch kinh tế và cả kế hoạch văn hóa

của nước Việt Nam trong Liên Bang Đông Dương. Bảo Đại lấy lý do rằng đây chỉ là một cuộc hội kiến riêng giữa cá nhân Bảo Đại với Cao ủy Đông Dương chứ không phải là Bảo Đại đại diện cho một đoàn thể hay tổ chức chính trị nào của người Việt Nam để ký kết với nước Pháp một văn bản Nghị Định Thư như thế.⁶⁶ Cuối cùng, theo lời kể lại trong hồi ký *Le Dragon d'Annam*, theo sự khẩn khoản của Bollaert, cựu hoàng Bảo Đại chỉ ghi *dấu kiểm thử* (parapher)⁶⁷ bằng hai chữ V.T (Vĩnh Thụy) vào cả 2 trang giấy bản thảo Nghị Định Thư do Bollaert đưa ra. Dấu kiểm thử ký tắt của Bảo Đại đã gây xôn xao rắc rối không ít.

- Trong một cuộc họp mặt 3 ngày ở Hồng Kong từ 19/12/1947 với thủ tướng Nam Kỳ Tự Trị Trần Văn Xuân, Chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Huế Trần Văn Lý và đặc biệt là sự có mặt của ông Ngô Đình Diệm, Bảo Đại đã hội ý và thăm dò ý kiến về bản Tuyên bố chung và Nghị Định Thư do Bollaert đã đưa ra ở Vịnh Hạ Long. Cả ba nhân vật này đều phản đối những điều khoản ghi ra trong bản **Nghị Định Thư** và nhận định rằng đây chỉ là những điều mà Bollaert đã từng tuyên bố ở Hà Đông trước đây không lâu lắm. Người phản đối mạnh mẽ hơn hết là ông Ngô Đình Diệm. Tất cả đều yêu cầu Bảo Đại phải quyết liệt từ chối không công nhận bản Nghị Định Thư của Bollaert.⁶⁸

- Hai trang Nghị Định Thư của Bollaert với dấu ký tắt kiểm thử “V.T” của Bảo Đại cũng gây tranh luận bất đồng trong diễn đàn chính trị nước Pháp. Phe cộng sản và thân cộng thì bất mãn vì chính phủ Pháp hiện tại đã loại trừ điều giải với CSVM còn phe thực dân mới của Pháp thì nhất định không đồng ý bãi bỏ chính phủ Nam Kỳ Tự Trị theo sự yêu cầu của Bảo Đại. Ngay cả ngoại trưởng Georges Bidault cũng cho rằng những đề nghị của Bollaert với Bảo Đại là quá đáng và lạm dụng và còn lo ngại việc tái xuất hiện hai chữ *Độc Lập* trong các văn kiện đó vì e rằng 2 chữ đó sẽ lan rộng ảnh hưởng không thuận lợi đến các thuộc địa của Pháp ở vùng Bắc Châu Phi. Ngoài ra Bidault cũng không đồng ý để cho nước Việt Nam có một chính sách ngoại giao và quốc phòng riêng biệt với chính sách ngoại giao và quốc phòng của nước Pháp.⁶⁹

Biết được Bollaert đã dùng mưu mẹo ở vịnh Hạ Long trong việc thúc ép Bảo Đại ký phải ký tên vào 2 bản văn viết sẵn cho nên Bảo Đại nhất quyết không chịu nhượng bộ bất cứ một điều gì cho đến khi nào mà nước Pháp chưa chịu chấp nhận cho Việt Nam được *thống nhất và độc lập* thực sự - hai điều mà Bidault cùng với đảng của ông ta luôn luôn phản đối. Đối với phong trào Cộng Hòa Bình Dân (CHBD) hay nói chung, đối với tất cả cánh hữu, Liên hiệp Pháp (tức là nước Pháp) phải là kẻ chủ trì nền ngoại giao, nền quốc phòng, mà cũng là kẻ chủ trì các kế hoạch kinh tế và văn hóa của toàn bộ Đông Dương.⁷⁰

Sau cuộc hội kiến với Nguyễn Văn Xuân, Trần Văn Lý và Ngô Đình Diệm ở Hồng Kong để bàn thảo về hai văn bản của Bollaert, Bảo Đại lên đường sang Thụy Sĩ để nghe ngóng tình hình chính trị và thái độ của chính phủ Pháp về cuộc gặp gỡ giữa Ông và Bollaert ở Vịnh Hạ Long. Bollaert cũng vội vã trở về Paris và sang gặp Bảo Đại vào ngày 07/01/1948 tại một khách sạn ở Thụy Sĩ. Vừa gặp mặt, Bollaert đã trắng trợn tỏ hiện ngay tức khắc mưu đồ xảo trá gài bẫy của đương sự đối với Bảo Đại ở Vịnh Hạ Long: “Thưa Ngài, bản chức yêu cầu Ngài hãy trở về Việt Nam để áp dụng những điều khoản đã được kê khai ra trong bản Tuyên Bố Chung và Nghị Định Thư ngày 07/12.” Bảo Đại

nhất quyết thoát khỏi bàn bạc thêm với Bollaert. Trong lần hội kiến thứ nhì ở Thụy Sĩ, Bollaert đã trăn tráo bảo rằng Bảo Đại phải gánh trách nhiệm vì đã ký tên vào hai văn bản Vịnh Hạ Long nhưng Bảo Đại vẫn không thay đổi lập trường. Sau lần gặp gỡ thứ ba, Bollaert thất vọng bỏ đi và nói rằng đương sự sẽ gặp lại Bảo Đại vào ngày 15/02/1948 ở Vịnh Hạ Long. Bảo Đại rời Thụy Sĩ sang Cannes (Pháp) để đoàn tụ với gia đình và trong khi ở đó thì chính phủ Pháp mời Ông đến Paris để hội kiến với thủ tướng Robert Schuman và bộ trưởng Pháp Quốc Hai Ngoại (Bộ Thuộc Địa của Pháp) Paul Coste Florêt và Georges Bidault. Trong những dịp gặp gỡ này, Bảo Đại vẫn cứng rắn giữ nguyên lập trường của mình như đã từng phát biểu với Bollaert kể từ tháng 12/1947. Trong một buổi ăn trưa với Hội Đồng chính phủ Pháp, chủ tịch hội đồng Robert Schuman đã tỏ thái độ phê phán về cách đối xử của Bảo Đại với Bollaert nhưng Bảo Đại đã cắt ngang và trả lời rằng cuộc gặp mặt ở Vịnh Hạ Long là do lời thỉnh cầu của Bollaert để nghe đương sự tường trình với Ông về chính sách hiện tại của chính phủ Pháp và Bảo Đại chỉ đến Hạ Long với tư cách riêng chứ không phải đến đó để ký kết một thỏa thuận hay chấp nhận một điều ước nào cả với cá nhân Bollaert. Bảo Đại còn phê phán thêm rằng kể từ khi quyết định cắt đứt thương thuyết với HCM, chính phủ Pháp chẳng đưa ra thêm được một đề nghị mới mẻ nào mà chỉ là bôn cũ soạn lại. Ngoài ra, trong buổi ăn, Schuman còn mơ hồ gọi lại tuyên bố của tướng De Gaulle ngày 25/03/1945 phản ánh chính sách của tập đoàn thực dân thuộc địa kiêu mới của viên tướng này. Theo Bảo Đại kể lại thì chính quyền ở Paris đã đứng phía sau hàng loạt dư luận báo chí ở Pháp tố cáo Bảo Đại là đã vi phạm hiệp ước bảo hộ, phản bội lại nước Pháp và hợp tác với Phát xít Nhật.⁷¹

Sau khi tiếp xúc với chính phủ Pháp một cách “dài dòng và chán ngấy”⁷², Bảo Đại đã mở một cuộc họp báo tố giác nước Pháp đã không giúp ích gì được cho vương quốc và triều đình An Nam như đã cam kết theo tinh thần hiệp ước Bảo Hộ được hoàng tử Cảnh ký (Kiến Phúc) ký với triều đình nước Pháp vào ngày 16/06/1884 mà cũng không bảo vệ nổi an toàn chủ quyền của vương quốc này qua những cuộc xâm lăng của giặc trong cũng như giặc ngoài. Ngay cả vào năm 1945, trước sự đe dọa của Phát xít quân phiệt Nhật hiếu thắng cùng với hiểm họa Cộng Sản Việt Minh thì nước Pháp cũng chẳng làm được gì để để gọi là bảo hộ cho vương quốc An Nam chống lại 2 hiểm họa này.⁷³ Ngày 21/02/1948, Hội đồng nội các chính phủ Pháp tuyên cáo tiếp tục tín nhiệm Cao ủy Đông Dương E. Bollaert. Bảo Đại rời nước Pháp và về tới Hong Kong ngày 18/03/1948.

4.3.9 - Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời nước Việt Nam

Chính quyền Pháp ở Sài Gòn bối rối lo âu và mất kiên nhẫn nhưng họ vẫn không mất hy vọng là sẽ trói buộc được Bảo Đại vì chữ ký tắt của Ông hoàng này trên bản Nghị Định Thư. Tuy nhiên, họ vẫn bị bế tắc để giải quyết vấn đề giá trị và hiệu lực pháp lý của chữ ký tắt V.T này có danh chánh ngôn thuận hay không trong khi cựu hoàng luôn tuyên bố là mình không đại diện cho nhân dân Việt Nam hay bất cứ ai vào lúc ký tắt như thế trên bản Nghị Định Thư. Hiển nhiên là nước Pháp và người Pháp ở Đông Dương không thể nào lại đi thương lượng về vấn đề chiến tranh hoặc hòa bình với một “Cá nhân người Việt Nam” như thế. Vậy thì người Pháp cần phải tìm ra một mưu chước chính trị nào đó để cá nhân Bảo Đại có vẻ như được lựa chọn hoặc được bầu cử qua hình thức của một hội nghị

dân chủ tạm bợ trá hình nào đó để biến Bảo Đại trở thành người đại diện chân chính của nhân dân Việt Nam thì người Pháp mới có thể thúc buộc Bảo Đại phải tôn trọng và thi hành những điều quy định yếm trá trong bản Nghị Định Thư của họ. Một hình thức hội nghị dân chủ “tạm thời” như thế đã được Bollaert đề cập với Bảo Đại khi họ gặp nhau ở Thụy Sĩ.⁷⁴

Sau khi trở về Hong Kong, Bảo Đại hội ý với Ngô Đình Diệm về hình thức Hội nghị dân biểu tạm thời như vừa kể trên nhưng ông Diệm giữ vững quan điểm rằng những điều khoản do người Pháp quy định trong bản Nghị Định Thư của Bollaert nhất định phải được sửa đổi tiên quyết rồi mới có thể nói tới việc thương nghị rồi theo lời yêu cầu của Bảo Đại ông Diệm đã từ Hong Kong trở về Sài Gòn thăm dò tình hình dư luận chung về việc thành lập một chính phủ trung ương cho cả ba miền Nam, Trung, Bắc hay không. Ông Diệm đã gặp Bollaert vào ngày 22/03/1948 và hoàn toàn thất vọng quay trở qua Hong Kong vì người Pháp tiếp tục giữ vững quan điểm, nguy hiểm rằng chỉ có một mình Bảo Đại phải chấp nhận trách nhiệm vì đã ký tên vào bản Nghị Định Thư. Như vậy theo chủ trương của ông Diệm thì cần chờ đợi chứ không thể thành lập một hội nghị dân chủ tạm thời giả tạo theo kiểu Bollaert. Ngoài ra còn có quan điểm cho rằng việc thoái vị của ông hoàng Bảo Đại là vô hiệu trên bình diện pháp lý vì bị áp lực thúc buộc của CSVM hay nói khác đi Bảo Đại vẫn còn là hoàng đế, vẫn còn là quốc trưởng của nước Việt Nam. Như vậy vương quyền của nhà Nguyễn đương nhiên tiếp tục mà không cần phải thông qua một thủ tục quốc hội hay một hội nghị dân chủ nào cả. Bảo Đại cũng không thể nghe theo quan điểm dựa trên tính cách hợp pháp hay bất hợp pháp của việc thoái vị để đòi lại ngôi vua của mình bởi vì hiện tại thì cựu hoàng này không muốn phục hồi chế độ quân chủ của họ Nguyễn Phúc theo như ông đã viết trong hồi ký *Le Dragon d'Annam* để rồi lại phải tiếp tục tuân phục chế độ bảo hộ của người Pháp.⁷⁵

Từ những truy cứu kể trên, có thể suy định rằng Bảo Đại đã quyết định nhập cuộc nhưng: (i)- không theo kiểu chính phủ Lâm Thời của Trần Văn Xuân (ii) không theo kiểu bầu cử tạm bợ của Bollaert để được công nhận là người đại diện chính thức của nhân dân Việt Nam để rồi bị trói buộc chịu trách nhiệm về việc ký tắt trên bản Nghị Định Thư ở vịnh Hạ Long. (iii) - Cựu hoàng này cũng không muốn mang tai tiếng là tham quyền cố vị với ý đồ khôi phục chế độ quân chủ của họ nhà Nguyễn Phúc. (iv) – Bảo Đại không muốn dư luận khắp nơi lên án là hòa bình Việt Nam không thể thực hiện được vì thái độ cứng rắn quyết liệt của mình để trốn trách nhiệm đối với chữ ký của mình, cho dù chỉ là một chữ ký tắt. (v) - Điểm quan trọng hơn hết là Bảo Đại không muốn xem bản Nghị Định Thư như là một Hiệp ước đã được ký kết chính thức, chung cuộc giữa Bollaert và Bảo Đại như người Pháp đã manh nha thực hiện bằng thủ đoạn chính trị ‘đặt chiếc cày trước con trâu’, một thủ đoạn chính trị lừa đảo mà người Pháp đã từng áp dụng đối với vương triều nhà Nguyễn Phúc kể từ năm 1884. Cũng nên lập lại ở đây là người Pháp cũng đã từng áp dụng thủ đoạn này để ký kết với HCM *Tạm ước 06/03/1946* và *Tạm ước Modis Vivendi 14/9/1946*.

Do đó, để chấm dứt những khuynh hướng chính trị tản mạn bất đồng này, Bảo Đại đã triệu tập một Hội Nghị Đại Biểu thu hẹp ở Hong Kong vào ngày 26/03/1948. Những

đại biểu này được Bảo Đại mời từ Việt Nam để họp bàn và thành lập một **Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam** với một nhiệm vụ duy nhất là ký kết một loại *Tạm Ước Modis Vivendi* với nước Pháp với những điều khoản giới hạn có thể áp dụng ngay để giúp cho đôi bên Việt-Pháp có cơ hội thỏa thuận trên những lãnh vực thực tế và tạo ra bầu khí tin tưởng lẫn nhau qua các hành động cụ thể. Hội Nghị Hong Kong thông qua việc cử tướng Nguyễn Văn Xuân giữ chức vụ chủ tịch để thành lập **Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời** này.⁷⁶ Ngoài ra, qua trung gian của Trần Văn Tuyên, Bảo Đại xác định với các thành viên đại biểu các đoàn thể chính trị, giáo phái có tham dự tham dự hội nghị ở Hong Kong rằng nếu Chính phủ Trung Ương Lâm Thời có thảo luận về một bản **Tuyên Bố Chung và bản Nghị Định Thư** mới thì Bảo Đại sẽ giành quyền quyết định để ký kết một Hiệp Định chung cuộc với nước Pháp.^{76bis}

Ngày 24/04/1948, Bảo Đại triệu gọi tướng Trần Văn Xuân sang Hong Kong, yêu cầu viên tướng này giải tán chính phủ Lâm Thời Miền Nam Việt Nam để giữ chức vụ chủ tịch **Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam**. Sau đó, hai chủ tịch của các Ủy Ban Hành chánh Lâm Thời ở Hà Nội và ở Huế cũng được yêu cầu giải tán để tham dự vào việc thành lập Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời của nước Việt Nam. Tất cả đều đồng ý từ nhiệm theo lời yêu cầu của Bảo Đại. Kế hoạch thành lập Chính phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam của Bảo Đại được Bollaert tán thành vì chính phủ này do tướng Xuân thân Pháp đứng đầu nhưng với một đòi hỏi của Bollaert là trong trường hợp phải ký kết một bản Thông Cáo Chung và Nghị Định Thư với Nguyễn Văn Xuân thì cũng phải có chữ ký của Bảo Đại trên 2 văn bản đó (Bảo Đại, *Le Dragon d' Annam*, tr.200). Tại sao Bảo Đại lại để cho Xuân làm chủ tịch mà không phải là Lê Văn Hoạch, hay Trần Văn Hữu hoặc là Ngô Đình Diệm? Theo Bảo Đại giải thích thì Lê Văn Hoạch không được cảm tình của phe thứ 3 thân Pháp ở Nam Kỳ; Ngô Đình Diệm thì nhất quyết không hợp tác theo ý của Pháp xếp đặt và Trần Văn Hữu thì thoắt thoát nhường cho tướng Xuân.⁷⁷

Ngày 20/05/1948, lợi dụng sự có mặt của của chủ tịch Hành Chánh của Hà Nội và của Huế, Nguyễn Văn Xuân vội vã triệu tập một ít đại diện nhân sĩ thuộc các đảng phái quốc gia không thiên cộng và đại diện các giáo phái để cùng chung với Hội Đồng Cố Vấn Nam Kỳ tạo thành một **Nghị Viện Bỏ Túi** gồm có tất cả 40 đại biểu nhằm mục đích bỏ phiếu tín nhiệm Nguyễn Văn Xuân trong việc thành lập Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời của nước Việt Nam. Ngày 27/05/1948, chủ tịch Nguyễn Văn Xuân sang Hong Kong tường trình với Bảo Đại danh sách thành phần nội các Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam bao gồm đại biểu của tất cả 3 Kỳ nhưng thành phần người Nam Kỳ chiếm đa số và nắm giữ những bộ sở then chốt. Thành phần chính phủ này gồm có:

- 1- Nguyễn Văn Xuân: Thủ tướng
- 2- Trần Văn Hữu: Phó Thủ tướng
- 3- Nghiêm Xuân Thiện: Quốc Vụ Khanh (đại diện cho Bắc Kỳ)
- 4- Phan Văn Giáo: Quốc Vụ Khanh (đại diện cho Trung Kỳ)
- 5- Lê Văn Hoạch: Quốc Vụ Khanh (đại diện cho Nam Kỳ)
- 6- Nguyễn Khắc Vệ: Tổng trưởng Tư pháp
- 7- Nguyễn Khoa Toàn: Tổng trưởng Nghi lễ và Giáo dục
- 8- Nguyễn Trung Vĩnh: Tổng trưởng Kinh tế và Tài chánh
- 9- Phan Huy Đán: Tổng trưởng Thông tin

- 10- Trần Thiện Vàng: Tổng trưởng Canh nông
- 11- Đặng Hữu Chí: Tổng trưởng Y tế
- 12- Nguyễn Văn Tý: Tổng trưởng Công chánh
- 13- Trần Quang Vinh: Bộ trưởng Quốc phòng
- 14- Đinh Xuân Quảng: Bộ trưởng Phủ Thủ tướng.⁷⁸

Trong dịp này, Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân cũng tuyên thệ tuân phục “Hoàng đế Bảo Đại” trong nhiệm vụ phục vụ đất nước Việt Nam.

Có hai điểm đáng lưu ý trong thành phần nội các chính phủ Nguyễn Văn Xuân: (i) Về Quốc Phòng được trao cho một Bộ trưởng chứ không phải một Tổng Trưởng. (ii) Không có Bộ Ngoại Giao. Như vậy có thể hiểu ngầm rằng quyền quyết định về chính sách Ngoại Giao và Quốc Phòng của Việt Nam là thuộc về thủ tướng Nguyễn Văn Xuân.

Ngày 31/05/1948, qua phát ngôn nhân Trần Văn Tuyên, Bảo Đại lại lưu ý chính phủ Pháp cần phải công nhận Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam của thủ tướng Nguyễn Văn Xuân như là chủ thể chính thức hòa đàm dưới danh nghĩa của hoàng đế Bảo Đại và Bảo Đại chỉ bằng lòng trở về Việt Nam sau khi nước Pháp thừa nhận và bảo đảm những ước vọng chân chính của nhân dân Việt Nam: đó là thực sự thống nhất, độc lập trong khối Liên Hiệp Pháp và Việt Nam phải được đối xử như là một Quốc Gia liên kết một cách tự do vào khối Liên Hiệp Pháp trong đó tất cả thành phần dân tộc Việt Nam đều được xếp bình đẳng đối với luật pháp và nghĩa vụ. Thấy rằng thái độ của Bảo Đại là không muốn dính líu vào tiến trình ký kết hiệp ước trong tương lai với Pháp cho nên chính phủ Paris phải chịu lùi bước mà tuyên bố sẽ công nhận chính phủ Nguyễn Văn Xuân nhưng Bảo Đại phải có chữ ký cùng với thủ tướng Xuân trên hiệp ước. Bảo Đại Đồng ý đến Vịnh Hạ Long để chứng kiến việc ký kết giữa Bollaert và thủ tướng Xuân.⁷⁹

4.3.10 - Tuyên Cáo Chung và Nghị Định Thư Vịnh Hạ Long ngày 05/06/1948

Ngày 05/06/1948, dưới sự chứng kiến của Bảo Đại, Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân và Cao Ủy Đông Dương E.Bollaert ký tên vào bản Tuyên Cáo Chung và Bản Nghị Định Thư trên chiến hạm Pháp Duguay-Trouin ngoài khơi Vịnh Hạ Long. Phái đoàn chính phủ tháp tùng thủ tướng Nguyễn Văn Xuân trong dịp này gồm có Nghiêm Xuân Thiện, Đặng Hữu Chí, Phan Văn Giáo, Nguyễn Khoa Toàn, Đinh Xuân Quảng, Trần Văn Hữu và Lê Văn Hoạch. Tất cả đều có tên trên bản Tuyên Cáo Chung. Bảo Đại ký tên trên Bản Tuyên Cáo này cùng với chữ ký của E. Bollaert và Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân. Đối với Bản Nghị Định Thư, Bảo Đại chỉ ký tắt để kiểm thị giống như ông đã ký tắt vào bản này vào tháng 12/1947.

Tuyên cáo chung ngày 5-6-1948 ở vịnh Hạ Long⁸⁰

Trước sự hiện diện của Hoàng đế Bảo Đại Ông Émile Bollaert, Cố vấn Cộng Hòa Pháp, Cao Ủy Pháp quốc ở Đông Dương, nhân danh chính phủ Cộng Hòa Pháp Quốc, và Ông Nguyễn Văn Xuân, Thủ tướng Chính phủ Trung ương Lâm thời Việt Nam, có sự dự kiến của quý ông Nghiêm Xuân Thiện và Đặng Hữu Chí, Phan Văn Giáo, Nguyễn Khoa Toàn và Đinh Xuân Quảng, Trần Văn Hữu và Lê Văn Hoạch, đại diện lần lượt cho miền Bắc Việt Nam, miền Trung Việt Nam và miền Nam Việt Nam,

Đã lập bản tuyên bố chung như sau:

1. Nước Pháp long trọng công nhận nền độc lập của Việt Nam, được tự do thực hiện nền thống nhất của mình. Về phía Việt Nam, nước Việt Nam tuyên bố sự sáp nhập vào Liên Hiệp Pháp dưới danh nghĩa một quốc gia liên kết với nước Pháp. Nền độc lập của Việt Nam không có một giới hạn nào khác, ngoài giới hạn, mà Liên Hiệp Pháp dành cho mình.

2. Nước Việt Nam cam kết tôn trọng mọi quyền hạn và quyền lợi của các tư nhân Pháp, cam kết bảo đảm các căn bản dân chủ, và dành ưu tiên sử dụng các nhà chuyên môn, cố vấn Pháp trong mọi nhu cầu tổ chức nội bộ và khuếch trương kinh tế của mình.

3. Sau khi thành lập Chính phủ Lâm thời, các đại diện của Việt Nam sẽ thỏa thuận với các đại diện của Cộng Hòa Pháp quốc, những sự thỏa thuận hợp lý về các vấn đề ngoại giao, kinh tế, tài chánh và chuyên môn.

Làm thành hai bản chính ở vịnh Hạ Long, ngày năm tháng sáu năm một nghìn chín trăm bốn mươi tám.

Émile Bollaert
Bảo Đại
Nguyễn Văn Xuân,
Nghiêm Xuân Thiện,
Đặng Hữu Chí,
Phan Văn Giáo,
Nguyễn Khoa Toàn
Đình Xuân Quảng,
Trần Văn Hữu,
Lê Văn Hoạch

*

Khảo Luận

Bảo Đại luôn luôn chủ trương không chấp nhận Nghị Định Thư theo kiểu sắp sẵn của E.Bollaert và chính phủ Pháp và chỉ xem đó như một hình thức tạm ước *Modis Vivendi* với những quy định giới hạn cần phải được, sửa đổi một cách chi tiết và thỏa đáng hơn hoặc là hủy bỏ nó trong tương lai. Chính vì thế, trước khi chia tay để đi sang Pháp, Bảo Đại đã nói với Bollaert rằng ông mong ước “*người Pháp sẽ hiểu biết và sẽ được xem là có thiện ý nếu họ bãi bỏ Bản Nghị Định Thư này vốn không được nhân dân Việt Nam chấp nhận. Bởi vì đây chính là cái giá đáng phải trả cho một nền Hòa bình.*”^{80 bis}

Hai văn kiện thường được gọi là Thỏa ước vịnh Hạ Long đánh dấu thật rõ nét một bước ngoặt trong lịch sử cận đại của nước Việt Nam. Mặc dù thỏa ước này vẫn còn mang nặng nhiều giới hạn nhưng điểm then chốt ở đây là từ ngữ *Độc Lập* mà người Pháp rất ghét nghe hay thấy thì từ nay đã được nghe và thấy ngoài ý muốn của nhóm người Pháp thực dân kiểu mới ở Đông Dương mà điển hình là **Hiệp Hội Bảo Vệ Công trình của Pháp ở Đông Dương /Union pour la Défense de l'Oeuvre Française en Indochine** (UDOFI).⁸¹ Hiệp Hội này là một tập đoàn gồm nhiều đoàn thể quan viên cai trị và tiểu công chức của chính quyền thuộc địa Pháp. Được thành lập vào ngày 15/07/1946 tại Tòa Đô Chính Sài Gòn do M. de Lachevrotière chủ trì. Các khuôn mặt thực dân mới như Bazel, Beziar, Bonvacini là những phát ngôn nhân nhiệt thành của UDOFI đã lên tiếng cho rằng chính quyền Pháp đã có những nhượng bộ quá mức. Các báo chí và cơ quan truyền thông của họ phát động phong trào cực lực lên án tướng Nguyễn Văn Xuân không cộng sản nhưng lại là một thành phần quốc gia nguy hiểm. Cùng một lúc họ lên án Cao Ủy Đông Dương E.Bollaert đã phản bội quyền lợi của nước Pháp rồi kêu gào nước Pháp phải lập lại tình trạng một nước Việt Nam trước khi xảy ra chiến tranh thế giới lần II tức là gồm có 3 kỳ: Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, Trung Kỳ và Bắc Kỳ dưới quyền bảo hộ của Pháp.

Người dân Việt Nam không mấy xôn xao về sự thực hiện thành công của Bảo Đại đòi Pháp phải công nhận nước Việt Nam Độc Lập và Thống Nhất toàn vẹn lãnh thổ, một điều mà HCM và đảng CSVN cho đến nay chưa bao giờ có thể thực hiện được. Người dân Việt Nam bình thường và thực tế có thể chỉ hiểu một cách đơn giản rằng nếu nước Việt Nam được độc lập thì quân Pháp phải rút đi và sẽ không còn lý do gì để đánh nhau nữa. Người nào, đảng nào đã có công đòi lại Độc Lập cho Việt Nam là một điều mà người dân Việt Nam trong thời bấy giờ ít lưu tâm đến.

Thỏa ước vịnh Hạ Long cũng đã tạo ra bất ổn phần nào cho thanh thế của HCM và VMCS. Từ tháng 05/1948, trung ương đảng CSVN đã khuyến cáo Bảo Đại không được đề cử tướng Trần Văn Xuân đứng ra thành lập một chính phủ bù nhìn làm tay sai cho người Pháp. Bộ máy tuyên truyền của CSVN với óng loa hiệu chiến Trần Huy Liệu Trần đã lập đi lập lại rằng Bảo Đại đã bị bọn thực dân thuộc địa Pháp lừa bịp đưa vào tròng và cùng một lúc lên án tử hình vắng mặt Nguyễn Văn Xuân với tội danh phản quốc. Nguồn tin của bộ thông tin CSVN phát hành 07/06/1948 đã loan tin lời tuyên bố của HCM phản đối việc thực dân Pháp thành lập “chính phủ trung ương bù nhìn với mục đích phản quốc phục vụ cho ngoại bang.” Nhân danh chính phủ Dân Chủ Cộng Việt Nam, HCM cũng

tuyên “bỏ vô hiệu và bất hợp pháp đối với mọi văn kiện nào ký kết bởi những kẻ bù nhìn với bất cứ nước ngoài nào.”⁸²

Tình hình chính trị và chính phủ Pháp ở Paris không được ổn định vì thế họ chưa quan tâm tới việc chuẩn nhận 2 văn kiện mà Cao ủy Đông Dương vừa ký với thủ tướng Nguyễn Văn Xuân ở vịnh Hạ Long (05/06/1948) với sự chứng kiến của Bảo Đại. Bollaert trở qua Paris để thúc hối chính phủ Pháp chuẩn phê hai văn kiện Vịnh Hạ Long. Các đảng phái Pháp cánh tả và cánh hữu nhất là phe cộng sản Pháp trong chính phủ Pháp đều không hài lòng về việc ký kết này của E. Bollaert với thủ tướng Xuân dưới sự chứng kiến của Bảo Đại. Chính phủ Robert Schuman từ chức ngày 24-7-1948. Chính phủ mới, do André Marie nhậm chức ngày 26-7.

Mãi cho tới ngày 19/08/1948, chính phủ Pháp của André Marie mới chịu chấp nhận tín nhiệm cao ủy E. Bollaert. Tuy vậy, không phải là không có những lời lẽ phàn nàn từ đảng Cộng Hòa Tự Do/PRL (Republican Party of Liberty) cho rằng nước Pháp đã tự ý từ bỏ những quyền lợi của mình ở vịnh Hạ Long. Đảng Xã Hội Cấp Tiên của Pháp thì tố giác rằng tướng Xuân chẳng có một quyền hạn gì để tuyên bố cho nước Việt Nam. Đảng CS Pháp thì một mực đòi hỏi chính phủ Pháp phải thương lượng với CSVM và lên án tướng Xuân là tay sai nanh vuốt của Hoa Kỳ. Chỉ có đảng Xã Hội Cấp Tiên (Radical Socialists) và đảng Phong Trào Cộng Hòa Bình Dân/MRP (Popular Republican Movement) là ủng hộ Bollaert nhưng không phải là sưng sè bởi vì tại kỳ họp quốc hội Pháp ở Paris vào ngày 08/06/1948, Bộ trưởng bộ Thuộc Địa của chính phủ là Paul Coste-Floret là người đã gây ra sự khuấy động đáng chú ý qua sự chê trách Bollaert về nội dung thỏa ước Hạ Long:

Thỏa ước đã được ký kết vào ngày 05/06 không có nghĩa là đã tức khắc mang Hòa bình trở lại nhưng nó chỉ là dấu hiệu rõ rệt của một thời kỳ quan trọng cho chiều hướng hòa bình của đất nước.

Những phần tử hội đoàn kể từ nay có thể quy tụ chung quanh một chính quyền quốc gia đáp ứng được những ước vọng nước Việt Nam và bảo đảm những quyền lợi của nước Pháp và Khối Liên Hiệp Pháp.

Để tránh những chuyện mơ hồ, bản chức đã nhiều lần nhắc nhở ông Cao ủy Pháp về ý muốn của chính phủ Cộng Hòa là vẫn tiếp tục giữ sự thống nhất của nền Ngoại giao và Quốc phòng của Khối Liên Hiệp Pháp.

Bản chức đã cho ông ấy biết rằng những lực lượng (vũ trang) của người Việt Nam tiếp tục là những lực lượng cảnh sát giữ nhiệm vụ an ninh trong nước.

Sau cùng đối với quy chế của Nam Kỳ thì đã được xác định rằng những văn kiện kiện có thể được ký tên ở Vịnh Hạ Long sẽ không có điều gì bao hàm ý nghĩa là nước Pháp tự động thừa nhận sự thống nhất 3 Kỳ nhưng nước Pháp còn chờ những hành động của chính phủ Xuân trước khi xác định vị thế của mình.

Như vậy, quy chế của 3 xứ cùng một ngôn ngữ tiếng Việt, như đã được quy định bởi những hiệp ước ký kết với triều đình nước An Nam hiện giờ không có gì thay đổi.

Vào giờ phút này chính phủ Pháp không tự tuyên bố về việc thống nhất của 3 Kỳ.. Chính phủ Pháp không phản đối việc thống nhất của nước Việt Nam nếu đó là nguyện vọng dân chủ do nhân dân biểu lộ... Chính phủ Pháp khẳng định rằng không có một sự thay đổi nào về quy chế của Nam Kỳ có thể xảy ra mà lại không có sự quyết định tối cao của Quốc Hội.⁸³

Ngày 19/08/1948, tân thủ tướng André Marie yêu cầu Quốc Hội Pháp bỏ phiếu tín nhiệm một tuyên cáo về chính sách của tân chính phủ đối với vấn đề Đông Dương với tỷ số 347 phiếu thuận và 183 phiếu chống. Bản tuyên cáo có đoạn viết:

...Việc kết thúc những Hiệp Định Thư ngày 07/12/1947 và 05/06/1948 đã xác định những nguyên tắc mà dựa vào đó nước Pháp ưu chọn đề hòa hội với nhân dân Việt Nam.

Chính phủ giành một sự tán thành toàn vẹn và long trọng cho những nguyên tắc này.

Mặc khác, chính phủ vốn trung thành với sứ mệnh hiện có của nước Pháp, chiếu theo hiến pháp quy định, là “dẫn đưa các dân tộc mà nước Pháp đang có bổn phận tiến đến sự tự do cai trị một mình và quản trị một cách dân chủ những vấn đề của riêng họ.”⁸⁴

*

Như vậy **Bản Tuyên Bố Vịnh Hạ Long** có chữ ký của Bảo Đại chỉ là một thỏa ước về nguyên tắc. Những vấn đề cực kỳ quan trọng khác đều gát lại cho những cuộc hội nghị đặc biệt. Riêng Bảo Đại thì lại cho rằng Tuyên cáo của tân thủ tướng André Marie chỉ được quốc hội Pháp minh thị tán thành chứ không phải chuẩn phê các văn kiện ký kết ở Vịnh Hạ Long.

Ngày **25/08/1948**, cao ủy E.Bollaert lại đến gặp Bảo Đại ở Saint Germain để thông báo rằng các văn kiện ký kết ở Vịnh Hạ Long đã được chuẩn phê và yêu cầu Bảo Đại phải lập tức lên đường trở về Việt Nam để xử lý mọi việc. Một lần nữa, Bảo Đại đã khước bỏ không chấp nhận thủ đoạn chính trị gài bẫy mờ ám của E.Bollaert. Ngày 17/09/1948, Pháp lại có chính phủ mới do Henri Queille làm thủ tướng. Ngày 17/10/1948, Bollaert lại trở qua Pháp gặp Bảo Đại nhưng vẫn không thể thuyết phục được và lần này Bảo Đại đã thẳng thừng tuyên bố rằng vẫn không thấy được có một chứng cứ thay đổi về phía người Pháp và ông sẽ không quay về Việt Nam với hai bàn tay không. Lời tuyên bố này gọi lại lời than vãn của HCM với Maurius Moutet để có được tạm ước Modis vivendi tháng 09-1946 và dứt khoát rằng nếu Bollaert muốn thương lượng ngay bây giờ thì hãy thương lượng với thủ tướng Nguyễn Văn Xuân ở Việt Nam.⁸⁵ Bollaert thối chí đệ đơn xin từ chức ngày 20/10/1948.

Bằng Sắc lệnh ngày 22/10/1948, chính phủ Pháp cử Léon Pignon thay thế. Trong những này còn ở Pháp, trước khi lên đường sang Sài Gòn nhậm chức, Léon Pignon gặp Bảo Đại vào ngày 16/11/1948. Trong cuộc gặp mặt này, Pignon xác định rằng việc Bảo Đại trở về Việt Nam của Bảo Đại là chìa khóa duy nhất để mở cánh cửa hòa bình. Pignon lặp lại những luận điệu thúc ép cũ của E.Bollaert có nghĩa là không có gì thay đổi trong chính sách của chính phủ Pháp ở Paris đối với Đông Dương nói chung và cho Việt Nam nói riêng. Bảo Đại lại phải tiếp tục lặp lại tất cả những gì mà Ông đã nói với Bollaert trước đây. Ngày 17/12/1948, trước giờ phi cơ cất cánh từ sân bay Orly sang Sài Gòn, Pignon đã tuyên bố rằng Thỏa ước Vịnh Hạ Long 05/06/1948 vừa rồi là tờ giấy khai sinh ra nước Việt Nam độc lập:

*“Rome n’a pas été bâtie en un jour et le Viet-Nam indépendant qui a reçu son acte de naissance dans la Baie d’Along le 5 juin dernier, doit peu à peu faire sa croissance, c’est à dire s’organiser, prendre en main les attributs essentiels de sa souveraineté ...”*⁸⁶

(Thành phố Rôma không phải chỉ có một ngày mà được xây xong và nước Việt Nam độc lập vừa rồi đã nhận được giấy khai sinh ngày 05/06/1948 trong Vịnh Hạ Long thì phải lớn lên từ từ, nghĩa là tự quản lãnh nhiệm những sự đóng góp trọng yếu từ chủ quyền của mình...)

Ngày 24/11/1948, tuyên bố chính thức trước các phóng viên báo chí ở Sài Gòn, **L.Pignon xác quyết rằng nước Pháp mong muốn áp dụng ngay, càng sớm càng tốt**

những quy điều của Nghị Định Thư Hạ Long ngày 05/06/1948. Còn mặt khác, là thuộc về phân vụ của hoàng đế Bảo Đại để cho biết bằng mọi cách, ngày giờ và phương tiện cứu hoàng trở về Việt Nam.

Sau cuộc kinh lý Đông Dương lần đầu tiên này, tân Cao ủy Đông Dương Pignon quay trở về Pháp . Ngày 26/12/1948 lại đến khuyến dụ và đề nghị Bảo Đại hãy cùng với chính phủ Pháp khởi sự lại mọi việc *dựa trên những nền tảng mới* và trực tiếp đi vào ngay tiến trình xây dựng một quốc gia Việt Nam mới. Những nền tảng mới mà Pignon đề cập là những nền tảng nào? Bảo Đại đã nói rằng những nền tảng này đã có sẵn và đó là Độc Lập, Thống Nhất và toàn vẹn lãnh thổ.⁸⁷

*

Câu hỏi đặt ra: Tại sao Bảo Đại lại có thái độ thoái thác đó?

Thỏa Ước Vịnh Hạ Long gồm có 2 văn kiện:

(i) - Bản *Tuyên Bố Chung* giữa E.Bollaert - Bảo Đại với chữ ký chính thức của 2 người.

(ii) - Bản *Nghị Định Thư* có chữ ký của Bollaert với thủ tướng Nguyễn Văn Xuân và kèm theo có dấu chữ ký tắt ‘kiểm thụ’ của Bảo Đại. Chữ ký tắt kiểm thụ của Bảo Đại không có ý nghĩa là đã có sự đồng ý và chấp thuận của Bảo Đại mà là dấu chỉ của một nhân chứng để thị thực hai chữ ký trên văn bản là chữ ký của Bollaert và Nguyễn Văn Xuân và đồng thời cũng thị thực văn bản do hai người này ký tên là văn bản chính gốc. Về mặt pháp lý, người làm nhân chứng thị thực không phải chịu một sự trói buộc nào về việc thi hành các điều khoản ghi ra trên Bản *Nghị Định Thư* đó.

Vậy có thể suy định chủ trương của Bảo Đại như sau:

- Nếu người Pháp muốn tiếp tục thương thảo trên căn bản của bản *Tuyên Bố Chung* thì Bảo Đại sẽ sẵn sàng với điều kiện tiên quyết là chính quyền Pháp ở Paris phải chuẩn nhận bản tuyên bố chung này.

- Trong tình hình hiện tại nếu người Pháp muốn thi hành những điều khoản trong *Bản Nghị Định Thư* thì đó là vấn đề giữa chính phủ Pháp và chính phủ Nguyễn Văn Xuân.

Bollaert nhất định phải hiểu rõ ý định và chủ trương của Bảo Đại là như thế nhưng đương sự cứ trơ tráo, giả điếc làm ngơ tìm mọi cách để đưa Bảo Đại vào bẫy rập của mình. Trình độ và kinh nghiệm chính trị của Bollaert thật sự quá non nớt qua cung cách của đương sự đánh giá quá thấp tư cách và con người thực sự của Bảo Đại, một người đã từng vượt qua được hết đợt này đến đợt khác những biến cố chính trị nguy hiểm để sinh tồn trước khi Bollaert trở thành một trong những Cao ủy ở Đông Dương. Ông hoàng này dư sức biết người Pháp chỉ muốn lợi dụng Ông để tạm thời loại bớt một mũi tấn công khác của những người Việt Nam Quốc Gia không CS nhưng cũng chống chế độ thực dân thuộc địa ngoại bang giống như Công Sản Việt Minh.

Vào giờ phút này, Bảo Đại chưa muốn chính thức cầm quyền một chính phủ Trung Ương Việt Nam không có thực quyền, không có binh đội riêng, không có ngoại giao riêng. Chính phủ Trung Ương Việt Nam hiện giờ chỉ là một mẩu bánh vẽ của thực dân Pháp để

lôi kéo Bảo Đại vào chung một đàn múa rối cùng với tướng Nguyễn Văn Xuân. Hơn nữa, Bảo Đại không muốn đối đầu cùng một lúc với CSVM, với thực dân Pháp và với thành phần trung lưu ở Nam Kỳ vốn được coi như là lực lượng thứ 3 thân Pháp của Nguyễn Văn Xuân. Bảo Đại đã biết trước rằng Nguyễn Văn Xuân sẽ không thể làm gì được nếu không có sự đồng ý của người Pháp bởi vì nhân vật mà người Pháp nặng lòng chính là Bảo Đại chứ không phải Nguyễn Văn Xuân. Do đó Bảo Đại cứ giữ thái độ lững lờ của mình để chờ xem thời thế mang tới sự thất bại không thể tránh khỏi cho chính quyền Nguyễn Văn Xuân.

Sự yếu kém của chính phủ Nguyễn Văn Xuân thể hiện rõ rệt qua hình thức tổ chức chính quyền Thống đốc cho 3 kỳ giống như guồng máy cai trị bảo hộ của thực dân Pháp trước khi quân phiệt Nhật đặt chân lên đất nước Việt Nam, một chính phủ mà không có thực quyền mà cũng không được sự hậu thuẫn của dân chúng Việt Nam. Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ đều có một thống đốc riêng và theo lý thuyết thì các thống đốc của 3 kỳ này phải ở dưới quyền kiểm soát của chính phủ trung ương do Nguyễn Văn Xuân làm thủ tướng. Thực tế thì không có chuyện thống đốc địa phương phải phục tùng chính quyền Trung Ương như thế và tệ hại hơn nữa là theo tổ chức hành chánh kiểu thống đốc này thì người dân Việt Nam ở Nam Kỳ phải chịu số phận một cỗ nhiều trùng: (i) Guồng máy thuộc địa cai trị của Cao Ủy Pháp Đông Dương ở Sài Gòn, (ii) Tập đoàn quân đội viễn chinh của Pháp, (iii) Thống đốc Nam Kỳ của chính quyền Trung Ương Lâm Thời Việt Nam, (iv) hệ thống kiểm soát và đe dọa dân chúng trong bóng tối của CSVM ở Nam Kỳ bởi vì hiện tại thì người Pháp chỉ kiểm soát được dân chúng ở các vùng thành thị nhưng dân chúng ở nông thôn thì vẫn do CSVM của tướng Nguyễn Bình tiếp tục kiểm soát. Bảo Đại muốn lực lượng thứ 3 của Nguyễn Văn Xuân tự tan rã và đúng như ý muốn của Bảo Đại, chính phủ không có thực quyền của Nguyễn Văn Xuân tự mình đang đi tới bờ tự hủy diệt.

CSVM, người Pháp Thực dân cứ tưởng rằng Bảo Đại đã bị đưa vào bẫy rập, nhưng thực tế qua cách ứng phó của Bảo Đại ngay từ khi mới trở về nước lên ngôi hoàng đế, qua bao nhiêu biến cố chính trị thăng trầm hiểm nguy mà Bảo Đại vẫn còn sống sót đến nay thì có thể nói là cả CSVM và tập đoàn thực dân mới Pháp đã quá ngu ngơ xuẩn động khi đánh giá quá thấp về con người thực sự của cựu hoàng này, một người trưởng thành với đầy đủ bản lĩnh, kinh nghiệm chính trị và nhất là có chính danh và uy thế lớn hơn hết so với các nhân vật chính trị khác của bản xứ để đứng ra đòi lại độc lập và hòa bình cho một quốc gia Việt Nam không cộng sản.

Tại một quốc gia đầy xáo trộn với một phong trào cách mạng đang lên như Việt Nam thì người Pháp cần phải đặt câu hỏi: người Pháp phải thương lượng với ai? Họ khởi đầu thương lượng với HCM và họ đã thấy việc thương lượng này đã đưa đẩy họ tới đâu rồi. Muốn thương thảo thì phải có 2 phía. Đối với HCM dù muốn hay không muốn thương thảo thì tiên quyết người Pháp phải chấp nhận rút lui ra khỏi Việt Nam, như thế có nghĩa là ảnh hưởng người Pháp ở Đông Dương sẽ tiêu tan uy danh cường quốc thế giới của nước Pháp sẽ trở thành bèo bọt và vì vậy nước Pháp đã kiên quyết không làm hài lòng HCM. Trong một khoảng thời gian, HCM đã có thể che đậy trò chơi chính trị của đương sự và

gây ảo tưởng cho nhiều người rằng đương sự như là kẻ duy nhất, không thể thay thế để làm người lãnh đạo cho một hình thức Mặt Trận Quốc Gia và nhân dân Việt Nam với khả năng có thể quy tụ mọi thành phần đảng phái, đoàn thể quốc gia không Cộng sản và Cộng sản Mác Xít. Theo đà biến động chính trị thế giới, ngày nay không ai còn có thể nghi ngờ gì nữa về chân dung thực sự của HCM: một đảng viên của Quốc Tế Cộng Sản mặc dù đương sự đã giải tán một cách giả tạo Đảng Cộng Sản Đông Dương và cho đảng này mang một cái tên khác là Đảng Việt Minh- Đảng Cộng Sản Việt Minh.

Không thể thương lượng với HCM, người Pháp đã phải quay hướng về phía Bảo Đại mặc dù họ đã được nghe sự tuyên truyền bêu xấu của VMCS cho rằng cựu hoàng này chỉ là một tàn dư của một triều đại quân chủ thối nát đã bị sụp đổ không thể đại diện cho bất cứ ai. Nhưng tại sao người Pháp lại cứ chọn Bảo Đại mà không phải ai khác ngoài HCM? CSVN và người Pháp đều biết rõ Bảo Đại, một thừa kế chính danh của dòng họ nhà Nguyễn Phúc, là biểu tượng của truyền thống chính trị và đạo giáo người Việt Nam và biểu tượng này đã ăn sâu vào trong tâm tưởng của quần chúng nhất là ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Trong triều đại nhà họ Nguyễn Phúc, Bảo Đại là biểu tượng cho một truyền thống Việt Nam nổi bật và mạnh mẽ nhất từ trước đến nay: 1/ Ngoài hoàng đế Gia Long ra, Bảo Đại là vị vua duy nhất của nhà Nguyễn và là người Việt Nam đầu tiên đã lấy lại được Độc lập và Thống nhất lãnh thổ Việt Nam từ tay quân phiệt Nhật trước khi CSVN và HCM cướp chính quyền vào tháng 08/ 1945 rồi tạo áp lực khiến cho ông hoàng này phải thoái vị. Mặc dù đang ở thế lấn lướt, nhưng HCM đã không dám ra lệnh chém đầu Bảo Đại vì sợ chấn động lòng dân. Đã thế, HCM còn phải ép lòng phong cho cựu hoàng này chức Cố Vấn Tối Cao của chính quyền VMCS. 2/ Bảo Đại là một ông vua đầu tiên của nhà Nguyễn bãi bỏ tập tục phong kiến nhà vua có nhiều vợ và hầu thiếp. 3/ Bảo Đại là người đầu tiên của triều đình nhà Nguyễn thủ tiêu tập tục quỳ lại của các quan thần khi vào triều gặp mặt nhà vua. Và thành lập một chính phủ dân sự cho cả 3 Kỳ của một nước Việt Nam thống nhất: chính phủ Trần Trọng Kim.

Trong một cuộc thảo luận của quốc hội Pháp ngày 01/02/1950 để chuẩn phê các hiệp ước ký kết giữa nước Pháp với 3 quốc gia ở Đông Dương, một ủy viên của Ủy Ban Pháp Quốc Hải Ngoại đã tường trình về việc ký kết các hiệp ước giữa nước Pháp với các nước Đông Dương. Trong phần tường trình về Việt Nam ủy viên này có những nhận định về bảo Đại như sau:⁸⁸

Troisième observation:

.....

A mon sens, l'empereur Bao Dai ne représente pas seulement une tradition puissante; il est en droit le souverain légitime. Son abdication, arrachée par la force à la suite de la mainmise japonaise sur les pays d'Indochine, est juridiquement nulle. L'empereur Bao Dai est donc l'interlocuteur valable, il est l'interlocuteur le plus valable.

Quatrième observation: votre commission a le sentiment que ce qu'on appelle la solution Bao Dai n'a pas été réalisée tout de suite avec toute la netteté désirable. Sa majorité estime que l'empereur Bao Dai aurait dû retourner dans ses Etats à la tête d'un gouvernement provisoire dont la mission aurait été simplement celle du gouvernement provisoire de la République française au moment de la Libération. Le gouvernement provisoire se serait attaché à une oeuvre de pacification, le regime

définitif intervenant après le rétablissement de la paix et une consultation populaire régulière. Au lieu de cela, l'empereur Bao Dai est retourné dans ses Etats pour négocier et non pour gouverner.

Nhận định thứ 3 . . .

Theo ý nghĩ của bản chức, hoàng đế Bảo Đại không những là biểu tượng của một quyền uy truyền thống mà Ông còn là một quốc vương chính danh hợp pháp. Việc thoái vị của Ông do bạo lực tước bỏ tiếp theo sau sự xâm lược của Nhật vào các quốc gia Đông Dương là vô hiệu trên bình diện pháp lý. Như vậy, hoàng đế Bảo Đại là người đối thoại giá trị và là giá trị nhất.

Nhận định thứ 4 . . .

Người đại biểu Ủy ban Hải Ngoại của quý vị có cảm tưởng về cái gọi là Giải Pháp Bảo Đại đã không được thực thi ngay một cách rõ ràng đúng mức. Đa số thành viên của ủy ban này đánh giá rằng hoàng đế Bảo Đại phải trở về với các Xứ của Ông để cầm đầu một Chính phủ lâm thời mà nhiệm vụ của chính phủ này không khác gì với nhiệm vụ của Chính phủ Lâm thời của Cộng Hòa Pháp Quốc vào lúc được Giải phóng. Chính phủ Lâm Thời sẽ phải được giao phó công cuộc bình định, tái lập thể chế chính thức sau khi hòa bình đã được vãng hồi và sau một cuộc trưng cầu dân ý hợp thức. Đáng lý phải là như thế, vậy mà Bảo Đại phải về đất nước của Ông, không phải để cai trị, nhưng chỉ để thương thảo.

Tóm lại, **Giải pháp Bảo Đại** do tập đoàn thực dân mới E.Bollaert - Coste Floret – Letourneau - Pignon dàn dựng qua thủ đoạn chính trị bất chính dưới hình thức một **Nghị Định Thư bí mật** đã hoàn toàn thất bại bởi vì chính phủ Pháp chỉ thay đổi nhân sự nhưng vẫn giữ chính sách đế quốc thực dân thuộc địa của họ và thực tế cho thấy “*không có một giải pháp Bảo Đại mà chỉ có một giải pháp của người Pháp*” như Bảo Đại đã từng tuyên bố vào năm 1950 với một trong số những nhân vật thân cận với ông.⁸⁹

*

Chương 3

NHỮNG CUỘC THƯƠNG LƯỢNG Ở PHÁP

1 - Tình hình chính trị và quân sự của Pháp ở Việt Nam 1948-1949 và những biến chuyển của cuộc chiến Quốc - Cộng ở Trung Hoa.

1.1 –Pháp và Âu Châu

Cuộc sống khó khăn về mặt kinh tế khiến cho người dân ở Pháp không mấy quan tâm về các vấn đề rắc rối của chính phủ của họ đang xảy ra ở các lãnh thổ Pháp Quốc Hải Ngoại xa xôi. Mặc dù vậy cũng có nhiều dư luận kịhông hài lòng về cuộc chiến của nước Pháp ở Việt Nam. Cộng sản Pháp thúc hổi nước Pháp phải thương lượng với CS Việt Minh, lên án người Pháp đang gây ra một cuộc chiến như bản và kêu gào phải có hòa bình ngay cho nước Việt Nam. Những tờ báo khuynh tả *Comnat* và *Franc-Tireur* đã đưa ra những bài phê luận kịch liệt lên án về việc chính phủ Pháp bỏ rơi Hồ Chí Minh để thương lượng riêng với những nhân vật và phe phái Việt Nam không Cộng Sản, trung lập hoặc thân Pháp. Nhiều tập chí có uy tín ở Pháp như *Esprit* của Công Giáo Cấp Tiên và *Les Temps Moderns* do Jean Paul Sartre chủ bút cũng phê phán nặng nề chính phủ Pháp về chính sách “bỏ rơi HCM”.

Một thiểu số đảng viên MRP cũng phản đối hành vi bỏ rơi này. Đảng Xã Hội Pháp, mặc dù có đại biểu trong quốc Hội và tham gia nội các chính phủ nhưng vẫn lớn giọng đã kích về việc chính phủ hiện tại của nước Pháp đang thương lượng với Bảo Đại: háng 01/1949, Bí thư đảng Guy Mollet gửi một kháng thư đến Tổng Thống Pháp Vincent Auriol nói rằng : “ *Thương lượng với Bảo Đại sẽ không thể nhận được sự đồng tình của nhân dân Việt NamCựu Hoàng này không còn được hưởng một uy quyền nào của đất nước, quân lực Việt Nam (Bộ đội của CSVM) không tuân phục Ông ta . . .Ủy Ban Chấp Hành Đảng ủy nhiệm cho đương sự (Guy Mollet) phản kháng và yêu cầu chính phủ phải chấm dứt chiến tranh thông qua thương lượng với tất cả mọi thành phần chính trị, văn hóa của nhân dân Việt Nam , ưu tiên thương lượng với chính phủ của HCM.*”⁹⁰

Ở Âu Châu, Cộng Sản Liên Xô bắt đầu quay mặt làm khó dễ các nước Đồng Minh Âu-Mỹ ở thủ đô Berlin của nước Đức Quốc Xã bại trận bằng cách cấm vận, ngăn chặn các đường giao thông vào 3 vùng ở phía Tây Berlin do Anh-Pháp-Mỹ kiểm soát kể từ 24/06/1948. Để đối phó với việc phong tỏa này của Liên Xô, 3 nước Đồng minh đã phải lập một cầu không vận khổng lồ kể từ ngày 28/06/1948 để tiếp tế cho hơn 2 triệu dân Đức ở khu vực Tây Berlin đồng thời để trả đũa, họ cũng ngăn chặn các đường giao thông dẫn vào Đông Berlin do Liên Xô kiểm soát.⁹¹

1.2 – Hoa Kỳ và Trung Hoa

Ở Hoa Kỳ, tổng thống tái đắc cử Harry Truman bắt đầu thấy lo ngại về khả năng của người Pháp trong việc ngăn chặn cho toàn thể vùng bán đảo Đông Dương không bị nhuộm đỏ bởi Cộng Sản Mao Trạch Đông mà trước hết là nước Việt Nam nằm sát cạnh Trung Quốc.

Trong khi đó thì cuộc chiến Quốc - Cộng ở Trung Hoa biến chuyển một cách nhanh chóng rất bất lợi cho phe Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Thống Chế Tưởng Giới Thạch. Phe Cộng sản của Mao Trạch Đông bắt đầu gặt hái được kết quả to lớn và chiếm được nhiều vùng đất trọng yếu trên lãnh thổ Trung Hoa.

1.3 – Pháp ở Đông Dương và Việt Nam

Kể từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1947, người Pháp ở Đông Dương có vẻ như đã tiêu diệt một cách dễ dàng các lực lượng bộ đội CSVN đặc biệt là ở Nam Kỳ. Tuy nhiên, tình trạng thắng thế này của người Pháp nay không còn nữa và họ đành phải bắt đầu thực hiện những cuộc hành quân bình định hạn chế nhưng cũng không gặt hái được nhiều kết quả khả quan. Để cứu vãn tình hình quân sự bất lợi của mình, người Pháp đã áp dụng một phương cách ngoại giao mà họ đã từng áp dụng trước kia ở nước Maroc/ Phi Châu: liên kết với những đoàn thể, giáo phái vũ trang ở Nam Kỳ như Hòa Hảo, Cao Đài để đánh nhau với các bộ đội CSVN ở Nam Kỳ của tướng Nguyễn Bình.

Cho đến hiện tình ở vào thời điểm này, thì CSVN ở Nam Kỳ cũng như ở Bắc Kỳ vẫn không bị tiêu diệt hoàn toàn như người Pháp mong muốn. Lãnh thổ trở thành những vùng xôi đậu do Pháp và CSVN kiểm soát mà không có bên nào có thể tự tuyên bố là hoàn toàn chiến thắng. Việt Minh kiểm soát một cách lén lút nhưng hiệu quả các vùng nông thôn lúa gạo và nông nghiệp còn người Pháp thì chỉ quanh quẩn trong chu vi các thành thị đông dân cư. Tình trạng này tạo ra một hiện tượng thật nghịch lý: người Pháp không thể thu mua lúa gạo từ tay nông dân, còn CSVN thì cần đồng tiền do Ngân hàng Đông Dương phát hành để mua lậu khí giới và chiến cụ quân sự từ các nước ngoại quốc khác. Do đó phát sinh ra một hạng người làm trung gian để cung cấp lúa gạo cho Pháp và tiền Đông Dương cho Việt Minh; đó là những đám khách trú Hoa Kiều ở khắp Việt Nam nhất là ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ.

Người Pháp lại lay đổi sang chủ trương tách rời CSVN những người quốc gia không CS chống Pháp theo chiều hướng thay đổi chính trị của thế giới: phân chia thế giới thành 2 khối Tư Bản và Cộng Sản. Dù vậy, CSVN với chiến thuật đánh trận du kích của họ cũng không bị nao núng gì về việc du nhập hàng rào giữa Tư Bản với Cộng Sản này. Người Pháp lại thất bại thêm qua các thủ đoạn chính trị “Vịnh Hạ Long” để lập chí quyền Việt Nam giả hiệu với mục đích là cố bám giữ không cho phân đầu Nam Kỳ được nhập trở lại trong một quốc gia Việt Nam Độc Lập và toàn vẹn lãnh thổ. Hậu quả về đường hướng này của người Pháp thực dân mới là là nảy sinh ra một quái thai: đó là nước Nam Kỳ Tự Trị với châm ngôn *Nam Kỳ là của người Nam*.

Hết tự trị rồi lại Liên Bang, Liên Hiệp. Hết Cộng Hòa rồi lại giải pháp Bảo Đại, biết bao nhiêu là thay đổi nhưng đến nay người Pháp vẫn còn trong tình trạng con kiến bò trên miệng chén. Những sự thay đổi chủ trương và chính sách chính trị theo thời cơ như thế chỉ làm tốn hao thời gian và vật chất cho người Pháp. Họ chỉ có một lựa chọn duy nhất: hoặc là tự mình gồng gánh hết mọi việc ở Đông Dương và điều này người Pháp không thể theo vì chưa đủ khả năng về quân sự lẫn kinh tế, hoặc phải chịu thiệt thòi mà sang sẽ

bớt trách nhiệm cho người bản xứ hay nói khác đi là bằng cách *Việt Nam hóa chiến tranh*, để cho người Việt đánh nhau với người Việt.

Người Pháp mất đi những hy vọng tạo dựng một chính phủ bù nhìn Việt Nam lệ thuộc hoàn toàn vào sự bảo hộ của họ về mặt Ngoại giao, Quốc phòng, Kinh tế bằng các mưu đồ không ngay thẳng được họ xếp đặt trước với những quy điều khó hiểu, rắc rối trong những bản thỏa ước ở Vịnh Hạ Long. Lý do chủ yếu mà người Pháp thay đổi chủ trương già hình của họ chính là vì bước tiến của Cộng Sản Trung Quốc đã làm đảo lộn mọi dự liệu về vấn đề Việt Nam đưa tới sự chấm dứt tình trạng cô lập của đất nước này. Mặc khác, tình trạng cô lập của Việt Nam càng trở nên rõ nét hơn với sự hiện hữu của đảng CSVN do HCM lãnh đạo và điều này khiến cho Hoa Kỳ và Vương Quốc Anh e ngại. Mặc dù HCM là tín đồ của CS Liên Xô từ khởi thủy, nhưng đừng quên rằng chung quanh HCM còn có những tín đồ của Cộng Sản Trung Quốc và cũng đừng quên rằng Cộng Sản Quốc Tế Liên Xô ở khá xa Việt Nam và đã từng muốn loại trừ người học trò ngỗ nghịch HCM. Trong khi đó thì CS Trung Quốc do Mao Trạch Đông đang đi theo chiều hướng tách rời khỏi ảnh hưởng “chủ nghĩa xét lại” của Liên Xô mà còn ở sát kề với Việt Nam.

Trên nhiều phương diện, nước Việt Nam có thể xem như là một *đứa con mồ côi* của vùng Đông Nam Á Châu và như là sắp được Cộng Sản Trung Quốc nhìn nhận mang về làm đứa con thừa nhận của họ. Khi mà Cộng sản Trung Quốc thắt chặt tình nghĩa tử với Cộng Sản Việt Minh thì nước Việt Nam sẽ không còn đứng một mình lẻ loi nữa. Hiểm trạng CS Trung Hoa càng trở nên nghiêm trọng hơn khi tổng thống Hoa Kỳ Harry Truman sau khi nghe đặc phái viên Hoffman phúc trình về tình hình Trung Hoa đã quyết định vào ngày 21/12/1948 đình chỉ mọi viện trợ dân sự cho chính phủ THQDD của thống chế Tưởng Giới Thạch và ngay sau đó quân cộng sản của Mao Trạch Đông đã vùng lên đánh thắng khắp các vùng lãnh thổ ở phía Bắc Trung Hoa và tràn nhanh xuống vùng đồng bằng sông Dương Tử.⁹¹

1.2/ Theo tin tức đăng trên tập chí *Bulletin d'Information d'Outre-mer de la France* (BIOMF) số 128 phát hành ngày 15/12/1948 nơi các trang 25 và 26 thì tình hình quân sự của quân Pháp ở khắp 3 Kỳ không có gì gọi là khả quan:

- Ở Bắc Kỳ, VM tiếp tục áp dụng lối đánh du kích, khủng bố và phá hoại ở các vùng đồng bằng Bắc Kỳ nhất là các tuyến giao thông đường sắt Hà Nội-Hải Phòng. Các đồn bót của Pháp chung quanh vùng An Sơn thuộc tỉnh Lạng Sơn bị bộ đội du kích Việt Minh đánh phá liên tục khiến cho quân Pháp phải rút lui đi nơi khác để bảo tồn lực lượng rồi phản công. Mãi đến ngày 08/11/1948, sơn Tây và Việt Trì mới được quân Pháp tái chiếm. Việt Minh đã thành công trong vụ phá nổ làm sập cầu Paul Doumer ở Hà Nội vào ngày 16/11/1948. Các đồn bót của Pháp ở các vùng ngoại vi Hà Nội bị VM tấn kích hết đợt này tới đợt khác. Nhiều nơi, Pháp phải cần tới pháo binh để giải tán các đợt tụ quân của bộ đội CSVN. Tuyến đường sắt Hải Phòng-Hà Nội bị đặt mìn gây tử vong và thương tích cho nhiều hành khách thường dân.

- Ở Trung Kỳ, các cuộc hành quân càn quét của Trung đoàn 9 Thuộc Địa Pháp (9è RC) được thực hiện với một nhịp độ vừa đủ để ngăn chặn hoặc chống trả những cuộc

đánh phá của bộ đội du kích VM. Trong các cuộc hành quân càn quét ở phía Nam Trung Kỳ ở vùng Cap Padaran, quân binh Pháp đã tịch thu được khá nhiều vũ khí, đánh chìm 10 ghe chuyên chở tiếp vận, triệt hạ một công binh xưởng và nhiều căn cứ hậu cần của VM.

- Ở Nam Kỳ, tập chí BIOMF cho biết là quân đội viễn chinh Pháp đã liên tục gia tăng mức độ hành quân bình định có hiệu quả và thu đạt được kết quả khả quan. Bộ đội CSVN của tướng tướng Nguyễn Bình hiện giờ chỉ áp dụng du kích chiến để đánh phá các đồn bót hoặc phục kích các đội quân tuần tiễu an ninh khu vực hoặc hộ tống các đoàn quân xa tiếp vận như ở Hóc Môn, Tây Ninh và Thủ Dầu Một nhưng chỉ gây được tổn thất nhẹ cho quân Pháp. Một cuộc hành quân bộ binh phối hợp với hải quân và không quân đã gây tổn thất nặng cho bộ đội VM ở Bến Tre với 250 cán binh bị loại khỏi vòng chiến, nhiều khí giới đạn dược, quân nhu và quân dụng bị quân Pháp tịch thu trên chiến trường. Ngày 16/11/1948, bộ đội VM đột kích Tân Thuận Dinh cách Mỹ Tho 12 cây số về phía Đông Bắc. Các cuộc đột kích khác của VM cũng xảy ra ở Chợ Gạo thuộc vùng. Sốt thiệt hại về nhân mạng của bộ đội VM qua những cuộc đột kích này lên đến hàng trăm người.

- Ở Cao Miên, quân viễn chinh Pháp cùng với quân bản xứ mở các cuộc hành quân càn quét CS ở vùng Takeo-Châu Doc-Kampot.

- Ở Lào, quân Pháp mở ra một vài cuộc hành quân tìm diệt CS trong vùng thung lũng Sơn Ca và vùng Trà Ninh.

- Cũng trên tập chí BIOMF, dựa theo tin tức báo chí phát hành từ Bắc Kinh/Trung Quốc, ngày 01/12/1948, bộ tộc người Mèo cùng với 300 bộ đội CSVN đã đột kích và kiểm soát vùng Makouan nằm trên lãnh thổ Trung Quốc cách tỉnh lỵ Lào Kay vào khoảng 65 cây số về hướng Tây Bắc.

Theo nhận định của giới chỉ huy quân sự Pháp thì CSVN hiện đang ở trong tình trạng kiệt huyệt về vũ khí đạn dược và chỉ trông chờ vào các xưởng chế tạo vũ khí và các đường dây buôn lậu vũ khí từ Trung Quốc, Thái Lan và Hong Kong được trả tiền bằng đồng bạc Đông Dương Ngân Hàng trong của người Pháp phát hành, hay bằng lúa gạo của các nông dân vùng Đông bằng sông Hồng và sông Cửu Long và bằng á phiện từ các sắc tộc thiểu số miền thượng du Bắc Kỳ qua các tay đầu đảng tài phiệt Hoa kiều. Vũ khí đạn dược mua lậu sẽ được những toán dân công khuân vát lợi suối, băng rừng để chuyển tải một cách chậm chạp và gian khổ đến các đơn vị bộ đội CSVN. Tình trạng khốn đốn này của bộ đội CSVN chỉ được cải thiện vào cuối năm 1949 khi quân đội CS Trung Quốc của Mao Trạch Đông bắt đầu tiến xuống miền biên giới Việt-Hoa.⁹²

2 – Những cuộc tiếp xúc chính trị của Bảo Đại ở ngoại quốc sau khi giải pháp E.Bolaert thất bại

Sau khi giải pháp Bảo Đại theo kiểu lừa đảo của cựu Cao Ủy Émile Bollaert thất bại vì sự kiên định của cựu hoàng Bảo Đại, chính phủ Pháp cử Léon Pignon giữ chức Cao ủy Đông Dương. Cựu Hoàng Bảo Đại đã từ Cannes đến Paris vào ngày 15/11/1948 để gặp tân Cao ủy Đông Dương Pignon vào ngày hôm sau trước khi viên Cao Ủy này lên đường

sang Sài Gòn để nhậm chức, tiếp xúc với thủ tướng chính phủ Lâm Thời Việt Nam Nguyễn Văn Xuân cùng với các đoàn thể chính trị Việt, Pháp ở Nam Kỳ và đi kinh lý các quốc gia Đông Dương.

Ngày 25/11/1948 ở Paris, bộ trưởng bộ Pháp Quốc Hải Ngoại tuyên bố rằng chính phủ Pháp chỉ thừa nhận một chính phủ Việt Nam do tướng Nguyễn Văn Xuân làm thủ tướng với sự chuẩn phê của hoàng đế Bảo Đại để phản đối việc đại diện của CSVN ở Pháp là Trần Ngọc Danh (em trai của Trần Phú) làm đơn xin cho Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam ở Bắc Kỳ được ứng cử là thành viên của tổ chức Liên Hiệp Quốc.^{92a}

Sau khi nhậm chức và kinh lý các lãnh thổ ở Đông Dương, Cao ủy Léon Pignon trở về Paris vào ngày 14/12/1948 để tường trình và báo cáo với chính phủ Pháp. Ngày 16/12, Pignon hội kiến với bộ trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại để tường trình tình hình ở Đông Dương. Nội dung của cuộc hội kiến này đã được ghi tóm lược qua phỏng vấn của một phóng viên báo *Sud-Ouest* như sau: Tình hình các vùng đồng bằng ổn định. Các vùng biên giới trên các lãnh thổ Đông Dương đang ở dưới sự kiểm soát của quân đội Pháp. Cách tỉnh thành được giải tỏa khỏi sự quấy phá của VMCS. Ruộng lúa và các nông trường cao su không bị thiệt hại nhiều. Trên bình diện tâm lý, thì có một hiện trạng nghịch thường là tình hình quân sự ở Trung Quốc lại là yếu tố có lợi cho chính quyền và quân đội viễn chinh Pháp. Từ hai năm qua, khối quần chúng ở Đông Dương đã phải gánh chịu những sự khổ hạnh cùng cực và lo âu ác liệt. Nếu người Pháp thành công trong việc tạo lập cho Việt Nam một điều gì đó để là làm thỏa mãn ước vọng của tất cả những người quốc gia chân chính thì sẽ có hòa bình trở lại.^{92b}

Ngày 21/12/1948, Bảo Đại rời Cannes đi Paris với hoàng thân Vĩnh Căn. Cựu hoàng hậu Nam Phương cũng đến để chăm sóc cho cựu hoàng đang trong cơn bệnh sốt rét nhưng vào ngày 26/12/1948 Bảo Đại vẫn phải tiếp kiến Pignon. Bảo Đại trở về Cannes vào ngày 03/01/1949.

Ngày 08/01/1949, thủ tướng Nguyễn Văn Xuân từ Paris sang Cannes để gặp Bảo Đại. Trong khi thủ tướng Xuân vắng mặt ở Việt Nam, quyền thủ tướng chính phủ Lâm Thời Việt Nam Nguyễn Khoa Toàn đã tuyên bố trong một cuộc họp báo ở Hà Nội vào ngày 24/12/1948 rằng Vịnh Cam Ranh thuộc vùng lãnh hải Trung Kỳ sẽ tạm thời đặt dưới quyền quản trị của Khối Liên Hiệp Pháp mà không tuyên bố lý do tại sao có sự chuyển nhượng lãnh thổ này nhưng có thể đây chỉ là một hình thức tạm thời để minh chứng tỏ Việt Nam là một thành viên của khối Liên Hiệp Pháp.^{92c}

Trước khi trở về Sài Gòn, ngày 16/01/1949, Pignon cùng với Herzog phụ tá của bộ trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại Coste-Floret từ Paris đến Cannes để hội kiến với Bảo Đại. Trước khi lên máy bay tại phi trường Orly ngày 20/01/1949 về Sài Gòn, Pignon tuyên bố rằng việc hợp tác giữa đương sự và Bảo Đại cùng với những tùy viên của cựu hoàng này đã diễn một cách thân thiện, ngay thẳng, và có kết quả. Thủ tướng Xuân đã cung nhiều kinh nghiệm giá trị để trợ giúp cho đương sự thi hành trách vụ Cao Ủy. Pignon nói rằng có những dư luận báo chí phản đối việc thỏa hiệp trong tương lai với những thành phần quốc gia Việt Nam không Cộng sản đang quy tụ chung quanh hoàng đế Bảo Đại:

đó là bằng chứng cho thấy mối quan ngại của CSVM qua các việc tăng gia nỗ lực phá hoại, tìm cách gây thất bại một giải pháp cho những người Việt Nam đặt trên sự công nhận những liên hệ truyền thống không trái nghịch của chủ nghĩa Quốc Gia và trong tình hữu nghị bền vững với nước Pháp.^{92d}

Ngày 18/01/1949, Trung Cộng thừa nhận chính VNDCH của HCM. Thống chế Tưởng Giới Thạch từ chức Thống chế của THQĐĐ và rút lui về Lư Sơn.

Ngày 31/08/1949, sau khi Cộng sản Trung Hoa chiếm đóng Bắc Kinh vào ngày 22/11/1949, HCM thừa nhận chính quyền CS Mao Trạch Đông.^{92e}

*

Trong buổi lễ tiếp tân ngày Tết (29/01/1949) ở Sài Gòn, Pignon tuyên bố rằng chỉ có hoàng đế Bảo Đại mới là người xứng đáng để thừa kế những giá trị truyền thống của Việt Nam và nắm giữ vận mệnh đất nước Việt Nam đang chịu khổ đau trong khi một nhóm người ở Á Châu dưới chiêu bài ái quốc đột phát đã bị lộ chân tướng là đang mưu đồ áp đặt lên đất nước này một chủ nghĩa độc tài ngoại lai không thể chấp nhận được.^{92f} Với những lời lẽ phát biểu như thế, rõ ràng là Cao ủy Đông dương muốn nhắm vào hiểm họa lan tràn của CSVM và CS Trung Quốc. Lời tuyên bố kể trên của Pignon trong ngày đầu năm Tết Nguyên Đán ở Sài Gòn còn cho thấy đây là chủ trương và chính sách của Pignon đã có từ thời đương sự còn là một cố vấn chính trị thân cận của nhà tu Thierry d'Argenlieu cựu cao ủy Đông Dương nhà tu: dưới ảnh hưởng cố vấn của Pignon, d'Argenlieu đã gửi một giác thư đề ngày 14/01/1947 gửi cho chủ tịch Hội Đồng Nội Các chính phủ Pháp lúc đó là Léon Blum và một số nhân vật chính trị khác có uy thế ở nước Pháp. Trong phần cuối của giác thư này, d'Argenlieu đã đề nghị chính phủ Pháp ở Paris hãy thương lượng với cựu hoàng Bảo Đại đang sống lưu vong ở nước ngoài. D'Argenlieu viết:⁹³

- ' . . . Thế chế chính trị có thể được chấp nhận là hợp pháp phải chăng là chế độ quân chủ truyền thống trước ngày Nhật đầu hàng?

- ' . . . Nhà vua, là điểm tựa của tất cả nếp sống xã hội và tôn giáo trước đây, chỉ mới rời bỏ ngôi vị 18 tháng.

- ' . . . Ngay cả CSVM, sau khi hạ bệ nhà vua và qua nhiều lần thay đổi liên tiếp thành phần nhân sự điều hành của họ, đã phải tiếp tục giao nhiệm chức chương quan trọng Cố Vấn Tối Cao cho cựu hoàng.

- ' . . . Vì thế, sự trở lại của nhà vua nhất định sẽ có tác dụng làm an lòng những kẻ đứng về phe chống đối Việt Minh nhưng lại sợ bị dư luận kết án là những kẻ phản bội.

Điều này có thể là hiệu quả từ sự quan ngại của Hoa Kỳ khi đại sứ của họ ở Pháp là Caffrey vào ngày 14/01/1949 gửi một công điện báo cáo như sau:^{93a}

851G.00/1-1449: Telegram

The Ambassador in France (Caffrey) to the Acting Secreta of Stat

CONFIDENTIEL

Paris, January 14, 1949-2 p. m.

Pignon 2 told me Wednesday night that he is well aware that government should take adequate measures to assure inhabitants of Indochina that government stands firmly on Bay D'Along agreements. He hopes Assembly can be persuaded to ratify them formally. He remarked that he believes Communist successes in China will frighten a great many Vietnamese who have been apathetic or in different and cause them to rally to Bao Dai

Sent Department 164, repeated Saigon .

CAFFERY

Tạm trích dịch:

.....

“Pignon đã nói với bản chức rằng

. . . Theo nhận định của đương sự thì nhất định là những sự thành công của Cộng Sản ở Trung Hoa sẽ gây lo sợ cho đa số các tầng lớp dân chúng Việt Nam lãnh đạm, thờ ơ và khiến cho họ sẽ quy tụ nối kết với Bảo Đại.”

Để trả lời công điện của kẻ trên, ngày 17/01/1949, Quyền Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ Robert Lovett đã đánh mật điện chỉ thị cho Caffrey như sau:^{93b}

851G.00/1-1049: Telegram

The Acting Secretary of State to the Embassy in France

SECRET

WASHINGTON, January 17, 1949-6 p. m.

Daridan" has expressed to Dept same view contained penultimate para urtel 107 Jan 102 qualifying his remarks however with statement that heuninformed developments past ten days which might explainoptimism Overseas France officials in urtel 106 Jan 102 renegotiations with Bao Dai.

While Dept, desirous French coming to terms with Bao Dal or any truly nationalist group which has reasonable chance ,Winning over preponderance of Vietnamese, we cannot at this: time irretrievably commit US to support of native govt which by failing. Developeappeal among Vietnamese might become virtually puppet govt, separated from people and existing only by presence French military forces. Accordingly, Emb should make no additional representations to French until and unless further instructed by Dept which does not believe it desirable go beyond position outlined Deptel 2637 Jul 14 3 its reftel 3621 Jul 9 from Paris: Iand Embtel5129 Sep 30.

Dept will inform Emb re; possibility any common anti-Communist action Indochina (third para.Embtel 107) after it has recd Brit views as Emb London reports Brit FonOff has instructed Brit Emb Wash discuss matter with Dept..

Lovett

Tạm trích dịch:

.....

“.... Mặc dù bộ Ngoại giao chúng ta mong đợi người Pháp thỏa hiệp được với Bảo Đại hay với bất cứ một phe phái quốc gia chân chính nào có hy vọng tối thiểu chiếm được đa số lòng dân Việt Nam, người Mỹ chúng ta vào lúc này chưa thể can dự một cách dứt khoát bằng cách ủng hộ một chính quyền người bản xứ mà đa số nhân dân Việt Nam không yêu chuộng chấp nhận bởi vì đây chỉ là một chính quyền con rối xa cách nhân dân và chỉ hiện hữu được là nhờ có sự che chở của các lực lượng quân sự Pháp....”

.....

“Bộ Ngoại giao sẽ thông báo cho ông đại sứ biết về khả năng của một hành động chung chống Cộng Sản Đông Dương sau khi hội ý với chính phủ Anh ở Luân Đôn.”

Bức công điện này cho thấy thái độ của Hoa Kỳ: không chấp nhận một chính phủ Việt Nam kiểu con rối do người Pháp giật dây hay một chính phủ Việt Nam của Bảo Đại hay của bất cứ phe phái Quốc gia nào của Việt Nam không hợp với ý dân và vẫn còn tiếp tục bị kềm kẹp dưới quyền lực quân sự của người Pháp ở Đông Dương. Ngoài ra bức điện cũng cho biết là Hoa Kỳ và Anh quốc đang quan tâm bàn bạc với nhau về cách đối phó với hiểm họa CS ở Đông Dương. Điều cần lưu ý là vào lúc này nước Pháp đang cần đến kế hoạch viện trợ hậu chiến của Truman để tái thiết nước Pháp và dựa vào sự viện trợ này Pháp có thể du di kinh phí để chi tiêu cho cuộc chiến ở Việt Nam và tiếp tục *chủ quyền thương quốc* của mình trên những phần đất mà người Pháp gọi là *Pháp Quốc Hải Ngoại* trên bán đảo Đông Dương mặc dù sự viện trợ theo kế hoạch của tổng thống Mỹ Truman không có khoản kinh phí nào dự trù như thế.

Chính sách của Hoa Kỳ về Đông Dương từ trước đến nay vẫn chưa có một văn kiện chính thức nào quy định một cách rõ ràng trong khi người Pháp biết rằng chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ từ thời tổng thống Roosevelt đến cuối nhiệm kỳ thứ nhất của tổng thống Truman hiện tại là không chấp nhận sự tồn tại các chế độ đế quốc thực dân thuộc địa phát xuất từ các cường quốc Âu Châu trong đó có nước Pháp. Tuy nhiên, Hoa Kỳ bắt đầu quan tâm theo dõi những hoạt động của Cộng Sản trên các lãnh thổ vùng Đông Nam Á Châu như Miến Điện, Mã Lai, Đông Dương và Nam Dương. Sự quan tâm này có thể nhận thấy được trong công điện Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đề ngày 22/09/1948 gửi cho Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn.^{93c}

890.00B/9-2248: Telegram

The Acting Secretary of State to the Consulate General at Saigon

WASHINGTON, September 22, 1948-6. p. m.

149. Text statement iDept spokesman Sept 16 response pertinent, questions:f:] "Dept has watched closely rapid increase of Communist-activity which has taken place in southeast Asia since early this year, and has naturally taken this development into consideration in deter-mining its course of action.. Results of these activities in Burma, Malaya, Indochina and Indonesia have been reported by press as they occurred from time to time and need not be reviewed. However, little attention has been directed toward one major stratagem employed by Communists in dependent areas of southeast Asia. To win support and allies in their drive for power, Communist leaders have consistently pretended to champion cause of local nationalists and have attempted to identify communism with nationalism in minds of people of area. This scheme worked well, at least until Cominform's denunciation of Yugoslav Communist leaders as ,being, among other things, guilty of nationalism. There is some evidence that sincere nationalist leaders in southeast Asia, originally deceived by this device, have now awakened to fact 'that, in Communist controlled states outside Soviet Union, nationalism to which they aspire is regarded as a high crime and grounds for ruthless interference in internal affairs of such states by international Communist organizations."

Sent Saigon'1; rptd Hanoi, Singapore.2

LOVETT

Tạm trích dịch:

.....
“Trong khi trả lời những câu chất vấn, ngày 16/09/1948 phát ngôn nhân của bộ ngoại giao đã tuyên bố một cách thẳng thắn rằng: Bộ ngoại giao đang theo dõi thật sát sự tăng gia nhanh chóng những hoạt động của Cộng Sản đang diễn ra ở Đông Nam Á kể từ đầu năm nay và đương nhiên là Bộ đã cứu xét vấn đề này để quyết định đưa ra những hành động đối phó thích ứng. Hậu quả từ những hoạt động của Cộng Sản ở Miến điện, Mã Lai, Đông Dương và Nam Dương ít nhiều đã được đăng tải trên các báo chí và không cần phải kể lại ở đây. Dù vậy, ít có sự lưu ý nhằm vào một sách lược quan trọng mà Cộng Sản đang áp dụng trên những lãnh thổ thuộc địa thuộc vùng Đông Nam Á Châu. Để chiếm được sự ủng hộ và đồng minh trong tiến trình chiếm đoạt quyền lực, những kẻ lãnh đạo Cộng Sản không ngừng tự biểu dương như là động cơ vô địch của những người quốc gia

bản xứ và đã mưu toan trộn lẫn chủ nghĩa Cộng Sản với chủ nghĩa Quốc Gia vào đầu óc của dân chúng trong vùng. Kế sách này của Cộng Sản đạt được kết quả tốt cho đến khi Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế lên án những kẻ lãnh đạo Đảng Cộng Sản Nam Tư để tội là bọn phản động đi theo theo chủ nghĩa Quốc Gia hẹp hòi. Một vài chứng cứ cho thấy là có những thành phần người Quốc Gia chân chính trong vùng Đông Nam Á trước đây đã bị Cộng Sản lừa đảo thì nay đã thức tỉnh khi tìm ra được sự thật rằng, trong những quốc gia dưới chế độ Cộng Sản thì thể chế Quốc Gia mà họ mong ước là một tội đại hình và là nguyên cơ cho những sự xâm phạm khắc nghiệt vào nội tình của những nước CS đó bởi các tổ chức Cộng Sản Quốc Tế.”

.....

Chỉ không đầy một tuần lễ sau khi gửi công điện kể trên được gửi đi Sài Gòn thì ngày 27/09/1948 Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã đưa ra bản Tuyên Bố Chính Sách của họ đối với vùng Đông Dương như sau:^{93d}

**Department of State Policy Statement on Indochina,
September 27, 1948**

SECRET

INDOCHINA

A. OBJECTIVES

The immediate objective of US policy in Indochina is to assist in a solution of the present impasse which will be mutually satisfactory to the French and the Vietnamese peoples, which will result in the termination of the present hostilities, and which will be within the framework of US security.

Our long-term objectives are: (1) to eliminate so far as possible Communist influence in Indochina and to see installed a self-governing nationalist state which will be friendly to the US and which, commensurate with the capacity of the peoples involved, will be patterned upon our conception of a democratic state as opposed to the totalitarian state which would evolve inevitably from Communist domination; (2) to foster the association of the peoples of Indochina with the western powers, particularly with France with whose customs, language and laws they are familiar, to the end that those peoples will prefer freely to cooperate with the western powers culturally, economically and politically; (3) to raise the standard of living so that the peoples of Indochina will be less receptive to totalitarian influences and will have an incentive to work productively and thus contribute to a better balanced world economy; and (4) to prevent undue Chinese penetration and subsequent influence in Indochina so that the peoples of Indochina will not be hampered in their natural developments by the pressure of an alien people and alien interests.

B. POLICY ISSUES

To attain our immediate objective, we should continue to press the French to accommodate the basic aspirations of the Vietnamese: (1) unity of Cochinchina, Annam, and Tonkin, (2) complete internal autonomy, and (3) the right to choose freely regarding participation, in the French Union. We have recognized French sovereignty over Indochina but have maintained that such recognition does not imply any commitment on our part to assist France to exert its authority over the Indochinese peoples. Since V-J day, the majority people of the area, the Vietnamese, have stubbornly resisted the reestablishment of French authority, a struggle in which we have tried to maintain insofar as possible a position of non-support of either party.

While the nationalist movement in Vietnam (Cochinchina, Annam, and Tonkin) is strong, and though the great majority of the Vietnamese are not fundamentally Communist, the most active element in the resistance of the local peoples to the French has been a Communist group headed by Ho Chi Minh. This group has successfully extended its influence to include practically all armed forces now fighting the French, thus in effect capturing control of the nationalist movement.

The French on two occasions during 1946 attempted to resolve the problem by negotiation with the government established and dominated by Ho Chi Minh. The general agreements reached were not, however, successfully implemented and widescale fighting subsequently broke out. Since early in 1947, the French have employed about 115,000 troops in Indochina, with little result, since the countryside except in Laos and Cambodia remains under the firm control of the Ho Chi Minh government. A series of French-established puppet governments have tended to enhance the prestige of Ho's government and to call into question, on the part of the Vietnamese, the sincerity of French intentions to accord an independent status to Vietnam.

1. Political

We have regarded these hostilities in a colonial area as detrimental not only to our own long-term interests which require as a minimum a stable Southeast Asia but also detrimental to the interests of France, since the hatred engendered by continuing hostilities may render impossible peaceful collaboration and

cooperation of the French and the Vietnamese peoples. This hatred of the Vietnamese people toward the French is keeping alive anti-western feeling among oriental peoples, to the advantage of the USSR and the detriment of the US.

We have not urged the French to negotiate with Ho Chi Minh, even though he probably is now supported by a considerable majority of the Vietnamese people, because of his record as a Communist and the Communist background of many of the influential figures in and about, his government.

Postwar French governments have never understood, or have chosen, to underestimate, the strength of the nationalist movement with which they must deal in Indochina. It remains possible that the nationalist movement can be subverted from Communist control but this will require granting to a non-Communist group of nationalists at least the same concessions demanded by Ho Chi Minh. The failure of French governments to deal successfully with the Indochinese question has been due, in large measure, to the overwhelming internal issues facing France and the French Union, and to foreign policy considerations in Europe. These factors have combined with the slim parliamentary majorities of postwar governments in France to militate against the bold moves necessary to divert allegiance of the Vietnamese nationalists to non-Communist leadership.

In accord with our policy of regarding with favor the efforts of dependent peoples to attain their legitimate political aspirations, we have been anxious to see the French accord to the Vietnamese the largest possible degree of political and economic independence consistent with legitimate French interests. We have therefore declined to permit the export to the French in Indochina of arms and munitions for the prosecution of the war against the Vietnamese. This, policy has been limited in its effect as we have allowed the free export of arms to France, such exports thereby being available for reshipment to Indochina or for releasing stocks from reserves to be forwarded to Indochina.

2. Economic

Indochina's trade with the United States before the war was relatively small as the greater part of its commerce was carried on with France and the French Empire duty free. Indochina now enjoys a limited customs autonomy, and the US should be able to compete more successfully with France.

American investment in Indochina has also been of minor importance in part at least because there has been no treaty basis for the protection of American interests there as activities in certain business lines are prohibited or can be conducted only with the consent of the French authorities.

Should a political solution satisfactory to the French and the Vietnamese be reached leading to the establishment of peaceful conditions within the area, the US should endeavor to have the General Agreement on Tariffs and Trade made effective in Indochina and to make an arrangement which would afford protection for American enterprise there. The increased trade and investment in Indochina which might result from these measures would tend to raise the level of economic activity and standard of living.

We do not wish to press for these matters, nor to develop a longterm financial or economic policy in the area, until such time as a political solution, such as may terminate in large measure the present hostilities, has been achieved.

With respect to the important question of whether ECA assistance should be extended to the area, we have informed the French that because reconstruction and development of Indochina is impossible under the present conditions of warfare which pertain there, no direct ECA financing for Indochina will be forthcoming at present although French requirements will be readjusted accordingly. We have indicated informally our willingness to reconsider the question should conditions change.

As regards French claims for Japanese reparations on behalf of Indochina, we have taken the position in the Far Eastern Commission (FEC) that France should receive two percent of the total amount of reparations which may be determined to be available. While most FEC countries feel that the proposed share is too large, in view of the French wartime performance in Indochina, we have indicated a willingness to allow the French an additional one half of one percent. France presumably would also be eligible for a prorata share (or a portion to be determined by negotiation) of the, 18 of our 28 percent of total reparations which we have proposed to make available to such FEC countries as accept our schedule for reparations distribution. This question remains unsettled. We have not allowed the French a portion of the advance transfers within the interim reparations program.

We have under consideration a French claim to gold valued at 37.5 million dollars earmarked for Japan in Indochina. The gold represents the settlement of certain trade balances between Indochina and Japan and of Japanese local currency requirements during the period August 1940 to March 9, 1945. Since the earmarking of the gold transferred title to Indochina, and since there are no general considerations of equity or public policy of a sufficiently compelling nature to justify withholding recognition of title thus transferred, the tentative position of the Department is that SCAP deliver the gold to Indochina unless an early FEC policy decision precludes such action.

C. RELATIONS WITH OTHER STATES

The French, whose policy since the Japanese surrender has been a failure with regard to the Vietnamese, have made some progress in normalizing their relations with Cambodia and Laos. Both these Indochinese protectorates have now been formally admitted as "associated" states to the French Union. The peoples of

both these protectorates have been allowed some degree of autonomy, which apparently satisfies them for the present. Unquestionably, however, the current, *modus vivendi* will be altered by any French settlement with the Vietnamese which gives the latter more autonomy than now possessed by the Laotians and Cambodians.

The most recent French attempt to resolve the question resulted in the June 5 Baie d'Along Agreement between the French High Commissioner of Indochina and General Nguyen Van Xuan, head of the Provisional Central Government of Vietnam, and countersigned by the former Emperor of Annam, Bao Dai. In this agreement, France recognizes the independence of Vietnam, whose responsibility it will be to unite the three Vietnamese provinces of Indochina, with only such limits as are imposed by its membership in the French Union to which it freely declares its adherence. Further negotiations to fix relationships of France and Vietnam are provided by the agreement which must now be ratified by the French Assembly, particularly as it relates to a change in the status of Cochinchina, now a French colony, to permit its union with Annam and Tonkin.

As regards international conferences, the US, as it recognizes French sovereignty over Indochina, has upheld the right of France as a metropolitan power to submit the applications for associate membership in ECAFE of its dependent areas in Indochina.

French relations with the Siamese Government have improved since the November coup d'etat of Field Marshal Phibun. Phibun apparently has given assurances to the French that he has accepted the solution of the recent Siamese-Indochinese border dispute. He has furthermore taken limited measures designed to reduce the activity of Indochinese elements in Siam hostile to the French.

Chinese relations with Indochina, based upon a 1946 treaty which confers substantial benefits upon the Chinese in the peninsula, are largely determined by the needs and interests of the commercially and economically powerful Chinese overseas community in Indochina, numbering almost one million. On the surface, Chinese official relations with the French officials have been correct although signs of tension develop from time to time. The Chinese have pressed the French to indemnify Chinese who have suffered property loss in Indochina's fighting. The Kuomintang has striven to maintain a tight control over the Chinese community through consular representation, -while the French have endeavored to reestablish the situation of prewar years wherein the French authorities successfully maintained a degree of control over Chinese within Indochina.

The Chinese, however, have also tried to protect the several hundred thousands of their fellowmen who live in territory not under French control. There have been contacts between Ho's agents and Chinese government officials which apparently resulted in Chinese tolerance of a munitions traffic from China to the benefit of the Ho government. French efforts to enlist Chinese support in Kwangsi and Kwangtung to suppress Chinese bandit and Communist bands which cross the Indochinese border have not been successful despite an agreement in principle.

An increasing Soviet interest in Indochina, 'as demonstrated by a step-up in radio broadcasts, was evidenced in the first half of 1948. The "line taken by these broadcasts has been constantly to discredit the United States by attempting to identify it with "imperialistic France."

"There continues to be no known communication between the USSR, and Vietnam, although evidence is accumulating that 'a radio liaison may have been established through the Tass agency in Shanghai.

D. POLICY EVALUATION

The objectives of US policy towards Indochina have not been realized. Three years after the termination of war a friendly ally, France, is fighting a desperate and apparently losing struggle in Indochina. The economic drain of this warfare on French recovery, while difficult to estimate, is unquestionably large. The Communist control in the nationalist movement has been increased during this period. US influence in Indochina and Southeast Asia has suffered as a result.

The objectives of US policy can only be attained by such French action as will satisfy the nationalist aspirations of the peoples of Indochina. We have repeatedly pointed out to the French the desirability of their giving such satisfaction and thus terminating the present open conflict. Our greatest difficulty in talking with the French and in stressing what should and what should not be done has been our inability to suggest any practicable solution of the Indochina problem, as we are all too-well aware of the unpleasant fact that Communist Ho Chi Minh is the strongest and perhaps the ablest figure in Indochina and that any suggested solution which excludes him is an expedient of uncertain outcome. We are naturally hesitant to press the French too strongly or to become deeply involved so long as we are not in a position to suggest a solution or until we are prepared to accept the onus of intervention. The above considerations are further complicated by the fact that we have an immediate interest in maintaining in power a friendly French government, to assist in the furtherance of our aims in Europe. This immediate and vital interest has in consequence taken precedence over active steps looking toward the realization of our objectives in Indochina.

We are prepared, however, to support the French in every way possible in the establishment of a truly nationalist government in Indochina which, by giving satisfaction to the aspirations of the peoples of Indochina, will serve as a rallying point for the nationalists and will weaken the Communist elements. By

such support and by active participation in a peaceful ,and constructive solution in Indochina we stand to regain influence and prestige.

Some solution must be found which will strike a balance between the aspirations of the peoples of Indochina and the interests of the French. Solution by French military reconquest of Indochina is not desirable. Neither would the complete withdrawal of the French from Indochina effect a solution. The first alternative would delay indefinitely the attainment of our objectives, as we would share inevitably in the hatred engendered by an attempted military reconquest 'and the denial of aspirations for self-government. The second solution would be equally unfortunate as in all likelihood Indochina would then be taken over by the militant Communist group. At best, there might follow a transition period, marked by chaos and terroristic activities, creating a political vacuum into which the Chinese inevitably would be drawn or would push. The absence of stabilization in China will continue to have an important influence upon the objective of a permanent and peaceable solution in Indochina.

We have not been particularly successful in our information and education program in orienting the Vietnamese toward the western democracies and the US. The program has 'been hampered by the failure of the French to understand that such informational activities as we conduct in Indochina are not inimical to their own long-term interests and by 'administrative and financial considerations which have prevented the development to the maximum extent of contacts with the Vietnamese. An increased effort should be made to explain democratic institutions, especially American institutions land America policy, to the Indochinese by direct personal contact, by the distribuion of information about the US, and the encouraging of educational exchange.

Tuyên bố của Bộ Ngoại Giao về Đông Dương **Ngày 27/09/1948**

Tài liệu MẬT

ĐÔNG DƯƠNG

A. MỤC TIÊU

Mục tiêu trước mắt của chính sách của Hoa Kỳ về Đông Dương là phụ trợ một giải pháp cho sự bế tắc hiện nay khiến cho đôi bên nhân dân Pháp và Việt Nam đều thỏa mãn mà sẽ đưa đến kết quả là sự chấm dứt những thù nghịch đang xảy ra và phù hợp với khuôn khổ an ninh của nước Hoa Kỳ.

Những mục tiêu dài hạn của Hoa Kỳ là: (1) để đẩy lùi càng xa càng tốt ảnh hưởng của Cộng Sản ở Đông Dương và để nhìn thấy ở đó có được một chính quyền tự trị của một quốc gia thân thiện với Hoa Kỳ trong tương lai và theo mô hình thể chế dân chủ của Hoa Kỳ tương xứng với sự đóng góp năng lực của nhân dân và ngược lại với thể chế trong một quốc gia độc tài chuyên chế mà trong đó nhất định là Cộng Sản sẽ thống trị một cách áp đảo; (2) để cổ vũ sự kết hợp của nhân dân Đông Dương với các thể lực từ phương Tây, đặc biệt là với nước Pháp người Pháp đã quen với phong tục, ngôn ngữ và luật Pháp ở đó, để cuối cùng rồi nhân dân ở đó sẽ tự do ưu chọn hợp tác với các thể lực phương Tây về văn hóa, kinh tế, chính trị; (3) để nâng cao tiêu chuẩn mức sống nhằm giúp cho nhân dân Đông Dương giảm đi ảnh hưởng mê hoặc của chế độ độc tài và họ sẽ có được một động cơ thúc đẩy hoạt động có năng xuất và như thế sẽ góp phần làm thăng bằng tốt hơn cho nền kinh tế thế giới; và (4) để ngăn chặn sự thâm nhập thái quá của người Hoa và hậu quả kể tiếp là tạo ảnh hưởng vào Đông Dương khiến cho người dân ở đó sẽ bị cản trở tiến trình mở mang phát triển tự nhiên của họ vì áp lực của chủng tộc khác và vì quyền lợi của chủng tộc khác.

B. VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH

Để đạt được mục tiêu trước mắt của Hoa Kỳ, Hoa Kỳ cần tiếp tục thúc ép người Pháp phải thích ứng với những nguyện vọng cơ bản của người Việt Nam: (1) thống nhất Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ, (2) hoàn toàn tự trị về nội an, và, (3) có quyền tự do quyết định về sự tham gia của họ trong khối Liên Hiệp Pháp. Hoa Kỳ công nhận chủ quyền thượng quốc của người Pháp ở Đông Dương nhưng Hoa Kỳ vẫn chủ trương rằng việc công nhận như thế không hàm ý bất cứ một sự góp phần của mình để viện trợ nước Pháp hành xử quyền lực của họ trên dân tộc Đông Dương. Kể từ ngày Chiến-Thắng (V-J day: ngày các nước Đồng Minh Hoa Kỳ, Anh, Liên Xô, Pháp chiến thắng Đức Quốc Xã ở Âu Châu), đa số nhân dân trong vùng, nhân dân Việt Nam, vẫn phản kháng một cách ngoan cường sự tái lập quyền lực của người Pháp, một sự phản kháng mà Hoa Kỳ từ trước tới nay đã cố gắng kiềm chế tối đa trong một vị thế không ủng hộ cho bất cứ phía nào.

Mặc dù phong trào chủ nghĩa Quốc Gia (không Cộng Sản) ở Việt Nam (Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ) đang mạnh và phần đông dân chúng căn bản không phải là Cộng sản, nhưng phần tử năng động nhất trong bản xứ kháng cự người Pháp chính nhóm Cộng Sản của Hồ Chí Minh. Nhóm Cộng sản này đã thành công trong việc nói rộng rộng ảnh hưởng của nó một cách thực tiễn vào các lực lượng bộ đội hiện đang đánh nhau với người Pháp, và vì thế nó đang nắm giữ sự kiểm soát phong trào Quốc Gia

Trong hai dịp vào năm 1946, người Pháp đã cố gắng giải quyết vấn đề qua sự thương lượng với chính quyền hiện hữu vào lúc đó và do Hồ Chí Minh chế ngự. Thỏa hiệp tổng quát chưa đạt được tuy nhiên, những sự đụng độ quân sự tiếp theo sau lại gia tăng cường độ và lan rộng. Kể từ nam 1947, người Pháp đã đưa

vào Đông Dương khoản 115 ngàn quân, nhưng rất ít kết quả, bởi vì ngoại trừ nước Lào và Cao Miên, các vùng nông thôn vẫn bị kiểm soát kiểm kẹp bởi chính quyền của Hồ Chí Minh.

Hàng loạt chính quyền bù nhìn do người Pháp mưu toan dàn dựng càng làm nổi bật uy thế của chính quyền của họ Hồ và khiến cho người dân Việt Nam phải đặt câu hỏi về về sự tín thành của người Pháp trong những ý đồ chấp nhận một quy chế độc lập cho nước Việt Nam.

1. Về phương diện Chính trị

Hoa Kỳ từ trước tới nay xem những sự thù nghịch trong một vùng thuộc địa là có hại không những cho sự ổn định tối thiểu trên các quyền lợi dài hạn của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á mà cũng là có hại cho những quyền lợi của người Pháp bởi vì lòng căm thù tạo ra từ những thù nghịch liên tục có thể khiến cho sự liên kết và hợp tác một cách hòa bình giữa người Pháp và nhân dân Việt Nam không thể thực hiện được. Lòng căm thù của nhân dân Việt Nam đối với người Pháp đang được biến thành cảm tính chống đối chống đối sinh động từ các dân tộc Á Đông nhắm vào người Tây phương, chỉ có lợi cho Cộng Sản Liên Xô và làm phương hại Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ không thúc ép người Pháp phải thương lượng với Hồ Chí Minh, dù rằng họ Hồ hiện nay là nhân vật được khá đông dân chúng Việt Nam ủng hộ, bởi vì lý lịch của ông ta là một đảng viên Cộng Sản và bản thân là chỗ dựa nền tảng cho nhiều khuôn mặt có ảnh hưởng bên trong và bên ngoài chính quyền của ông ta.

Cho đến hiện tại, chính phủ thời hậu chiến của nước Pháp chưa bao giờ thấu hiểu nhưng lại chọn kiểu đánh giá thấp sức mạnh của Phong Trào Quốc Gia nguyên chính là một đối nhân mà người Pháp phải thương lượng ở Đông Dương. Vấn đề còn lại là Phong Trào Quốc Gia có thể bị sụp đổ vì sự kiểm soát của Cộng Sản và vì vậy cần phải ban cấp cho một nhóm người Quốc Gia không Cộng Sản những sự nhượng bộ tương đương với những nhượng bộ mà Hồ Chí Minh đã từng đòi hỏi. Nguyên do mà các chính phủ của nước Pháp đã thất bại trong việc thương lượng về các vấn đề Đông Dương phần lớn chính là sự tràn ngập các vấn đề nội tình chính trị ở nước Pháp và khối Liên Hiệp Pháp cùng với những những quan tâm trong chính sách đối ngoại ở Âu Châu. Những yếu tố này đã cùng với thành phần đa số quốc hội trong chính quyền hậu chiến của nước Pháp cản trở những biện pháp cần thiết để chuyển hướng những phần tử Quốc Gia trung kiên trở thành nhân vật lãnh đạo không Cộng Sản.

Phù hợp với chính sách của Hoa Kỳ đang hướng nhìn một cách thuận lợi về những cố gắng của các dân tộc thuộc địa để đạt được những nguyện vọng chính trị chân chính của họ, Hoa Kỳ đã từng lo ngại nhìn người Pháp thỏa ước với người Việt Nam đến một mức độ rộng lớn khả chấp về mặt chính trị và kinh tế tự trị phù hợp với những quyền lợi của người Pháp. Vì thế, Hoa Kỳ đã từng từ khước việc cho phép xuất cảng vũ khí đạn dược cho những người Pháp ở Đông Dương để họ đeo đuổi chiến tranh với nhân dân Việt Nam. Bởi thế, chính sách đã phải hạn chế hiệu quả của nó khi mà Hoa Kỳ đã từng cho phép xuất cảng vũ khí sang Pháp và với hình thức xuất cảng này để rồi từ đó lại chuyển tải sang Đông Dương hoặc là chuyển hàng từ các căn cứ tồn trữ đến Đông Dương.

2. Về phương diện Kinh tế

.....
.....

C. NHỮNG MỐI LIÊN HỆ VỚI CÁC QUỐC GIA KHÁC

.....
.....

D. ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH

Những mục tiêu của chính sách Hoa Kỳ về Đông Dương chưa thực hiện được. Sau khi chiến tranh chấm dứt được 3 năm thì một đồng minh thân hữu với Hoa Kỳ là nước Pháp đang chiến đấu trong một cuộc kháng cự vô vọng và hầu như là thất bại ở Đông Dương. Chiến tranh này làm kiệt quệ nặng nề không thể chối cãi nền kinh tế của nước Pháp đang hồi phục trong hoàn cảnh khó khăn. Sự kiểm soát của Cộng Sản đối với phong trào Quốc Gia đang gia tăng trong giai đoạn này. Ảnh hưởng của Hoa Kỳ ở Đông Dương và Đông Nam Á Châu đang phải gánh chịu hậu quả thua thiệt.

Những mục tiêu của chính sách Hoa Kỳ chỉ có thể đạt được bằng một hành động nào đó của người Pháp để nhằm thỏa mãn những nguyện vọng của các dân tộc ở Đông Dương. Hoa Kỳ từ trước đến nay đã liên tục vạch ra rõ cho người Pháp thấy sự ước muốn việc ban cấp của họ một sự thỏa mãn như thế và nhờ đó chấm dứt tình trạng chống đối công khai hiện nay. Điều khó khăn lớn nhất cho Hoa Kỳ trong việc nói chuyện với người Pháp và trong việc đề xuất những điều cần phải làm hoặc không nên làm chính là do sự bất lực của Hoa Kỳ không thể đề nghị được một giải pháp thực tiễn cho vấn đề Đông Dương bởi vì nhân dân Hoa Kỳ đều quá biết rõ một sự thật không vui là đảng viên Cộng Sản Hồ Chí Minh hiện nay kể có uy thế nhất và có lẽ là kể có khả năng hơn hết ở Đông Dương và rằng bất cứ một giải pháp nào được đề xuất mà trong đó đương sự bị loại bỏ thì giải pháp đó là một thủ đoạn đưa tới một hậu quả bất định.

Hẳn nhiên là Hoa Kỳ do dự để thúc ép người Pháp quá mạnh hoặc là trở thành kẻ can dự sâu đậm khi nào mà Hoa Kỳ chưa đứng trên một vị thế để đề xuất một giải pháp hoặc cho đến khi nào Hoa Kỳ đã sẵn sàng chấp nhận nhiệm vụ can dự vào. Những sự cân nhắc kể trên càng trở nên phức tạp thêm bởi vì trên

thực tế hiện giờ Hoa Kỳ đang có một quyền lợi trước mắt trong việc duy trì quyền lực của một chính phủ Pháp thân hữu để phụ trợ việc đẩy mạnh các mục tiêu của Hoa Kỳ ở Âu Châu. Hậu quả là quyền lợi trước mắt và sinh tồn này trở thành ưu tiên hơn so với những biện pháp tích cực nhằm thực hiện những mục tiêu của Hoa Kỳ ở Đông Dương.

Dù sao thì Hoa Kỳ đang chuẩn bị yểm trợ bằng bất cứ giá nào có thể được cho việc thiết lập một phong trào Quốc Gia thật sự ở Đông Dương, dùng như là một điểm quy tụ của những thành phần Quốc Gia và làm yếu đi các phần tử Cộng Sản. Với sự yểm trợ như thế và bằng cách tham gia tích cực vào một giải pháp hòa bình và xây dựng ở Đông Dương thì Hoa Kỳ đúng vào vị trí phục hồi ảnh hưởng và uy thế của mình.

Bất cứ giải pháp nào được tìm thấy được cũng sẽ va chạm đến sự cân bằng giữa những ước vọng của dân tộc Đông Dương và những quyền lợi của người Pháp. Giải pháp quân sự của người Pháp tái chiếm Đông Dương là không thể chấp nhận. Việc người Pháp rút lui hoàn toàn ra khỏi Đông Dương cũng không phải là một giải pháp đáng thỏa đáng. Lựa chọn giải Pháp quân sự của người Pháp sẽ làm chậm đi một cách vô hạn định việc thành đạt những mục tiêu của Hoa Kỳ, bởi vì Hoa Kỳ sẽ không thể tránh khỏi liên lụy vào sự thù hận gây ra bởi một tham vọng tái xâm lăng quân sự và từ một sự phủ nhận những ước vọng thành lập một chính quyền tự trị. Lựa chọn giải pháp thứ nhì để cho người Pháp rút lui hoàn toàn cũng sẽ bất toàn không kém bởi vì nhất định là Đông Dương sẽ bị các nhóm bộ đội Cộng Sản tràn ngập. **Hoàn cảnh chắc chắn nhất, theo sau một thời điểm chuyển tiếp, có thể được ghi dấu bằng những cuộc hỗn loạn và những hoạt động khủng bố, tạo ra khoảng trống chính trị mà Trung Hoa sẽ không tránh khỏi bị lôi cuốn vào hoặc họ sẽ thúc đẩy thêm lên. Tình trạng thiếu ổn định ở Trung Hoa sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng quan trọng lên mục tiêu tìm kiếm một giải pháp hòa bình và thường trực cho Đông Dương.**

Đặc biệt là Hoa Kỳ đã không thành công trong lãnh vực thông tin và chương trình giáo dục nhằm hướng dẫn người Việt Nam về những thể chế dân chủ của Tây phương và của Hoa Kỳ. Chương trình đã bị trở ngại vì người Pháp đã không thể thông cảm được các hoạt động thông tin như thế của Hoa Kỳ ở Đông Dương không gây thiệt hại gì cho những quyền lợi lâu dài và vì những lý do về hành chánh, tài chánh khiến cho việc phát triển tối đa môi trường tiếp cận với nhân dân Việt Nam bị trở ngại. Một sự cố gắng thêm nỗ lực cần phải được thực hiện để diễn đạt các thể chế dân chủ nhất là thể chế dân chủ và chính sách của Hoa Kỳ cho nhân dân Đông Dương bằng sự tiếp xúc trực tiếp, bằng việc phổ biến tin tức về nước Hoa Kỳ, và cố động việc trao đổi giáo dục.

*

Đây là bản tuyên bố khá đầy đủ và đầu tiên của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ về Đông Dương. Bản tuyên bố này cho thấy Hoa Kỳ không hài lòng về việc tái xâm lăng bằng vũ lực cũng như bác bỏ sự rút lui quân sự của Pháp ở Đông Dương vì làm như thế sẽ gây ra *tình trạng hỗn loạn và khủng bố*. Nhận định của Hoa Kỳ về **tình trạng hỗn loạn và khủng bố** đã có từ giữa tháng 07/1947 xuyên qua một công điện của các tòa Tòa Lãnh Sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn gửi về Bộ Ngoại Giao của họ ở Washington:^{93e}

851G.00/7-2447: Telegram

The Comnul at Saigon (Reed) to the Secretary of State

SECRET

SAIGON July 24, 1947-5 p. m.

"4. Removal French pressure and absence Western democracy control will result in chaos as factional fighting with accompanying terrorism will ensue;"

(4. Việc giải tỏa áp lực của người Pháp và việc thiếu kiểm soát theo kiểu dân chủ Tây Phương sẽ đưa tới tình trạng hỗn loạn bởi vì sau đó thì giao tranh của các phe nhóm sẽ xảy ra kèm theo hoạt động khủng bố...)

Không thể ủng hộ hành động tái xâm lăng quân sự của Pháp vào Đông Dương mà cũng không thể để cho Pháp rút lui toàn bộ quân đội của họ ra khỏi nơi đó cho nên Hoa Kỳ đành phải chịu đứng trên một vị thế tiêu cực để miễn cưỡng chấp nhận chính sách hiện hữu của Pháp đối với Đông Dương. Ngoài sự tỏ ý ủng hộ một cách chiếu lệ về việc tạo dựng một chính quyền Quốc Gia thật sự không Cộng, phần còn lại của bản tuyên bố đã thú nhận rằng Hoa Kỳ hiện tại chưa có khả năng xướng xuất bất cứ một giải pháp thực tiễn nào. Đó là những lý do bề ngoài mà Hoa Kỳ có thể viện dẫn để lờn khuất lấp đi một lý do khác mà Hoa Kỳ không muốn tự mình phanh phui ra: đó là quyền lợi hậu chiến

tranh thế giới thứ II mà Hoa Kỳ đang chia chác ở Âu Châu với cách đồng minh thắng trận Anh, Pháp, Liên Xô. Cũng từ bản tuyên bố này người ta có thể thấy rằng miếng ngon béo bở ở Âu Châu khiến cho Hoa Kỳ không cần lãng phí thời gian để khai hoang những vùng lãnh thổ nghèo kém chậm tiến ở Đông Nam Á Châu. Thật là nghịch thường khi Hoa Kỳ muốn sự hiện diện của Pháp để chặn đứng hiểm họa CS lan tràn xuống vùng Đông Nam Châu Á nhưng đồng thời lại cổ võ và hô hào kêu chế thêm dầu vào lửa các phong Quốc Gia đấu tranh đòi độc lập và tự trị của các dân tộc Đông Dương bị trị chống lại chính sách thực dân thuộc địa đến từ các nước ở Châu Âu nhất là đối với nước Pháp. Vì thế không cần phải ngạc nhiên mà thấy rằng kể từ thời tướng De Gaulle và sau ngày tổng thống Mỹ Roosevelt qua đời người Pháp đã bắt đầu có những chính sách ngoại giao “thọc gậy bánh xe” theo kiểu “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” nhằm vào chính sách ngoại giao và chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ nhất là ở Âu Châu.

3 - Những cuộc tiếp xúc chính trị của Bảo Đại ở ngoại quốc:

HIỆP ĐỊNH ÉLYSÉE (08-03-1949)

3.1 - Hội Nghị Sơ Bộ Việt- Pháp ở Cannes

Theo tin tức đăng trên tập chí *Bulletin d'Information d'Outre-mer de la France* (BIOMF) số 128, phát hành tháng 02/1948, nơi các trang 22, 23 thì các cuộc tiếp xúc chính trị của Bảo Đại ở Cannes đã diễn tiến như sau:

- Thủ tướng chính phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam đến Cannes ngày 08/01/1949 để diện kiến cựu hoàng Bảo Đại nơi lâu đài Thorence ngày 11/01/1949 và lưu ở lại tại đó để cùng với Bảo Đại tham gia vào việc bàn thảo với Cao ủy Đông Dương Pignon trong những ngày sắp tới.

- Buổi sáng ngày 16/01/1949, Pignon và Herzog đến gặp Đồng lý Văn Phòng của Bảo Đại là hoàng thân Bửu Lộc. Các cuộc bàn thảo giữa hai bên Việt-Pháp ở Cannes bắt đầu ngay buổi trưa ngày hôm đó tại lâu đài Thorence. Buổi bàn thảo lần thứ nhất đã được đồng lý văn phòng Bửu Lộc tường trình rằng Cao ủy Pignon đã được Bảo Đại tiếp kiến tại Lâu đài Thorence vào buổi trưa và đã đệ trình lên cựu hoàng những đề xuất của chính phủ Pháp về việc kết thúc một thỏa ước giữa nước Việt Nam và nước Pháp. Cựu hoàng đã ghi chép tóm tắt và cho tiến hành ngay việc cứu xét chi tiết của các đề xuất đó. Kế tiếp là Cao ủy Pignon chuyển đạt nguyện vọng của chính phủ Pháp muốn được nhìn thấy cựu hoàng nhang chống trở về Việt Nam. Cựu hoàng cũng hỏi đáp rằng đó cũng là ý nguyện của cựu hoàng nhưng sự trở về này còn tùy thuộc vào việc thực hiện ước vọng hằng cửu của nhân dân Việt Nam. Kế đó cựu hoàng tiếp kiến Herzog.

Cuộc bàn thảo lần thứ hai giữa Bảo Đại và Pignon vào ngày 17/01/1949 được Bửu Lộc thông tri tổng quát như sau:

- Những đề xuất của chính phủ Pháp đã được cứu xét. Cựu hoàng đã bày tỏ lòng cảm kích về sự thông đạt của chính phủ Pháp và những nỗ lực do Cao ủy Pignon thực hiện nhằm mang đến một giải pháp thỏa đáng cho vấn đề Việt Nam.

- Cao ủy Pignon cũng tuyên bố tin tưởng một giải pháp nhanh chóng bây giờ có thể tìm thấy. Hai phía đã hoàn tất một cách khách quan một công trình bề bộn trong một hoàn cảnh thực tế và âu. Một vài vấn đề thực tế cần phải hoàn tất nhưng đó không có dính dáng gì đến vấn đề quy tắc. Hai phía đã đạt đến giai đoạn biên soạn.

- Cuộc bàn thảo lần thứ 2 bang Bảo Đại-Pignon ở Cannes diễn ra vào ngày 18/01/1949.

- Những cuộc bàn thảo kế tiếp được diễn ra ở Paris kể từ 21/01/1949.

- Một tùy viên của Pignon tuyên bố rằng công việc soạn thảo các điều khoản chung cuộc cho một thỏa ước sẽ được tiến hành ở Paris để Việt Nam trở thành một quốc gia trong khối Liên Hiệp Pháp.

- Pignon tuyên bố rằng giờ đây chỉ còn một mình cá nhân Bảo Đại sẽ không chậm trễ tuyên bố ngày giờ trở về Việt Nam của mình.

- Ngày 19/01/1949, bộ trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại Coste Floret tường trình trước quốc hội các cuộc bàn thảo giữa Bảo Đại và Pignon ở Cannes. Vấn đề Việt Nam có riêng đại diện ngoại giao riêng với Hoa Kỳ và tòa thánh Vatican là một điểm bàn thảo khúc mắc mà giới chức Pháp cho rằng còn quá sớm để bàn định vào lúc này.

3.2- Hội Nghị Chung Quyết Việt-Pháp ở Paris

- Hoàng thân Bửu Lộc đại diện cho Bảo Đại sẽ có mặt ở Paris vào ngày 21/01/1949 để tiếp tục bàn thảo với các tùy viên của Cao ủy Pignon nhằm giải quyết những vấn đề tồn đọng.

Có thể nói đây là một Hội nghị chung quyết giống như Hội nghị Fontainebleau ngày trước. Theo sách *Le Dragon d'Annam* của cựu hoàng Bảo Đại kể lại thì phái đoàn Việt Nam dự *Hội Nghị Paris* lần này gồm có hoàng thân Bửu Lộc trưởng đoàn, luật sư Nguyễn Đắc Khê, bác sĩ Phạm Huy Đán, các tùy viên Phạm Văn Bình, Trương Công Cừu, Nguyễn Quốc Định và Đinh Xuân Quảng. Phái đoàn Pháp gồm có Herzog trưởng đoàn, Marolles, Pereyra, Raymond, Risterruci, thiew61u tá Ploix cùng với các tùy viên chuyên môn như Gonon (tài chánh), Anzizni (kinh tế), Torre (kế hoạch), Dannaud (giáo dục), và đại tá de Brébisson (quân sự).

- Các cuộc bàn thảo Hội Nghị Paris chấm dứt ngày 22/01/1946.

3.3 - Nội dung các cuộc bàn thảo Việt-Pháp ở Cannes và ở Paris

Phải nói ngay rằng các cuộc bàn thảo Việt - Pháp giữa cựu hoàng Bảo Đại và Cao ủy Đông Dương Pignon ở Cannes là chính yếu vì đã diễn ra giống như các cuộc bàn thảo trước đây đã diễn ra ở Vịnh Hạ Long giữa Hồ Chí Minh và cựu Cao ủy Đông Dương Thierry d'Argenlieu để đưa tới Hội Nghị Sơ Bộ Đà Lạt rồi Hội Nghị Fontainebleau và gần đây giữa cựu Cao ủy Đông Dương Bollaert với Bảo Đại để đưa tới Hội Nghị Sơ Bộ giữa Léon Pignon và cựu hoàng Bảo Đại ở Cannes rồi đến Hội Nghị chung quyết ở Paris.

Một công điện mật đề ngày 20/01/1949 của đại sứ Hoa Kỳ ở Paris gửi về Bộ Ngoại Giao ở Washington cho biết ngày 20/01/1949, Pignon đã thông tri cho tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Paris biết rằng:

Chính phủ Pháp đã nỗ lực tối đa đưa ra những quyết định quan trọng để yêu cầu quốc hội Pháp chuẩn nhận những kết quả từ những cuộc thương thảo Pháp-Việt hiện tại. Pignon xác nhận rằng những cuộc bàn thảo ở Cannes đã đưa đến thỏa thuận trên những điểm căn bản và cả hai bên đang tiến hành một cách khả quan giai đoạn soạn thảo thỏa ước. Bảo Đại đã yêu cầu và Pignon đã đồng ý rằng, vì thân trạng pháp lý của Nam Kỳ trong tình trạng hiện tại cho nên cần phải có sự chuẩn phê của quốc hội Pháp nếu những điều thỏa thuận có liên hệ đến việc chuyển giao cho Việt Nam những miền (lãnh thổ) đóng góp cho việc thống nhất và độc lập vốn là trung tâm điểm của thỏa ước Vịnh Hạ Long mà cũng là tượng trưng tối thiểu để bảo đảm giải pháp Bảo Đại được người dân đón nhận.

“Trong khi thể thức chuyển quyền quản trị hành chính cho người Việt Nam có thể thực hiện trực tiếp ở Sài Gòn thì vấn đề chuyển quyền quản trị tư pháp phải bằng một đạo luật rõ ràng từ cơ chế lập pháp. Pignon nói rằng vấn đề Chủ quyền có hai mặt đối ngoại và quốc nội, và chủ quyền quốc nội thuộc về lãnh vực của cơ quan lập pháp mà cơ quan hành pháp không thể tự ý xen vào bởi vì theo hiệp ước đã có từ trước thì nền lập pháp của Nam Kỳ là do nước Pháp đảm trách. Nền lập pháp này không thể giao trả Nam Kỳ cho Việt Nam trước khi việc thay đổi thân trạng pháp lý của Nam Kỳ đã được quốc hội Pháp hiện tại chuẩn nhận.”^{93f}

Trên đây là nội dung thông báo của Pignon với tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Paris. Về phía Việt Nam, đồng lý văn phòng của Bảo Đại là Bửu Lộc cũng có thông tri với tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Paris về các cuộc đàm thoại Việt- Pháp ở Cannes và đã được đại sứ Hoa Kỳ ở Paris phúc trình lại với Washington bằng một công điện đề ngày 18/02/1949. Nội dung công điện này cho biết:

“Các cuộc hội đàm ở Cannes đã diễn ra một cách tốt đẹp và hy vọng là hội nghị chung quyết sẽ được kết thúc vào tuần lễ sắp tới vào lúc Bảo Đại được tổng thống Pháp Auriol mời đến Paris và với sự kiện này thì Bảo Đại có thể trở về Việt Nam vào đầu tháng 04/1949 qua sự chuyên chở của một chiến hạm của nước Pháp. Bảo Đại đã cho hầu cận chuẩn bị sửa chữa y phục dùng ở vùng nhiệt đới.

“Thể thức thay đổi thân trạng Nam Kỳ và chuẩn phê bởi Quốc Hội Pháp đã được Bảo Đại đồng ý như sau: Điều thứ 75 Hiến định của nước Pháp quy định thân trạng các phần đất của nước Cộng Hòa Pháp và Liên Hiệp Pháp có thể được áp dụng để thay đổi từ một phạm trù sang một phạm trù khác bằng đạo luật biểu quyết của nghị viện sau khi thông qua Hội Đồng Lãnh thổ và quốc hội Pháp. Nam Kỳ hiện giờ là lãnh thổ Pháp quốc Hải Ngoại sẽ trở thành một phần của toàn nước Việt Nam, một quốc gia kết hợp với khối Liên Hiệp Pháp. **Như vậy, theo như quy định của điều 27 (sic!)⁹⁴ Hiến định của nước Pháp vấn đề từ bỏ chủ quyền hay trao nhượng lãnh thổ sẽ được thực hiện mà không cần phải trải qua một cuộc trưng cầu dân ý.** Người Pháp đồng ý sẽ để cho phía Việt Nam có tùy viên đại diện ngoại giao của mình trong tất cả các đoàn công tác ngoại giao của Pháp nhưng chỉ số không quá 3 đại diện cho mỗi đoàn công tác. Bảo Đại và phía Pháp đồng ý đặt đại diện Ngoại giao Việt Nam ở Xiêm (Thái Lan) và Tòa Thánh Vatican ở Rome. Pháp đề nghị một quốc gia thứ ba là Trung Hoa có đại diện ngoại giao Việt Nam nhưng Bảo Đại lại muốn chọn Washington nhưng biết chắc là không có hy vọng.⁹⁵

Thế thức áp dụng để thay đổi thân trạng Nam Kỳ qua sự thi hành điều 75 và điều 77 Hiến định của nước Pháp như thế nào?

- Trước hết, Nghị Viện của nước Pháp phải thông qua một đạo luật thiết lập một Hội Đồng Lãnh thổ (HĐLT) Nam Kỳ. Nhiệm vụ của HĐLT là góp ý kiến và biểu quyết về việc thay đổi thân trạng của lãnh thổ Nam Kỳ.

- Số dân biểu cho HĐLT **không được tuyển chọn qua một cuộc tổng tuyển cử** nhưng được lựa chọn bởi một số cử tri giới hạn để bầu chọn ra những dân biểu trong HĐLT

- Biểu quyết đa số của HĐLT sau đó phải được Nghị Viện của nước Pháp thông qua và Quốc Hội Pháp chuẩn phê thì mới có hiệu lực chấp hành đối với những người Pháp bất cứ ở đâu.

Tiến trình thương thảo Việt-Pháp chậm chạp, kéo dài, nhiều khê vì thái độ tính toán của người Pháp tìm đủ mưu lược để cho người ngoài nhìn thấy ‘thiện ý hòa bình’ và sự nhân nhượng của họ - *một sự nhân nhượng chẳng chết ‘Thầy tăng’ nào* - nhưng thực sự rồi thì đâu cũng vào đấy, bởi vì trong tương lai Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng nhất là Nam Kỳ thì vẫn còn phải ở dưới vòng che của cây dù Liên Hiệp Pháp còn cái gọi là chính phủ riêng của nước Việt Nam, của nước Lào, của nước Cao Miên rốt cuộc rồi, cho dù muôn biện bạch cách nào đi chăng nữa, thì đó cũng chỉ là những chính phủ con rối của người Pháp. Những thỏa ước mà người Pháp ký kết với 3 nước Đông Dương là một loại *khế ước gia nhập* mà người người Pháp làm chủ để thảo ra các điều ước và kẻ đối ước không thể đòi hỏi gì khác mà chỉ có 2 lựa chọn: tự nguyện ký tên vào hay rút lui không ký tên. Mặc dù về mặt biểu kiến thì có những tường trình về tiến triển ‘khả quan’ của các cuộc thương thảo Việt – Pháp nhưng đứng về mặt khách quan khách thì người ta không thể không đặt câu hỏi: Có phải người Pháp nhượng bộ chỉ là để (1) dẫn dụ Bảo Đại về nước hay là (2) ban cấp cho Bảo Đại một thời cơ tốt nhất để gạt hái thành công khi cự hoàng này trở lại Việt Nam. Nguy cơ Cộng sản Trung Quốc đã khiến cho người Pháp cố gắng nhiều tuy nhiên những cuộc thương thảo đã kéo dài lê liên miên vì người Pháp bất lực hoặc là không thật sự muốn đưa vấn đề thân trạng của Nam Kỳ ra trước Quốc hội Pháp. Trên thực tế, không ai phủ nhận sự khủng hoảng chính trị vào thời điểm đó ở nước Pháp khiến cho mọi sinh hoạt chính phủ của họ bị trở ngại không ít nhưng đồng thời dư luận khách quan từ bên trong cũng như bên ngoài nước Pháp và nước Việt Nam lại cũng có thể thấy được rằng người Pháp lúc đó không có nhiệt tâm và thiện ý trong tiến trình thực hiện những nhượng bộ cần yếu để giải quyết vấn đề Đông Dương đặc biệt là trả lại lãnh thổ Nam Kỳ cho một nước Việt Nam Độc Lập và Thống Nhất. Cho đến khi nào thân trạng Nam Kỳ của người Việt Nam bản xứ chưa được người Pháp trả lại một cách dứt khoát cho Việt Nam thì sự trở về của cự hoàng Bảo Đại sẽ không có được lòng ủng hộ và sự tuân phục của đa số dân chúng bản xứ và do đó Bảo Đại sẽ không hy vọng gì lôi kéo những thành phần quân, dân, cán, chính đang đi theo Hồ Chí Minh mặc dù phía sau cự hoàng có cả một đoàn quân viễn chinh của người Pháp giám hộ.

Những nhận định vừa kể trên cũng là nhận định trong một công điện MẬT ngày 25/02/1949 của bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ gửi đến tòa đại sứ của họ ở Paris với chỉ thị khẳng định rằng Hoa Kỳ chưa sẵn sàng thừa nhận chính quyền Việt Nam của Bảo Đại cho đến khi nào họ thấy được Bảo Đại thực sự được đa số quần chúng Việt Nam ủng hộ và người Pháp thực lòng muốn nhượng bộ để trợ giúp cho Bảo Đại thành công.⁹⁶

3.4 - Thư trao đổi giữa Bảo Đại và tổng thống Pháp V. Auriol ở điện Élysée ngày 08/03/1949

Ngày 21/02/1949, Bảo Đại từ Cannes đến Paris.

Buổi trưa ngày 22/02/1949, thủ tướng và bộ trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại đến gặp Bảo Đại để thông báo bản dự thảo Hiệp Định đã hoàn tất và sẽ được đệ trình lên Nghị Viện của Pháp vào ngày hôm sau.

Theo bản Hiệp Định mới này thì nền độc lập của nước Việt Nam được nước Pháp công nhận và người dân ở Nam Kỳ có quyền chọn lựa việc thống nhất 3 Kỳ tùy theo nguyện vọng của họ. Việt Nam được tự trị hoàn toàn về Hành Chánh nội trị và có thể đại diện ngoại giao của mình với những quốc gia khác trong vùng Đông Nam Á. Việt Nam sẽ có quân đội quốc gia riêng. Đối lại, Việt Nam sẽ cử nhiệm những đại diện của mình vào Quốc Hội và Hội Đồng Tối Cao của Liên Hiệp Pháp. Tất cả các căn cứ quân sự hiện hữu của khối Liên Hiệp Pháp này sẽ tiếp tục đặt dưới sự kiểm soát và điều hành bởi các bộ Tham Mưu quân sự người Pháp. Những quyền lợi về Văn Hóa của Pháp phải được tôn trọng. Các vấn đề thuộc lãnh vực Kinh tế đình hoãn lại và sẽ được bàn định chung cho cả 3 quốc gia ở Đông Dương.

Vấn đề còn lại chỉ là việc xác định dứt khoát ngày trở về Việt Nam của cựu hoàng Bảo Đại Về việc này, sau khi tham kiến với Bảo Đại ở Cannes và trở về Việt Nam, ngày 16/02/1946 ở Sài Gòn, thủ tướng Nguyễn Văn Xuân tuyên bố rằng dinh Chủ Tịch ở Sài Gòn sẽ là nơi làm việc của Bảo Đại. Thủ tướng Xuân từ chối không cho biết đích xác ngày giờ trở của cựu hoàng Bảo Đại nhưng chỉ tiết lộ rằng việc này tùy thuộc vào tiến trình biểu quyết nhanh hay chậm của Nghị Viện nước Pháp để tái nhập lãnh thổ Nam Kỳ vào nước Việt Nam thống nhất do người Việt Nam làm chủ.^{96 bis}

Theo Hồi ký *Le Dragon d'Annam* kể lại nơi các trang 217-219 thì để thảo luận và bàn định những điều khoản của Nghị Định Thư bí mật của Bolaert ngày 07/12/1947 nhưng nay đã được ký kết lại giữa thủ tướng Nguyễn Văn Xuân và Bolaert vào ngày 05/06/1948 cũng ở Vịnh Hạ Long với sự hiện diện của Bảo Đại, một ủy ban hỗn hợp Việt-Pháp đã được thành lập vào ngày 12 /02/1949: phía Pháp gồm có những chuyên gia về các lãnh vực kinh tế, tài chánh, quân sự, kế hoạch của chính phủ Pháp do Herzog làm trưởng đoàn. Phía Việt Nam do hoàng thân **Bửu Lộc làm trưởng đoàn** với sự theo dõi của Trần Văn Hữu đại diện cho thủ tướng Nguyễn Văn Xuân. Hai phái đoàn chuyên gia này đã hoàn thành bản dự thảo Thỏa Ước Chung Cuộc vào ngày 22/02/1949.

Ngày 08/03/1949, Bảo Đại đến điện Élysée để chứng kiến nghi thức ký kết Thỏa Hiệp Chung Cuộc này. Câu hỏi đặt ra: Những ai là người ký tên chính thức trên bản thỏa hiệp này? Hiện diện trong buổi lễ ký kết này về phía người Pháp thì có chủ tịch Hội Đồng Cố Vấn Queuille, tổng trưởng Ngoại Giao G. Bidault, Tổng trưởng (Thuộc Địa) Pháp Quốc

Hải Ngoại Coste Floret, Cao Ủy Đông Dương Léon Pignon, Chương án Robert Lecourt và Parodi và tổng Thống Vincent Auriol. Phía Việt Nam thì có 2 hoàng thân Vĩnh Căn, Bửu Lộc, phó thủ tướng Trần Văn Hữu đại diện cho thủ tướng Nguyễn Văn Xuân, Bác sĩ Nguyễn Mạnh Đôn và Hoàng đế Bảo Đại. Cho tới nay, chưa được thấy có tài liệu, sách vở nào đăng tải toàn bộ nội dung thực sự của Thỏa Hiệp Chung Cuộc này thường được gọi là Thỏa Hiệp Élysée và những nhân vật nào đã ký tên trên Thỏa Hiệp “bí mật” đó, một Thỏa Hiệp mà Bảo Đại cho rằng không có điều gì mới mẻ: *“Certes, l'accord ne comporte aucun élément nouveau.”* Trong sách Le Dragon d'Annam, Bảo Đại đã viết một cách chung chung mơ hồ như sau: *“Lúc đó, chúng tôi ký tên vào các văn kiện sắp được hai bên trao đổi. Thực ra thì **Thỏa Hiệp** được cụ thể hóa bằng 3 văn kiện.”* (B.Đ. Le Dragon d'Annam. tr.218). Như vậy tức là ngoài Bản Thỏa Hiệp Chung Cuộc được “*chúng tôi*” ký kết thì còn có thêm 3 văn kiện khác mà theo cách viết của Bảo Đại thì người ta có thể căn cứ vào đó để biết được một cách cụ thể nội dung chi tiết của Bản Thỏa Hiệp Chung Cuộc Élysée 08/03/1949.

- Văn thư của tổng thống Cộng Hòa Pháp, Chủ tịch Liên Hiệp Pháp, gởi hoàng đế Bảo Đại. Văn thư này có thể xem như là sự **Chuẩn nhận** của quốc trưởng nước Pháp đối với những quy định về các vấn đề thống nhất, ngoại giao, nội chính, tư pháp, văn hóa, quân sự, kinh tế, tài chính của nước Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp.

Có thể nói đây là bản sao toàn bộ của bản Dự Thảo Thỏa Ước Chung Cuộc do hai phái đoàn Việt-Pháp đã hoàn tất vào ngày 22/02/1949 mà sau này trở thành Thỏa Hiệp Élysée vào ngày 08/03/1949. Cách viết của đoạn văn mở đầu cho thấy lá thư này “có vẻ như là” nhằm mục đích giải thích các điều khoản trong Thỏa Ước Chung Cuộc đã được 2 bên Việt - Pháp soạn thảo xong **đặt trên nền tảng của bản Tuyên Bố Chung Vinh Hạ Long ngày 05/06/1948** do cựu Cao ủy E. Bolaert ký kết với tướng Nguyễn Văn Xuân Chủ tịch Chính phủ Trung ương Lâm Việt Nam với sự hiện diện và chữ ký của Bảo Đại và **không đá đồng hay tham khảo gì tới bản Nghị Định Thư Vinh Hạ Long ngày 05/06/1948 không có chữ ký chính thức của Bảo Đại mặc dù trên thực tế Bản Nghị Định Thư này mới chính là đối tượng bàn thảo để cho ra đời Thỏa Ước Chung Cuộc ngày 22/02/1949.** Đây lại là một mưu đồ chính trị mờ ám khác của người Pháp bởi vì Nghị Định Thư này là tác phẩm riêng của họ mà nội dung của nó có mục đích là kiềm hãm những tác dụng phát sinh từ bản Tuyên Bố Chung có chữ ký của Bảo Đại đặc biệt là nhất là 2 vấn đề Thống Nhất và Độc Lập trong bản tuyên bố này. Thấy được mưu đồ lấp lửng mơ hồ này của người Pháp cho nên Bảo Đại đã yêu cầu phải có sự minh xác của đích thân quốc trưởng Pháp V.Auriol.

Một chi tiết tuy rằng rất nhỏ nhưng đáng được chú ý: đó là chữ ký tên ở phần cuối của văn thư thư này:

Tổng Thống Cộng Hòa,
Chủ tịch Liên Hiệp Pháp,
Vincent Auriol.

Thừa lệnh Tổng Thống Cộng Hòa,
(Par Le Président de la République/ For The President of the Republic)
Chủ Tịch Liên Hiệp Pháp,
Chủ tịch Hội Đồng Chính phủ,

Henri Queuille.

Chương Ân, Tổng Trưởng Tư Pháp,
Robert Lecourt.

Theo cách thức trình bày này thì có thể xem đây như là một bản sao y toàn bộ hay một phần nội dung một bản chính của Thỏa Ước Chung Cuộc ngày 22/02/1949 mà trên đó có điền thêm tên của tổng thống Pháp Vincent Auriol nhưng lại do Chủ Tịch Hội Đồng Chính Phủ Henri Queuille Thừa lệnh ký tên kèm theo với chữ ký và con dấu thị thực của Tổng Trưởng Tư Pháp Robert Lecourt. Bản sao này được dùng như là nội dung thư trả lời của tổng thống Pháp sẽ được đề ngày 08/03/1949, cùng một ngày ký kết bản Thỏa Ước Chung Cuộc ở điện Élysée.

Sau đây là các thư trao đổi ngày 08/03/1949 giữa hoàng đế Bảo Đại và tổng Thống Cộng Hòa Pháp Vincent Auriol:

*

Bản tiếng Pháp
Thoả hiệp Élysée: Thư trao đổi ngày 08-03-1949
giữa Vincent Auriol và Bảo Đại ¹⁰¹

..... Paris, le 8 mars 1949

LE PRÉSIDENT
DE LA
RÉPUBLIQUE

LE PRÉSIDENT DE LA REPUBLIQUE FRANÇAISE
PRÉSIDENT DE L'UNION FRANÇAISE
A
SA MAJESTÉ BAO-DAI

Sire,

Vous avez bien voulu exprimer le désir de voir confirmer et préciser, en ce qui concerne l'unité et l'indépendance du Vietnam, les principes posés par la déclaration commune faite le 5 juin 1948 en baie d'Along par M. Emile Bollaert, Haut-Commissaire de France en Indochine et le Général Nguyen Van Xuan, Président du Gouvernement Central Provisoire du Vietnam, en présence de Votre Majesté.

Ce désir rencontre celui du gouvernement français qui, après en avoir délibéré en Conseil des ministres, m'a prié, en ma qualité de président de l'Union française, de procéder, par échange de lettres avec Votre Majesté, à la conclusion d'un accord en vue de préciser, pour application, les principes de la déclaration du 5 juin.

Il appartiendra au gouvernement de Votre Majesté, d'une part, de conclure avec le Haut-Commissaire de France en Indochine les conventions particu-

lières ou provisoires qui régiront, compte tenu des règles posées par le présent échange de lettres et de l'état de fait existant, jusqu'au rétablissement de l'ordre et de la paix, les rapports de l'Union française et du Vietnam; d'autre part, de préparer, avec le représentant de la France, et en liaison avec les gouvernements royaux du Laos et du Cambodge, les règlements nécessaires tels qu'ils découlent des présentes.

Sur ces bases et dans ces conditions, je confirme au nom du gouvernement de la République française mon accord aux dispositions énoncées ci-dessous.

I. UNITÉ DU VIETNAM. — Nonobstant les traités antérieurs dont elle pourrait se prévaloir, la France réaffirme solennellement sa décision de n'opposer aucun obstacle de droit ou de fait à l'entrée de la Cochinchine dans le sein du Vietnam, défini comme constitué par la réunion des territoires du Tonkin (Nord-Vietnam), de l'Annam (Centre-Vietnam) et de la Cochinchine (Sud-Vietnam).

Mais le rattachement de la Cochinchine au reste du Vietnam ne pourra être considéré comme légalement acquis qu'après libre consultation des populations intéressées ou de leurs représentants.

L'ensemble des dispositions du présent accord ne sera valable qu'en cas de rattachement effectif et légal de la Cochinchine au reste du Vietnam.

A cet effet, le gouvernement de la République française s'engage à mettre en œuvre les procédures prévues par la Constitution.

Dès achèvement de la procédure prévue ci-dessus, le gouvernement français reconnaîtra définitivement l'Union du Vietnam, tel qu'il vient d'être défini.

Le gouvernement français renonce à se prévaloir du statut particulier conféré par ordonnances royales aux trois villes de Hanoi, Haiphong et Tourane.

L'administration des populations non vietnamiennes dont l'habitat historique est situé sur le territoire du Vietnam tel qu'il vient d'être défini et qui ont toujours relevé traditionnellement de la couronne d'Annam, fera l'objet de statuts particuliers, consentis aux représentants de ces populations par S. M. l'Empereur. Ces statuts seront déterminés en accord avec le gouvernement de la République française qui a, sur ce point, des obligations particulières vis-à-vis de ces populations. Ils devront garantir, à la fois, les droits éminents du Vietnam et la libre évolution de ces populations dans le respect de leurs traditions et de leurs coutumes.

II. QUESTION DIPLOMATIQUE. — La politique extérieure de l'Union française dans le cadre de laquelle le Vietnam exerce ses droits par ses délégués au haut conseil et par sa diplomatie ci-dessous définie, sera examinée et coordonnée sous la direction et la responsabilité du gouvernement de la République française, en haut conseil de l'Union où le gouvernement du Vietnam sera représenté par des délégués librement choisis par lui.

Pour l'exécution des directives générales ci-dessus, en matière de politique extérieure, S. M. l'Empereur du Vietnam associera l'activité de sa diplomatie à celle de l'Union française.

Les chefs des missions diplomatiques étrangères au Vietnam seront accrédités auprès du président de l'Union française et de S. M. l'Empereur du Vietnam.

Les pays auprès desquels le Vietnam sera représenté par une mission diplomatique seront déterminés après accord avec le gouvernement français.

L'unité de la politique internationale de l'Union française dans ces Etats sera assurée à la fois, par les directives générales arrêtées, le haut conseil de l'Union française entendu, et transmises par le gouvernement de la République au gouvernement du Vietnam, ainsi que par les contacts directs que les diplomates français et vietnamiens assureront entre eux. Dans les autres Etats, le Vietnam sera représenté par les missions diplomatiques du gouvernement

de la République française qui pourront comprendre dans leur sein des représentants du Vietnam.

Le Vietnam est habilité à négocier et à signer des accords relatifs à ses intérêts particuliers, à la condition expresse qu'avant toute négociation, il soumette ses projets au gouvernement de la République pour examen en haut conseil et que ces négociations soient menées en liaison avec les missions diplomatiques de la République. L'avis favorable du haut conseil sera nécessaire pour que les accords ainsi conclus deviennent définitifs.

Le gouvernement de la République française est disposé sur la demande du gouvernement du Vietnam à s'entremettre pour l'ouverture des consulats vietnamiens dans les pays étrangers où le Vietnam estimera avoir des intérêts particuliers. Les consuls vietnamiens exerceront leur activité dans les Etats où le Vietnam estimera avoir des intérêts particuliers. Les consuls vietnamiens exerceront leur activité : dans les Etats où le Vietnam a une mission diplomatique, sous la direction et le contrôle du chef de cette mission, en liaison avec le chef de poste diplomatique du gouvernement de la République française ; dans les autres Etats, sous la direction et le contrôle du chef de poste diplomatique du gouvernement de la République française.

Le gouvernement de la République française s'engage à présenter et à soutenir la candidature du Vietnam lorsqu'il remplira les conditions générales prévues par la Charte des Nations unies pour l'admission au sein de cet organisme.

III. QUESTIONS MILITAIRES. — Le Vietnam a son armée nationale chargée du maintien de l'ordre, de la sécurité interne et de la défense de l'Empire. Dans ce dernier cas, elle est éventuellement appuyée par les forces de l'Union française. L'armée vietnamienne participe également à la défense des frontières de l'Union française contre tous les ennemis extérieurs.

Les effectifs de l'armée nationale vietnamienne et ceux de l'armée de l'Union française stationnant au Vietnam seront fixés par un accord particulier, de telle manière que l'ensemble des moyens disponibles puisse assurer efficacement, en temps de guerre, la défense du territoire du Vietnam et de l'Union française.

L'armée vietnamienne est composée de nationaux vietnamiens encadrés par des officiers vietnamiens ; des instructeurs et des conseillers techniques français seront mis à la disposition du Vietnam.

Les cadres vietnamiens seront formés dans les écoles militaires vietnamiennes et, éventuellement, dans les écoles françaises où ils seront admis sans aucune discrimination. Pour faciliter la coopération en temps de guerre, la composition interne de l'armée vietnamienne sera aussi proche que possible de celle de l'armée de l'Union française.

L'armée vietnamienne sera à la charge des budgets du gouvernement du Vietnam. Les commandes de matériel seront faites par le gouvernement du Vietnam au gouvernement français.

En vue de contribuer efficacement à la défense de l'Union française, l'armée de l'Union française stationne sur le territoire du Vietnam en des bases et garnisons dont la nomenclature, les limites, et le statut feront l'objet d'une convention particulière. En tout état de cause, ce statut sera tel qu'il permette à ces forces de remplir pleinement leur mission tout en respectant le principe de la souveraineté nationale vietnamienne. Elles pourront circuler librement entre les bases et garnisons qui leur sont assignées suivant les modalités qui seront précisées dans la convention militaire précitée. Selon le principe de coopération totale au sein de l'Union française, elles comprendront des éléments vietnamiens dont les règles de recrutement seront également déterminées par ladite convention.

Pour assurer une action commune immédiatement efficace en temps de guerre, un comité militaire permanent, composé d'officiers d'état-major des deux armées, sera constitué dès le temps de paix pour préparer un plan de

défense commune et de coopération militaire entre l'armée nationale et l'armée de l'Union française ; il pourra éventuellement servir, dans le temps de paix, d'organe de liaison permanent entre ces deux armées. Les modalités de composition et de fonctionnement en temps de paix de ce comité militaire figureront à la convention spéciale annexée au traité franco-vietnamien.

En temps de guerre, la totalité des moyens de défense constitués notamment par l'armée vietnamienne et l'armée de l'Union française sera mise en commun, et le comité militaire constituera le noyau d'un état-major mixte dont la direction et le commandement seront assurés par un officier général français chargé du théâtre d'opérations intéressant principalement le Vietnam et dont l'un des chefs d'état-major sera vietnamien.

IV. SOUVERAINETÉ INTERNE. — Le gouvernement du Vietnam exercera dans leur plénitude les attributions et prérogatives qui découlent de sa souveraineté interne. Il passera avec le haut-commissaire de France en Indochine les conventions particulières ou provisoires, qui, compte tenu des circonstances, détermineront les modalités de transfert au Vietnam des compétences précédemment exercées par l'autorité française.

Le gouvernement du Vietnam fera appel, par priorité, aux ressortissants de l'Union française, chaque fois qu'il aura besoin de conseillers, de techniciens ou d'experts dans les services, établissements publics ou dans les entreprises à caractère intéressant la défense de l'Union française.

La priorité accordée aux ressortissants de l'Union française ne cessera de jouer qu'au cas d'impossibilité du gouvernement français de fournir le personnel demandé. Les modalités d'application de cette disposition seront précisées par un texte ultérieur.

Aucun citoyen français, aucun ressortissant de l'Union française ne pourra faire partie d'une administration vietnamienne sans avoir obtenu au préalable l'autorisation ou l'agrément du représentant de l'Union française et réciproquement aucun Vietnamien ne pourra appartenir à une administration française ou de l'Union française sans avoir obtenu au préalable l'autorisation ou l'agrément de son gouvernement.

V. QUESTIONS JUDICIAIRES. — Le Vietnam reçoit pleine et entière juridiction pour toutes les instances civiles, commerciales et pénales sur tout le territoire du royaume.

Toutefois, les instances civiles et commerciales opposant entre eux ou à des Vietnamiens des ressortissants de l'Union française autres que Vietnamiens ou des ressortissants des Etats avec lesquels la France a conclu des conventions impliquant un privilège juridictionnel et les poursuites pénales exercées à raison des infractions dans lesquelles seront impliqués ou lésés les mêmes catégories de personnes ou qui auront été commises au préjudice de l'Etat français seront soumises à des juridictions mixtes dont la composition et le fonctionnement feront l'objet d'une convention judiciaire annexée au traité franco-vietnamien.

Cette convention respectera cependant les principes ci-après :

1°) Les jugements rendus porteront la formule exécutoire suivante : « Au nom de l'Union française et de la Nation vietnamienne, S. M. l'Empereur du Vietnam mande et ordonne ».

Leur exécution en dehors du territoire du Vietnam fera l'objet d'accords ultérieurs prévoyant une procédure simplifiée d'exequatur.

2°) La loi applicable sera la loi française toutes les fois qu'un Français sera en cause.

3°) La loi applicable sera la loi vietnamienne toutes les fois qu'un Français n'étant pas en cause, il apparaîtra que cette loi est applicable à la solution du conflit.

A défaut la loi française sera applicable.

Enfin, il est précisé que conformément aux règles du droit international privé, les matières relevant du statut personnel demeureront régies par la loi nationale des parties.

Le contentieux administratif sera réglé suivant les mêmes principes et sur une base de réciprocité totale.

La convention judiciaire particulière réglera également toutes autres questions relatives au présent chapitre.

VI. QUESTIONS CULTURELLES. — Dans les cycles primaires et secondaires, la France peut ouvrir librement au Vietnam des établissements d'enseignement publics et privés sous la seule réserve de l'observation des lois et règlements territoriaux en cette matière.

Ces lois et règlements ne devront faire aucune discrimination, directe ou indirecte, entre Français et Vietnamiens.

Les qualifications professionnelles et morales requises pour enseigner dans ces établissements sont les mêmes que celles en vigueur en France.

Toutes ces dispositions s'appliquent également à l'Enseignement technique et professionnel.

Les établissements français appliquent les programmes en vigueur en France ; un cours d'histoire et de civilisations vietnamiennes y sera cependant obligatoirement professé.

Les élèves vietnamiens ont libre accès aux établissements français installés au Vietnam. Ces établissements ouvriront un cours de langue vietnamienne obligatoire pour les élèves vietnamiens.

Une place privilégiée, intermédiaire entre la langue nationale et les langues étrangères, sera réservée à la langue française, langue diplomatique au Vietnam, dans les établissements vietnamiens.

Le Vietnam accepte que la langue française ait dans son enseignement secondaire une place suffisante pour permettre éventuellement de suivre les cours supérieurs en cette langue à la fin de ce cycle : il s'efforcera d'en assurer l'enseignement dans le plus grand nombre possible d'écoles primaires.

Un système d'équivalence entre les diplômes vietnamiens et les diplômes officiels français sera établi par l'accord conclu à cet effet, dès que les programmes français et vietnamiens auront pu être confrontés.

Le Vietnam a le droit de pourvoir librement à son enseignement supérieur ; de même il reconnaît à la France le droit de continuer, au Vietnam, son enseignement supérieur au titre de l'Union française.

Toutefois, en raison des difficultés pratiques actuelles et notamment pour permettre la formation d'un personnel vietnamien adéquat, une Université commune est créée, dans le respect des lois et règlements territoriaux. Le statut de cette université fera l'objet d'un accord spécial entre la France et le Vietnam. Les autres Etats associés d'Indochine pourront, s'ils le désirent, participer à cet organisme et engager à cette fin les négociations nécessaires avec la France et le Vietnam.

Le statut de cette université devra respecter les principes ci-après :

L'Université commune devra constituer un organisme répondant aussi complètement que possible aux principes d'autonomie de l'enseignement supérieur appliqués dans la plupart des grands Etats modernes.

Elle sera dirigée par un recteur, nommé par décision conjointe des gouvernements intéressés et de la France, après présentation de trois candidats par le comité consultatif de l'Université. Le recteur sera assisté de doyens, pour la direction de chaque établissement supérieur, et, pour la direction de l'Université, d'un conseil d'Université comprenant, sous la présidence du recteur, les doyens, les représentants des professeurs, les représentants des étudiants et les personnalités s'intéressant aux questions d'éducation, ainsi que les directeurs des grands établissements scientifiques et un représentant de chacun des gouvernements intéressés.

L'enseignement se fera dans la langue choisie par les fondateurs pour les fondations et instituts spéciaux.

Dans l'enseignement classique :

a) toutes les disciplines seront enseignées en français,

b) l'enseignement vietnamien se fera suivant des modalités à déterminer par le conseil de l'Université.

Les diplômes délivrés par l'Université commune seront considérés comme officiels par les deux Etats ; toutefois, les diplômes délivrés dans un éventuel cycle purement vietnamien ne donneront pas automatiquement accès aux postes d'enseignement français et aux emplois, donnés sur titre, de l'Union française.

En vue de faciliter au maximum l'expansion de l'enseignement supérieur, les droits universitaires seront maintenus aussi bas que possible et devront recevoir l'accord des gouvernements intéressés.

L'Université commune réservera le nombre de places nécessaire aux boursiers des gouvernements intéressés.

Le sort des établissements scientifiques existant actuellement au Vietnam sera réglé par des conventions particulières à passer soit entre l'Etat français et l'Etat vietnamien, soit entre l'Etat vietnamien et la direction de l'établissement intéressé. Néanmoins, les quelques principes ci-après seront obligatoirement respectés.

L'actif de l'ensemble du patrimoine de l'Ecole française d'Extrême-Orient sera la copropriété des trois Etats indochinois et de la France ; il sera frappé d'inaliénabilité. Le conseil d'administration comprendra des représentants des trois Etats indochinois et de la France. Le directeur sera nommé par décision conjointe des quatre gouvernements après présentation de trois candidatures par les sections compétentes de l'Institut de France.

La situation des instituts Pasteur installés sur le territoire du Vietnam sera réglée par contrats passés entre ces organismes et le gouvernement vietnamien.

Les contrats à passer respecteront cependant les principes ci-après :

Les établissements existants sont la copropriété des trois Etats indochinois et de la France pour les immeubles et terrains attenants de Saigon, Dalat, Nhatrang.

Le Vietnam est propriétaire des immeubles et terrains attenants de l'institut Pasteur de Hanoi ; il s'engage, cependant, à passer, pour Hanoi, un contrat identique à celui adopté pour les autres établissements.

L'institut Pasteur garde la propriété des exploitations et terrains qu'il a reçus par dons ou legs.

L'institut Pasteur est propriétaire du matériel scientifique.

L'application du contrat actuel se poursuivra jusqu'à expiration normale, fin décembre 1949.

Archives :

Chaque gouvernement conserve la propriété de ses archives. La conservation et la gestion de ces archives se feront suivant des modalités à déterminer.

Les questions des bibliothèques, de l'Office du riz, du Service météorologique, de l'Institut océanographique et des Musées feront l'objet d'accords particuliers.

VII. QUESTIONS ÉCONOMIQUES ET FINANCIÈRES. — Les ressortissants vietnamiens en France et dans les autres parties de l'Union française, les ressortissants français et les ressortissants de l'Union française au Vietnam jouiront de la même liberté d'établissement que les nationaux dans le cadre des lois et règlements territoriaux. Ils jouiront des libertés de circulation, de commerce et plus généralement de toutes les libertés démocratiques dans ce domaine.

Les biens et entreprises appartenant à des ressortissants de l'Union française sur le territoire du Vietnam bénéficient du même régime que celui réservé aux biens et entreprises des ressortissants vietnamiens, notamment en ce qui concerne la fiscalité et la législation du travail. Cette égalité de statut sera reconnue à titre de réciprocité aux biens et entreprises des ressortissants vietnamiens dans les territoires de l'Union française.

Le régime juridique des entreprises et biens appartenant à des ressortissants de l'Union française sur le territoire du Vietnam ne pourra être modifié que d'un commun accord entre le gouvernement de la République française et le gouvernement du Vietnam.

Seront rétablis dans leurs droits et dans leurs biens, dans leur état actuel, les ressortissants de l'Union française qui en ont été privés par suite des circonstances de fait ayant intéressé le Vietnam depuis le mois de mars 1945. Un comité mixte sera désigné pour fixer les modalités de cette restitution.

Les capitaux français pourront s'investir librement au Vietnam, sous les réserves ci-après :

a) le gouvernement du Vietnam participera, s'il l'estime utile, au capital des entreprises classées dans un secteur dit d'intérêt national,

b) l'ouverture des entreprises classées dans un secteur dit de défense nationale est subordonnée à l'autorisation du gouvernement du Vietnam,

c) le gouvernement du Vietnam pourra exercer un droit de préemption sur l'actif des entreprises qui viendraient à cesser leurs activités.

Une commission mixte franco-vietnamienne définira préalablement l'étendue exacte de ces secteurs ainsi que la portée précise des limitations au principe de libre établissement qui y sont introduites.

Les réserves qui précèdent ne s'appliquent ni aux biens et entreprises actuellement existant au Vietnam ni aux développements devant résulter de leur activité normale.

Le gouvernement du Vietnam administrera souverainement ses finances. Il établira et gèrera son budget. Il disposera de toutes les recettes perçues sur le territoire du Vietnam, à l'exception de celles affectées, d'accord avec le gouvernement français et les gouvernements des autres Etats associés, au financement des institutions communes ou à tout autre emploi à déterminer. Il pourra augmenter les impôts et taxes et en créer de nouveaux. Quand ceux-ci auront une incidence particulière sur les ressortissants de l'Union française, ils feront l'objet d'une consultation préalable de leurs représentants aux fins de maintenir une certaine harmonie fiscale entre le Vietnam et les autres Etats indochinois ainsi que l'exercice normal des activités économiques.

Le Vietnam sera en union monétaire avec les autres Etats indochinois. La seule monnaie ayant cours sur le territoire de cette union monétaire sera la piastre émise par l'Institut d'émission de l'Indochine.

L'Institut d'émission pourra émettre des vignettes différentes pour le Vietnam, le Cambodge et le Laos.

La piastre indochinoise fera partie de la zone franc. La parité entre la piastre et le franc ne sera pas cependant immuable, et pourra varier suivant les circonstances économiques. Toutefois, cette parité ne pourra être modifiée qu'après consultation des Etats associés d'Indochine.

Le mécanisme des changes sera réglé par l'Office indochinois des changes.

Le Vietnam formera une union douanière avec les autres Etats indochinois. Il n'existera entre eux aucune barrière douanière. Aucune taxe ne sera perçue à leurs frontières communes, les mêmes tarifs seront appliqués à l'entrée et à la sortie du territoire de cette Union.

S. M. l'Empereur du Vietnam, considérant que, dans le domaine économique et financier, il a des intérêts communs avec les souverains du Cambodge et du Laos, d'une part, avec l'Union française, d'autre part, et qu'il serait avantageux pour la Nation vietnamienne que ces intérêts soient harmonisés dans un but de prospérité générale, reconnaît l'opportunité de la

création d'organismes mixtes qui assureront l'étude, l'harmonisation et la mise en œuvre desdits intérêts.

A cet effet, une conférence réunie en Cochinchine à la diligence du haut-commissaire, où seront représentés à côté du gouvernement de la République française et du gouvernement de Sa Majesté, les souverains du Cambodge et du Laos, déterminera la composition et l'étendue des pouvoirs de ces organismes mixtes. Il a paru bon de réserver, dans ce but, à la compétence de la Conférence les points suivants :

- 1) le service des transmissions,
- 2) le contrôle de l'immigration,
- 3) le commerce extérieur et les douanes,
- 4) le Trésor,
- 5) le plan d'équipement.

Il est à préciser à ce propos, que la Conférence indochinoise, ci-dessus définie, sera appelée à donner son avis sur le plan d'équipement actuellement à l'étude.

Cette conférence établira elle-même, à l'ouverture de ses travaux, son règlement et sa procédure.

Le haut conseil de l'Union française pourra éventuellement être saisi pour avis et conciliation, s'il y a lieu.

*
**

Les instruments seront échangés à Saigon entre Votre Majesté et le haut-commissaire de France en Indochine et l'accord entrera en vigueur à la date de cet échange.

La déclaration commune du 5 juin 1948 et les présentes, ainsi que les conventions complémentaires qu'elles comportent, seront soumises à l'approbation du Parlement français et des instances vietnamiennes qualifiées pour constituer l'acte prévu à l'article 61 de la Constitution de la République française.

Le gouvernement de la République et moi-même sommes convaincus que la mise en œuvre rapide par Votre Majesté et le représentant de la France, dans un esprit de mutuelle confiance et de bonne volonté réciproque, des dispositions qui précèdent contribuera efficacement au rétablissement de la paix au Vietnam, librement uni dans l'égalité et l'amitié à la France.

Je prie Votre Majesté de bien vouloir agréer les assurances de ma très haute considération.

Le Président de la République,
Président de l'Union française,
VINCENT AURIOL.

Par le Président de la République,
Président de l'Union française,
le Président du Conseil des ministres,
H. QUEUILLE.

Tạm dịch:

Balê ngày 8 tháng 3 năm 1949

Tổng thống Cộng hoà, Chủ tịch Liên hiệp Pháp

Kính gửi Hoàng đế Bảo Đại

Thưa Hoàng thượng.

Đối với vấn đề thống nhất và độc lập của nước Việt Nam, Ngài đã tỏ ý muốn có một sự minh xác những nguyên tắc đã được đề ra trong bản Tuyên ngôn chung ngày 05-06-1948 tại vịnh Hạ Long giữa Cao ủy Pháp tại Đông Dương, Emile Bollaert, và thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân, Thủ tướng Chính phủ trung ương lâm thời Việt Nam, trước sự hiện diện của Hoàng thượng.

Ý muốn này cũng là ý muốn của chính phủ Pháp. Sau khi thương nghị giữa các Bộ trưởng, chính phủ đã yêu cầu tôi với tư cách Chủ tịch Liên hiệp Pháp trao đổi với Hoàng thượng những văn kiện để tiến tới một thoả hiệp xác định những nguyên tắc của bản Tuyên ngôn chung ngày 05 tháng 06 để thi hành.

Chính phủ của Hoàng thượng một mặt sẽ thoả thuận với vị Cao ủy Pháp ở Đông Dương về những điều khoản đặc biệt hay tạm thời quy định sự giao thiệp giữa Liên hiệp Pháp và Việt Nam cho tới khi hoà bình và trật tự được tái lập, phù hợp với những nguyên tắc đề ra sau đây trong văn kiện này và phù hợp với tình trạng hiện tại; mặt khác xếp đặt với vị đại diện Pháp và những chính phủ Lào và Căm bốt những sự thoả thuận cần thiết thể theo văn kiện này.

Trên những văn bản và với những điều kiện đó, tôi nhân danh chính phủ Cộng hoà Pháp quốc xác nhận sự thoả thuận của tôi về những điều khoản sau đây (dịch tóm tắt) :

I - Thống nhất nước Việt Nam

Mặc dầu những hiệp ước cũ vẫn còn có hiệu lực, nước Pháp long trọng xác nhận không phản đối việc xứ Nam kỳ gia nhập nước Việt nam do các lãnh thổ Tonkin, Annam và Cochinchine hợp thành.

Nhưng sự sáp nhập xứ Nam kỳ vào Việt nam chỉ được coi như chính thức sau khi có sự trưng cầu tự do ý kiến của dân chúng hoặc của đại diện xứ đó.

(...) Chính phủ Pháp từ bỏ quyền của mình trên những thành phố Hà Nội, Hải phòng và Tourane mà quy chế đặc biệt đã được các vua thời trước chấp nhận.

(...) Đối với các dân tộc không phải là Việt Nam sống trên lãnh thổ Việt Nam mà từ trước vẫn thuộc về Cương thổ Hoàng triều thì sẽ có những bản quy chế đặc biệt thoả thuận giữa chính phủ Việt Nam và nước Pháp.

II Vấn đề ngoại giao

Việt Nam sẽ theo đuổi một chính sách ngoại giao phù hợp với chính sách của Liên hiệp Pháp.

Các đại diện ngoại quốc tới Việt Nam sẽ được uỷ nhiệm với chủ tịch Liên hiệp Pháp và với Hoàng đế Việt Nam.

Uỷ nhiệm thư của các trưởng phái đoàn ngoại giao Việt Nam mà chính phủ Việt Nam đề cử với sự thoả thuận của chính phủ Cộng hoà Pháp do chủ tịch Liên hiệp Pháp ký có Hoàng đế Việt Nam phó thư.

Những nước mà Việt Nam đặt liên lạc ngoại giao sẽ được chỉ định sau với sự thoả thuận của chính phủ Pháp

Việt Nam chỉ ký kết những thoả ước với nước ngoài khi mà những điều kiện đã được Pháp xem xét trước và có sự thoả thuận trước của chính phủ Pháp.

(...) Chính phủ Cộng hoà Pháp cam kết ủng hộ Việt Nam gia nhập Liên hiệp quốc khi đủ điều kiện.

III. Vấn đề quân sự

Nước Việt Nam có quân đội riêng với nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh trong nước, bảo vệ xứ sở với sự giúp sức của quân lực Liên hiệp Pháp.

Quân đội Việt Nam cũng góp phần bảo vệ biên giới Liên hiệp Pháp chống ngoại thù.

Quân số quân đội Việt Nam và quân số quân đội Liên hiệp Pháp trú đóng ở Việt Nam sẽ được định trong một bản thoả ước riêng với mức độ có thể dùng hữu hiệu trong thời chiến để chống giữ lãnh thổ Việt Nam và Liên hiệp Pháp.

Quân đội Việt Nam gồm những binh sĩ người Việt Nam ; các huấn luyện viên, các cố vấn kỹ thuật người Pháp sẽ đặt dưới quyền sử dụng của Việt Nam.

Các sĩ quan Việt Nam được huấn luyện trong các trường võ bị Việt Nam và có thể được tiếp nhận trong các trường Pháp không phân biệt chủng tộc. Để làm dễ dàng sự hợp tác trong thời chiến, sự tổ chức quân đội Việt Nam sẽ tương tự như sự tổ chức quân đội Liên hiệp Pháp.

Quân đội Việt Nam sẽ do ngân sách Việt nam đài thọ. Chính phủ Việt nam sẽ đặt mua chiến cụ qua chính phủ Pháp.

(...) Quân đội Liên hiệp Pháp sẽ trú đóng tại các căn cứ do một thoả hiệp riêng chỉ định, quân đội Liên hiệp Pháp được quyền di chuyển tự do giữa các căn cứ của mình. Theo nguyên tắc hợp tác hoàn toàn trong Liên hiệp Pháp, quân đội Liên hiệp Pháp gồm cả phần tử lính Việt nam mà sự tuyển mộ sẽ định rõ trong một thoả hiệp riêng.

(...) Một Uỷ ban quân sự thường trực gồm các sĩ quan tham mưu của hai quân đội được thành lập để nghiên cứu các kế hoạch phòng thủ chung và hợp tác quân sự giữa hai bên.

(...) Trong thời chiến, toàn thể quân đội Việt Nam và Liên hiệp Pháp được đặt chung dưới quyền chỉ huy của Uỷ ban quân sự mà Tư lệnh sẽ là một sĩ quan Pháp có một Tham mưu trưởng phụ tá.

IV - Chủ quyền quốc nội

Chính phủ Việt Nam có hoàn toàn chủ quyền nội trị. Chính phủ Việt Nam sẽ ký kết với vị Cao uỷ Pháp ở Đông Dương những thoả hiệp đặc biệt hay tạm thời và thể thức trao trả Việt Nam những quyền hành do Pháp nắm giữ từ trước.

Mỗi khi cần tới cố vấn hay chuyên viên hay kỹ thuật gia trong các ngành, chính phủ Việt Nam giành quyền ưu tiên cho các công dân Liên hiệp Pháp. Chỉ khi nào nước Pháp không cung ứng được thì quyền ưu tiên đó mới mất (...)

V - Vấn đề tư pháp

Nước Việt Nam có chủ quyền đầy đủ về tư pháp (...)

(...) Tuy nhiên trong những vụ xử những người Pháp thì luật nước Pháp được áp dụng, còn như đối với những người ngoại quốc khác thì luật Việt Nam được áp dụng (...)

VI - Vấn đề văn hoá

Nước Pháp được tự do mở trường công hay tư bậc tiểu học và trung học dạy theo chương trình áp dụng ở Pháp, tuy nhiên phải bắt buộc có môn văn học sử Việt Nam. Học sinh Việt Nam được tự do theo học các trường đó.

Tiếng Pháp được giảng dạy ở các trường Trung học Việt Nam với số giờ đủ cho sinh viên Việt Nam có thể theo học trường đại học Pháp được.

Một thoả hiệp sẽ định rõ sự tương đương giữa văn bằng Pháp và Việt Nam.

Việt Nam có toàn quyền tổ chức bậc đại học.

(...) Tiếp theo là những điều khoản liên quan đến trường Bác cổ Viễn đông, viện Pasteur, nha Thư viện và Lưu trữ(...)

VII- Vấn đề tài chính và kinh tế

Những người Việt Nam ở Pháp hay ở trên các lãnh thổ khác trong Liên hiệp Pháp cũng giống như những người Pháp hay công dân Liên hiệp Pháp ở Việt Nam

được hưởng ngang quyền cư trú như dân bản xứ. Họ được tự do đi lại buôn bán sinh sống.

Cơ sở tư nhân Pháp ở Việt Nam được hưởng cùng một quy chế, nhất là vấn đề thuế khoá và luật lao động, ngược lại cơ sở Việt Nam ở Pháp cũng vậy.

Những tài sản của những người dân Liên hiệp Pháp đã bị mất hồi tháng 3-1945 đều được trao trả lại cho họ trong tình trạng hiện tại.

Tư bản Pháp được tự do đầu tư ở Việt Nam nhưng phải theo luật lệ của Việt Nam. Chính phủ Việt Nam có chủ quyền về tài chính của mình, Việt Nam tự thành lập và điều khiển ngân sách.

Việt Nam ở trong khối Liên hiệp tiền tệ với các nước khác ở Đông Dương.

Viện phát hành Đông Dương sẽ phát hành một đồng bạc có giá trị chung cho cả ba quốc gia. Đồng bạc Đông Dương thuộc khu vực đồng quan. Hối suất giữa đồng quan và đồng bạc sẽ không bất-di-dịch mà thay đổi tùy theo tình trạng kinh tế. Tuy nhiên hối suất chỉ thay đổi sau khi có sự hội ý của các nước Liên kết Đông Dương.

Viện hối đoái Đông Dương sẽ kiểm soát việc trao đổi tiền bạc.

Nước Việt Nam hợp với các nước khác ở Đông Dương thành một Liên hiệp quan thuế. Giữa các nước đó không có hàng rào quan thuế, hàng hoá khi qua biên giới chung không phải nộp một khoản thuế nào (...)

Một hội nghị giữa các nước Đông Dương sẽ được tổ chức để bàn về các cơ quan chung như truyền tin, di cư, ngoại thương, quan thuế, ngân khố và chương trình trang bị.

Những thoả hiệp sẽ được ký kết ở Sài gòn giữa vị Cao uỷ Đông Dương và Hoàng thượng và sẽ thi hành ngay sau khi ký kết.

Bản Tuyên ngôn chung ngày 5 tháng 6 và bản văn kiện này cùng những bản thoả ước phụ, ký về sau, sẽ được trình Quốc hội Pháp duyệt y và những cơ quan có thẩm quyền Việt Nam xét để tạo thành văn kiện quy định ở điều 61 **Hiến pháp Cộng hoà Pháp**.⁹⁷

Chính phủ Pháp và tôi tin tưởng rằng sự thi hành mau chóng những điều khoản trên đây sẽ góp phần hữu hiệu vào việc tái lập hoà bình ở nước Việt nam, một nước tự do liên kết trong bình đẳng và hữu nghị với nước Pháp.

Xin Hoàng thượng nhận nơi đây lòng kính trọng của tôi.

Ký tên : Vincent Auriol

- Thư hồi đáp của hoàng đế Bảo Đại gửi tổng thống Cộng Hoà Pháp, Chủ tịch Liên Hiệp Pháp, để cho biết đã tiếp nhận và đồng ý với những quy định mà tổng thống V.Auriol đã kê khai trong văn thư kể trên.

Nguyên văn bức thư như sau :

Ba lê ngày 8 tháng 3 năm 1949

Hoàng đế Bảo Đại
Kính gửi Tổng thống Cộng hoà Pháp quốc, Chủ tịch Liên hiệp Pháp,

Thưa Chủ tịch

Tôi hân hạnh báo tin Ngài biết tôi đã nhận được bức thư đề ngày hôm nay mà nội dung như sau :

- I - Thống nhất Việt Nam (...nhắc lại nội dung thư của TT Pháp...)
- II - Vấn đề ngoại giao (...nhắc lại nội dung thư của TT Pháp...)
- III - Vấn đề quân sự (...nhắc lại nội dung thư của TT Pháp...)
- IV - Chủ quyền quốc nội (...nhắc lại nội dung thư của TT Pháp...)
- V - Vấn đề tư pháp (...nhắc lại nội dung thư của TT Pháp...)
- VI - Vấn đề văn hoá (...nhắc lại nội dung thư của TT Pháp...)
- VII - Vấn đề tài chánh kinh tế (...nhắc lại nội dung thư của TT Pháp...)

(Chú thích : Tất cả bảy vấn đề đều nhắc lại y hệt bản văn trên của Tổng thống Vincent Auriol gửi cho Bảo Đại.)

Tôi hân hạnh phúc đáp Ngài biết tôi hoàn toàn thoả thuận về các điều khoản và nội dung của bức thư ấy. (sic!)

Tôi tin tưởng rằng sự thi hành những điều khoản trong thư đó với một tinh thần tin tưởng và hiểu biết lẫn nhau sẽ tái lập nhanh chóng hoà bình ở Việt Nam.

Tôi cũng tin chắc rằng nước Việt Nam từ nay trở đi liên kết khắng khít với nước Pháp trong sự thống nhất và bình đẳng, sẽ góp phần hữu hiệu vào sự thịnh vượng và sự hùng cường của nước Pháp.

Xin ông Chủ tịch nhận nơi đây lòng kính trọng của tôi.

Ký tên : Bảo Đại

- Tuy nhiên vì văn thư kể trên của V. Auriol không đề cập một cách rõ ràng cách thức giao trả Nam Kỳ lại và tư thế độc lập Ngoại Giao riêng biệt của Việt Nam cho nên theo lời yêu cầu của Bảo Đại mà lại có thêm một văn thư thứ nhì cũng đề ngày 08/03/1949 của tổng thống V. Auriol gửi hoàng đế Bảo Đại.

Balé, ngày 8 tháng 3 năm 1949

Tổng thống Cộng hoà Pháp quốc, Chủ tịch Liên hiệp Pháp
Kính gửi Hoàng đế Bảo Đại

Thưa Hoàng thượng,

Như đã được quyết định trong những sự hoà đàm về thỏa ước Pháp Việt ký tại Paris ngày 8-3-49, tôi hân hạnh minh xác với Hoàng thượng trong bức thư này những điều mà Hoàng thượng muốn biết rõ về vài điểm đặc biệt.

1 - Thống nhất Việt Nam

1-1 - Việc sáp nhập Nam kỳ vào lãnh thổ Việt Nam

sẽ theo các thể thức sau đây :

- Quốc hội Pháp đầu phiếu một đạo luật thành lập một quốc hội đại diện lãnh thổ Nam kỳ, dự định ở **điều 77** trong Hiến pháp, có nhiệm vụ cho ý kiến về sự thay đổi quy chế lãnh thổ đó.

- Quốc hội Nam kỳ đầu phiếu về sự thay đổi quy chế và sự sáp nhập Nam kỳ vào lãnh thổ Việt Nam.

- Quốc hội Pháp đầu phiếu luật dự định trong **điều 77 Hiến pháp Pháp quốc**⁹⁸ công nhận sự hay đổi quy chế Nam kỳ. Quốc hội Pháp sẽ **hợp khẩn cấp** sau khi Quốc hội Nam kỳ đầu phiếu.

1-2 - Chính phủ Pháp thoả thuận về những quy chế đặc biệt giành cho những dân tộc không phải Việt Nam mà sống trên lãnh thổ Việt Nam (...)

2 - Vấn đề ngoại giao

2-1 - Số người đại diện Việt Nam trong Thượng hội đồng Liên hiệp Pháp sẽ được quy định sau, với sự thoả thuận của chính phủ Việt Nam.

2-2 - Chính phủ Pháp đồng ý để Việt Nam gửi tức khắc đại diện ngoại giao đến các nước sau đây : Toà thánh Vatican, Trung Hoa, Thái lan.

Nếu vì những biến chuyển mới đây ở Trung Hoa mà Việt Nam muốn đặt đại diện ở một nước khác, Chính phủ Pháp thấy không có gì cản trở để thay thế nước Trung Hoa bằng nước Ấn độ.

Tất cả những sự thay đổi trong điều khoản này phải được sự thoả thuận trước của chính phủ Pháp.

2.3 - Các nhà đại diện ngoại giao Việt Nam, trực thuộc phái bộ ngoại giao Pháp, sẽ do chính phủ Pháp uỷ nhiệm do sự đề cử của chính phủ Việt Nam

Họ chỉ đặc biệt coi về những vấn đề liên quan đến Việt Nam. Họ có thể liên lạc với chính phủ Việt Nam qua trung gian của Trưởng phái bộ ngoại giao Pháp và tiếng Pháp được sử dụng chính thức.

24 - Những điều khoản này cũng áp dụng cho những lãnh sự Việt Nam ở những nước không có đại diện ngoại giao Việt Nam. Những vị đó hoạt động dưới sự điều động của đại diện ngoại giao Pháp

2.5 - Trong những cuộc điều đình giữa Việt Nam với nước ngoài để ký những thoả hiệp liên quan đến quyền lợi riêng của Việt Nam, sự "liên lạc" với Phái đoàn ngoại giao Pháp gồm có sự thành lập bắt buộc những phái đoàn hỗn hợp Việt Pháp, và trong mỗi trường hợp, tuy rằng phái đoàn Việt Nam vẫn được tự do hành động và chịu hoàn toàn trách nhiệm, sự thiết lập một hệ thống thông tin giữa hai phái đoàn để nếu trường hợp xảy ra, cơ quan ngoại giao Liên hiệp Pháp có thể ủng hộ phái đoàn Việt Nam trong tất cả những sự khó khăn hay những sự bất ngờ trầm trọng có thể xảy ra trong lúc điều đình.

Tôi xin Hoàng thượng nhận nơi đây lòng kính trọng của tôi.

Ký tên : Vincent Auriol

*

Bản dịch tiếng Anh

Thoả hiệp Élysée: Thư trao đổi ngày 08/03/1949 giữa Vincent Auriol và Bảo Đại¹⁰⁰

(125) THE ELYSEE AGREEMENTS: EXCHANGE OF LETTERS BETWEEN FRENCH PRESIDENT VINCENT AURIOL AND BẢO ĐẠI, MARCH 8, 1949

Source: Accords Franco-Vietnamiens du 8 Mars 1949: The Franco-Vietnamese Agreement of March 8, 1949 (Saigon: imprimerie Francaise d'Outre-Mr, 1949) in French and English, pp. 45-62.

After months of negotiations, the French concluded an agreement with Bao Dai in March 1949 which again recognised Viet-nam's "independence" within the French Union, but still gave France control over Vietnamese diplomacy and military affairs. The D.R.V. government had rejected such terms at the Fontainebleau Conference of 1946."

You kindly expressed the wish to see, with regard to the Vietnam's Unity and Independence, the principles laid down by the joint declaration issued on the 5th of June, 1948, at the Bay of Along by M. Emile Bollaert, French High-Commissioner in Indo-China, and General Nguyen-van-Xuan, President of the Central Provisional Government of Vietnam, in the presence of Your Majesty, confirmed and determined precisely.

This wish falls in with the intention of the French Government, which after discussing the matter in the Council of Ministers, requested me, in my capacity as President of the French Union, to conclude, by means of letters exchanged with your Majesty an agreement for the purpose of determining precisely for their application the principles of the 5th of June statement.

I - UNITY OF VIETNAM

Notwithstanding former treaties of which she might have prevailed herself, France formally re-affirms her decision not to raise any '*de jure*' or '*de facto*' obstacle to the admission of Cochinchina within the framework of the Vietnam, defined as constituted by the uniting of the territories of Tonking (North Vietnam), Annam (Centre-Vietnam) and Cochinchina (South Vietnam).

But the uniting of Cochinchina to the other parts of Vietnam can be considered as legally achieved only following a free consultation of the populations concerned, or of their representatives.

The whole of the provisions of the present agreement will be valid only from the day Cochinchina is actually and legally united with the rest of the Vietnam.

To that purpose, the Government of the French Republic pledges itself to bring into play the proceedings provided for by the Constitution.

As soon as the proceedings are completed the French Government will definitely recognize the unity of Vietnam, such as it has just been defined.

The French Government renounces its right to prevail itself of the special status bestowed by Royal Order on the three cities of Hanoi, Haiphong and Tourane.

The administration of the non-Vietnamese populations whose historical home is situated on Vietnam territory, such as it has just been defined, and who have always been traditionally dependent on the Crown of Annam, will be the object of special statutes granted to the representatives of these populations by His Majesty the Emperor. These statutes will be determined in agreement with the Government of the French Republic which, in this matter, has particular duties towards these populations. They will have to guarantee the eminent rights of the Vietnam, as well as the free evolution of these populations whose traditions and customs must be respected.

II - DIPLOMATIC STATUS

The foreign policy of the French Union, within the framework of which the Vietnam exercises its rights through its delegates in the High Council and by virtue of the conduct of her diplomatic affairs, which we shall define below, will be examined and coordinated under the direction and within the responsibility of the Government of the Republic of France, at the French High Council of the Union where the Government of the Vietnam will be represented by its own chosen delegates.

For the execution of the abovementioned general directives, as far as foreign policy is concerned, H.M. the Emperor of the Vietnam will associate the activity of his diplomacy with that of the French Union.

The heads of the foreign diplomatic missions to the Vietnam will be accredited to the President of the French Union and to H.M. the Emperor of the Vietnam.

It will be incumbent on Your Majesty's Government, on the one hand, to agree with the French High Commissioner in Indo-China upon the conventions both particular or provisional which will determine the relations of the French Union with the Vietnam, account being taken of the principles expressed in the present exchange of letters and of the present state of affairs, until order and peace are restored; on the other hand, to prepare with the Representative of France and in conjunction with the Royal governments of Laos and Cambodia, the necessary regulations attendant upon the present agreements.

On this basis and under these circumstances, I confirm, in the name of the French Republic, my agreement with the following provisions:

The Vietnamese heads of diplomatic missions which the Government of the Vietnam will have assigned by agreement with the Government of the Republic of France to represent it in foreign states, will receive credentials granted by the President of the French Union and initialed by H.M. the Emperor of the Vietnam.

The countries in which the Vietnam will be represented by a diplomatic mission, will be determined after an agreement with the French Government.

The unity of the international policy of the French Union in these states will be maintained both by predetermined general instructions, the High Council of the French Union being informed, transmitted by the Government of the Republic to the Government of the Vietnam, as well as by direct contacts which the French and Vietnamese diplomats will establish among themselves.

In the other states, the Vietnam will be represented by the diplomatic missions of the Government of the Republic of France which may include representatives of the Vietnam.

The Vietnam is entitled to negotiate and to sign agreements concerning its particular interests, on the express condition that, before undertaking any negotiation, it submit its projects to the Government of the Republic for strict examination by the High Council, and that these negotiations be conducted in liaison with the diplomatic missions of the Republic. Approval by the High Council will be necessary before such agreements become final.

The Government of the Republic of France is agreeable, on request of the Vietnamese Government, to intervene on its behalf for the opening of Vietnamese consulates in foreign countries where the Vietnam considers itself to have particular interests. The Vietnamese consuls will carry out their activities in states where the Vietnam has a diplomatic mission under the direction and control of the head of that mission, in liaison with the diplomatic representative of the Government of the Republic of France, in other states, under the direction and control of the head of the diplomatic mission of the Government of the Republic of France.

The Government of the Republic of France offers to put forward and to support the candidature of the Vietnam when the latter conforms with the general conditions set out by the Charter of the United Nations for admission to that organization.

III - MILITARY STATUS

The Vietnam keeps up its national army whose task it is to maintain order and internal security as well as to defend the Empire. In this latter case, it will, eventually, be backed by the forces of the French Union. The army of the Vietnam will equally participate in the defence of the frontiers of the French Union against all external forces.

The military strength of the national Vietnam army and that of the army of the French Union stationed in the Vietnam will be established by a particular agreement, so that the total of the available means may, in time of war, effectively defend the territory of the Vietnam and of the French Union.

The Vietnamese army consists of Vietnam nationals commanded by Vietnamese officers; French instructors and French technical advisers will be put at the disposition of the Vietnam.

The Vietnamese officers and N.C.O.'s will be formed in Vietnamese military schools and eventually in French schools where they will be admitted without discrimination. To facilitate cooperation in wartime, the internal composition of the Vietnamese army will approach as closely as possible that of the army of the French Union.

The Vietnam army will be dependent on the budget of the Vietnam Government. Orders for material will be forwarded by the Vietnam Government to the French Government.

In order to contribute efficiently to the defence of the French Union the army of the French Union will station bases and garrisons on the territory of the Vietnam, the nomenclature, limits and status of which will be the objects of a particular convention. In any event, this status will be such as to allow its forces to fulfill their mission while respecting the principles of Vietnamese national sovereignty. They shall be able to circulate freely, between the bases and garrisons that have been assigned to them, according to settlements to be reached at the abovementioned military convention. In accordance with the principle of total cooperation within the French Union, they will comprise Vietnam elements, the conditions under which they will be recruited being subject, also, to the abovementioned convention.

To achieve united action which will be immediately effective in time of war, a permanent military committee made up of the officers of the General Staff of both armies, will be created immediately in the period of peace, in order to prepare a common plan of defence and military cooperation between the national army and that of the French Union; the committee could, in case of need, serve as permanent organ of liaison between the two armies in peacetime. The conditions of the military committee's composition and function in peacetime will be set out in the special convention which is attached to the Franco-Vietnam treaty.

In time of war, the entire defence potential of the armies of Vietnam and the French Union armies will be pooled, the military committee forming the core of a mixed general staff under the command of a French general officer in charge of the Vietnamese theater of operations particularly affected and one of the chiefs of general Staff will be Vietnamese.

IV. - INTERNAL SOVEREIGNTY

The Vietnam government will fully exercise all the attributions and prerogatives arising from internal sovereignty. Particular or provisional conventions will be passed with the French High Commissioner in Indo-China, which conventions, account being taken of the circumstances, will determine the modalities of the transfer to the Vietnam of such powers as were formerly exercised by the French authority.

The Vietnam government will apply, in the first place, to subjects of the French Union every time it needs counsellors, technicians or experts in public services and establishments or in enterprises having a public character concerned with the defence of the French Union.

The priority granted to subjects of the French Union will only cease in case the French government is unable to supply the personnel required. The methods of application of this provision will be determined in a subsequent text.

No French citizen, no subject of the French Union will be permitted to hold a post in the Vietnamese administration unless he has previously received the agreement or approval of the French Union representative and, on the other hand, no Vietnamese will be permitted to enter a French or French Union administrative service without having previously received his Government's authorisation or approval.

V. JUDICIARY QUESTION

All civil, commercial and penal matters throughout the territory of the kingdom will come within the full and unreserved jurisdiction of Vietnam.

However, civil and commercial cases setting, on the one hand, non-Vietnamese subjects of the French Union against one another or against Vietnamese, or, on the other hand, subjects of States with which France has passed conventions involving a jurisdictional privilege, and penal action taken in the

case of breaches of the law perpetrated by or impairing persons of the same categories, or gain prejudicing the French State, will be submitted to joint jurisdictions, the formation and working out of which will be the object of a judiciary convention appended to the Franco-Vietnamese treaty.

This convention, however, will take into consideration the following principles:

1° - Sentences passed will include the following executory formula: 'In the name of the French Union and the Vietnamese Nation, His Majesty the Emperor of Vietnam orders...

The execution of such sentences outside the territory of Vietnam will be the object of subsequent agreements providing for simplified proceedings with regard to foreign judgements or arbitrations awards.

2° - French law will be applied every time a Frenchman is implicated.

3° - Vietnamese law will be applied every time no Frenchman being implicated, this law will seem applicable to the solution of the conflict. Failing which, French law will be applicable.

Finally, it is specified that, in conformity with the usages of private international law, matters relating to personal status will be decided by the national law of the parties concerned. Administrative contentious matters will be settled following the same principles and on a basis of total reciprocity.

The special judiciary convention will deal with all other questions relating to the present chapter.

VI. - CULTURAL AFFAIRS

France may open freely primary and secondary public and private educational institutions in Vietnam under the one condition that territorial laws are being adhered to.

These rules and regulations should not make, directly or indirectly, any discrimination between French and Vietnamese.

The educational system requires professional and moral standards equivalent to those of France.

All of these requirements are to be applied also to the technical and professional Education system.

French institutions shall apply the curriculum in force in France, including, however, a history course of Vietnamese civilization, which will be obligatory.

Vietnamese pupils have free access to French institutions in Vietnam. These institutions shall include a course of Vietnamese language, obligatory for Vietnamese pupils. A privileged place, intermediary between the national language and foreign languages will be maintained for the French language, which is the diplomatic language of Vietnam, in Vietnamese institutions. Vietnam shall accept that a sufficiently large place is reserved in secondary schools to the French language, in order that students may be able eventually to pursue superior courses in that language. It will also strive to insure the teaching of French, to the greatest possible extent, in primary schools.

A system of equivalence between Vietnamese diplomas and French official diplomas shall be established by an agreement to be concluded to this effect as soon as the French and Vietnamese programs have been compared.

Vietnam has the right to provide freely for its higher education. It will at the same time acknowledge the right of France to continue her higher education in Vietnam, on behalf of the French Union.

However, owing to present practical difficulties, and especially in order to provide for the formation of an adequate Vietnamese teaching staff, a joint University will be created in keeping with the territorial laws and regulations.

The status of this University will be the object of a special agreement between France and Vietnam. The other Associated States in Indochina can, if

they so desire, participate in this organization and enter into the necessary negotiations with France and Vietnam to achieve this goal.

The status of this University will respect the following principles:
-- The joint university will constitute an organization corresponding as closely as possible to the principles of autonomy in the higher education system applied in the majority of modern states.

It will be headed by a Rector, nominated by joint decision of the governments concerned and of France, three candidates being presented by the consultative committee of the University. The Rector will be assisted by deans for the headmastership of each superior institution and for the management of the University by a University council including, under the Rector's chairmanship, the deans, the representatives of the teaching staff, the representatives of the students and other persons interested in educational questions, as well as the directors of scientific establishments and one representative of each of the governments concerned.

Teaching will be carried out in the language chosen by the founders for foundations and special institutes.

With regard to classical education:

a) -- all branches of instruction will be taught in French,
b) -- Vietnamese will be taught according to modalities which will be fixed by the Council of University.

Diplomas granted by the joint University will be considered official by the two States. However diplomas granted in an eventual course, exclusively Vietnamese, will not automatically give access to French educational posts or to employments requiring diplomas in the French Union.

In order to facilitate, to the greatest possible extent, the expansion of higher education, entrance fees will be maintained as low as possible and will have to be approved by the governments concerned.

The joint University will reserve the number of admissions necessary to accommodate scholarship students from the Governments concerned.

The disposal of scientific establishments already existing in Vietnam will be fixed by special conventions to take place either between the French and Vietnamese States or between the Vietnamese State and the board of directors of the establishment concerned. Notwithstanding, the following principles will be compulsorily respected:

The assets of the whole of the heritage of the 'Ecole Francaise d'Extreme Orient' will be the joint property of the three Indochinese States and of France; these assets will be inalienable. The board of administrators will include representatives of the three Indochinese States and of France. The Director will be nominated by a joint decision of the four governments, on presentation of three candidates by competent sections of the French Institute.

The situation of the Pasteur Institutes already existing on the territory of Vietnam will be fixed by contracts between these organizations and the Vietnamese government.

The following principles will however be taken into consideration:

The existing establishments are the joint property of the three Indochinese states and of France, with regard to the buildings and land property in Saigon, Dalat and Nhatrang.

The buildings and land property of the Pasteur Institute in Hanoi is the property of Vietnam, which, however, pledges itself to conclude for Hanoi a contract identical to those in force with the other establishments.

The Pasteur Institute remains proprietor of the real estate received either by gift or legacy.

Scientific material remains the property of the Pasteur Institute.

The application of the present contract will continue until it expires normally, at the end of December 1949.

Archives:

Each of the governments concerned remains proprietor of its archives. The conservancy and management of these archives will be the object of modalities remaining to be fixed.

The question of Libraries, Rice Bureau, Meteorological Service, Oceanographic Institute and Museums will be the object of special agreements.

Vietnamese subjects in France or in other parts of the French Union, French subjects and subjects of the French Union in Vietnam will enjoy the same rights of establishment as nationals, within the framework of the law and of territorial regulations. They will be allowed to circulate to carry on business and, on the whole, will enjoy all democratic liberties in the territory.

Property and enterprises belonging to subjects of the French Union on the territory of Vietnam benefit by the same regime as that extended to the property and enterprises of Vietnam subjects, especially with regard to the mode of taxation and labour legislation. This equality of status will be extended on reciprocal grounds to property and enterprises of Vietnamese subjects on French Union territories.

The legal regime of enterprises and property belonging to subjects of the French Union in Vietnam can only be modified by a joint agreement between the government of the French Republic and the Government of Vietnam.

Subjects of the French Union who were dispossessed of their rights and property owing to 'de facto' circumstances occurring in Vietnam since March 1945, will be re-established in the same. A joint committee will be appointed to fix the modalities of the restitution.

French capital can freely be invested in Vietnam, subject to the following provisions:

- a) -- The Government of Vietnam will have a share, if it judges fit, in the capital of such enterprises considered as being of national interest.
- b) -- The opening of enterprises concerning national defence is subordinate to the authorisation of the Government of Vietnam.
- c) -- The government of Vietnam will be entitled to exercise a right of pre-emption on the assets of enterprises ceasing their activities.

A Franco-Vietnamese joint commission will determine the exact scope of the sectors as well as that of the limitations to the principles of free establishment included therein.

The aforesaid provisions do not apply to already existing properties or enterprises in Vietnam or to further developments likely to arise from their normal activities.

The Vietnam Government will administer sovereignly its finances. It will draft and administer its budget. It will dispose of all the income collected on the territory of Vietnam, with the exception of those allotted, with the agreement of the French government and that of the other associated states, to the financing of common institutions or to other uses to be determined. It will be empowered to increase both direct and indirect taxes and to create new ones. Should the latter have a particular incidence on subjects of the French Union, they will be the object of preliminary consultation of their representatives with a view to maintaining fiscal harmony between Vietnam and the other Indochinese States, as well as the normal exercise of economic activities.

Monetary union between Vietnam and the other Indochinese States will be maintained. The only currency in circulation on the territory of this monetary union will be the piastre issued by the Indochinese Bank of Issue.

The Bank of Issue can issue different notes for Vietnam, Laos and Cambodia.

The Indochinese piastre will be included in the 'franc zone'. The parity between the piastre and the franc will not, however, be immutable and might vary according to economic circumstances. But any change of parity must be the subject of consultation between the Associated States in Indochina.

The mechanism of exchanges will be fixed by the Indochinese Exchange Office. Vietnam will form a customs union, together with the other Indochinese States. There will be no customs barrier between them. No taxes will be collected at their common borders; the same customs tariffs will be enforced with regard to both import and export duties all over the Union territory.

H.M. the Emperor of Vietnam, estimating that, in the economic and financial field, he has common interests with the Sovereigns of Cambodia and Laos, on the one hand, and with the French Union, on the other, and that it might be profitable to the Vietnamese nation that these interests be harmonized with a view to general prosperity, recognizes the advisability of creating joint organizations in order to study, harmonize and work up the aforesaid interests.

For that purpose, a conference meeting in Indochina under the auspices of the High Commissioner, at which will be represented, side by side with the Government of the French Republic and the Government of His Majesty, the Sovereigns of Cambodia and Laos, will determine the composition and the scope of these joint organizations' powers. To this effect, it seem advisable to leave the following points to the competence of the Conference:

1. -- Communications service.
2. -- Immigration control.
3. -- External commercial relations and customs.
4. -- Treasury.
5. -- Equipment Plan.

It is specified, in this connection, that the Indochinese conference, as defined above, will be called upon to give its advice on the equipment plan, at present under study.

This Conference will establish its own rules and procedure at the opening of its work.

The High Council of the French Union can eventually be referred to for advice or conciliation, if need be.

Instruments will be exchanged in Saigon between Your Majesty and the French High Commissioner in Indo-China. The agreement will take effect from the date of exchange.

The joint statement of the 5th of June 1948 and the present documents as well as the complementary conventions involved, will be submitted to the French Parliament for approval as well as to Vietnamese organizations qualified to constitute the act provided for by article 61 of the Constitution of the French Republic.

The government of the Republic and myself are convinced that the speedy application by Your Majesty and the Representative of France, in a spirit of mutual confidence and willingness, of the aforementioned provisions will efficiently contribute to the re-establishment of peace in Vietnam, freely united to France in a spirit of equality and friendship.

I beg Your Majesty kindly to accept the assurance of my highest consideration.

VINCENT AURIOL

I have the honour to acknowledge receipt of today's letter worded as follows:

(Text of the President of the Republic's letter to H.M. BAO DAI, from: I - Unity of Vietnam to: the High Council of the French Union can eventually be referred to for advice or conciliation, if need be).

I have the honour to notify accord on the contents and terms of this letter. I am convinced that the working out, in a spirit of mutual confidence and

comprehension, of the dispositions stated therein, will permit the speedy re-establishment of peace in Vietnam.

I am moreover certain that the Vietnam, henceforth closely linked with France in an atmosphere of unity and equality, will efficiently contribute to the grandeur and prosperity of the French Union.

I beg you, Mr. President, kindly to accept the assurance of my highest consideration.

BAO-DAI

As agreed upon in the course of the negotiations of the Franco-Vietnamese agreement, signed at Paris this day, I have the honour to give to Your Majesty, in this letter, the additional explanations which you asked on certain particular points of the text.

I. - UNITY OF VIETNAM

1° The uniting of South Vietnam to the rest of the Empire will be accomplished according to the following procedure:

Vote by the French Parliament of the law creating the Representative Territorial Assembly of South Vietnam, provided for by article 77 of the French Constitution, and commissioned to give its opinion on the changing of the statute of the said territory;

Vote by the Representative Territorial Assembly of South Vietnam on the changing of the aforesaid statute and the integration of South Vietnam with the rest of the Empire;

Vote by the French Parliament of the law proposed in article 75 of the French Constitution, sanctioning the changing of the statute of Cochinchina.

The National Assembly will be consulted, according to the procedure of urgency, as soon as the Representative Territorial Assembly of South Vietnam has made known its point of view;

2° The agreement of the Government of the French Republic provided for with regard to particular statutes granted to the non-Vietnamese populations whose historical home is situated on the territory of Vietnam, is required at the time the aforesaid statutes are granted and also in case of further modifications.

The text of these statutes will determine the modalities of appropriation by the parties concerned. The French Government does not intend submitting the Vietnamese administration to any particular material control.

II. - DIPLOMATIC QUESTION

1° The number of delegates of the Vietnam to the High Council of the Union will be fixed subsequently by agreement with the Vietnam Government;

2° The Government of the French Republic agrees that the Vietnam be immediately represented by diplomatic missions in the following countries:

Holy See,
China,
Siam.

However, if the Vietnam, owing to the incidents affecting China at the present time, deems it preferable to be allowed another post, the French Government will see no objection to China being replaced by India in the above list.

No revision or extension of the present statute can be effected without the agreement of the Government of the French Republic.

3° The Vietnamese diplomats who will be included in French diplomatic missions will be designated by the Government of Vietnam and nominated by the Government of the French Republic.

They will be commissioned especially to deal with affairs concerning the Vietnam.

They will be able to correspond with their government, under cover of the head of the French diplomatic mission, it being understood that French is the official language of the post.

4^o The same dispositions will also be applied to the Vietnamese consuls in the countries where, in the absence of a Vietnamese diplomatic representative, they will carry on their activities under the direction of the head of a French diplomatic mission.

5^o The 'liaison' with French diplomatic missions, when negotiations are undertaken by the Vietnam with the object of concluding and signing agreements relative to its own interests, implies not the compulsory existence of Franco-Vietnamese joint delegations, but the setting up, in each case, of a system of reciprocal information, which while leaving the Vietnam free-handed and responsible, may, if need be, permit the French Union diplomacy to support and help the Vietnamese mission through all difficulties and serious incidents which might happen in the course of the negotiations.

I beg Your Majesty kindly to accept the assurance of my highest consideration.

AURIOL

(100)

(Xem phần Chú thích số 100)

3.5 – Việc thành lập chính phủ trung ương lâm thời Việt Nam

Cũng cần nhắc lại ở đây: Để chấm dứt những khuynh hướng chính trị tản mạn bất đồng, Bảo Đại đã triệu tập một Hội Nghị Đại Biểu thu hẹp ở Hong Kong vào ngày 26/03/1948. Những đại biểu này được Bảo Đại mời từ Việt Nam để họp bàn và thành lập một **Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam** với một nhiệm vụ duy nhất là ký kết một loại *Tạm Ước Modis Vivendi* với nước Pháp với những điều khoản giới hạn có thể áp dụng ngay để giúp cho đôi bên Việt-Pháp có cơ hội thỏa thuận trên những lãnh vực thực tế và tạo ra bầu khí tin tưởng lẫn nhau qua các hành động cụ thể. Hội Nghị Hong Kong thông qua việc cử tướng Nguyễn Văn Xuân giữ chức vụ chủ tịch để thành lập **Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời** này. Ngoài ra, qua trung gian của Trần Văn Tuyên, Bảo Đại xác định với các thành viên đại biểu các đoàn thể chính trị, giáo phái có tham dự hội nghị ở Hong Kong rằng nếu Chính phủ Trung Ương Lâm Thời có thảo luận về một bản **Tuyên Bố Chung và bản Nghị Định Thư** mới thì Bảo Đại sẽ giành quyền quyết định để chuẩn một Hiệp Định chung cuộc với nước Pháp¹⁰¹ và từ đó có thể suy định rằng các thư trao đổi giữa Bảo Đại và tổng thống Cộng Hòa Pháp Vincent Auriol có thể được xem như là một hình thức chuẩn nhận của họ Thỏa Ước Chung Cuộc được ký kết ngày 08/03/1949 giữa hai phái đoàn Việt-Pháp tại điện Élysée.

Sau khi đã ký kết Thỏa Ước Élysée, vấn đề then chốt còn lại đối đối với Bảo Đại là cách thức trả lại lãnh thổ Nam Kỳ cho người chủ nhân nguyên thủy, chân chính và hợp pháp. Bảo Đại đã nêu ngay vấn đề này với Queuille chủ tịch hội đồng nội các của nước Pháp và nhất quyết rằng cho đến khi nào lãnh thổ Nam Kỳ chưa được hồi nhập vào nước Việt Nam thống nhất của nhân dân Việt Nam thì việc trở về của Bảo Đại sẽ không xảy ra. Người Pháp cần phải hành động nhanh chóng cho nên Cao ủy Pignon đã thuyết phục chủ tịch Hội đồng Nội các Queuille và bộ trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại Coste Floret tiến hành ngay để giải quyết vấn đề lãnh thổ Nam Kỳ theo như đòi hỏi tiên quyết *sine qua non* (nếu không có thì không) của Bảo Đại. Chỉ trong vòng 3 tuần lễ, Nghị viện Pháp đã phải thông qua và chuẩn phê dự án Luật tổ chức và nhiệm vụ **Hội Đồng Lãnh Thổ (HDLT)**¹⁰². Việc thành lập HDLT này gây phẫn nộ cho những người Pháp thực dân kiêu

mới ở Nam Kỳ mà tiêu biểu là cựu chủ tịch Hội Đồng Cố Vấn Thuộc Địa (Conseil colonial) De la Chevrotière cho rằng chỉ có những thành viên cố vấn cũ của Hội Đồng Thuộc Địa được lựa chọn từ trước khi xảy ra chiến tranh ở Đông Dương là có quyền biểu quyết về thân trạng thuộc địa của nước Pháp và tuyên bố rằng việc Nghị viện biểu quyết thiết lập HĐLT là bất hợp pháp.¹⁰³

Cuộc bầu cử dân biểu HĐLT diễn ra vào ngày 10/04/1949. Tại Sài Gòn, 4/5 người Pháp đi bầu nhưng chỉ có gần 600 người dân bản xứ Việt Nam đi bỏ phiếu mặc dù số đăng ký gần 5,000 cử tri. Theo bộ trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại Coste Floret thì ở các tỉnh có tới 80% cử tri đi bầu. Có tất cả 64 dân biểu được bầu trong số đó có 16 người Pháp.¹⁰⁴(Gen, Yves Gras, p.261). HĐLT Nam Kỳ sẽ biểu quyết theo đa số để quyết định thân trạng của Nam Kỳ và sau đó thì biểu quyết này phải được Nghị Viện của Pháp thông qua và chuẩn nhận. Ngày 19/04/1949, HĐLT nhóm họp lần đầu để biểu quyết với một kết quả mà theo ý của Bảo Đại viết ra trong hồi ký *Le Dragon d'Annam* là không thuyết phục và không phản ánh đúng ý nguyện thực sự của dân chúng. Do đó Bảo Đại hoãn lại chuyến bay trở về Việt Nam.¹⁰⁵(S.M. Bảo Đại, *Le Dragon D'Annam*, s.đ.d.,tr.220) HĐLT lại phải họp một lần nữa vào ngày 23/04/1949 và bỏ phiếu với tỷ số 55 phiếu thuận, 6 phiếu chống và 2 phiếu trắng kèm thêm điều khoản buộc Việt Nam phải bảo đảm rằng *việc sáp nhập lãnh thổ Nam Kỳ vào nước Việt Nam sẽ vô hiệu nếu những mối liên hệ giữa nước Việt Nam và khối Liên Hiệp Pháp bị thay đổi.*¹⁰⁶(Gen, Yves Gras, p.261).

Ngày 24/04/1949 Bảo Đại cùng với hoàng thân Vĩnh Căn và bác sĩ Nguyễn Mạnh Đôn rời nước Pháp trở về Việt Nam.

Quốc hội Pháp chấp nhận việc sáp nhập Nam kỳ vào lãnh thổ Việt Nam qua Đạo Luật số 49-733 ngày 04/06/1949.

Loi N°49-733 du 4 juin 1949 ¹⁰⁷
modifiant le statut de la Cochinchine dans l'Union française

Après avis de l'Assemblée de l'Union française,
L'Assemblée nationale et le Conseil de la République ont délibéré,
L'Assemblée nationale a adopté,

Le Président de la République promulgue la loi dont la teneur suit :

Art. 1er. – Dans le cadre fixé à l'article 60 de la Constitution de la République française et après l'avis émis, dans sa séance du 23 avril 1949, par l'Assemblée territoriale de Cochinchine, le statut de Cochinchine est modifié dans les conditions prévues à l'article ci-après.

Art. 2. – Le territoire de la Cochinchine est rattaché à l'Etat associé du Viet-Nam suivant les termes de la déclaration commune du 5 juin 1948 et de la déclaration du Gouvernement français du 19 août 1948. La Cochinchine cesse en conséquence d'avoir le statut de territoire d'outre-mer.

Art. 3. – En cas de changement de statut du Viet-Nam, le statut de la Cochinchine fera l'objet d'une nouvelle délibération des assemblées prévues à l'article 75 de la Constitution (Titre VII : De l'union française).

La présente loi sera exécutée comme loi de l'Etat.

Fait à Toulon, le 4 juin 1949.

VINCENT AURIOL.

Par le Président de la République :

Le président du conseil des ministres,

HENRI QUEUILLE.

Le ministre de la France d'outre-mer,

PAUL COSTE-FLORET.

Tạm dịch:

Luật số 49-733 ngày 4 tháng 6 năm 1949 ¹⁰⁷ sửa đổi tình trạng của Nam Kỳ trong Liên minh Pháp Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Liên minh Pháp, Quốc hội và Hội đồng Cộng hòa đã cân nhắc, Quốc hội đã thông qua, Tổng thống Cộng hòa ban hành luật có nội dung như sau: Nghệ thuật. 1. – Trong khuôn khổ quy định tại Điều 60 của Hiến pháp Cộng hòa Pháp và sau khi ý kiến được đưa ra, tại phiên họp ngày 23 tháng 4 năm 1949, bởi Hội đồng Lãnh thổ Nam Kỳ, tình trạng của Nam Kỳ được sửa đổi theo các điều kiện được quy định trong bài viết dưới đây. Thuật. 2. – Lãnh thổ Nam Kỳ được gắn liền với Nhà nước Liên kết Việt Nam theo các điều khoản của Tuyên bố chung ngày 5 tháng 6 năm 1948 và Tuyên bố của Chính phủ Pháp ngày 19 tháng 8 năm 1948. Kết quả là, Cochinchina không còn có tình trạng của một lãnh thổ hải ngoại. Thuật. 3. – Trong trường hợp thay đổi tình trạng của Việt Nam, tình trạng của Nam Kỳ sẽ là chủ đề của một cuộc thảo luận mới ...

Ngày 13/05/1949, đại tướng Georges Revers, tham mưu trưởng Lục quân Pháp, được gửi sang nghiên cứu chiến trường Đông Dương.

Ngày 14/06/1949, tại toà Đô sảnh Sài gòn, Bảo Đại và Cao ủy Pignon ký những văn kiện chính thức hợp thức hoá Thỏa Ước Élysée.

KHẢO LUẬN

Theo Bảo Đại kể lại trong hồi ký *Le Dragon d'Annam* thì Thỏa Hiệp Élysée chẳng có điều gì gọi là mới mẻ. Điều quan trọng trước mắt đối với cựu hoàng là với Thỏa Hiệp này, lãnh thổ Nam Kỳ sẽ được người Pháp trao trả lại cho nước Việt Nam thống nhất. Mặt khác, dưới mắt nhìn của Bảo Đại thì Thỏa Hiệp Định chỉ có tính cách giai đoạn để giành lại cho nước Việt Nam một nền Độc Lập toàn vẹn giống như trường hợp của các nước Phi Luật Tân, Miến Điện, Ấn Độ ... và tin tưởng rằng nó này sẽ mang trở lại hòa bình cho nước Việt Nam.¹⁰⁸

Có thể nói Bảo Đại và Hồ Chí Minh đã cùng đi trên một tuyến đường tìm kiếm Độc Lập, Thống Nhất và Hòa Bình cho nước Việt Nam nhưng HCM đã thất bại trong khi Bảo Đại có thể xem như đã gặt hái được kết quả mặc dù có thể đây là một kết quả mong manh. Bảo Đại đã tỏ ra tự hào vì những điều ông đã làm để có được một thỏa ước với người Pháp như thế, điều mà HCM và đảng CSVN không có và chưa bao giờ có năng lực để thực hiện qua các hội nghị trước đây ở Đà Lạt, ở Fontainebleau và với cuộc đi đêm của HCM với Bộ trưởng bộ Pháp quốc Hải ngoại Marius Moutet ở Paris Moutet để xin cho bằng được Hiệp Ước Tạm Thời tháng 09/1946 sau khi hội nghị Fontainebleau tan vỡ. Cũng cần lưu ý thêm rằng HCM đã không làm được cho nước Việt Nam một việc gì trong thời kỳ Nhật vừa mới đầu hàng Đồng Minh ngược lại cùng trong giai đoạn đó, cựu hoàng Bảo Đại cùng với chính phủ Trần Trọng Kim đã thực sự lấy lại độc lập và thống nhất cho nước Việt Nam. HCM cũng thất bại trong việc đòi hỏi người Pháp phải trao trả Độc Lập và Thống Nhất và lấy lại toàn bộ phần lãnh thổ Nam Kỳ cho nước Việt Nam nhưng lần này cũng chính cựu hoàng Bảo Đại lại làm được việc này.

Kể từ tháng 03/1949, Quốc Gia Việt Nam chính thức là một trong số các thành viên của Khối Liên Hiệp Pháp và mặc dù Việt Nam có thể xin gia nhập làm thành viên riêng rẽ của Tổ Chức Liên Hiệp Quốc nhưng theo hiến pháp ngày 27/10/1946 của nền đệ tứ Cộng Hòa Pháp Quốc thì một thành viên của Khối Liên Hiệp Pháp chưa thể có được độc lập thực sự và thẩm quyền hành động đơn phương như thế trong khi các nước thành viên trong khối Thịnh Vượng Chung Anh Quốc (British Commonwealth of Nations) thì lại có thẩm quyền. Tổ chức Liên Hiệp Pháp theo Hiến pháp năm 1946 là một hình thái mới của chế độ đế quốc thực dân thuộc địa của Pháp mà trong đó mỗi quốc gia thành viên sẽ phải chấp nhận những mức độ lệ thuộc khác nhau đối với nước Pháp chính quốc.

Hiến Pháp ngày 27/10/1946 của Dệ IV Cộng Hòa Pháp Quốc¹⁰⁹

Article 27

Les traités relatifs à l'organisation internationale, les traités de paix, de commerce, les traités qui engagent les finances de l'État, ceux qui sont relatifs à l'état des personnes et au droit de propriété des Français à l'étranger, ceux qui modifient les lois internes françaises, ainsi que ceux qui comportent cession, échange, adjonction de territoire, ne sont définitifs qu'après avoir été ratifiés en vertu d'une loi.

Nulle cession, nul échange, nulle adjonction de territoire n'est valable sans le consentement des populations intéressées.

Article 60

L'Union française est formée, d'une part, de la République française qui comprend la France métropolitaine, les départements et territoires d'outre-mer, d'autre part, des territoires et États associés.

Article 75

Les statuts respectifs des membres de la République et de l'Union française sont susceptibles d'évolution.

Les modifications de statut et les passages d'une catégorie à l'autre, dans le cadre fixé par l'article 60, ne peuvent résulter que d'une loi votée par le Parlement, après consultation des assemblées territoriales et de l'Assemblée de l'Union.

Article 77

Dans chaque territoire est instituée une assemblée élue. Le régime électoral, la composition et la compétence de cette assemblée sont déterminés par la loi.

Tam dịch:

Điều 27 Các điều ước liên quan đến tổ chức quốc tế, các hiệp ước hòa bình, thương mại, các điều ước quốc tế cam kết tài chính của Nhà nước, các điều ước liên quan đến tình trạng của con người và quyền sở hữu của người Pháp ở nước ngoài, những điều sửa đổi luật pháp trong nước của Pháp, cũng như các điều ước liên quan đến việc chuyên giao, trao đổi, bổ sung lãnh thổ. Là cuối cùng chỉ sau khi họ đã được phê chuẩn bởi pháp luật. Không chuyên nhượng, không trao đổi, không có sự bổ sung lãnh thổ có giá trị mà không có sự đồng ý của các quân thể liên quan. Điều 60 Liên minh Pháp một mặt sẽ bao gồm Cộng hòa Pháp, bao gồm Đô thị Pháp, các bộ phận và lãnh thổ ở nước ngoài, và mặt khác, của các lãnh thổ và quốc gia liên quan. Điều 75 Các quy chế tương ứng của các thành viên của Cộng hòa và Liên minh Pháp có thể thay đổi. Những thay đổi về tình trạng và quá trình chuyển đổi từ loại này sang loại khác, trong khuôn khổ quy định tại Điều 60, chỉ có thể kết quả từ một đạo luật được Quốc hội thông qua, sau khi tham khảo ý kiến với các hội đồng lãnh thổ và Hội đồng Liên minh. Điều 77 Trong mỗi lãnh thổ, một hội đồng dân cử sẽ được thành lập. Hệ thống bầu cử, thành phần và thẩm quyền của hội đồng này được xác định bởi pháp luật.

Song song với các thỏa ước Pháp - Việt Élysée, những thỏa ước tương tự khác cũng đã được thông qua với hai quốc gia Lào và Cao Miên trước sau vào những ngày 19/07/1949 và 08/11/1949. Thỏa hiệp của 3 nước ở Đông Dương tạo ra những đỉnh ước nền tảng quy định những quy tắc tổng quát. Những văn kiện này cần phải được bổ xung thêm bằng những văn kiện thực hành qua các hội nghị đặc biệt và mặt khác qua các hội nghị giữa 3 nước Đông Dương để giải quyết các vấn đề quốc gia kề cận láng giềng. Những sự khác biệt giữa 3 thỏa ước Việt-Pháp, Lào-Pháp và Pháp-Cao Miên chỉ có trên mặt hình thức nhưng phần nội dung thì gần như là giống nhau. Lào và Cao Miên có những cơ cấu hiến định cho một chính quyền tiêu biểu: Quốc trưởng, Thủ Tướng, Quốc Hội Lập Pháp, Trái lại, ở Việt Nam thì tình trạng hình thức không rõ ràng. Ngoài quy định đặc biệt nhằm giải quyết vấn đề thống nhất 3 kỳ của Việt Nam và một số quy định tài chánh và quân sự cho nước Lào, những quy định khác của 3 Thỏa Hiệp hầu như là giống nhau. Có thể phân biệt hai loại quy định: 1/ Quy định những phương cách giải quyết về vấn đề chủ quyền quốc nội; 2/ Quy định những phương cách về tổ chức, xếp đặt những mối liên hệ của mỗi quốc gia Đông Dương trong khuôn khổ của khối Liên Hiệp Pháp với nước Pháp. Về phương diện Quốc nội, cả ba nước Đông Dương được tự trị về hành chính nội an ngoại trừ vấn đề nhu cầu nhân sự người ngoại quốc về cố vấn, kỹ thuật, chuyên gia thì ưu tiên được cung ứng bởi khối Liên Hiệp Pháp.

Về mặt ngoại giao, những quy định đều giống nhau cho cả 3 nước Đông Dương và văn bản quy định về vấn đề đối ngoại của nước Việt Nam được xem như là văn bản mẫu

mục cho Lào và Cao Miên. Chính sách đối ngoại của khối Liên Hiệp Pháp do Thượng Hội Đồng Liên Hiệp Pháp (Haut conseil de l'Union) giám sát và điều phối. Việt Nam được hành xử quyền hạn ngoại giao qua các đại biểu riêng của mình trong Thượng Hội Đồng Liên Hiệp Pháp nhưng chính quyền của Cộng Hòa Pháp mẫu quốc giữ quyền điều hành và trách nhiệm về chính sách đối ngoại của khối Liên Hiệp Pháp. Đối với những Quốc gia khác, quốc gia Việt Nam sẽ được đại diện bởi các phái bộ ngoại giao của chính phủ Pháp và trong thành phần phái bộ này có thể có những tùy viên đại diện ngoại giao của Việt Nam. Tất cả các trưởng đoàn phái bộ Ngoại giao của các nước ngoài ở Việt Nam đều được bổ nhiệm bên cạnh cùng một lúc với Chủ tịch Liên Hiệp Pháp và hoàng đế. Các trưởng đoàn phái bộ ngoại giao của Việt Nam ở ngoại quốc sẽ do chính phủ Việt Nam cất cử với sự đồng ý của chính phủ Pháp ở chính quốc và sẽ được cấp phát ủy nhiệm thư từ chủ tịch Hội Đồng Liên Hiệp Pháp với chữ ký kiểm thử của hoàng đế của nước Việt Nam. Điều ước định quan trọng nhất về ngoại giao trong Thỏa ước Élysée ấn định rằng nước Pháp chủ động trong việc giới thiệu và giám hộ cho Việt Nam trở thành ứng viên vào tổ chức Liên Hiệp Quốc sau khi Việt Nam đa hội đủ điều kiện đòi hỏi của Hiến Chương của tổ chức này. Hay nói khác đi , Khối Liên Hiệp Pháp mà tổng thống của nước Pháp mẫu quốc hiện tại là chủ tịch chính là hàng rào ngăn chặn không để cho Việt Nam muốn làm gì thì làm trong lãnh vực ngoại giao.

Về mặt quân sự, trong khi nước Pháp hoàn toàn giữ vai trò chủ động về mặt quân sự quốc phòng bằng quân lực của nước Pháp và của Liên Hiệp Pháp ở nước Lào thì Thỏa ước Élysée lại dự trù cho Việt Nam một quân đội riêng nhưng chỉ với nhiệm vụ chủ yếu là gìn giữ an ninh nội chính và phải chia xẻ việc bảo vệ quốc phòng của nước Pháp mẫu quốc với súng ống đạn dược quân cụ và quân nhu và chuyên viên huấn luyện quân sự do người Pháp Pháp cung ứng. Khi xảy ra chiến tranh thì sĩ quan người Pháp giữ vai trò chỉ huy quân sự của Việt Nam và lực lượng quân sự Liên Hiệp Pháp.

Thỏa ước Élysée quy định rằng Bảo Đại được toàn quyền Tự trị hành chánh “*The Government of Viet Nam should exercise fully all of the attributions and prerogatives implied by internal sovereignty*” /*Le Gouvenment du Vietnam exercera dans leur plénitude les attributions and prerogatives qui découlent de sa souveraineté interne.*” Tuy nhiên Chính phủ Việt Nam sẽ phải ký kết với Cao uỷ Đông Dương những thoả hiệp đặc biệt hay tạm thời và thể thức trao trả Việt Nam những quyền hành do người Pháp nắm giữ từ trước. Mỗi khi cần tới cố vấn hay chuyên viên, kỹ thuật gia trong các lãnh vực công cộng, chính phủ Việt Nam phải giành quyền tuyển chọn ưu tiên cho các công dân của nước Pháp của Liên hiệp Pháp. Chỉ khi nào chính quyền nước Pháp không cung ứng được thì quyền ưu tiên đó mới bị mất.

Theo thỏa ước Élysée, Pháp giành riêng cho họ quyền tài phán đặc biệt đối với công dân Pháp kiều ở Việt Nam và mỗi khi có các vụ tranh tụng có liên quan tới công dân Pháp hoặc người ngoại quốc được che chở bởi các hiệp ước đặc biệt ký kết với Pháp thì những hạng kiều dân này ở Việt Nam phải được xét xử theo luật của Pháp trong các phiên tòa hỗn hợp Việt Pháp.

Như vậy, có thể nói rằng vấn đề thống nhất toàn vẹn lãnh thổ một lần nữa đã được cựu hoàng Bảo Đại thực hiện, không phải chỉ là một lời hứa suông nhưng là một sự thật, một sự thật làm trái lòng người Pháp không ít mà cũng không làm cho người dân bản xứ Việt Nam được thỏa mãn hoàn toàn như nguyện ước bởi vì họ biết, mà Bảo Đại cũng biết như thế, Độc Lập mà người dân Việt Nam vừa mới lấy lại được lần này vẫn còn là một nền độc lập khấp khểnh, miễn cưỡng và mơ hồ.

Ngày 13/ 06/1949 Bảo Đại và Cao ủy Đông Dương Pignon đã trao đổi các văn kiện kết ước trong một nghi lễ được tổ chức ở Tòa Đô Chính Sài Gòn và Bảo Đại về tạm thời dùng tước hiệu hoàng đế có một uy thế chính danh đối với thế giới đồng thời cũng ra chiếu chỉ tự phong là quốc trưởng đứng đầu chính phủ Quốc Gia cho đến khi cả nước Việt Nam có được một Hiến Pháp.

Cuối tháng 06/1949, chính Chính phủ Nam Kỳ Tự Trị tự ý tuyên bố giải tán với Bảo Đại và chính thức chấm dứt chế độ ly khai ở Nam Kỳ dưới thời cựu Cao ủy Đông Dương thầy tu d'Argenlieu.

*

Chương 4

TAM ĐẦU CHẾ VIỆT NAM

I - QUỐC GIA - CỘNG SẢN-THỰC DÂN

1- Chính quyền Quốc Gia: Bảo Đại hay Ngô Đình Diệm ?

Dưới thời thầy tu Cao ủy Đông Dương Thierry d'Argenlieu, Léon Pignon, nguyên là ủy viên Liên bang Đông Dương phụ trách các vấn đề chính trị và là cố vấn chính trị thân tín của d'Argenlieu đã từng vạch rõ chính sách của người Pháp cần phải áp dụng riêng với nước Việt Nam. Chính sách này được thể hiện qua một văn kiện MẬT, một tác phẩm của Léon Pignon, gọi là Thông Tư Định Hướng số 9 ngày 04/01/1947, dài 7 trang giấy mà những điểm chính yếu có thể trích dẫn một cách tóm lược như sau:

- Một điều chắc chắn là người Pháp không thể nào tiếp tục điều đình trở lại với Chính phủ Hồ Chí Minh bởi vì chính phủ đó luôn luôn theo đuổi một mục tiêu duy nhất là đòi hỏi cho bằng được một nền độc lập vĩnh viễn và toàn vẹn cho cả nước Việt Nam bằng cách vận dụng mọi biện pháp ngăn cản không để cho Pháp trở lại với bất cứ giá nào bởi vì theo quan điểm của họ thì nước Pháp, do những quyền lợi của nó, do những vị trí mà nó vẫn duy trì, là mối nguy hiểm chính cho nền độc lập của Việt Nam. Vậy thì dứt khoát phải loại trừ nó ra.

- Điều đình với họ bây giờ có nghĩa là đầu hàng, là tiêu tan nhanh chóng mọi ảnh hưởng của Pháp, không những trong nước Việt Nam mà trong cả Đông Dương và cả vùng Viễn Đông nữa. Uy tín của nước Pháp sẽ không tồn tại nổi sau sự thoái hóa này, và người Pháp sẽ chứng kiến sự tan rã của Đế quốc Pháp.

- Nếu không thể điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh được nữa, thì buộc lòng người Pháp phải đánh, ít nhất là trong một chừng mực cần thiết để bảo đảm an ninh các vị trí và sự đi lại của người Pháp.

- Người Pháp chúng ta thực sự sẽ có lợi một mặt bằng cách không đào sâu thêm hố hận thù với các tầng lớp dân chúng Việt Nam chất phát qua những cuộc hành quân nhằm đốt phá làng mạc, giết hại thường dân vô tội tại ở các vùng nông thôn còn một mặt khác thì người Pháp không nên biến trách nhiệm gây chiến của Đảng CSVN trở thành trách nhiệm chung của một quốc gia.

- Để thoát khỏi những khó khăn mà họ vất vả lắm mới có thể vượt qua, Hồ Chí Minh và CSVN phải dùng giải pháp gây chiến tranh sắt máu ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và vì thế họ đã tạo ra sự bất bình trong dân chúng nhưng không thể vì thế mà người Pháp có thể khẳng định rằng sự bất bình bao trùm hoàn toàn ở 2 nơi đó. Hồ Chí Minh được nhân dân Nam Kỳ yêu mến. Cho dù quần chúng có bắt đầu bộc lộ bất mãn đối với các cấp lãnh đạo trong đảng CSVN thì người Pháp cũng không được phép suy định là họ đã hoàn toàn ly khai với đảng CSVN.

- Người Pháp cần phải quan tâm tới tư tưởng quốc gia sâu sắc trong mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam và cần phải làm cho họ tin tưởng rằng tư tưởng quốc gia của họ không hề bị đe dọa vì người Pháp.

- Mục tiêu của người Pháp bây giờ phải là **Việt Nam hóa chiến tranh bằng cách chuyên cuộc xung đột của người Pháp với Việt Minh thành cuộc xung đột nội bộ của người Việt Nam**, trao những trọng trách thi hành những chiến dịch bình định và những cuộc hành quân càn quét bình định cho những người Việt Nam bản xứ thù địch với CSVN.¹¹⁰

Chính sách “chia để trị” của Pignon nay đã được thể hiện với việc trở về Việt Nam của Bảo Đại nhưng có thành công như ý muốn của Pignon hay không thì còn phải tùy thuộc vào nhiều yếu tố quan trọng khác nữa chứ không phải chỉ có sự hiện diện thực tế của cá nhân Bảo Đại thì sẽ xong tất cả như người Pháp đang mưu đồ. Người Pháp cần có được tinh thần hợp tác của Bảo Đại cùng sự tín nhiệm đáng kể của một tầng lớp dân

chúng Việt Nam và những yếu tố tùy thuộc này hiện chưa xuất hiện. Tình trạng tiếp tục hiện diện của quân đội viễn chinh Pháp trên lãnh thổ Việt Nam và những viên chức Pháp trong guồng máy hành chính cai trị của nước Việt Nam đã khiến người bình dân bản xứ và kể cả Bảo Đại đều thấy được rằng nền Độc lập của nước Việt Nam trên thực tế chỉ là cái bánh vẽ của thực dân thuộc địa kiểu mới của người Pháp. Ngay cả đối với thành phần chính trị của những người quốc gia không cộng sản dù biết rằng sự thay đổi không thể nào lấy lại được dễ dàng trong một sớm một chiều nhưng họ chưa chịu tích cực hợp tác với Bảo Đại để làm cho tình hình tốt đẹp hơn và tiếp tục “chờ xem” Bảo Đại làm ăn ra sao với những nhượng bộ không ngay thẳng của người Pháp rồi mới tính sau. Ngay cả những thành phần quốc gia đã từng có thành tích chống cộng sản Việt Minh “một cách cuồng tín” cũng nín hơi lặng tiếng ngồi bó gối chờ đợi thời cơ.

Báo L’Echo du Việt Nam số ra ngày 16/06/1949 đã đăng lại lời tuyên bố của ông Ngô Đình Diệm rằng: “*Ước vọng của nhân dân Việt Nam chỉ được xem như là thỏa đáng khi đất nước này đã thụ đắc được một thân trạng chính trị giống như các quốc gia Ấn Độ và Pakistan đang được thụ hưởng. ... Những vị trí then chốt trong một nước Việt Nam Mới cần phải được giao cho **những người xứng đáng hơn hết của đất nước: đó là những thành phần kháng chiến.***” Ông Diệm đã khước từ chức vụ thủ tướng trong chính phủ của Bảo Đại.¹¹¹ Những người xứng đáng hơn hết của đất nước Việt Nam theo ông Diệm là những phần tử kháng chiến nhưng ông không nói rõ là những ai và kháng chiến chống Pháp hay chống CSVN.

Còn Bảo Đại đối với ông Diệm thì sao? Không phải đây là lần đầu tiên Bảo Đại mời gọi ông Diệm đứng ra thành lập một nội các trong chính quyền của Bảo Đại trong một nước Việt Nam thống nhất và độc lập. Trong vòng bốn năm 1945-1949, được Bảo Đại yêu cầu hợp tác 2 lần nhưng Ông Diệm vẫn ngoảnh mặt từ chối với lý do là thực dân thuộc địa Pháp vẫn còn tiếp tục làm chủ nước Việt Nam và bất cứ chính quyền Việt Nam không CS nào hiện nay chỉ là chính quyền bù nhìn, con rối lệ thuộc người Pháp. Theo Ông Diệm, những người xứng đáng hơn hết để lãnh đạo đất nước nhất định phải là những thành phần người Quốc gia không CS chống Pháp và chống cả CSVN của HCM.

Một điểm quan trọng cần lưu ý là HCM và Bảo Đại đều không được Ông Diệm xếp vào thành phần những người xứng đáng để lãnh đạo đất nước bởi vì HCM không những là CS mà còn là kẻ thù sát hại những người thân của ông Diệm và sự đối kháng của Ông Diệm với người Pháp thì giống như sự khắt chế nhau giữa lửa và nước. Còn nhớ khi hoàng đế Bảo Đại về nước, Ông Diệm là một quan lại hưởng bổng lộc của triều đình và đã được ông hoàng trẻ cấp tiến giao cho một trọng trách quan trọng nhằm đổi mới chế độ cai trị phong kiến lỗi thời của dòng họ nhà Nguyễn và nhất là để cởi bỏ ách bảo hộ của thực dân Pháp đang đè nặng trên vai của ông hoàng trẻ tuổi, một thanh niên đã được người Pháp nuôi nấng, dạy dỗ và lớn khôn từ nước Pháp mẫu quốc. Nhưng vì tự ái và tính khí cao ngạo, Ông Diệm đã cời áo từ quan. Khi quân phiệt Nhật đầu hàng trong thế chiến II, Bảo Đại đã chờ đợi Ông Diệm, cho người tìm kiếm khắp nơi nhưng không thấy đâu cho phải trao trọng trách lập chính phủ Việt Nam cho Ông Trần Trọng Kim. Khi CSVN và HCM cướp chính quyền, Bảo Đại tự ý thoái vị trao quyền cai trị cho HCM và CSVN để rồi

được HCM ban cho một chiếc áo giấy hàng mã mang nhãn hiệu *Cố vấn tối Cao* ngồi chơi xơi nước, để cho HCM có thể lợi dụng uy danh chính thống của ông hoàng ngô hầu thu hút lòng ủng hộ của nhân dân Việt Nam và đồng thời cũng là lá bài dự phòng của CSVN cho các cuộc thương lượng với thực dân Pháp trong tương lai. Khi cựu hoàng Bảo Đại rời bỏ CSVN để lưu vong sang Hong Kong thì Ông Diệm cũng có sang Hong Kong để hội kiến và cùng chung bàn thảo về một giải pháp chính trị tương lai cho Việt Nam. Bảo Đại lại một lần nữa tín nhiệm giao phó cho Ông Diệm trở về Việt Nam nhận định tình hình chính trị cho một kế hoạch thương thảo với người Pháp và Ông Diệm vẫn cứng rắn với chủ trương bất hợp tác của mình đối với người Pháp và nhất định rằng người Pháp trước hết phải thực sự công nhận độc lập hoàn toàn cho Việt Nam rồi mới bàn thảo những chuyện kế tiếp. Bảo Đại đã thực hiện điều mà Ông Diệm mong muốn, mặc dù chưa phải là một nền độc lập hoàn toàn nhưng thử hỏi, nếu sau khi HCM đã thất bại và tất cả những thành phần người Việt Nam gọi là Quốc Gia không Cộng sản cũng không đòi hỏi gì được với tập đoàn thực dân kiểu mới của Pháp thì nếu như chỉ có một mình Ông Diệm đứng ra mà không cần có Bảo Đại thì liệu rằng Ông Diệm có làm được việc gì chăng? Có một sự thật khách quan mà bất cứ người Việt Nam không Cộng Sản phải công nhận: sự nghiệp chính trị của ông Diệm khởi phát từ vương triều nhà Nguyễn và trở thành một khuôn mặt chính trị Việt Nam sáng giá hơn kể từ khi Bảo Đại trở về nhận lãnh ngôi vị thừa kế Hoàng đế của nước Việt Nam và phải chăng từ đó mà Ông Diệm nảy sinh ra mặc cảm tự tôn “thà chết, không làm tay sai cho đế quốc thực dân Pháp hay làm nô lệ cho cộng sản quốc tế do HCM đại diện.” Mặc cảm này biểu hiện rõ nét nhất khi Ông Diệm mặt đối mặt với “chủ tịch” HCM và sau này khi ông từ chối hợp tác với “quốc trưởng” Bảo Đại để đứng ra thành lập nội các chính phủ cho Quốc Gia Việt Nam mà Bảo Đại lại vừa mới thu hồi Độc Lập một lần nữa cùng với sự thống nhất 3 Kỳ qua hiệp Định Élysée ký kết với người Pháp. Phải chăng sự từ chối hợp tác và qua lời tuyên bố của mình Ông Diệm có ý muốn nói rằng chỉ có Ông mới là người xứng đáng hơn hết để làm chủ đất nước Việt Nam vào lúc đó? Bởi vì Ông Diệm sẽ không là một thủ tướng, không là một hoàng đế hay một quốc vương, một chủ tịch nước hay là một quốc trưởng, nhưng Ông nhất quyết phải là một tổng thống uy phong ngang tầm cỡ với những mô hình tổng thống của các quốc gia tân tiến ở Âu-Mỹ.

2 – Chính quyền Trung Ương Quốc Gia Việt Nam

Bảo Đại trở lại Việt Nam một cách một miến cưỡng. Cựu hoàng này đã không đạt được một nền độc lập CHƯA hoàn toàn như mình mong ước nhưng cũng phải nhanh chóng chấp nhận để chặn đứng dã tâm của người Pháp dùng những người tay sai bản xứ Việt Nam khác như là phương tiện cò mồi cho một giải pháp chính trị có lợi nhiều hơn cho người Pháp mà điển hình là tướng Nguyễn Văn Xuân và Trần Văn Hữu. Bây giờ đã trở về rồi, Bảo Đại không muốn chịu bó mình làm nhân vật thứ nhì đứng hầu hạ dưới trướng của Cao ủy Đông Dương Léon Pignon ở Sài Gòn. Vì thế, thay vì vào dinh Norodom chung đụng làm việc cùng chỗ với thống đốc Đông Dương, Bảo Đại cho máy bay đi thẳng về cao nguyên Đà Lạt, nơi mà trước đây không lâu tập đoàn thực dân mới của Pháp đã dự trù xây dựng thủ phủ của Liên Bang Đông Dương. Đồng thời Bảo Đại cũng xem Đà Lạt như là một nơi tiếp nối cuộc sống lưu vong ngay trong lòng nước Việt

Nam thay vì ở Hong Kong như trước đây để quan sát, nhận định những dư luận trong nước đang để biết xem họ đang muốn gì, đang chờ đợi gì ở Ông. Máy bay vừa đáp xuống phi trường thì Cao Ủy Pignon đã có mặt sẵn ở đó từ bao giờ để đón rước cùng với phái đoàn tùy tùng của chính phủ. Phạm Văn Giáo cũng có mặt ở sân bay liền dâng một công điện đặt trên dục đặt trên một chiếc khay. Bảo Đại cầm tờ công điện lên rồi trao ngay cho tùy viên Nguyễn Mạnh Đôn và nói: “*Đây là cái bẫy rập đầu tiên đó.*” Nội dung tờ công điện yêu cầu Bảo Đại cho các thành viên Pháp và Việt của Hội Đồng Lãnh Thổ Nam Kỳ đến hội kiến. Sau đó, chỉ có những dân biểu người Việt đến gặp Bảo Đại, các dân biểu người Pháp trong HĐLT không có ai tới. Họ tới để làm gì? Để yêu cầu Bảo Đại giành một quy chế đặc biệt riêng cho Nam Kỳ gọi là quy chế “Dân chủ” mà họ nói rằng đã được những người Pháp thực dân ân ban cho họ từ 80 trước đây! Người Pháp họ nham hiểm tránh mặt để cho những người dân biểu Việt Nam dân Tây/citoyens Francais đến để đòi hỏi trả giá với Bảo Đại về thân trạng của Nam Kỳ.¹¹²

Số phận thiên tử Bảo Đại có lẽ chỉ được ông Trời giao phó cho một quyền lực hành đạo biểu kiến trong những năm tháng suy tàn cuối cùng của triều đại họ Nguyễn Phúc mặc dù Bảo Đại có thể được xem như là một trong 3 hoàng đế giỏi hơn hết trong số các ông hoàng đế khác của cung đình Huế kể từ sau triều đại Gia Long và Minh Mạng. Điều bất hạnh thường xảy ra trong các chế độ phong kiến vương quyền là trong thời đất nước loạn lạc, bất ổn, tranh ngôi, đoạt vị thì những kẻ nổi nghiệp ngai vua thường là những đứa bé còn ăn sữa mẹ hoặc là những thanh niên mới lớn chưa từng hiểu rõ sự đời, được lên ngôi vua qua các âm mưu sắp xếp của những gian thần núp bóng dưới mỹ từ Phụ Chính và Bảo Đại chính là trường hợp mới nhất và sau cùng xuất hiện trên vương quốc Việt Nam. Người Pháp đã gọt giũa, đánh bóng con cờ Bảo Đại rất là kỹ với mưu đồ biến người trai trẻ vương tộc này trở thành một Bá Vương Việt Nam của đế quốc thực dân thuộc địa Pháp trong tương lai.

Từ nước Pháp trở về Việt Nam vào năm 1932, vua trẻ Bảo Đại 19 tuổi với dáng vẻ tân thời, trí thức và thu hút, mang theo một hành trang giáo dục tân tiến cùng với những tư tưởng cấp tiến về tự do, độc lập, dân chủ của các quốc gia Âu Châu, cùng với mơ ước sẽ mang đến một hy vọng mới cho đất nước và thân dân Việt Nam thoát ra khỏi cảnh nghèo đói, chậm tiến và vòng nô lệ của ngoại bang. Bị vây quanh bởi một đám quần thần phong kiến lỗi thời, ô hợp, già nua, ù lì, chậm tiến, nghi kỵ, bè phái, chia rẽ và bảo thủ với các tập tục, nghi thức, cung cách rườm rà, lỗi thời những cái được gọi tập tục truyền thống dân tộc nơi cung đình, lại còn thêm sự kiểm kẹp, giám hộ của thực dân Pháp dưới hình thức Công Sứ đại diện nước Pháp bên cạnh triều đình Huế, tất cả những thứ rác rưởi đó đã khiến cho ước mơ đổi mới đất nước của vua trẻ Bảo Đại bị tàn lụi rất nhanh sau một thời gian thử thách tự nắm lấy quyền quyết định mọi việc điều hành và cải cách triều chính bất cần đến sự phụ chính của đám quần thần ngõ ngáo, già nua và sự cố vấn giám hộ kè cận của khâm sứ chồn cáo người Pháp. Người Pháp thực dân cũng từ lúc đó mới vỡ lẽ, biết rằng họ đã “nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà” (nuôi ong sẽ bị ong chích, nuôi khỉ trong nhà sẽ bị con khỉ đó đốt nhà). Bảo Đại tuổi trẻ giống một con dê non vừa mới mọc sừng đã dùng đôi sừng yếu ớt của mình hút vào một dây hàng rào kiên cố của thực dân Pháp từ gần 80 năm qua trên đất nước Việt Nam và phong kiến bản xứ hàng ngàn năm

trước. Thất vọng, chán ngán, Bảo Đại lại phải dùng thú đi săn nơi vùng núi rừng cao nguyên Trung phần để quên đi ước mơ đổi mới đất nước và bó mình trong nếp sống vương giả tạm thời của mình. Cuộc đảo chánh quân sự bất ngờ của phát xít quân phiệt Nhật vào ngày 09/03/1945 đã mang đến cho Bảo Đại địa vị Quốc Trưởng của nước Việt Nam nhưng lại bị ép buộc là một thành viên trong một tổ chức gọi là *Khối Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á* do Thực dân thuộc địa mới của Á Châu là người Nhật khởi xướng và làm minh chủ. Trong tình trạng *Pháp đi, Nhật vào, cá mè một lứa*, chính sách bảo hộ của tập đoàn quân phiệt Nhật ở Đông Dương còn khắc khe, bóc lột, nguy hiểm, lộ liễu, công khai hơn là người Pháp trước đây. Ngày Nhật đầu hàng Đồng Minh, trong tình thế sôi sục của ‘Cách mạng mùa Thu 1945’ do Cộng sản Việt Minh khởi động cùng với mưu đồ quay trở lại của thực dân Pháp theo chân đoàn quân của Anh giải giới quân đội Nhật ở Đông Dương, Bảo Đại với chính phủ Trần Trọng Kim đầy nhiệt tình với đất nước đã chạy đua với thời gian, không bỏ lỡ cơ hội để tuyên bố độc lập và đòi lại 3 Kỳ để thống nhất toàn cõi nước Việt Nam.

Việt Minh cướp chính quyền ở Hà Nội và dù chưa biết rõ lai lịch chân tướng của HCM cũng như bản chất thực sự của đảng CSVN là gì nhưng dưới áp lực đòi hỏi của dân chúng do Việt Minh kích động, Bảo Đại phải tuyên chiếu thoái vị, trao quyền cai trị đất nước cho HCM để trở thành công dân Vĩnh Thụy rồi được HCM ban phát cho tước vị Cố Vấn Chính Trị Tối Cao của chính quyền Việt Minh ở Hà Nội. Khi khám phá ra được HCM là một đảng viên của Cộng Sản Quốc Tế, chỉ xử dụng mình như là một lá bài phụ để lấy lòng dân chúng, che mắt các đảng phái Việt Nam không cộng sản để đến được mục tiêu làm chủ và nhuộm đỏ toàn thể nước Việt Nam, Bảo Đại đã phải tạm thời chịu bó mình như là một kẻ hàng thần lơ láo hợp tác với HCM cùng đồng diễn kịch bản Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa một thời gian cho qua cơn song gió nguy hiểm ngặt nghèo đe dọa đến sinh mạng của mình để rồi sau đó tìm cách đào thoát lưu vong sang Hong Kong. Đối đầu với thực tại lừa gạt, lạm dụng danh nghĩa, đâm lén sau lưng trong chính trường bên ngoài cũng như bên trong nước Việt Nam kèm theo những thử thách đe dọa chết người, tất cả những tạp nhạp hồ lớn đó đã đã làm suy mòn nguồn nghị lực của Bảo Đại. Trở về nước lần này Bảo Đại là một con người đã thức tỉnh sau khi đã trải qua những cơn ác mộng, nhưng trở về với một tâm trạng chán ngán quyền lực cai trị đất nước.¹¹² (Y. Degras, p.269-270) Bảo Đại tế nhị nhận ra được rằng giờ đây mình chỉ là một chiếc cầu tạm bợ để làm trung gian thương lượng cho các phe phái người Việt Nam Cộng sản, Cộng sản Việt Minh và tập đoàn thực dân mới của nước Pháp ở Đông Dương. Cuộc đấu trí chính trị hiện nay của Bảo Đại là những cuộc đấu trí đã xuất hiện từ trước ở Hồng Kong và ở Âu Châu chỉ khác là lần này là ở ngay trên quê hương tổ quốc Việt Nam. Vai trò tạm bợ của Bảo Đại giờ đây chỉ có thể giới hạn trong việc thu hồi Nam Kỳ, tạo dựng một chính phủ Quốc Gia không CS và một tổ chức quân đội không có sự chỉ huy và điều động của thực dân Pháp.¹¹³ (BD, p.227)

Thiếu nhân sự có khả năng thích hợp để giao trọng trách thành lập nội các mới cho Quốc Gia Việt Nam sau khi Ngô Đình Diệm từ chối không hợp tác và thủ tướng Xuân đệ đơn từ nhiệm vào ngày 20/06/1949, Bảo Đại không còn cách nào khác là tự mình chủ động đứng ra giữ chức vụ Quốc trưởng kiêm chủ tịch Hội Đồng nội các để thành một

lập nội chính phủ mới vào ngày 01/07/1949. Trong thành phần nội các này, ngoại trừ Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Khắc Vệ, Trần Quang Vinh và Phan Huy Đán thì phần còn lại chỉ có những khuôn mặt chưa từng nắm giữ một chức vụ cai trị hành chính trong bất cứ hình thức chính quyền nào từ trước đến nay và cũng có phần tử không đại diện cho ai ngoài cá nhân của mình mà thôi. Trong thành phần nội các Bảo Đại, cựu thủ tướng Nguyễn Văn Xuân giữ chức vụ phó chủ tịch Hội Đồng Chính phủ kiêm Tổng trưởng Quốc Phòng, 04 của đảng Đại Việt, 01 của giáo phái Cao Đài, 01 của đảng Dân Xã, 01 của Việt Nam Quốc Dân Đảng.¹¹⁴ (Gras, p.271) Đồng lý Văn Phòng Bửu Lộc đã tuyên bố danh sách thành phần nội các chính phủ trung ương Việt Nam trong buổi họp báo ngày 01/07/1949 như sau:¹¹⁵

Hoàng đế Bảo Đại Quốc Trưởng: Chủ tịch Hội Đồng Nội Các

Nguyễn Văn Xuân: Phó chủ tịch Hội Đồng Nội Các kiêm Tổng trưởng Quốc phòng.(thân Pháp)

Nguyễn Phan Long: Tổng trưởng Ngoại Giao (Nam Kỳ, chủ nhiệm báo Écho)

Nguyễn Khắc Vệ: Tổng trưởng Tư Pháp (Nam Kỳ, Luật Sư)

Trần Văn Văn: Tổng trưởng Kinh Tế (Nam Kỳ, đảng Cấp Tiến)

Trần Văn Lý: Tổng trưởng Dân Số Không phải là người Việt (Trung Kỳ, Công Giáo, Chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Trung Kỳ)

Vũ Ngọc Trân: Bộ Nội Vụ (Bắc Kỳ, Công Giáo)

Phan Huy Đán: Bộ Nội Vụ (Trung Kỳ, Quốc Gia)

Lê Thắng: Bộ Ngoại Giao (Cựu dân biểu Đại Hội Đồng Phúc Lợi Kinh Tế Tài Chánh)

Trần Quang Vinh: Bộ trưởng Quốc Phòng (Nam Kỳ, Chỉ huy giáo phái vũ trang Cao Đài)

Dương Tấn Tài: Bộ trưởng Tài Chánh (Nam Kỳ, Quốc gia, chuyên gia tài chánh)

Hoàng Cung: Bộ trưởng Kỹ nghệ (Bắc Kỳ, Quốc gia, kỹ sư điện)

Phan Khắc Sửu: Bộ trưởng Canh Nông, Xã Hội và Lao Động (Nam Kỳ, Giáo phái Hòa Hảo, kỹ sư Canh Nông)

Trần Văn Cửa: Bộ trưởng Giao Thông Công Chánh và Kế hoạch (Bắc Kỳ, Kỹ sư Cầu Đường)

Phan Huy Quát: Bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục (Trung Kỳ, Quốc Gia)

Nguyễn Tôn Hoàn: Bộ trưởng Thanh Niên (Nam Kỳ, Quốc Gia, lãnh đạo Phong trào Thanh Niên “*Thanh Niên Bảo Quốc*”)

Nguyễn Hữu Phiến: Bộ trưởng Y tế (Bắc Kỳ, Quốc Gia)

Trần Văn Tuyên: Tổng Cục Trưởng Thông tin trực thuộc phủ Chủ tịch Hội Đồng Nội các (Bắc Kỳ, VNQDD)

Đặng Trinh Kỳ: Tổng Thư Ký Nội các Chính phủ.

Hình thức tổ chức lâm thời các Cơ quan Công quyền Việt Nam như sau:^{115bis}

1/ Cơ Quan Hành Pháp; tức Hội Đồng Chính phủ do quốc trưởng Bảo Đại làm chủ tịch và thủ tướng nội các.

2/ Thượng Hội Đồng Tư Vấn (Haut Conseil Privé) gồm có những đại biểu người Việt Kinh thuộc tầng lớp dân chúng đạo đức, nhân sĩ trong nước và các dân tộc thiểu số người Thượng (Mọi, Thái...) do quốc trưởng tuyển chọn và bổ nhiệm. Nguyễn Văn Xuân được bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch.

3/ Viện Giám Sát tối Cao (Haut Censurat) gồm có 3 thành viên cho mỗi tỉnh trong khắp 3 Kỳ và cũng do quốc trưởng bổ nhiệm dựa trên giá trị năng lực quản trị và đạo đức của họ.

Một Ủy Ban Thi Hành Thỏa Ước Élysé 08/03/1949 được thành lập do Nguyễn Phan Long làm chủ tịch để phối hợp với Ủy Ban liên hệ của người Pháp để chuyển trao các thẩm quyền nhằm củng cố chủ quyền đối nội và đối ngoại của Việt Nam.¹¹⁶

Ngày 03/07/1949, Quốc trưởng Bảo Đại ra Sắc dụ cử Trần Văn Hữu giữ chức vụ thủ hiến Nam Phần, Phan Văn Giáo thủ hiến Trung Phần và Nguyễn Hữu Trí thủ hiến Bắc Phần. Tất cả 03 thủ hiến của 03 Phần điều trực thuộc dưới quyền của Quốc Trưởng nước Việt Nam.¹¹⁷

Ngày 12/07/1949, Bảo Đại ra Huế đọc nơi công Ngọ Môn một bài diễn văn chuẩn bị cho ngày lễ kỷ niệm chiến thắng 14/07/1947 của Pháp. Trái ngược với cảnh tiếp đón thân thiện của nhân dân Sài Gòn, nhân dân Huế tiếp đón Bảo Đại một cách gượng ép và lạnh nhạt. Ngày 16/07/1947, Bảo Đại ra Hà Nội, đứng trước bậc thềm của Nhà Hát Lớn để đọc một bài diễn văn nhấn mạnh về các vấn đề Xã Hội và Kinh tế trước sự đón tiếp của 50 ngàn dân chúng Hà Nội.¹¹⁸ Một điểm đặc biệt đáng lưu ý là trong cuộc du hành ra Hà Nội này, Bảo Đại đã đến đài tử sĩ của Việt Minh để đặt vòng hoa tưởng niệm các cán binh của họ đã bỏ mình trong biển cô quân sự do Võ Nguyên Giáp chủ xướng và phát động trong đêm 19/12/1946 ở Hà Nội. Hành động này phải được xem như là một hình thức nhắn tin ngầm rằng Bảo Đại vẫn còn muốn tiếp tục thương lượng và hợp tác với HCM.¹¹⁹ Ngoài ra còn có dư luận đồn đãi rằng phái viên tâm phúc của Bảo Đại đã có những sự tiếp cận bí mật với Việt Minh nhưng không được đáp ứng.¹²⁰

Phương cách lựa chọn nhân sự để thành lập thành phần nội các cùng với dư luận về những tiếp cận gián tiếp với Việt Minh từ những kẻ thân cận của Bảo Đại đã khiến cho thực dân Pháp nghi ngờ, khó chịu và không hài lòng. Kể từ tháng 05/1949, Cao ủy Đông Dương Pignon đã khuyến cáo rằng nước Pháp sẽ không thể từ bỏ chủ quyền của mình để trao trả lại cho một chính quyền không có được một chút gì gọi là thành tín đối với nước Pháp.

Cuối tháng 08/1949, Tổng trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại Coste-Floret đến gặp Bảo Đại để nói rằng kể từ khi trở về nước, thái độ và cung cách xử sự của Bảo Đại đã gây lo ngại cho chính phủ Pháp: người Pháp có cảm nhận rằng Bảo Đại đã thoát ra khỏi tầm tay của họ vì Bảo Đại không chịu thi hành đúng đắn và đầy đủ Hiệp Định Élysée. Ngay sau đó, Coste-Floret đã chuyển trao cho Bảo Đại một giác thư của tổng thống Pháp Vincent Auriol đề ngày 27/07/1949 phản ánh những lo ngại hiện nay của người Pháp đối với những đồng sự của Bảo Đại và những phong trào chính trị không chịu dìm xia gì tới những thỏa thuận đã được ký kết để biện minh cho những lý do hay những đường hướng sai lệch để cô lập hóa rồi sau đó dẫn đưa Việt Nam vào những mưu đồ hà lạm mà những người Việt Nam chân thật khi sáng mắt ra thì đã quá trễ. Giác thư cảnh cáo: “*Người Pháp chúng tôi muốn tin rằng chuyện đó sẽ không xảy*”- *Nous voulons croire qu'il n'en sera pas ainsi*. Bảo Đại phải lên tiếng để xoa dịu và xác định chính sách quyết tâm chống CSVN của riêng cá nhân cũng như chính phủ của mình.

Từ Hà Nội, Bảo Đại trở về Đà Lạt vào ngày 22/07/1949 để chuẩn bị xuống Sài Gòn chủ trì phiên họp của Hội Đồng Chính phủ và bổ nhiệm thủ hiến Nam Phần Trần Văn Hữu. Trong dịp này Hội Đồng Chính Phủ cũng sẽ biểu quyết thông qua việc chọn Sài Gòn như là thủ phủ tạm của chính phủ và cũng là nơi đặt dinh thự cư trú của Quốc trưởng nước Việt Nam (Dinh của Thống Đốc Nam Kỳ Pháp, sau này gọi là dinh Gia Long). Cũng trong kỳ họp này, Bảo Đại đã ký 2 sắc dụ đầu tiên và sẽ được công bố vào ngày 09/08/1949.

Ngày 01/08/1949, trưởng phái đoàn đại diện của VMCS ở Paris là Trần Ngọc Danh tuyên bố đình chỉ mọi hoạt động theo lệnh của chính phủ HCM mà không nêu rõ lý do tại sao.

Ngày 09/08/1949, Bảo Đại cho Công bố 2 sắc dụ đầu tiên:

- Đạo dụ số 1: thiết chế một Hội Đồng Tư Vấn Quốc Gia của Việt Nam gò có một số 45 thành viên đại biểu thực thụ và 15 dự khuyết do Quốc trưởng chọn lựa và bổ nhiệm bằng sắc lệnh. Hoạt động của Hội Đồng này sẽ chấm dứt và khi đã có Quốc Hội Lập Hiến.

- Đạo dụ số 2: nước Việt Nam từ nay trở đi gồm có 3 Phần: Nam Việt, Trung Việt, và Bắc Việt (Thói quen thường gọi là Nam Phần, Trung Phần, Bắc Phần, không còn gọi là Nam Kỳ, Trung Kỳ hay Bắc Kỳ như trước nữa). Mỗi Phần có ngân sách riêng, có tư cách riêng về hành pháp và do một Thủ hiến cai trị.¹²² Các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn, Chợ Lớn đều đặt dưới quyền quản trị Hành chánh của một Thị trưởng hay tỉnh Trưởng và đơn vị hạt nhân hành chánh của nước Việt Nam là Xã.¹²³

Ngày 19/08/1949, hàng ngàn tấn gạo, thóc từ Sài Gòn gửi tiếp tế khẩn cấp cho Bắc Phần.¹²⁴

Ngày 04/09/1949, tướng lục quân Carpentier sang Sài Gòn để thay thế tướng Blaziot trong chức vụ tư lệnh bộ binh Pháp ở Đông Nam Á.

Ngày 14/09/1949, tướng Carpentier ra Hà Nội để kinh lý. Các lực lượng Hải quân Pháp ở Đông Dương được đặt dưới quyền chỉ huy của Đề đốc Senès kể từ 23/09/1949.¹²⁵

Ngày 18/09/ 1949 xảy ra một vụ gián điệp tiết lộ bí mật quân sự gây tai tiếng và làm thiệt hại đáng kể cho uy tín của chính phủ Pháp: Phúc trình về tình hình quân sự Pháp ở Đông Dương của tướng Revers bị rơi vào tay CSVM qua trung gian của một các cán bộ trong phái đoàn đại diện CSVM do Trần Ngọc Danh cầm đầu ở Paris. Kể từ ngày **26/08/1949**, Cao ủy Đông Dương đã báo động với chính phủ Pháp ở Paris rằng nhằm mục đích tuyên truyền xuyên tạc, lăng nhục và hạ uy tín quân đội Pháp, đài phát thanh của CSVM *La Voix du Viet Nam* đã cho phát sóng những phần trích ra từ bản phúc trình tối mật của tướng Revers. Bản phúc trình này đã được đề cập tới trong một chỉ thị đề ngày 12/08/1949 của Ban Thường vụ Trung ương đảng CSVM được trích dẫn như sau:¹²⁶

Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương, ngày 12 tháng 8 năm 1949,

**về phá âm mưu chiếm đóng trung du của địch
và tích cực chuẩn bị chiến dịch thu đông 1949**

Các đồng chí,

I. Âm mưu của địch

Trong mấy năm nay, mưu mô đánh mau thắng chóng của giặc Pháp đều bị ta phá tan, nên cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam kéo dài, làm cho chúng hao tổn rất nặng. Chúng thấy rằng "thời giờ gấp rút, cần phải hành động mau" mới mong cứu vãn tình thế. Gần đây, do những biến chuyển lớn trên chiến trường Trung Quốc, giặc Pháp càng nhận rõ nếu không hành động mau thì sẽ có nhiều khó khăn mới cho chúng ở biên giới Trung - Việt.

Do đó, vừa rồi, giặc Pháp đã phái Rove (Revers) sang Việt Nam để xem xét chiến trường và định kế hoạch tấn công mới. Sau khi Rove (Revers) về, chúng quyết định tăng viện cho chiến trường Việt Nam gần 2 vạn quân, và dự định làm xong việc tăng viện này trước tháng 10-1949 để có thể thực hiện âm mưu dưới đây:

- 1- Củng cố phòng tuyến của chúng ở biên giới Trung - Việt.
- 2- Đánh một trận quyết liệt vào căn cứ địa Việt Bắc hòng phá chủ lực của ta.
- 3- Chiếm đóng trung du Bắc Bộ để ngăn cản việc giao thông vận tải, tiếp tế giữa Việt Bắc và miền xuôi, và để giữ vững miền đồng bằng Bắc Bộ.

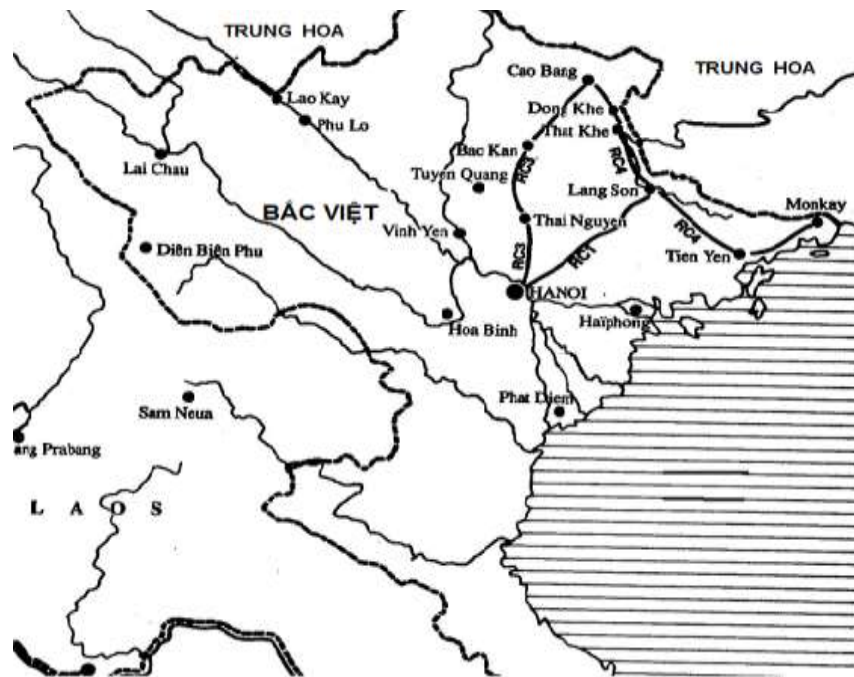
Việc chúng đánh Bắc Ninh - Bắc Giang - Phúc Yên hiện nay không ngoài mục đích sửa soạn thực hiện mưu mô trên. Nhiệm vụ của cuộc hành quân này là:

1. Chiếm đóng và củng cố trung du, làm bàn đạp tiến đánh Việt Bắc sau này.
2. Chiếm đường số 1, để tiếp viện cho phòng tuyến biên giới.
3. Phá hoại một phần nào việc cấp dưỡng của ta và chiếm đoạt lương thực.

Bản phúc trình Revers ngày **29/06/1949** bao gồm những nhận định đáng chú ý về tình hình quân sự và chính trị ở Đông Dương: 1/ Đoàn quân Viễn chinh Pháp đang tham dự một chiến trường xa lạ áp dụng chiến thật du kích. 2/ Sự phân nhiệm chông chéo quyền hạn giữa tướng Baizot và Cao ủy Pignon gây trở ngại và trì trệ cho sự chỉ huy và điều động về mặt chiến lược quân sự. 3/ Giải Pháp Bảo Đại là sai lầm. Đối tượng thương lượng để chấm dứt chiến tranh phải là kẻ đã khởi phát cuộc chiến tức là CSVM chứ không phải Bảo Đại. Do đó Revers đề ra các giải pháp: 1/ Giới hạn việc hành quân chiếm đóng lãnh thổ ở Bắc Phần, di tản các tiền đồn gần sát phía Bắc ranh giới Hoa-Việt, rút quân khỏi tỉnh Cao Bằng tức là bỏ trống quốc lộ số 4 (RC4/Route Coloniale n^o.4). Đặt trọng tâm các cuộc hành quân vào việc truy lùng quân du kích CSVM. 2/ Cao Ủy Đông Dương cần phải là một tướng quân sự cao cấp để có thể kiêm nhiệm chức Tổng Tư lệnh đoàn quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Người tướng mà Revers ngắm nghé tới cho đề nghị này là tướng Mast. 3/ Đề nghị tái thương lượng với HCM theo dự án của tướng Leclerc trước đây, bỏ rơi Bảo Đại.¹²⁷

Về mặt quân sự ở Bắc Phần, rõ ràng là theo phúc trình và chủ trương của tướng Tổng Tư Lệnh Quân Đội của nước Pháp Georges Revers đã đi ngược lại kế hoạch hành quân giai đoạn Một của tướng Blaizot: đánh chiếm phía Bắc miền đồng bằng sông Hồng, bỏ trống phía Bắc trục quốc lộ số 4 (RC4). Kế hoạch này tướng Blaizot đã vạch ra từ tháng 06/1949 và bắt đầu thực hành sau khi đã được tăng cường thêm 7 tiểu đoàn binh sĩ. Khởi sự là chiến dịch hành quân *Bastille* vào **giữa tháng 07/1949, vượt ngang sông Thanh Thủy đi vào vùng kiểm soát của CSVM, chiếm đóng Đa Phúc, Bắc Ninh, Phủ Lạng Thương và Đáp Cầu** mà không gặp một sức kháng cự đáng kể nào của bộ đội CSVM tiếp tục càn quét cho đến đầu tháng 08/1949 rồi đặt quân đóng chốt vùng này rồi tiếp tục chiến dịch hành quân *Canigou* kế tiếp từ ngày 18/08/1949 đến 15/09/1949 để truy kích

rồi chiếm đóng 2 tỉnh Vĩnh Yên và Phúc Yên. Cùng một lúc, ở miền thượng du, quân Pháp trấn giữ các đồn bót ở về phía Đông của quốc lộ số 4 (RC4) chung quanh vùng Phúc Hòa đều được rút đi và lui an toàn về Cao Bằng và tiền đồn Đông Khê. **Đoạn đường phía Bắc trục quốc lộ số 4 bỏ ngõ cho CSVN.** Tuy nhiên, Blaizot chưa kịp hoàn tất kế hoạch quân sự của mình thì Cao ủy Pignon đã yêu cầu chính phủ Paris chon người khác thay thế. Ngày 02/09/1949, tướng Carpentier được chính phủ Pháp chỉ định thay thế nắm giữ và thi hành chức Tổng Tư Lệnh quân đội viễn chinh



như tướng Revers đã khuyến cáo rời cử tướng Allaxandri ra Hà Nội.¹²⁸

Nghi án gián điệp bản phúc trình Revers rớt cuộc được dàn xếp ổn thỏa nhưng sau đó dư luận báo chí Hoa Kỳ lại phanh phui phê phán trở lại, khiến cho nội các Pháp phải sụp đổ, thủ tướng Queuille từ chức, G. Bidault lập tân nội các, J. Letourneau thay thế Coste Floret trong chức vụ bộ trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại. Tướng Revers bị cách chức vào tháng 12/1949, tướng Blanc thay thế trong chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Pháp Quốc. Điểm đáng lưu ý trong vụ gián điệp *Phúc trình Revers* này là có sự dính líu tới một thuộc hạ của cựu thủ tướng Trần Văn Xuân tên là Hoàng Văn Cơ: Cơ cũng có một bản sao *Phúc Trình Revers* để gửi về Sài Gòn cho tướng Trần Văn Xuân. “*Những tiết lộ thực ra đã bắt nguồn từ ba nơi: từ phía một số nhân vật chính trị Pháp, từ phía Việt Minh mà cũng từ một nhóm người Việt có liên hệ với tướng Xuân*”^{129 & 139}

*

Sau một buổi họp với Hội Đồng Cố Vấn Nội Các ở Hà Nội vào ngày 16/09 dưới sự chủ trì của Bảo Đại, Nguyễn Trung Vinh được bổ nhiệm chủ tịch phái đoàn đại diện chính phủ Việt Nam ở Paris. Sau đó Bảo Đại đã khởi hành đi thanh sát nhiều tỉnh thành ở Bắc Phần:

- Ngày 18/09/1949, tại tỉnh Hà Đông, Bảo Đại đã tuyên bố trước 15 ngàn dân chúng “Nước Pháp đã giữ lời hứa trả lại độc lập cho nước Việt Nam. Ước vọng thống nhất tổ quốc nay đã được thực hiện. Một thời đại hữu nghị và hợp tác mới mẻ Pháp-Việt đã được mở ra. Bây giờ chỉ cần xây dựng.”

- Ngày 19/09/1949, hai mươi ngàn dân chúng thuộc các vùng quê kiểm soát của CSVM đã tủa ra hai bên đường đón chào khi Bảo Đại đến tỉnh Sơn Tây đã bị Việt Minh tàn phá.

- Ngày 20/09/1949, Bảo Đại đến Hải Dương không cần có phương tiện hộ tống; 30,000 dân chúng đứng hai bên trên tuyến đường đi Hải Phòng để hoan hô tiếp đón.

- Ngày 23/09/1949, trên đường về Hà Nội, Bảo Đại dừng lại ở Hải Phòng để đọc diễn văn tại nhà Hát Thị Xã với sự tiếp đón của 50 ngàn dân chúng. Sau đó Bảo Đại đi tham sát mỏ than lộ thiên Hòn Gay và trở về Hà Nội vào ngày 24/09/1949.¹³¹

Trong khi đó thì ngày 19/09/1949, một ủy viên Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế sau khi đi quan sát vùng Đông Nam Á Châu và trước khi từ Sài Gòn trở về Thụy Sĩ đã tuyên bố rằng đương sự đã gửi văn thư đến các chức quyền CSVM ở Nam Phần yêu cầu cung cấp một bản danh sách cùng với các tin tức về tình trạng sức khỏe của các tù binh và con tin người Pháp đang bị CSVM cầm giữ nhưng bị từ chối với lý do là vấn đề này thuộc thẩm quyền chính phủ trung ương CS của HCM ở Bắc Phần. Từ trước tới nay, chế độ CS của HCM chưa bao giờ chấp thuận cung cấp những tin tức về tù binh chiến tranh và những con tin đang bị CSVM giam cầm ở Nam Phần mà cũng không cho phép họ được gửi hay nhận thư từ, tiền bạc, quà bánh, thuốc men từ thân nhân, gia đình.^{131bis}

Cũng từ nguồn tin của BIFO thì vào ngày 21/08/1949, đài phát thanh của CSVM trong một bài bình luận phát đi bằng tiếng Việt ở Bắc Phần đã có đoạn nói rằng: Khi ký bản thỏa ước Modus Vivendi với Marius Moutet, HCM chỉ có một mục đích là kéo dài cuộc ngừng chiến trong vòng 3 tháng để CSVM có đủ thời gian chuẩn bị phát động cuộc đồng khởi đêm 19/12/1946.¹³² (BIFO số 136, tháng 10/1949, tr.16)

Ngày 01/10/1949, Mao Trạch Đông thành lập chính quyền Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc.

Ngày 02/10/1949, CS Quốc Tế Liên Xô thừa nhận ngoại giao chính quyền CS Trung Hoa . Ngày 14/10/1949, CS Trung Hoa chiếm đóng Quảng Châu.¹³³(Đoàn Thêm, Q1, tr.60).

Ngày 16/10/1949, Quân Pháp mở một cuộc hành quân quan trọng vào “tỉnh thành Công Giáo Phát Diệm” cách tỉnh Nam Định 40 cây số về hướng Tây Nam. Đặc biệt trong cuộc hành quân này là do các đội quân nhảy dù Việt Nam thực hiện dưới sự yểm trợ của các đơn vị bộ binh Pháp. Vùng Phát Diệm-Bùi Chu vào thời điểm lúc bấy giờ có khoảng 200 ngàn giáo dân đạo Kitô do Giám mục Lê Hữu Từ cai quản một cách tự trị ‘ngoài vòng pháp luật’- kiểu sứ quân thời phong kiến hay kiểu ‘Luơng Sơn Bạc’ trong truyện Tàu - đối với các chính quyền của thực dân Pháp và CSViệt Minh kể từ tháng 03/1945 nhưng lại dưới màu cờ của giáo hội Roma ở Vatican.



Giám mục Lê Hữu Từ¹³⁴

Trường hợp đầu thú với Việt Minh của GM Lê Hữu Từ kể từ mùa Thu 1945 có thể so sánh với sự đầu thú của Bảo Đại chỉ có khác là Bảo Đại trao hết quyền lực của mình cho HCM còn GM Từ thì trở thành một tiểu bá vương, một sứ quân tạm bợ của triều đại HCM ở Bắc Phần. Nhất định là CSVM biết rõ tình trạng theo về giả tạo của GM Từ nhưng vì muốn lôi kéo khối dân chúng Công Giáo Roma ở Bắc Việt và cũng vì lực lượng bộ đội còn yếu kém cho nên CSVM đã tạm thời giả bộ chơi trò cười gương, gạt đầu, vuột ve và làm ngơ để cho GM Từ trình diễn màn khu kháng chiến tự quản. Với một dáng hình khắc khổ, lạnh lùng, suy tư, GM Từ cùng với đội quân “Tự vệ cứu quốc” của mình trấn đóng một vùng lãnh thổ chiến lược quan trọng nằm chặn ngang tuyến đường tiếp vận từ tỉnh Thanh Hóa, từ mặt biển để nuôi dưỡng bộ đội CSVM đang hoạt động ở các vùng phía Tây Nam của miền đồng bằng Bắc Phần nhưng đồng thời cũng là tiền đồn ngăn chặn những cuộc tấn kích của quân Pháp đổ bộ từ phía biển Đông vào các căn cứ của CSVM ở Thanh Hóa và ở phía Đông Nam đồng bằng Bắc Phần cho nên họ đành phải chịu tạm thời làm ngơ kết nghĩa đồng chí để lập thành thế trận “Cây đa cây thân, thân cây cây đa” với GM Từ. Thực dân Pháp cũng như CSVM biết rằng GM Từ không thể ngã theo CS bởi vì Giáo Hoàng Roma đương nhiệm Pius XII là một nhân vật chống Cộng Sản triệt để thể hiện qua thông điệp *Evengeli Praecones (Sứ giả phúc âm)* ngày 2 tháng 6 năm 1951. Người Pháp cũng biết rằng GM Từ cũng không thể thỏa hiệp và giúp người Pháp tái xâm lăng nước Việt Nam vì sợ mang tai tiếng là phản quốc giống như những hàng giáo phẩm của Roma trước đây đã đóng vai đoàn người hướng đạo cho binh đội đế quốc thực dân Pháp đánh chiếm vương quốc Đại Nam từ thế kỷ trước đây và mặc dù Bùi Chu, Phát Diệm là hai khối u chướng mắt cần phải cắt bỏ nhưng vì hiện tại đang thiếu hụt quân số cho nên người Pháp cũng như CSVM tạm thời để yên cho GM Từ đi hàng hai như thế.

Kể đến, vào tháng 07/1949, Văn Phòng Tòa án tối cao của Giáo hoàng (*Supreme Sacred Congregation of the Holy Office*) bố một sắc lệnh để đáp ứng với 4 câu chất vấn về việc các tín hữu Công Giáo tham gia hoạt vào các đảng phái Cộng sản Roma. Theo sắc luật này (**Câu hỏi và trả lời số 3**) thì những hạng người tín hữu này vi phạm luật của Giáo Hội và sẽ phải bị hình phạt tuyệt thông (dứt phép thông công không cho xưng tội và rước lễ bất cứ người Công giáo nào gia nhập các Đảng Cộng sản hay “tuyên truyền các học thuyết Cộng Sản nhằm cô vũ thuyết duy vật và chống báng Kitô giáo”. Toàn văn bản sắc lệnh này được thực hiện theo hình thức Hỏi và Đáp bằng tiếng Latin như sau:¹³⁵

Decree of the Holy Office in 1949

Q.1. Utrum licite sit partibus communistarum nomen dare vel eisdem favorem praestare

Q.1. whether it would be lawful to join the Communist Party or to offer support to it

Câu Hỏi 1: Có phải là hợp pháp để gia nhập hay để ủng hộ các đảng Cộng sản hay không?

R. **Negative:** Communism enim est materialisticus et antichristianus; communistarum autem duces, etsi verbis quandoque profitentur se religionem non oppugnare, se tamen, sive doctrina sive actione, Deo veraeque religioni et Ecclesia Christi sere infensos esse ostendunt.

A: **No**, as a matter of fact, Communism is materialistic and antichristian; additionally, the chiefs of the communists even if they claim that they do not oppose religion, clearly show, with actions and words, to be against God, the true religion and the Church of Christ.

Trả lời: Không; bởi lẽ trên thực tế, chế độ Cộng sản là duy vật và vô thần, thêm nữa. những trùm Cộng sản, cho dù rằng họ tuyên bố không chống đối tôn giáo, đã cho thấy rõ, hành động và lời nói của họ chống lại tôn giáo và Giáo hội Kitô

Q.2 Utrum licitum sit edere, propagare vel legere libros, periodica, diaria vel folia, qual doctrine vel actioni communistarum patrocinantur, vel in eis scribere.

Q.2 By chance is it licit to publish, promulgate or read books, journals or leaflets which defend the action or the communist doctrine, or to write for them?

Câu Hỏi 2: Có phải là hợp pháp để in ấn, phát hành hay tìm đọc hay viết lách các loại sách, báo hay truyền đơn truyền truyền bệnh vực các hành động hay chủ thuyết Cộng sản hay không?

R. **Negative:** Prohibentur enim ipso jure

A: **No**: They are prohibited truly by the law itself

Trả lời: Không: Sắc luật này thực sự cấm làm những điều đó.

Q.3. utrum christifideles, qui actus de quibus in nn. 1 et >2 scienter et libere posuerint, ad Sacramenta admitti possint.

Q.3. Whether Christ's faithful, who have knowingly and freely performed the acts treated in nos. 1 and 2, may be admitted to the Sacraments?

Câu hỏi 3: Tín hữu Kitô giáo dù đã biết được các quy định nơi câu hỏi# 1 và #2 và cố tình vi phạm những quy định đó thì họ có được lãnh nhận các phép bí tích hay không?

R. **Negative,**secundum ordinaria principia de Sacramentis denegandis iis qui non sunt dispositi.

A: **No**, according to the ordinary principles of denying the Sacraments to those who are not disposed

Trả lời: Không, theo như các quy định thông thường về tuyệt thông đối những kẻ không tuân giữ lễ luật.

Q.4 Utrum Christifideles, Qui communistarum doctrinam materialisticam et anti Christianam profitentur, et in primis, Qui eam defendunt vel propagant, ipso facto, tamquam apostatae a fide catholica, incurrant in excommunicationem speciali modo Sedi Apostolicae reservatam.

Q.4. Whether Catholics who profess, and particularly those who defend and spread, the materialistic and anti-Christian doctrine of the Communists, Ipso facto, as apostates from the Catholic faith, incur excommunication.

Câu hỏi 4: Giáo hữu nào chấp nhận, và đặc biệt là kẻ nào bệnh vực, bao che, phổ biến thuyết duy vật và chống đối Kitô giáo, thì đương nhiên bị coi như là kẻ bội giáo từ bỏ đức tin, có phải bị vạ tuyệt thông hay không?

R. **Affirmative**

A: **Affirmative**

Trả Lời: Tuyệt thông khẳng định.

*

Khảo luận

Theo sắc lệnh kể trên thì bất cứ người giáo dân nào theo thuyết duy vật và chống đạo Kitô đều bị vạ tuyệt thông. Đây là một sắc luật tuyệt thông nghiêm khắc nhất trong số các sắc lệnh đã được các Giáo hoàng ban ra từ trước đó. Sắc lệnh này đã được giáo hoàng John XXIII tái xác định hiệu lực của nó vào năm 1959. Một điều đáng để ý là sắc lệnh kể trên có thể coi như là một sản phẩm riêng của Giáo hoàng Pius XII, một cá nhân chống Cộng sản quyết liệt hơn ai hết ở Ý. Cho đến thời hiện đại ngày nay, lý thuyết và chế độ Cộng sản bất cứ ở đâu trên thế giới đều bị giáo hội Công Giáo Roma ở Vatican lên án là vi phạm lễ luật của Hội Thánh và phải bị chế tài bởi điều luật số 915 của Giáo Hội Công Giáo La Mã: *Không được rước lễ, những người bị vạ*

*tuyệt thông, và cấm sau khi hình phạt đã tuyên kết, hay tuyên bố, và những người cố tình sống trong một tội nặng công khai. Ví dụ: vợ chồng sống với nhau không có hôn phối: "Those who have been excommunicated or interdicted after the imposition or declaration of the penalty and others obstinately persevering in manifest grave sin are not to be admitted to holy communion."*¹³⁶



Giáo Hoàng Pius XII¹³⁶

Vào thời điểm này, Sắc Luật của Giáo Hoàng Pius XII chỉ có chủ đích kết án tuyệt thông đối với các đảng viên Đảng CS của nước Ý nhưng nhất định là đã khiến cho CSVN lo ngại là sắc lệnh đó cũng sẽ khiến GM Từ trở cờ làm loạn bởi vì GM Từ hiện vẫn đang tiếp tục hợp tác và trong chức vụ Cố Vấn Tối Cao của chính phủ CS Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do đảng viên CS Quốc Tế HCM làm chủ tịch tức là GM Từ đang đùa giỡn với Sắc Luật Vạn Tuyệt Thông của Giáo Hoàng Pius XII nhất là sau khi Giám mục giáo phận Bùi Chu Hồ Ngọc Cẩn qua đời, giáo hoàng Pius XII đã cử nhiệm GM Từ kiêm nhiệm giám quản Tông tòa Giáo phận Bùi Chu từ tháng 11 năm 1948 và như thế không thể nói rằng GM Từ chưa biết hay không cần biết tới Sắc Lệnh Vạn Tuyệt của giáo hoàng Pius XII công bố vào tháng 07/1949. Sau hơn 3 năm đánh đu chung sống hòa bình với CSVN, nay đã tới lúc GM Từ phải quay trở về nguồn mạch Công Giáo Rô Ma của mình vào lúc mà những đòi hỏi của CSVN càng lúc càng trở nên gay gắt cũng như tìm đủ thủ đoạn để giới hạn hoạt động của đội dân quân tự vệ Công Giáo ở 2 làng chiến đấu Bùi Chu-Phát Diệm.

Cuối mùa Hè 1949, CSVN điều động 07 tiểu đoàn bộ đội chủ lực đưa tới những địa điểm bao quanh vùng phủ Nho Quan và chuẩn bị tấn kích vào hai giáo phận của GM Từ.¹³⁷(Yves Gras, tr.280). Trước đó vào khoảng giữa mùa Xuân 1947, CSVN đã bắt đầu sách nhiễu và gây sự bắt giữ một số Tự Vệ Quân ở phủ Nho Quan khiến cho GM Từ phải tới gặp HCM để dàn xếp trả tự do cho những người bị VM cầm giữ. Việc này được nêu ra trong một văn thư đề ngày 10/03/1947 của HCM gửi cho GM Từ như sau:

Cụ Giám mục Lê Hữu Từ,

Thưa cụ,

Tôi được tin cụ chịu khó đi nhiều nơi, kêu gọi đồng bào lương - giáo đoàn kết, ra sức ủng hộ Chính phủ, kháng chiến cứu quốc, được nhiều kết quả. Tôi thành thật cảm ơn cụ.

Sau khi ta gặp nhau ở Nho Quan, tôi đã ra lệnh thả 7 người mà cụ muốn lãnh về.

Còn 7 người bị bắt, vì án hiềm nghi giết người, thì thả ra 3 người, giữ lại 4 người.

Như tôi đã hứa với cụ, nay tôi ra lệnh cho làng đảm bảo cả 4 người kia về, bao giờ Chính phủ cần xét hỏi, thì làng phải đưa họ ra. Xin cụ giải thích cho đồng bào biết.

Địch có kế hoạch: lục quân thao vây, không quân nhảy dù, hải quân đổ bộ, để tấn công ta bằng cách chớp nhoáng. Vì vậy, đường sá, cầu cống các nơi đã phá hoại, để ngăn quân địch.

Như cụ đã hứa với tôi: bao giờ vì chiến thuật mà cần phá cầu Trì Chính, thì cụ sẽ bảo đồng bào địa phương Phát Diệm tự phá giùm. Vậy nhờ cụ báo cho đồng bào phá cầu ấy đi. Đồng thời, làm một cầu phao bằng tre, để dân đi lại cho tiện. Đến khi cấp bách, sẽ phá cầu phao. Tôi chắc đồng bào ở đó hiểu đại nghĩa và nghe lời cụ, sẽ hăng hái làm việc đó, để giúp sức vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

Một lần nữa, cảm ơn cụ, chúc cụ luôn luôn mạnh khoẻ và xin cụ nhận lời chào thân ái của tôi.

Ngày 10 tháng 3 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

Theo Hồi ký *Le Dragon d'Annam* thì GM Từ nhất quyết không bao giờ nhờ cậy vào thế lực của thực dân xâm lược Pháp để giải cứu ra khỏi vòng vây của CSVN cho nên viết mật thư bắt liên lạc và dàn xếp trước để *quân đội của Quốc Gia Việt Nam* tức *Vệ Binh Quốc Gia* (Garde Nationale) của chính quyền Bảo Đại tấn công giả tạo vào Phát Diệm, Bùi Chu¹³⁸(BD, tr.247). Tập tin BIOF số 137 phát hành tháng 11/1949 đã đăng nguồn tin này nơi trang 30-31 và cho biết rằng chính GM Từ đã viết thư cầu cứu gửi cho Bảo Đại và nhờ đó quân đội Pháp mới nhân cơ hội này chủ động mở cuộc hành quân chiếm đóng vào chiến khu Bùi Chu-Phát Diệm vào ngày 16/10/1949: '*C'est une demande écrite adressée par l' évêque Lê Hữu Từ à l'empereur Bao Dai, que cette opération avait été décidée.*'

Tuy nhiên, trong một bức thư gửi cho giáo dân Công Giáo vào trung tuần tháng 10/1949 thì HCM lại tố cáo người Pháp nói láo khi xác quyết rằng GM Từ đã mời họ vào Phát Diệm-Bùi Chu:

CÙNG ĐỒNG BÀO CÔNG GIÁO

a. Hỏi Đồng bào thân mến

Giặc Pháp nhảy dù Phát Diệm. Chúng đã xâm phạm đến đất Thánh của Việt Nam. Tôi rất đau lòng.

Giặc Pháp lại tuyên bố dối rằng Đức cha Từ mời chúng đến!

Giặc Pháp làm như vậy có hai mục đích độc ác:

Một là để bôi nhọ đồng bào công giáo, làm cho người ta hiểu lầm rằng đồng bào công giáo phản Tổ quốc, theo thực dân.

Hai là để gây một cuộc nổi da nẫu thịt, huynh đệ tương tàn, để chúng được lợi.

Nhưng giặc Pháp sẽ thất bại. Vì đã mấy năm nay, đồng bào công giáo đều hăng hái tham gia kháng chiến cứu nước. Vì mấy năm nay giặc Pháp ở nhiều nơi đã phá hoại nhà thờ, hành hạ cha cố, hãm hiếp bà phước, giết hại và cướp bóc đồng bào giáo cũng như đồng bào lương.

Vì vậy, mặc dầu lúc đầu chúng nó giả nhân, giả nghĩa, dụ dỗ mua chuộc, đồng bào công giáo cũng quyết không để chúng lừa bịp.

Chính phủ đang phái quân đội đến đánh giặc thực dân, để cứu đồng bào công giáo vùng này khỏi xiềng xích của bọn ác quỷ ấy.

Vậy đồng bào cần phải ra sức giúp đỡ bộ đội ta về mọi mặt để đánh tan lũ giặc, để cứu mình, cứu nước.

Giặc Pháp nhất định sẽ thất bại mau chóng, vì ở Việt Nam thì chúng ngày càng thua nặng các nơi, ở nước Pháp thì tình hình nội bộ ngày càng nguy ngập.

Tôi cầu nguyện Đức chúa phù hộ đồng bào giữ vững tinh thần ái quốc, đủ sức chống lại giặc Pháp, đặng làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng là:

Phụng sự Đức Chúa.
Phụng sự Tổ quốc.

Trung tuần tháng 10 năm 1949
HỒ CHÍ MINH
(Báo Cứu quốc, số 1386, ngày 1-11-1949.)

Cả hai lá thư kể trên đã được sưu tập lại trong sách Hồ Chí Minh Toàn Tập 5 (1947-1949), xuất bản lần thứ hai, nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội (2000).

Là một người đã từng chống đối thực dân Pháp và cũng không muốn theo vết các bánh xe cũ để phải mang tiếng là phản quốc, công rấn cắn gà nhà, cho nên sẽ không có vấn đề GM Từ nhờ cậy trực tiếp quân đội của thực dân Pháp can thiệp để giải tỏa áp lực của bộ đội CSVN đang động quân chuẩn bị tấn kích vùng Bùi Chu-Phát Diệm. GM Từ cũng dư sức hiểu rằng vào thời điểm này quốc trưởng Bảo Đại của Quốc Gia Việt Nam chưa có được một quân đội riêng mà chỉ có những đơn vị *Vệ Binh* yếu kém, thiếu thôn trang bị quân sự, là lực lượng phụ thuộc do các sĩ quan người Pháp hay người bản xứ Việt Nam có quốc tịch Pháp chỉ huy và chỉ được hoạt động phối hợp với quân đội Pháp giữ gìn trật tự nội an để thực dân Pháp rảnh tay tổ chức những chiến dịch quân sự quy mô chống đánh bộ đội CSVN. Như vậy nhờ cậy vào lực lượng Vệ Binh của Bảo Đại tức là phải có sự tham dự của các lực lượng quân sự Pháp. Nhất định là GM Từ đã biết rõ điều đó hay nói khác đi là GM Từ đã kêu cứu với người Pháp qua trung gian của Bảo Đại.

Cuộc đánh chiếm Phát Diệm được bắt đầu bằng cuộc tấn công giả tạo của 2 đại đội quân nhảy dù Pháp mặc quần áo giả dạng Vệ binh của Bảo Đại do một đại úy người Việt bản xứ là **Nguyễn Văn Vỹ** chỉ huy. Các ác đội quân *Tự vệ cứu quốc* của GM Từ cũng hướng súng bắn lên trời để kháng cự một thời gian rồi phải đầu hàng và chấp nhận ký hòa ước liên kết với Bảo Đại. Trong lúc chiến trận xảy ra giữa Vệ binh giả và quân Tự Vệ Cứu quốc thì một đơn vị quân đội cơ động khác của Pháp được chuyển đến Phát Diệm bằng tàu đổ bộ trên 2 thủy lộ Sông Hồng và sông Đáy để xâm nhập vào Phát Diệm. Kết quả của trận chiến giả tạo này đã mang thêm cho *Tự Vệ Quân* của GM Từ 2,500 khẩu súng do quân Pháp cung cấp và để đổi lại tướng tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Việt Alexandri đã thiết lập được nhiều tiểu khu quân sự trú đóng ở Bùi Chu-Phát Diệm.¹³⁹(Gras, tr. 280) Chung quanh phạm vi Phát Diệm, một vùng 300 cây số vuông đã được hoàn toàn giải tỏa khỏi áp lực đe dọa của CSVN, với 150 và 200 ngàn dân cư được chiêu hồi và gần 2,000 *thân binh* (partisans) được trang bị vũ khí. (BIOF, số 138, tháng 12/1949, tr.26). Tuy nhiên, giáo dân ở hai vùng Bùi Chu-Phát Diệm sau vẫn tiếp tục không chịu hợp tác thực sự với người Pháp và chức quyền địa phương của chính quyền Bảo Đại. Điều này có thể là một thâm ý giả tạo khác của GM Từ để khỏi bị HCM bắt tội là phản bội đã hợp tác với thực dân và phong kiến để chống lại Cách Mạng do CSVN chỉ đạo. Có thể Pháp, Bảo Đại và HCM đều bị GM Từ đánh lừa nhưng trận chiến Phát Diệm đã trở thành một mẫu gương đặc biệt để lôi kéo hầu hết các giáo phận Công Giáo khác ở Bắc phần rời bỏ và chống lại CSVN.¹⁴⁰

Ngày 21/10/1949, Tại Hội Nghị của Ủy Hội Kinh Tế Á Châu và Viễn Đông **ECAFE** (**Economic Commission for Asia and the Far East**) ở Singapour, *Quốc Gia Việt Nam*

của chính quyền Bảo Đại được gia nhập với 8 phiếu thuận của các nước Úc, Tân Tây Lan, Trung Hoa, Ấn Độ, Pays Bas (Đế quốc Hòa Lan, thủ đô là Amsterdam), Anh và Hoa Kỳ ..., 1 phiếu chống của Liên Xô và 3 phiếu trắng của Thái Lan, Phi Luật Tân và Miến Điện. *Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam* của chính quyền CSHCM ở Bắc Phần không được chấp nhận gia nhập mặc dù có sự đề nghị của Liên Xô và sự yểm trợ của Ấn Độ với 7 phiếu chống, 2 phiếu thuận (Liên Xô và Ấn Độ) và 3 phiếu trắng. Bộ trưởng Ngoại Giao Nguyễn Phan Long đại diện chính phủ Bảo Đại để phát biểu trong hội nghị này. Sau khi tham dự hội nghị ECAFE, từ Sigapour trở về Việt Nam, bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Phan Long đã tuyên bố rằng phái đoàn chính phủ Quốc Gia Việt Nam không hề có một cuộc tiếp xúc nào với những nhân vật CSVN có mặt trong kỳ hội nghị ECAFE, phù hợp với chủ trương và chính sách của chính quyền Bảo Đại là chỉ muốn lôi kéo những thành phần kháng chiến của Quốc Gia Việt Nam thực sự không Cộng Sản với mục đích cô lập hóa CSVN mà thôi.¹⁴¹

Ngày 14/11/1949, Cao Ủy vương quốc Anh vùng Thái Bình Dương là M.Malcolm Mac Donald đến Sài Gòn. Ngày 16/11/1949, đương sự lên Đà Lạt hội kiến với hoàng đế Bảo Đại. Ngày 19/11/1949 đến Hà Nội để quan sát tình hình chính trị và quân sự ở Bắc Phần.

3 – Chính quyền Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam ở Bắc Việt

Khi tướng Cộng sản Lâm Bưu tấn công Hán Khẩu, lực lượng THQDĐ của tướng Pai Choung Hsi (Bạch Sùng Hy) rút lui về Hành Dương trên tuyến đường sắt từ Hán Khẩu tới Quảng Đông. Khoảng đầu tháng 10/1949, Quảng Đông rơi vào tay quân Cộng sản và tướng Bạch phải dẫn số quân THQDĐ còn lại lui về Quảng Tây cố thủ. Theo cuốn hồi ký *Le Dragon d'Annam* của Bảo Đại thì vào thời điểm này, trong khi Thống chế Tưởng Giới Thạch đã bỏ lực địa Trung Hoa để chạy ra đảo Đài Loan thì tướng Pai Choung Hsi đã gửi bộ hạ của mình bí mật đến gặp chức quyền chỉ huy đoàn quân viễn chinh Pháp để nghị cho đoàn bại binh THQDĐ còn sót lại của mình được đi vào vùng lãnh thổ biên giới Bắc Việt để cùng nhau liên thủ chống đánh CSVN và CSTH.¹⁴² Tuy nhiên, theo sự trả lời của Cao Ủy Pignon với một phóng viên đại diện báo chí vào ngày 21/11/1949 thì tin đồn cho rằng **bộ hạ của tướng Pai Choung Hsi đã được bí mật sai đến tiếp xúc với Hoàng Đế Bảo Đại** để đề nghị cho tàn quân THQDĐ của họ Pai được vượt ranh giới nhập Việt để cùng chung chống đánh CSVN và CSTH là một tin đồn thất thiệt.¹⁴³ Từ hai nguồn tin của Bảo Đại và Cao ủy Pignon, có thể rút ra suy định như sau: **Rất có thể các bộ hạ bí mật của tướng Pai Choung Hsi chính là những đầu lĩnh của đội quân VNQDĐ lưu vong trong vùng Quảng Tây cũng đang rút chạy về vùng biên giới Trung Hoa sát Bắc Việt.**

Ngày 29/11/1949, bộ trưởng ngoại vụ của CSTH là Chu Ân Lai đã cảnh cáo rằng bất cứ chính quyền của một quốc gia nào chứa chấp cho bọn bại quân phản động Quốc Dân Đảng thì phải gánh chịu trách nhiệm về những hậu quả sẽ xảy ra sau này.¹⁴⁴

Ngày 30/11/1949, Trung Cộng chiếm Trùng Khánh. Bại quân của THQDĐ bỏ chạy tràn sang biên giới Hoa-Việt; cửa biên giới Mông Cái (Monkay) ở phía Tây/Tây-Bắc Việt Nam phải đóng để ngăn chặn bại quân của THQDĐ.¹⁴⁵

Bại tướng của THQĐĐ là tướng Huang Chieh (Wang Sheng) dẫn một đoàn quân thua trận chạy thoát thân xuống hướng Đông biên giới tỉnh Lạng Sơn nhưng bị cộng quân của Mao Trạch Đông truy kích ở Long Châu (Trung Hoa) cho nên phải dẫn tàn binh chạy sang tỉnh Vân Nam của tướng Lư Hán nhưng Lư Hán lại đầu hàng theo Cộng sản. Lúc đó, tướng Huang Chieh nhận được một chỉ thị của chính quyền THQĐĐ gửi tới từ đảo Đài Loan khuyến cáo nên mượn tuyến đường xuyên biên giới Hoa Việt để trốn thoát khỏi Trung Hoa rồi xuống Hải Phòng chuyển toàn bộ 30,000 tàn quân THQĐĐ sang đảo Đài Loan.

Ngày 05/12/1949, HCM gửi điện văn chúc mừng chủ tịch đảng CSTH Mao Trạch Đông để chia mừng khi được tin Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập:

Điện Văn mừng ngày thành lập Chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa¹⁴⁶

*Kính gửi Chủ tịch Mao Trạch Đông,
Chủ tịch nước Cộng Hòa nhân dân Trung Hoa.*

Tôi rất vui mừng được tin Chính phủ nước Cộng Hòa nhân dân Trung Hoa thành lập. Thay mặt nhân dân và chính phủ Việt Nam, tôi kính mừng Ngài, Chính phủ và nhân dân Trung Hoa.

Hai dân tộc Việt – Hoa có mối quan hệ anh em trải mấy nghìn năm lịch sử. Từ đây, mối quan hệ ấy sẽ càng mật thiết để phát triển tự do và hạnh phúc của hai dân tộc ta, và để bảo vệ dân chủ thế giới và hòa bình lâu dài..

*Ngày 6 tháng 12 năm 1949
Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
Hồ Chí Minh*

Câu hỏi đặt ra là: Tại sao HCM đợi cho đến đầu 05/12/1949 mới chịu gửi điện văn chúc mừng Mao Trạch Đông trong khi họ Mao đã thành lập chính quyền Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa từ 01/10/1949, và ngay ngày hôm sau 02/10/1949 CS Quốc Tế Liên Xô đã thừa nhận chính quyền CS Trung Hoa?

- Phải nói là cho tới lúc này, HCM vẫn còn phải e sợ trùm CSQT Liên Xô Joseph Staline. Tình cảnh e sợ này xảy ra kể từ thời các *Tổng bí thư đảng CS Đông Dương* Trần Phú, Hà Huy Tập và HCM đã có một thời bị Staline ghét bỏ không thèm ngó tới vì chủ trương thành lập một *đảng Cộng Sản Việt Nam* riêng của Nguyễn Ái Quốc (NAQ) vào đầu năm 1930. Hậu quả của sự ghét bỏ này khiến cho NAQ phải tìm cách chạy thoát khỏi nước Nga sang Trung Hoa để quay về vùng biên giới Việt Nam. Kế đến, sự nổi giận và nghi ngờ của Staline càng tăng thêm khi HCM tự động tuyên bố giải thể Đảng Cộng Sản Đông Dương vào tháng 11/1945 và ngụy tạo ra một đảng CS khác riêng cho mình tức là đảng Cộng Sản Việt Minh, dưới chiêu bài là *Mặt Trận Việt Minh* để thu hút và liên kết giả tạo những thành phần tư sản người quốc gia Việt Nam không Cộng sản.

- Bây giờ, giữa CSTH và CS Liên Xô chưa có dấu hiệu gì để cho HCM thấy được là Staline và Mao Trạch Đông có cùng chung một chí hướng Cộng Sản. Và một điểm quan trọng mà HCM cần phải nghiền ngẫm là cho đến thời khắc này Staline vẫn chưa thừa nhận chính quyền Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của HCM nhưng lại thừa nhận ngay Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc chỉ sau một ngày được Mao Trạch Đông khai sinh. Cho nên HCM

không thể vọng động, vội vã thừa nhận chính quyền mới thành lập của Mao Trạch Đông để rồi sẽ bị Staline lên án là một kẻ phản đồ thêm một lần nữa.

- Khi CS Liên Xô của Staline công nhận chính quyền CSTH và quân CS của Mao Trạch Đông hoàn toàn làm chủ tình quân sự trên lục địa Trung Hoa để tràn xuống biên giới Hoa-Việt cho nên HCM mới yên tâm để thừa nhận chính quyền Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa của Mao Trạch Đông. Ngoài ra sự thừa nhận này còn có một lợi ích khác là kể từ nay, CSVN đã có một khối CS khổng lồ sát bên cạnh che chở, hậu thuẫn và giúp đỡ mặc dù HCM vẫn luôn luôn giữ kẻ tuyên bố là CSVN luôn luôn tự lực cánh sinh không cần phải dựa vào một thế lực ngoại bang nào để đánh đuổi thực dân xâm lược Pháp. Vào tháng 04/1949, trả lời một câu hỏi của phóng viên báo *Tribune* như sau: ¹⁴⁷

“Gần đây, các báo Pháp có đăng tin Quân giải phóng Trung Hoa hợp tác với quân đội Việt Nam ở biên giới Bắc Bộ, tin ấy có đúng hay không?”

HCM đã trả lời:

“Không đúng. Ai cũng biết rằng thực dân Pháp thường bịa đặt những tin tức giả dối để che đậy sự thất bại của chúng.

Ai cũng biết rằng, Quân giải phóng Trung Hoa còn cách biên giới Việt Nam 2, 3 ngàn cây số.

Ai cũng biết rằng từ ngày kháng chiến đến nay, quân và dân Việt Nam chỉ do lực lượng của mình mà chiến thắng quân Pháp.

“*Sự kiện trao đổi thư chúc mừng lẫn nhau giữa trùm Cộng sản Trung Quốc cùng với trùm Cộng sản Việt Minh đã khiến cho mọi suy định mơ hồ từ trước về sự va chạm giữa Cộng sản Quốc tế Xô Viết và HCM thì nay đã được làm sáng tỏ. Lần này thì CSVN đã đánh rơi mặt nạ che dấu chân tướng thực sự của mình. Bộ dạng Quốc gia giả tạo của CSVN, nhằm mục che đậy món hàng Cộng sản của mình, đã đưa đẩy người dân Việt Nam vào một cuộc phiêu lưu tồi tệ hơn hết so với những cuộc phiêu lưu tồi tệ khác.*” Đó là phát biểu của Jules Hagg chủ bút của tờ báo *Le Journal d'Extrême - Orient* được đăng trên tập tin BIOF số 139, tháng 01/1950, nơi các trang 52 và 53.

Chính sách cai trị lừa đảo của Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản Kominform được áp đặt trên bất cứ quốc gia nào chịu đặt mình chịu tuân phục điện Cẩm Linh (Kremlin) ở Moscova. Cho đến thời điểm cuối năm 1949, chưa bao giờ CSVN có đủ can trường để tuyên bố một cách tách bạch và công khai rằng mình là một thành viên CS lệ thuộc của Moscova. Sự xuất hiện ngôi sao CS Mao Trạch Đông đã mang đến cho CSVN nhiều can đảm và hy vọng hơn là ảo tưởng đếm mức độ họ không còn cần phải che dấu hình hài CS của mình nữa để công khai tuyên bố rằng *Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam* không phải chỉ trông chờ vào sự ủng hộ của một nước Nga Liên Xô Viết Cộng Sản mà thôi nhưng cũng trông cậy vào tất cả những quốc gia theo thể chế *Dân Chủ Nhân Dân*. Nước *Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Trung Quốc* do trùm CS Mao Trạch Đông vừa mới khai sinh cho nên chưa ai được nhìn thấy hay nghe nói về những chính sách đẫm máu, độc tài, vô nhân đạo đang được áp dụng tại nhiều quốc gia CS ở Đông Âu như Tiệp Khắc và Ba Lan dưới chiêu bài *Dân Chủ Nhân Dân*.

Sự tuyên bố của CSVN có tính cách đánh trống thổi kèn này biểu hiện một sự mong ước có tính cách tinh thần nhiều hơn là vật chất và người Pháp biết rõ như thế nhưng chắc là họ cũng không vì thế mà có thể thông dong nằm ngủ yên vào lúc này bởi vì trước mắt Bảo Đại không còn là một giải pháp thí nghiệm nữa nhưng là một biểu hiện thực tại: ông

hoàng này đã thực sự trở về nước và đang lãnh đạo guồng máy cai trị của Quốc Gia Việt Nam. Guồng máy cai trị này đã được *Malcom Mac Donald*, một Tổng Cao ủy của vương quốc tư bản Anh công nhận *de facto* (dựa trên thực tế nhưng không chính thức) sau một chuyến công du vùng Đông Nam Á Châu từ ngày 14/11/1949. Có một điều trớ trêu là nước Ấn Độ được đế quốc Anh trao trả độc lập nhưng đại diện ngoại giao của thủ tướng Ấn Độ **Jawaharlal Nehru** lại theo Cộng sản Liên Xô để bỏ phiếu ủng hộ Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam của HCM được trở thành hội viên chính thức của nước Việt Nam trong Ủy Hội Kinh Tế Á Châu và Viễn Đông **ECAFE (Economic Commission for Asia and the Far East)** nhưng dù vậy, Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam cũng không được chấp nhận gia nhập mặc dù có sự đề nghị của Liên Xô và sự yểm trợ của Ấn Độ với 7 phiếu chống, 2 phiếu thuận (Liên Xô và Ấn Độ) và 3 phiếu trắng. Nehru đang chơi trò nhảy múa trên một sợi dây thừng căng dốc đứng cao khỏi mặt đất và sẽ không làm thay đổi được gì cho tình thế hiện tại.

*

Ngày 09/12/1949, bại tướng Huang Chieh của THQĐĐ cử một phái đoàn đến đồn biên cảnh Chi Ma (ngày nay thuộc xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn) để xin phép nhà đương cuộc Pháp cho đoàn quân bại trận của họ mượn quốc lộ số 4 xuống cảng Hải Phòng để được đi tống đi sang đảo Đài Loan.

Ngày 10/12/1949, trước tình trạng hỗn loạn này ở vùng biên giới Đông Bắc Hoa-Việt, đồng thời để đáp ứng lời cảnh cáo của Chu Ân Lai cũng như lời yêu cầu cho mượn đường vượt biên của 30 ngàn tàn quân THQĐĐ, cao ủy Đông Dương Pignon đã cảnh cáo rằng:

- Bản chức đã được chính phủ Pháp và chính phủ Việt Nam cho phép công bố chủ trương như sau:
- Cả hai chính phủ thấy cần phải công bố những biện pháp đối phó trong những tình hình quân sự của Trung Hoa có chiều hướng đưa dẫn tới sự xâm nhập của họ và Đông Dương và đặc biệt là lãnh thổ Việt Nam.
 - Hai chính phủ Pháp, Việt đã cho những chỉ thị cho phép quân đội của Liên Hiệp Pháp chống lại bất cứ lực lượng vũ trang nào của ngoại quốc xuất hiện sát vùng biên giới. Nếu có trường hợp xảy ra như thế, những đơn vị nào vượt biên giới thì sẽ bị đánh lui, hoặc bị tước khí giới và bị bắt giam giữ.
 - Không có bất cứ trường hợp nào mà chính phủ Pháp và chính phủ Việt Nam chấp nhận để cho lãnh thổ Việt Nam cũng như lãnh thổ khác của Liên Hiệp Pháp được sử dụng như là nơi trú ẩn của những đơn vị tạo ra ảnh hưởng nguy hại tới tình hình an ninh và ảnh hưởng không tốt cho những mối liên hệ thân cận láng giềng nơi các vùng lãnh thổ dọc theo biên giới.¹⁴⁸

Thi hành thông cáo kể trên của cao ủy Pháp ở Đông Dương, các lực lượng quân sự Pháp-Việt đã tước khí giới và bắt giam tập trung tất cả bại quân THQĐĐ chạy tràn sang bên giới Việt Nam từng nhóm 500 người kể từ sáng ngày 13/12/1949. Tính đến cuối tháng 13/1949, đã có vào khoản 30 ngàn bại quân thuộc lộ quân thứ 46 của THQĐĐ vượt qua biên giới Việt Nam. 10,000 tù binh này được đưa tới trại tập trung Hồng Dương gần bãi cảng Cẩm Phá. Những đợt vượt biên tiếp theo được đưa đi giam giữ ở trại tập trung Tiên Yên. Các bại binh vượt biên còn dẫn theo hàng đoàn vợ con, gia đình, thân nhân và những người này đã được quân Pháp-Việt di tản nhanh chóng ra khỏi vùng súng đạn nguy hiểm

rời đưa đến các vùng an toàn bằng mọi phương tiện. Đàn bà, trẻ con, người già lão, bệnh tật đều được di tản bằng xe vận tải quân sự hoặc bằng tàu thủy hay ghe thuyền. Vào buổi trưa ngày 13/12, bộ đội CS Trung Quốc truy kích sát tới đồn biên phòng Chi Ma và rút lui sau vài hồi nổ súng rời rạc với quân đánh thuê lê dương của Pháp.

Ngày 26/12/1949, một đoàn 2,500 bại quân THQDD cùng với khoảng vài trăm quân VNQDD lưu vong của Vũ Hồng Khanh cũng vượt biên giới vào Việt Nam nhưng không chịu giao nạp vũ khí cho quân Pháp và kéo nhau lẫn tránh vào vùng rừng núi phía Tây quốc lộ số 4 và bị quân Pháp truy đuổi xuống vùng Lục Nam mới chịu buông súng quy phục vào ngày 06/01/1950.¹⁴⁹

Đầu năm 1950, khoản 3,400 bại binh THQDD rút chạy xuống biên giới tỉnh Vân Nam và bị tạm giữ ở Lai Châu rồi được quân Pháp thả đi một mình bằng đường bộ băng ngang qua hai tỉnh Sơn La và Sơn Tây và các vùng do CSVM kiểm soát, không có bảo vệ hay hộ tống để đi xuống miền đồng bằng Bắc Việt.

-Tổng số hơn 34 ngàn bại binh THQDD bị giam tập trung ở Cẩm Phá nhưng người Pháp không thể chuyển giao cho chính phủ Đài Loan như đã được yêu cầu vì e ngại phản ứng bất lợi của Cộng sản Trung Quốc cho nên phải đưa số bại binh này ra tạm giữ trên đảo Phú Quốc cho đến mùa xuân 1953 mới chuyển giao cho chính quyền Trung Hoa DQ ở Đài Loan.¹⁵⁰

CSVM đã nhân cơ hội rối ren này để tấn công các đồn bót lẻ tẻ hoặc phục kích các đoàn xe tiếp vận Pháp. Ngày 03/12/1949, một đoàn xe quân sự Pháp đã bị khoản 200 bộ đội CS Trung Hoa và thân binh CSVM từ phía lãnh thổ Trung Hoa tràn sang phục kích ở phía Tây Bắc cách tỉnh Mông Cái 20 cây số nhưng bị viện binh Pháp từ Mông Cái đến đánh lui.

Ngày 17/12/1949, bộ đội CSVM lần lượt tấn kích một đồn trấn đóng của quân Pháp ở phía đông-nam Hải Phòng và một đồn Pháp-Việt trong một tiểu khu ở tỉnh Nam Định. Cùng khoảng thời gian này, ở phía Bắc, một đồn binh *Phố Lu* Pháp-Việt thuộc một tiểu khu tỉnh Lào Kay bị CSVM tấn kích 2 lần: lần thứ nhất bị đẩy lùi; lần thứ hai trở lại với 3 tiểu đoàn trang bị bích kích pháo và đại liên nhưng cũng bị đẩy lui sau 11 đợt xung phong cận chiến để chiếm đồn. Phía đồn binh Pháp Việt phải gọi phi cơ oanh kích yểm trợ. Đây là một trận đánh quan trọng gây thiệt hại nghiêm trọng cho CSVM cả về mặt quân sự lẫn chính trị.¹⁵¹

Ở vùng biên giới Lào-Việt, bộ đội CSVM tấn công vào nhiều đồn bót của Pháp trong tỉnh Sầm Nứa để gây ra một tình thế nghiêm trọng ở Đông Dương.

Về phía liên quân Pháp-Việt cũng chủ động mở ra nhiều chốc hành quân bình định:

- Ngày 10/12/1949, cuộc hành quân ở cù lao Vạn Cốc nằm trên lưu vực sông Hồng đã hạ được 110 thân binh (Partisans) CSVM và bắt giữ cả trăm tù binh.

- Ngày 23/12/1949, sau một cuộc hành quân tuần thám cách phía đông-nam *Thất Khê* vài cây số, hơn 70 cán binh bộ đội CSVM đã bị bắt giữ.

Cũng theo nguồn tin BIOF tháng 01/1950, ở Trung Phần, quân Pháp đã mở nhiều cuộc hành quân truy kích CSVM chung quanh vùng Quảng Trị, Đông Hới và Đà Nẵng và tái dựng tuyến đường sắt tàu hỏa đã bị mưa lũ và bộ đội du kích CSVM phá hoại từ Đèo

Hải Vân tới tỉnh Quang Trị. Mặc dù gặp nhiều trở ngại khó khăn và nguy hiểm nhưng tuyến đường sắt quan yếu tiếp vận quân sự cho Đồng Hà và Đồng Hới đã được phục hồi và canh giữ an ninh.

Ở Nam Phần, vào hạ tuần tháng 12/1949, một cuộc hành quân bình định quy mô, phối hợp hải, lục, không quân của Pháp-Việt đánh vào một mật khu của CSVM ở phía Bắc tỉnh Biên Hòa nằm giữa sông Đồng Nai và sông Bé thường gọi là *Chiến khu D*, tiêu hủy nhiều công binh xưởng, tịch thu nhiều loại quân trang và quân cụ, phá hủy 4 kho chất nổ, triệt hạ 16 binh trại kiên cố, tịch thu 2 máy phát điện và máy tiện sản xuất nòng súng. Chiến khu này được thành lập vào tháng 02 năm 1946, bao gồm 5 xã: Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An (nay thuộc huyện Tân Uyên, Bình Dương) mà CSVM ở miền Nam tự hào là bất khả xâm phạm.



152 (<http://www.youtube.com/watch?v=2hBL0k0tkOI>)

(http://www.binhduong.gov.vn/vn/sobannghan_detail.php?id=5125&idcat=143&idcat2=144)

Cuối năm 1949, Pháp đẩy mạnh chiến dịch bình định chiến trường miền Nam, dùng chiến thuật xây dựng hàng loạt đồn bót có tháp canh nhằm kiểm soát các trục lộ giao thông, các cửa biên giới và xung quanh những căn cứ an toàn của CSVM. Chung quanh chiến khu D, hàng loạt tháp canh dày đặc, hợp thành một vòng đai vây bọc chiến khu từ 3 phía Bắc, Tây và Nam. Các tháp canh này vừa làm nhiệm vụ bảo vệ giao thông của quân Pháp vừa khống chế lực lượng bộ đội VMCS của tướng một mắt Nguyễn Bình, cô lập Chiến khu Đ, mở rộng phạm vi kiểm soát, lấn dần vào vùng chiến khu. Tháp canh hình vuông, mỗi cạnh từ 4-5m, xây bằng gạch, cao từ 8-10m. Xung quanh được bao bằng lũy đất dày cắm chong tre vạt nhọn, có lỗ châu mai bốn bên để quan sát và bắn đối phương, bên ngoài có hào, chông, mìn, dây thép gai. Chiến thuật tháp canh thật là nguy hiểm cho bộ đội du kích CSVM. “*Yêu cầu bức bách lúc này của chiến khu là phải diệt được tháp canh, từ đó đánh mạnh vào giao thông địch, giải tỏa bớt áp lực của chúng để mở rộng vùng căn cứ. Sang đầu năm 1950, mọi công tác chuẩn bị đánh tháp canh đã hoàn tất. Tỉnh đội Biên Hòa quyết định tiến hành trận đánh. Đêm 21 rạng 22-3, 50 tổ du kích đồng loạt đánh 50 tháp canh dọc các lộ 24, 16, 15 và quốc lộ 1, kết quả các tháp canh đều bị thủng chứ không sập tháp nào.*”¹⁵³

Ngày 30/12/1949, Quốc trưởng Bảo Đại cùng Cao ủy Pignon ký các hiệp định thi hành thỏa ước Élysée 08/03/1949 tại Tòa Đô Chính Sài Gòn. Các Công sở được chuyển giao cho chính phủ Quốc Gia Việt Nam.

Cùng ngày 30/12/1949, Ấn Độ thừa nhận Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc của Mao Trạch Đông.

*

II - CHỦ MƯU CỦA KHỐI CÔNG SẢN VÀ PHẢN ỨNG CỦA KHỐI TƯ BẢN ĐỐI VỚI VIỆC CỘNG SẢN HÓA BÁN ĐẢO ĐÔNG DƯƠNG

1 - Hồ Chí Minh và Cộng Sản Trung Hoa

Tin tức về việc quân cộng sản Trung Quốc của Mao Trạch Đông tiến xuống vùng biên giới các lãnh thổ trên bán đảo Đông Dương đã khiến cho nhiều dư luận báo chí trên thế giới bàn luận xôn xao. Đa số dư luận này đều có cùng một quan điểm rằng sớm muộn gì rồi HCM cũng sẽ có thể tiếp nhận được một sự viện trợ hữu hiệu từ cộng sản Trung Quốc (CSTQ) mặc dù phía báo chí của CSVN đã lên tiếng không chấp nhận cùng một quan điểm như thế bằng cách lý luận rằng CSVN không nên trông chờ vào những sự trợ giúp từ CSTQ bởi vì chủ tịch CSTQ họ Mao hiện đang bận tâm nhiều hơn tới vấn đề được công nhận hay không từ các quốc gia khác trên thế giới hơn là mong đợi sự thành công của CSVN ở Đông Dương hoặc là theo gương đảng cộng sản Pháp để ủng hộ HCM bằng nước bọt hay theo chiều hướng của nhiều nước Tây phương để công nhận chính quyền của Bảo Đại.

Sự kiện HCM trá hình giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương trước tháng 12/1946 để bảo tồn lực lượng CSVN hiển nhiên là trái ngược với chính sách CS của họ Mao kể từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ II. Các hàng cán bộ lãnh đạo của CSTH đã lên án mạnh mẽ chính sách thay dòng đổi hướng này của HCM. Tuy nhiên, khi chiến tranh thực sự bùng nổ giữa CSVN và thực dân Pháp ở Đông Dương thì họ Mao và các cấp lãnh đạo đảng CSTH đã thay đổi thái độ đối xử với họ Hồ. Tháng 12/1946, HCM đã gửi đại diện sang Trung Hoa để cầu viện với họ Mao và đảng CSTH cung ứng cố vấn quân sự, vũ khí đạn dược cho bộ đội CS Việt Minh và hàng chục triệu Mỹ kim viện trợ tài chính nhưng CSTH không thể thỏa mãn lời yêu cầu viện trợ này bởi vì hiện tại vào lúc đó CSTH đang trong tình trạng nội chiến với THQĐĐ và cũng đang thiếu thốn vũ khí và tài chính. Tuy nhiên, trong khi họ Mao đang ở Moscôva, các cấp lãnh đạo cao cấp của CSTH cũng đã ra chỉ thị cho các đơn vị quân sự CSTH ở miền Nam Trung Hoa phải trợ giúp nếu có thể được cho CSVN. Từ Moscôva, họ Mao cũng đã gửi công điện chỉ thị cho ủy Ban Chấp hành Trung Ương Đảng CSTH giải thích cho những sứ giả cầu viện của CSVN rằng, trước mắt, đảng CSTH sẽ cung cấp giới hạn một số viện trợ vũ khí, đạn dược và thuốc men cho CSVN và sẽ gia tăng viện trợ trong tương lai và theo chiều hướng này cũng sẽ có lợi ích là giúp cho bộ đội CSVN quen thuộc với các quân trang và quân cụ của CSTH. Họ Mao còn chỉ thị cho Lưu Thiệu Kỳ phải biểu hiện tình hữu nghị và hợp tác với CSVN, khích lệ cuộc đấu tranh kháng chiến của họ, không được phê phán chỉ trích. CSTH có thể đề cập tới tình trạng yếu kém của CSVN khi gặp mặt các cán bộ cao cấp của CSVN do HCM gửi sang sang Bắc Kinh. Mao Trạch Đông cũng phát biểu quan điểm về việc HCM giải tán đảng CSĐĐ trong khoảng 1945-1946 và cho rằng đây chỉ là mưu lược để cho thế giới tưởng làm Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một chính thể không Công Sản, là một quốc gia trung lập và cho tới lúc này hãy còn quá sớm để đánh giá chính sách đi hàng hai của họ Hồ là sai trái đối với quy tắc CS quốc tế bởi vì cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã không bị ảnh hưởng gì đến chính sách hàng hai này của họ Hồ.¹⁵⁴

Có một điểm cần lưu ý ở đây là trong khi cuộc nội chiến Quốc-Cộng ở Trung Hoa đang diễn ra ác liệt và ngay cả trong giai đoạn mà CSTH của họ Mao tỏ ra lấn lướt thắng thế đối với THQDD của Tưởng Giới Thạch, nhất là từ khi lãnh thổ Mãn Châu rơi vào tay CSTH từ tháng 10/1948 thì HCM vẫn tiếp tục cẩn thận và cách biệt đối với vấn đề liên hệ Hoa-Việt. Cho đến cuối tháng 08/1949, HCM bề ngoài vẫn có vẻ như là một kẻ trung lập trong khi những đồng chí thân cận của ông đều cho rằng sự thành công của CSTQ hàm chứa ý nghĩa tích cực cho CSVM. Cho đến nay thì nhiều nhà nghiên cứu sử học đều có cùng một nhận định rằng chiến thắng của CSTH vào năm 1949 và sự ra đời chính quyền Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa của Mao Trạch Đông vào ngày 01/10/1949 đã tạo ra một bước rẽ ngoặt hệ trọng trong tiến trình đấu tranh chống thực dân thuộc địa ở Việt Nam. Chỉ trong một thời gian rất ngắn sau ngày 01/10/1949, HCM đã sai phái Lý Bích Sơn và Nguyễn Duy Thụy đi Bắc Kinh để cầu viện cố vấn quân sự.¹⁵⁵

Tiếp theo phái đoàn Lý Bích Sơn và Nguyễn Duy Thụy, HCM đã bí mật sang Bắc Kinh chính thức sau khi đã gửi điện văn đề ngày 05/12/1949 để chúc mừng chủ tịch đảng CSTH Mao Trạch Đông để chia mừng khi được tin Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập. Mục đích của chuyến đi này của họ Hồ là để cầu viện chứ không nhằm mục đích đặt mối liên hệ ngoại giao vì sợ phản ứng của Hoa Kỳ sẽ vinh có đó mà can thiệp quân sự vào Việt Nam. Câu hỏi đặt ra là tại sao đã sai phái Lý Bích Sơn và Nguyễn Duy Thụy sang Bắc Kinh cầu viện mà HCM còn phải lặn lội liền ngay sau đó sang Bắc Kinh cũng với lý do là để cầu viện với đảng CSTH? Câu trả lời là phái đoàn cầu viện Lý Bích Sơn Nguyễn Duy (Đức?) Thụy đã không gặt hái được kết quả mong muốn cho nên HCM phải đích thân sang Bắc Kinh để xin viện trợ thẳng từ Mao Trạch Đông nhưng họ Hồ đã không gặp được họ Mao ở Bắc Kinh vì họ Mao đã đi Moscova để hội kiến với Satline. Từ Moscova, họ Mao biết được lý do tại sao HCM sang Bắc Kinh cho nên đã gửi công điện về Bắc Kinh để chỉ thị cho Lê Thiếu Kỳ và các cấp lãnh đạo của CSTH phải tìm cách giúp đỡ cho CSVM theo lời yêu cầu của phái đoàn cầu viện CSVM và HCM hiện đang có mặt ở Bắc Kinh như vừa được trình bày ở phần trên.

Tại sao Mao Trạch Đông lại sẵn sàng giúp đỡ cho CSVM trong khi chính quyền CHNDTH chưa có được một nước Tây Phương nào công nhận? Bởi vì họ Mao có chủ đích riêng của mình:

- Ngăn ngừa một liên minh tạm bợ THQDD-Hoa Kỳ-Pháp tấn công CSTQ từ phía Nam Trung Hoa xuyên ngang qua biên giới Việt-Hoa mà không có lực lượng tiền phương nào của CSTH cố thủ vùng biên giới trái độn này: lực lượng bộ đội CSVM sẽ giữ vai trò gìn giữ biên phòng cho CSTH.

- Trong tương lai, vùng vịnh Bắc Việt là một cửa ngõ trọng yếu để CSTH có thể thoát ra biển và đi xuống vùng Đông Nam Châu Á.

- Thế đứng của Việt Nam và Trung Hoa giống như là môi với răng: nếu môi hở thì răng sẽ bị lạnh.

Trong tập một tập tài liệu của Trung Hoa có tên là *Những người trong cuộc*, Ghi Chép Thực Về Việc Đoàn Cố Vấn Quân Sự Trung Quốc Viện Trợ Việt Nam Chống Pháp (*Hồi ký của những người trong cuộc*) do Nhà Xuất Bản Lịch Sử Đảng Cộng Sản Trung

Quốc ấn hành ở Bắc Kinh năm 2002, bản dịch tiếng Việt của Trần Hữu Nghĩa và Dương Danh Dy hiệu đính, một trong số các tác giả của tập nhật ký này là cựu đảng viên CSTH La Quý Ba có viết lại lời tuyên bố của họ Mao trong kỳ họp Trung Ương Đảng CSTH tháng 11/1950 như sau:

Tháng 11 năm 1950, tôi lại quay về nước để báo cáo công tác với Trung ương, khi báo cáo việc Việt Nam nêu ra với nước ta kế hoạch mong muốn viện trợ, Mao Chủ tịch nói :

“ Nhân dân Trung Quốc đã giành được thắng lợi cách mạng có nghĩa vụ giúp đỡ nhân dân các nước chưa được giải phóng, đó là chủ nghĩa quốc tế. Việt Nam đang tiến hành cuộc chiến tranh chống Pháp, đơn độc không có viện trợ, khó khăn rất lớn, họ yêu cầu chúng ta cung cấp viện trợ và giúp đỡ, chúng ta có nghĩa vụ viện trợ và giúp đỡ họ; Trung Quốc cung cấp viện trợ cho Việt Nam là vô tư, không hoàn lại, không kèm theo bất cứ điều kiện chính trị nào, hễ Việt Nam kháng chiến quả thực có nhu cầu, mà Trung Quốc lại có điều kiện thì cố hết sức cung cấp ”.

*Mao Chủ tịch lại nói :

*“ Bọn xâm lược thực dân Pháp là kẻ thù của nhân dân Việt Nam, cũng là kẻ thù của nhân dân Trung Quốc; Trung Quốc giúp Việt Nam đánh bại quân xâm lược thực dân Pháp, lập lại hoà bình ở Việt Nam, đó là Trung Quốc giúp Việt Nam. Còn Việt Nam đánh bại bọn xâm lược thực dân Pháp, đuổi chúng ra khỏi Việt Nam, biên cương phía Nam của Trung Quốc cũng giải toả khỏi mối đe dọa của bọn xâm lược thực dân Pháp, đó lại là Việt Nam giúp Trung Quốc. Không thể chỉ nói Trung Quốc giúp Việt Nam, phải nói rằng Việt Nam cũng giúp Trung Quốc, là sự giúp đỡ lẫn nhau ”.*¹⁵⁶



La Quý Ba

Khi biết được họ Mao đang ở Moscova, HCM đã không bỏ qua thời cơ để tìm cách một lần gặp mặt cho được cả hai lãnh tụ CS Trung Hoa và Liên Xô. Lý do nào đã thúc đẩy HCM đi Moscova? Trước hết là để xin viện trợ từ cả hai phía Trung Hoa và Liên Xô. Kế đến là để đánh tiếng cảnh báo cho tập đoàn đế quốc tư bản thực dân biết là CSVN đã có 2 đồng minh vĩ đại đứng sau lưng. Sau cùng và quan trọng hơn hết là vì HCM muốn tự biểu dương một cách tực thực hư hư nhân cách CS cao trọng và quyền uy rộng lớn của mình như là hình ảnh của một trong ba lãnh tụ thượng đỉnh của thế giới CS đang gặp nhau ở Moscova. Tuy nhiên, HCM đã phải nhờ đến sự đề nghị của các chức quyền CSTH và sự chuyển đạt của sứ quán Liên Xô ở Bắc Kinh chuyển đạt thỉnh cầu của mình đến Staline, chỉ được lên đường đi Moscova một cách bí mật sau khi Staline đã đồng ý chấp thuận và chỉ được đối đãi như là một thành viên tháp tùng theo phái đoàn của Mao Trạch Đông đang có mặt ở Moscova.

2 - Hồ Chí Minh và Cộng Sản Liên Xô

Từ sau thế chiến 2, Liên Xô không quan tâm đến số phận của đảng CS Đông Dương và cuộc cách mạng ở Việt Nam của kẻ phản đồ Hồ Chí Minh. Kể từ khởi đầu năm 1948, Cộng Sản Liên Xô của Staline tỏ ra cực đoan hơn khi chủ trương rằng các đảng cộng sản phải từ bỏ liên hiệp với các đảng tư sản dân tộc, để tự giành chính quyền sau khi trải qua

những kinh nghiệm từ cuộc hợp tác của Trung Hoa Quốc Dân Đảng và Cộng Sản Trung Hoa. Chính sách thù địch đối với các lực lượng tư sản dân tộc này chính là giáo điều của Staline mà Trần Phú và Hà Huy Tập đã tuân phục một cách cuồng tín để hạ bệ Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam do HCM cuur mang và cho ra đời. Từ lâu Staline đã nghi ngờ sự trung thành của Hồ, nhất là thái độ cầu thân của Hồ với Mỹ sau cuộc chiến tranh Thái bình dương. Staline càng nghi ngờ hơn khi Đảng CSĐD tuyên bố tự giải tán vào tháng 11/1945. Hai năm sau, tức vào năm 1947, Nga công nhận ngoại giao Indonesia của Sukarno nhưng lờ đi Việt nam của chính phủ Hồ Chí Minh. Trong những năm đầu của cuộc chiến tranh với thực dân Pháp, CSVN cũng chẳng có quan hệ trực tiếp gì với Liên Xô.

Thái độ của Staline ghét bỏ HCM được thể hiện rõ trong một chuyến đi thăm bí mật của họ Hồ sang Bắc Kinh vào giữa tháng 01/1950. HCM khởi đi từ Tuyên Quang ngày 30/12/1949, đến Jingxi ngày 16/1/1950 và được quân giải phóng nhân dân Trung Quốc (People Liberation Army/PLA) hộ tống đến Nam Ninh rồi đi xe lửa đến Bắc Kinh. Sau khi hội kiến với các cấp đầu não trong Trung Ương Đảng CSTH ở Bắc Kinh, HCM được Lưu Thiếu Kỳ đề nghị với đại sứ Nga Roshin là Hồ cần được gặp mặt trực tiếp Staline để báo cáo tình hình. Roshin báo cáo về Moscova và Staline đồng ý cho HCM gặp mặt. Ngày 3/2/1950 HCM cùng với Trần Đăng Ninh và Chu Ân Lai tới Mascôva. Thái độ của Staline khi mặt giáp mặt với ông Hồ là **“kiêu khích và xúc phạm”**.¹⁵⁷

Ngày 14/2/1950, Hồ tham dự lễ ký hiệp ước hữu nghị Xô - Trung và Hồ không bỏ qua dịp may đề nghị ngay với Stalin ký hiệp ước tương tự với Việt Minh. Stalin không chấp thuận và nói rằng chuyến đi này của họ Hồ chỉ là một chuyến đi bí mật không được chính quyền Xô Viết mời đến một cách công khai và chính thức. Hồ Chí Minh nghĩ ra một mưu chước và đề nghị ngay với Stalin rằng chỉ cần để cho họ Hồ lên một phi cơ trực thăng của Liên Xô, bay lượn vài vòng trên vòm trời Moscôva rồi hạ cánh xuống phi trường với nghi lễ ngoại giao trải thảm đỏ tiếp đón. Staline đã trả lời: *“người phương đông của các ông thật giàu trí tưởng tượng!”*. Hồ Chí Minh đã dùng mọi thứ mảnh khốc để chinh phục sự giúp đỡ của người chủ nhân độc đoán. Sau một cuộc họp, họ Hồ xin chữ ký của Stalin ký lên tập chí *“Liên xô trên đả xây dựng”*, Stalin đã ký *“với tâm trạng chán ngán và nghi ngờ”*, rồi sau đó lại nói với các người hộ vệ rằng đương sự đã không cẩn trọng khi ký tên như thế và ra lệnh cho họ đi thu hồi lại tờ tập chí. Khi đã thu lại được cuốn tập chí, Stalin đã nói với các đồng chí của mình: *“ Chắc rằng hấn đang đi tìm quyển tập chí, nhưng hấn không thể tìm được”*.¹⁵⁸

Đài phát thanh *Tiếng Nói Nước Nga* trên Internet ngày 20.10.2011, vào lúc 13:36 có cho đăng tải lại một tiết mục viết với tựa đề **“Những chi tiết đáng chú ý trong chuyến đi của Chủ tịch Việt Nam đến Matxcova năm 1950”** trong đó có đoạn viết như sau:¹⁵⁹

Tuy nhiên, trong những ngày ở Matxcova, không phải là mọi đề đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều được trọn vẹn. Chuyện nói về cuốn tập chí "Liên Xô trên công trường xây dựng", mà vị Chủ tịch Việt Nam nhìn thấy trên bàn làm việc của Stalin trong cuộc gặp gỡ các lãnh đạo Xô Viết. Khi vị khách Việt Nam nói muốn có cuốn tập chí này với thủ bút của nhà lãnh đạo xô-viết, Stalin đã cầm bút ký tên lên bìa tập chí, sau đó chuyển tiếp để các cộng sự gần gũi như Molotov, Malenkov, Bulganin, Beria cũng đặt chữ ký vào đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh mang cuốn tập chí về phòng mình, nhưng chỉ đến ngày hôm sau, cuốn tập chí mang những chữ ký ấy đã biến mất một cách bí ẩn.

Trương Quảng Hoa, một cán bộ và đảng viên kỳ cựu của CSTH mà cũng là một trong số các tác giả của tập *Hồi kí cổ vấn Trung Quốc* viết về chuyến đi Bắc Kinh

và Moscova tháng 1-3.1950 của Hồ Chí Minh đề cầu viện với Trung Quốc và Liên Xô dưới tựa đề *QUYẾT SÁCH TRỌNG ĐẠI: TRUNG QUỐC VIỆN TRỢ VIỆT NAM CHỐNG PHÁP* trong đó có đoạn viết về cuộc gặp mặt và đối thoại của HCM với Stalin như sau:

QUYẾT SÁCH TRỌNG ĐẠI: TRUNG QUỐC VIỆN TRỢ VIỆT NAM CHỐNG PHÁP^{159bis}

Trương Quang Hoa

Hồ Chí Minh bí mật thăm Trung Quốc yêu cầu viện trợ Stalin nói viện trợ Việt Nam chủ yếu do Trung Quốc phụ trách

Ngay tối hôm 6/2 Hồ Chí Minh đến Moskva, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô mở tiệc hoan nghênh. Stalin không đến dự. Mao Trạch Đông rất rõ tâm trạng của Stalin lúc này, Stalin lo lắng Hồ Chí Minh là người theo chủ nghĩa dân tộc, là Tito thứ hai (**). Trong một lần trao đổi với Stalin, Mao Trạch Đông kiên nhẫn nói rõ, Hồ Chí Minh là nhà cách mạng mác xít của Việt Nam rất được nhân dân Việt Nam ủng hộ và yêu mến, là lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, đồng chí Stalin nên sớm gặp đồng chí Hồ Chí Minh, hỏi đồng chí ấy có yêu cầu và suy nghĩ gì không.

Stalin nói : “ *Đồng chí Hồ Chí Minh yêu cầu Liên Xô trực tiếp cung cấp viện trợ cho Việt Nam, giúp họ đánh người Pháp, đối với vấn đề này, chúng tôi còn có suy nghĩ hơi khác* ”. Không để cho Mao Trạch Đông nói gì thì Stalin nói tiếp : “ *Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc chứng minh Trung Quốc đã trở thành trung tâm cách mạng của Châu Á, chúng tôi cho rằng, công tác chi viện và giúp đỡ Việt Nam chủ yếu do Trung Quốc gánh vác thì tốt* ”.

Mao Trạch Đông nói : “ *Việt Nam chủ yếu cần vũ khí đạn dược, cũng cần có vật tư quân sự khác, Trung Quốc không chắc chắn thỏa mãn mọi nhu cầu của họ, tất nhiên họ hy vọng Liên Xô cũng viện trợ* ”.

Stalin ngẩng đầu nhìn Mao Trạch Đông, tiếp tục nói ý kiến của mình : “ *Trung Quốc và Việt Nam địa lý gần nhau, liên hệ tương đối nhiều, để Trung Quốc giúp Việt Nam tương đối thuận tiện. Viện trợ xây dựng kinh tế Trung Quốc là nhiệm vụ quan trọng của Liên Xô. Chúng tôi đã đánh xong chiến tranh thế giới, số lớn trang bị vũ khí không dùng hết, có thể chuyển chúng sang Trung Quốc, có những cái Việt Nam dùng được thì tất nhiên các đồng chí có thể chuyển một ít đến đó* ”. Stalin lo sợ dẫn đến tranh chấp quốc tế, điều này đối với Mao Trạch Đông lãnh đạo cách mạng Trung Quốc mà nói thì đã được lãnh giáo rồi. Trước đó chẳng bao lâu, Lưu Thiếu Kỳ bí mật thăm Liên Xô, Stalin nhiều lần nhấn mạnh phải “phân công quốc tế”. Mao Trạch Đông không bày tỏ ý kiến bất đồng việc này nữa.

Một ngày thượng tuần tháng 2, Stalin cuối cùng tiếp Hồ Chí Minh ở văn phòng làm việc của mình. Malenkov, Molotov, Bunganin trong Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô, Trần Đăng Ninh – Việt Nam và Vương Gia Tường – Đại sứ Trung Quốc tại Liên Xô v.v... đã tham gia hội đàm lần đó. Stalin nói : “ *Chúng ta là bạn bè và anh em thân thiết* ”. “ *Gặp các đồng chí hơi muộn, mong thông cảm* ”.

“ *Không dám, không dám* ”, Hồ Chí Minh nói, *chúng tôi rất phấn khởi, cũng rất cảm động được đồng chí Stalin nhiệt tình đón tiếp, nghe chúng tôi hội báo tình hình. Hồ Chí Minh theo dự kiến từ trước, trình bày tóm tắt với Stalin tình hình cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, tình hình chiến tranh chống Pháp hiện nay và kiến nghị, yêu cầu viện trợ.*

Sau khi nói xong, Hồ Chí Minh nhìn Stalin. Trong ánh mắt của Người (HCM) có thể thấy rõ niềm hy vọng và chờ đợi. “ *Chúng tôi rất cảm ơn những giới thiệu của đồng chí Hồ Chí Minh* ”. Stalin xưa nay nói chậm rãi thông thả, nhưng đã nhanh chóng đi vào nội dung thực chất. “ *Đảng Cộng sản Liên Xô và nhân dân Liên Xô hoàn toàn nên viện trợ cuộc đấu tranh chống Pháp của các đồng chí. Song, chúng tôi đã trao đổi với các đồng chí Trung Quốc, công việc viện trợ chiến tranh chống Pháp của Việt Nam chủ yếu do Trung Quốc phụ trách thích hợp hơn* ”. Stalin nói : “ *Trung Quốc ở sát Việt Nam, hiểu rõ tình hình Việt Nam hơn chúng tôi, kinh nghiệm đấu tranh của Trung Quốc càng có tác dụng làm gương đối với Việt Nam, giúp các đồng chí sẽ thuận tiện hơn* ”.

Theo dòng suy nghĩ của mình, Stalin tiếp tục phát biểu quan điểm của đồng chí : “ *Đánh bại người Pháp, chi viện của nước ngoài là cần thiết, điều quan trọng hơn vẫn là phải làm tốt công tác mọi mặt trong nước. Phát động quần chúng, thật sự động viên và tổ chức đông đảo quần chúng là điều then chốt để đánh bại người Pháp* ”. Stalin hầu như rất không hài lòng : “ *Phát động quần chúng, dắt dẫn quần chúng chiến thắng* ”.

kẻ thù, thì cần phải mang lợi ích thực tế cho quần chúng, làm cho quần chúng phấn đấu bảo vệ lợi ích của mình. Làm tốt việc này, sẽ đẩy nhanh tiến trình đánh bại người Pháp”.

Hồ Chí Minh nói : “ Chúng tôi đã từng suy nghĩ việc này, do nhiệm vụ đấu tranh quân sự nặng nề, chưa hạ quyết tâm làm ”. “ Xem ra điều then chốt là chúng tôi không thực sự làm rõ mối quan hệ giữa cải cách ruộng đất và chiến tranh chống Pháp, cũng không hoàn toàn nhận thức mối quan hệ giữa cải cách ruộng đất và phát động quần chúng. Đảng chúng tôi sẽ nhanh chóng nghiên cứu và bắt tay làm việc này ”.

Cuộc hội đàm giữa hai Đảng Liên Xô và Việt Nam kết thúc. Hồ Chí Minh biết, công tác viện trợ từ nay về sau sẽ chủ yếu do Trung Quốc gánh vác. Hồ Chí Minh rất tán thưởng dùng biện pháp như “ Hiệp ước tương trợ đồng minh hữu nghị Trung – Xô ” để xác định rõ và củng cố hơn nữa mối quan hệ giữa các nước anh em xã hội chủ nghĩa, tin chắc đó là một nguồn sức mạnh to lớn. Hồ Chí Minh rất muốn giữa Việt Nam và Liên Xô cũng có một hiệp ước tương tự và tìm cơ hội nêu vấn đề này với Đảng Cộng sản Liên Xô.

Ngày 16/2, chính phủ Liên Xô tổ chức chiêu đãi trọng thể Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và toàn thể đoàn viên đại biểu Trung Quốc tại điện Kremli. Những người phụ trách đảng chính quyền quân đội Liên Xô hầu hết đều tham gia, Hồ Chí Minh và các đồng chí Việt Nam cũng được mời đến dự. Stalin rất vui, trong bữa tiệc luôn luôn trò chuyện với khách. Hồ Chí Minh nắm lấy thời cơ này, mỉm cười hỏi Stalin : “ *Đồng chí còn có chỉ thị gì nữa đối với công tác của Việt Nam chúng tôi không ?* ”. Stalin cười : “ *Tôi làm sao có thể chỉ thị cho đồng chí, đồng chí là Chủ tịch nước, quan còn to hơn tôi mà !* ”.

Hồ Chí Minh lại nói : “ *Các đồng chí đã ký hiệp ước với Trung Quốc, nhân tôi ở đây, chúng tôi cũng muốn ký một hiệp ước !* ”. Stalin nói : “ *Thế người ta hỏi đồng chí từ đâu ra ? Chúng tôi giải thích như thế nào !* ”

Hồ Chí Minh nói : “ *Điều đó rất dễ, đồng chí cho chiếc máy bay chở tôi lượn một vòng trên trời, sau đó cho người ra sân bay đón tôi, đưa một tin trên báo, không được sao ?* ”.

Stalin cười lớn nói : “ *Đó quả là sức tưởng tượng đặc biệt của người phương Đông các anh* ”.

Rất nhiều người dự tiệc cũng đều cười vang lên.

*

Mãi cho đến ngày **30/1/1950**, Liên Xô mới chịu tuyên bố công nhận ngoại giao với chính quyền Dân Chủ Cộng Hòa của CSVN như là chính quyền hợp pháp duy nhất của Việt Nam. Căn cứ từ cuộc phỏng vấn với một đảng viên CSVN tên là Đỗ Quang Hưng ở Hà Nội ngày 15/12/1990.¹⁶⁰ William J. Duiker viết:

Tuy nhiên kẻ lãnh đạo của Liên Xô chưa hết nghi ngờ về tư tưởng chính thống của họ Hồ. Nhiều nguồn tin Việt nam kể rằng trong một cuộc gặp gỡ giữa hai bên năm 1952, Stalin đã đưa ra 2 chiếc ghế và nói: “*đồng chí Hồ, một chiếc là dành cho người dân tộc chủ nghĩa, một cho người quốc tế chủ nghĩa, đồng chí sẽ ngồi ghế nào?*”. Hồ đã trả lời: “*Tôi muốn ngồi trên cả hai*”.¹⁶¹

Tại sao Staline lại quyết định công nhận Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa mặc dù vẫn còn nghi ngờ ĐCSĐD đã đi vào hậu trường để nhường chỗ cho đảng CSVN và họ Hồ?

Có thể là do cuộc họp thượng đỉnh Mao-Staline ở Moscova từ cuối tháng 12/1949 đến giữa tháng 02/1950. Mao Trạch Đông đã khởi xướng cuộc gặp mặt thượng đỉnh này với Joseph Staline từ năm 1947 nhưng phải qua nhiều lần đình hoãn do cả 2 phía chủ động với những lý do ít có tính cách thuyết phục và kéo dài mãi đến hết tháng 12/1949 họ Mao có thể mới lên tàu hỏa đi sang Moscova vào ngày 22/ 01/1950. Rất hiếm có những tài liệu nói rõ ý do tại sao họ Mao khởi xướng cuộc hội kiến với Staline. Có dư luận cho rằng họ Mao cần sự viện trợ vũ khí của Liên Xô. Cũng có dư luận cho rằng họ Mao muốn sắp xếp lại tư thế quyền lực của Trung Hoa với Liên Xô Nga trong khối liên minh CSQT. Tuy nhiên, có một sự kiện thực tế là kể từ mùa Xuân năm 1947 họ Mao không thể nào đi du

hành ra nước ngoài vì phải bận tâm đối phó với quân đội THQĐĐ đang tiến hành kế hoạch tiến công vào thị xã Diên An (Yan'an), một căn cứ địa đầu não của quân CSTH kể từ năm 1936-1948, đe dọa tỉnh Thiểm Tây (Shaanxi). Tuy biết rõ là họ Mao chưa có thể thực hiện được chuyến xuất ngoại nhưng Staline vẫn cứ đánh mật điện ngày 15/06/1949 trả lời chấp nhận gấp bí mật Mao ở Moscova (tài liệu 1 dưới đây) nhưng chỉ trong vòng 2 tuần lễ sau lại đánh điện đình hoãn với lý do là sự vắng mặt của họ Mao vào lúc này sẽ gây bất lợi cho tình hình quân sự biến động ở phía Bắc nước Trung Hoa. (tài liệu 2 dưới đây)

DOCUMENT No. 1

Cable, Stalin [Kuznetsov] to Mao Zedong [via Terebin], 15 June 1947¹⁶²

[Source: *Arkhiv Prezidenta Rossiiskoi Federatsii (APRF), Fond (F.) 39, Opis (Op.) 1, Delo (D.) 31, List (L.) 23. Reprinted in Andrei Ledovskii, Raisa Mirovitskaia and Vladimir Miasnikov, Sovetsko-Kitaiskie Otnosheniia, Vol.5, Book 1, 1946-February 1950 (Moscow: Pamiatniki Istoricheskoi Mysli, 2005), p. 327. Translated for CWIHP from Russian by Sergey S. Radchenko.*]

To Terebin¹

Convey to Mao Zedong that the VKP(b) CC² considers it desirable to have him come to Moscow without any kind of disclosure about it. If Mao Zedong also considers this necessary, then, it appears to us, it is better to do this through Harbin. If needed, [we] will send a plane.

Telegraph the results of the talk with Mao Zedong and his wishes.

F[yodor Fedotovitch] Kuznetsov³
15.VI.1947

-
1. Terebin (real name Andrei Iakovlevich Orlov) was a Soviet doctor and Soviet operative in Mao's base in Yan'an.
 2. Vsesoiuznaia Kommunisticheskaia Partii (bolshevikov), the All-Union Communist Party (of the Bolsheviks)—the Soviet Communist Party.
 3. Chief of the GRU (Soviet military intelligence). Though Kuznetsov's signature appeared on several cables to and from Orlov, Stalin was the real sender and recipient of this correspondence.

Tạm trích dịch Văn kiện 1:

**Công điện, Stalin [Kuznetsov] gửi Mao Trạch Đông
[qua trung gian Terebin], ngày 15/06/1947**

.....
Gửi đồng chí Terebin¹

Hãy chuyển lời đến Mao Trạch Đông rằng Đảng Cộng Sản Liên Xô² cứu xét thuận lợi về việc tiếp đón Ông ấy đến Moscôva một cách kín đáo không để bị tiết lộ ra ngoài về chuyến đi này. Nếu Mao Trạch Đông thấy chuyến đi này là cần thiết thì chúng ta nghĩ rằng phải bàn bạc với Harbin. Nếu cần, [Đảng chúng ta] sẽ gửi đến một phi cơ.

Hãy đánh điện báo cáo kết quả nói chuyện với Mao Trạch Đông và những ước muốn của Ông ấy.

F [yodor Fedotovitch] Kutnetsov³
15.06.1947

-
1. Terebin (tên thật là Andrei Iakovlevitch), một y sỹ và là người điều hành hoạt động của Liên Xô nơi căn cứ địa của họ Mao ở Diên An.
 2. VKP(b) CC², viết tắt từ Vsesoiuznaia Kommunisticheskaia Partii (bolshevikov), Đảng Cộng Sản Liên hợp các thành phần Cộng sản Bôn-sê-vít-Đảng Cộng sản Liên Xô.
 3. Trưởng Cục Tình Báo Liên Xô. Vì rằng chữ ký của Kuznetsov xuất hiện trên nhiều công điện đi và đến từ Orlov, cho nên Stalin chính là tác giả gửi đi và nhận của công điện này.

DOCUMENT No. 2

Cable, Stalin [Kuznetsov] to Mao Zedong [via Terebin], 1 July 1947¹⁶³

[Source: *APRF: F. 39, Op. 1, D. 31, L. 24. Reprinted in Andrei Ledovskii, Raisa Mirovitskaia and Vladimir Miasnikov, Sovetsko-Kitaiskie Otnosheniia, Vol. 5, Book 1, 1946-February 1950 (Moscow: Pamiatniki Istoricheskoi Mysli, 2005), p. 333. Partly reprinted in Odd Arne Westad, Decisive Encounters: The Chinese Civil War, 1946-1950 (Stanford: Stanford UP, 2003), p. 167. Translated for CWIHP from Russian by Sergey Radchenko.*]

To Terebin:

All your pieces of information with regard to Mao Zedong, as well as on the situation on the fronts have been received.

1)¹ In view of the forthcoming operations and in view that Mao Zedong's absence might have an adverse affect on the transactions, we consider it appropriate to postpone Mao Zedong's strip temporarily.

[...]

F. Kuznetsov
1.VII.1947

1.)¹ indicates that probably this cable lists several (or at least two) points, either still classified or deliberately excluded by the editors of *Sovetsko-Kitaiskie Omosheniia*.

Tạm trích dịch Văn kiện 2:

**Công điện, Stalin [Kutznetsov] gửi Mao Trạch Đông
[qua trung gian Terebin], ngày 01/07/1947**

.....
Gửi đồng chí Terebin

Đã nhận được tất cả những thứ tin tức của đồng chí về Mao Trạch Đông, cũng như tin tức về tình hình về các mặt trận.
1)¹ Theo nhận định về những chiến trận sắp tới cũng như về sự vắng mặt của Mao Trạch Đông có thể sẽ gây ra hậu quả trái ngược với những tình hình chuyển biến đang chúng ta xét thấy một cách phù hợp rằng cần nên tạm hoãn chuyển đi của Mao Trạch Đông.

[...]
F [yodor Fedotovitch] Kutnetsov³
01.07.1947

1.)¹ Điều này cho thấy là có thể bức công điện này liệt kê nhiều (hoặc tối thiểu là hai) điểm, hoặc là hiện còn bảo mật hay là đã bị xóa bỏ bởi các chủ bút của Đảng Cộng sản Liên Xô.

Rất là phức tạp để giải thích về quyết định của Staline đình hoãn chuyển đi Moscova của họ Mao bởi vì có thể là chỉ có một phần nguồn tin tức tài liệu này được giải mật phổ biến ra công chúng. Tư liệu mật duy nhất đề ngày 12/06 của viên chức cục an ninh Quốc gia P.Fedorov bị tiết lộ ra ngoài về việc đảng viên cao cấp của CSTH ở Nội Mãn Châu là *Gao Gang* khẩn cấp yêu cầu một cách vô vọng Stalin viện trợ súng ống và đạn dược cho các bộ đội CSTH dùng trong chiến dịch tấn công tuyến đường tàu hỏa của thị xã Siping (Tứ Bình) thuộc tỉnh Jilin (Cát Lâm hay Trường Xuân). Rất có thể là Staline đã làm ngơ sự cầu xin tiếp viện này của Gao Gang. Cùng một lúc thì ở Siping/Tứ Bình bị quân THQG của tướng Du Yuming (Đỗ Duật Minh) tấn công mãnh liệt cho nên quân Trung Cộng phải rút chạy và hủy bỏ chiến dịch bao vây thị trấn này. (Năm 1945, Gao Gang trở thành một trong số các ủy viên quan trọng của cục chính trị trung ương ĐCSTH và được biệt phái cùng tướng Lâm Bưu trấn đóng trong vùng lãnh thổ Mãn Châu, trở thành chủ tịch và tổng tư lệnh quân sự của đảng CSTH địa phương ở Mãn Châu. Sau khi chế độ CS Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1947, *Gao Gang* trở thành một trong 06 Ủy Viên Hội Đồng Quốc Gia của chính quyền Mao Trạch Đông. Trong cuộc Nội Chiến Trung Hoa, tướng THQDĐ *Du Yuming/ Đỗ Duật Minh* là Tư lệnh chiến trường ở Mãn Châu và miền Đông Trung Hoa.



Gao Gang¹⁶⁴



Du Yuming¹⁶⁵

***Khảo luận
Nội Mãn Châu và Ngoại Mãn Châu**

Tương cũng cần biết rằng Mãn Châu là một vùng lãnh thổ tranh chấp của giữa nước Trung Hoa và nước Nga từ lâu:

Năm **1839**: Lâm Tắc Từ, Khâm sai đại thần của Triều Mãn Thanh tại Quảng Châu quyết định tịch thu toàn bộ thuốc phiện (2 vạn hòm) trên tàu buôn ngoại quốc để ngăn chặn nguy cơ buôn lậu và tránh nạn nghiện ngập đối với người Trung Hoa. Các nước đế quốc phương Tây vin vào cơ này để tiến hành chiến tranh thuốc phiện xâm lược Trung Quốc. Năm **1840**: Chiến hạm Anh bắn phá bờ biển Quảng Châu, Phúc Kiến, Hạ Môn, Định Hải..., mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc gọi là chiến tranh nha phiến lần thứ nhất. Nhà Thanh phải chịu ký Hiệp Ước Nam Kinh ngày **29/8/1842**. Hiệp ước Nam Kinh quy định Trung Quốc phải mở 5 cửa biển cho người Anh đến buôn bán, nhượng cho Anh đảo Hồng Kông và phải bồi thường thiệt hại cho Anh. Và là sự khởi đầu để các nước đế quốc Tây phương và Nhật xâm lược Trung Quốc. Năm **1844**, Hoa Kỳ và Pháp cũng ký Hiệp Ước tương tự như thế với nhà Thanh.

Vì nhà Thanh không chịu thi hành đúng đắn Hòa Ước Nam Kinh cho nên mới có thêm cuộc chiến tranh thuốc phiện lần thứ hai buộc nhà Thanh phải ký hiệp ước Thiên Tân (1858) với các **Anh, Pháp, Nga, và Hoa Kỳ** theo đó Trung Quốc phải mở thêm cửa biển, bồi thường chiến phí, cho phép tự do truyền đạo, nước ngoài được thiết lập sứ quán ở Trung Quốc. Năm 1860 Trung Quốc buộc phải ký với Anh và Pháp Điều ước Bắc Kinh.¹⁶⁶



Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Amurrivermap.png

Theo Hòa ước Nerchinsk (1689), nhà Thanh và Đế quốc Nga lấy dãy núi Stanovoy và sông Argun làm biên giới. Theo đó, *Priamurye* thuộc nhà Thanh. Đến giữa thế kỷ 19, với Hòa ước Aigun (1858) nhà Thanh phải nhượng vùng này cho Đế quốc Nga. Sau đó, Nga viện dẫn lý do đã có công làm trung gian giúp nhà Thanh trong cuộc thương lượng với Anh và Pháp ký kết Hòa Ước Bắc Kinh (1860) nên đòi nhà Thanh phải ký thêm 15 điều khoản riêng mà trong đó theo điều khoản I thì miền Đông sông Ussuri cho tới bờ biển Nhật Bản thuộc hẳn về nước Nga.

1860, Beijing – Russia¹⁶⁷

ADDITIONAL TREATY OF PEKING [BEIJING], 1860

After carefully examining existing treaties between Russia and China, His Majesty the Emperor and Autocrat of All the Russias, and His Majesty the Bogdo-Khan of the Ta-Tsing Empire, who want to tighten the bonds of friendship between the Empires, develop commerce, and avoid misunderstandings, have decided to add some Additional Articles.

To this effect they have named as their Plenipotentiaries:

For the Empire of Russia, Major-General Nicolas Ignatieff, of His Majesty's household, and knight of several orders;

For the Ta-Tsing Empire, Prince Kung, first-class prince, by name I-Hsin.

These plenipotentiaries, after exchanging credentials, decided this:

1860 – Bắc Kinh – Nga

Hiệp ước bổ sung Bắc Kinh, 1860

Sau khi xem xét cẩn thận các hiệp ước hiện có giữa Nga và Trung Quốc, Hoàng đế và Nhà độc tài của tất cả các nước Nga, và Hoàng thượng Bogdo-Khan của Đế chế Ta-Tsing, người muốn thắt chặt mối quan hệ hữu nghị giữa các Đế chế, phát triển thương mại và tránh hiểu lầm, đã quyết định thêm một số Điều bổ sung. Để đạt được hiệu quả này, họ đã đặt tên là Toàn quyền của họ: Đối với Đế quốc Nga, Thiếu tướng Nicolas Ignatieff, thuộc gia đình của Bộ hạ, và hiệp sĩ của một số mệnh lệnh; Đối với Đế chế Ta-Tsing, Hoàng tử Kung, hoàng tử hạng nhất, tên là I-Hsin. Các đặc quyền này, sau khi trao đổi thông tin, đã quyết định điều này:

Article I
Điều I

To confirm and clarify Article I of the Treaty signed at the City of Aigun on May 16, 1858 (eighth year of Hsien Feng, 21st day of the Fourth Moon)—and following up on Article IX of the Treaty signed on June 1 of the same year (3rd day of the Fifth Moon) in the City of Tianjin—it is established that:

Để xác nhận và làm rõ Điều I của Hiệp ước được ký kết tại Thành phố Aigun vào ngày 16 tháng 5 năm 1858 (năm thứ tám của Hiên Phong, ngày thứ 21 của Tuần trăng thứ tư) - và theo sau Điều IX của Hiệp ước được ký vào ngày 1 tháng 6 cùng năm (ngày thứ 3 của Tuần trăng thứ năm) tại Thành phố Thiên Tân – điều này thiết lập rằng:

Henceforward, the western [eastern?] frontier between the two Empires, beginning where the Shilka and Argun Rivers join, will go down the Amur River to the point at which it joins the Ussuri River. Lands on the left bank (to the north) of the Amur river belong to Russia. And lands on the right bank (to the south) belong to China. Further on, from the confluence of the river Ussuri as far as Lake Hinkay, the borderline, from the point where the Son Gatcha River emerges, cuts across Lake Hinkay and goes over towards the Belenho River (or the Tour). From the mouth of this river, it follows the crest of the mountains as far as the mouth of the River Hooptoo, and from there to the mountains situated between the River Khoon Choon and the sea, as far as the Tumen Kiang River. Along this line, too, lands to the east are Russia's, and lands to the west are China's. The borderline rests on the River Tumen Kiang, twenty Chinese versts, or li, above its emptying into the sea.

Từ nay trở đi, biên giới phía tây giữa hai đế quốc, bắt đầu từ nơi sông Shilka và Argun tham gia, sẽ đi xuống sông Amur đến điểm mà nó nối với sông Ussuri. Vùng đất ở bờ trái (về phía bắc) của sông Amur thuộc về Nga. Và đất ở bờ phải (ở phía nam) thuộc về Trung Quốc. Hơn nữa, từ hợp lưu của sông Ussuri đến tận hồ Hinkay, đường biên giới, từ điểm mà sông Son Gatcha nổi lên, cắt qua hồ Hinkay và đi qua sông Belenho (hoặc Tour). Từ cửa sông này, nó đi theo đỉnh núi đến tận cửa sông Hooptoo, và từ đó đến những ngọn núi nằm giữa sông Khoon Choon và biển, đến tận sông Tumen Kiang. Dọc theo đường này cũng vậy, các vùng đất ở phía đông là của Nga, và các vùng đất ở phía tây là của Trung Quốc. Đường biên giới nằm trên sông Tumen Kiang, hai mươi versts Trung Quốc, hoặc li, trên sự trống rỗng của nó xuống biển.

(Tạm dịch)

Không tốn một viên đạn, không mất một tên lính mà Nga chiếm thêm được trên 2 triệu dặm vuông lãnh thổ Mãn Châu của nhà Thanh. Từ đó, Trung Quốc gọi Priamurye là **Ngoại Mãn Châu** để phân biệt với Nội Mãn Châu là vùng Mãn Châu mà Trung Quốc vẫn kiểm soát. Hiện nay, Trung Quốc gọi vùng này là **Ngoại Đông Bắc** (外東北). Năm 1900, Nga còn lấn thêm về phía Trung Quốc một vùng mà Trung Quốc gọi là 64 thôn Giang Đông, và đổi thành huyện (raion) Zazeysky, nhập vào tỉnh Amur. Từ năm 1918 đến 1925, Priamurye bị Đế quốc Nhật Bản chiếm giữ và nhập với Nội Mãn Châu. Trong chiến tranh Thái Bình Dương, quân Nhật lại muốn chiếm giữ Priamurye làm một phần của vùng đệm với Liên Xô. Nhưng sau vài chiến dịch thất bại, quân Nhật phải từ bỏ. Cuối cuộc chiến, Hồng quân Liên Xô đã lấy Priamurye làm bàn đạp để tấn công quân Nhật ở Nội Mãn Châu.¹⁶⁸

Song song với quyết định của Staline đình hoãn chuyến đi Moscova qua công điện Stalin [Kutznetsov] gửi Mao Trạch Đông [qua trung gian Terebin], ngày 01/07/1947 với lý do mơ hồ “*tình hình quân sự sôi động giữa CSTH và THQDD và sự vắng mặt của họ Mao sẽ gây bất lợi*”, dư luận đến nay vẫn còn chưa biết rõ lý do tại sao Staline làm ngơ lời kêu cứu viện trợ cung cấp vũ khí đạn dược cho bộ đội CSTH ở Nội Mãn Châu tiến chiếm tuyến đường tàu hỏa của thị xã Siping sau khi Staline đọc báo cáo tình hình quân sự của Terabin (Andrei Iakovlevitch) từ Diên An. Cũng có thể là Staline thực sự không muốn hứa hẹn gì với họ Mao khi mà tình hình nội chiến giữa CSTH và THQDD chưa ngã

ngũ thắng bại. Cũng có thể là Staline không muốn CSTQ sẽ trở nên mạnh hơn ở Nội Mãn Châu tạo thêm áp lực thêm cho việc tranh cãi vùng Ngoại Mãn Châu của Trung Hoa do Nga chiếm lấy từ lâu. Dù sao thì vấn đề du hành của họ Mao sang Moscova cũng bị xếp xó tử trong 04 tháng mãi cho tới khi họ Mao lại lên tiếng cầu xin vào khoảng tháng 12/1947 và được Moscova hồi đáp chấp thuận vào tháng 12/1947. Để giải thích lý do vì sao có thái độ êm hơi lặng tiếng trong một khoảng thời gian dài như thế, Staline đã đưa ra một lý do ngò nghêch vu vơ rằng đương sự cần phải phối kiểm dữ kiện cần thiết để trả lời cho họ Mao:

DOCUMENT No. 5¹⁶⁹

Cable, Stalin [Kuznetsov] to Mao Zedong [via Terebin], 20 April 1948

To Terebin to be passed to Mao Zedong.

We have received both letters from Comrade Mao Zedong from 30 November 1947, and 15 March 1948. We could not react to them immediately because we were checking some information necessary for our answer. Now that the facts are verified, we can answer both letters.

(Tạm dịch?) Tài liệu số 169 Cable, Stalin [Kuznetsov] gửi Mao Trạch Đông [qua Terebin], 20 April 1948
Gửi tới Terebin ể được chuyển cho Mao Trạch Đông.

Chúng tôi đã nhận được cả hai lá thư từ đồng chí Mao Trạch Đông từ ngày 30 tháng 11 năm 1947 và ngày 15 tháng 3 năm 1948. Chúng tôi không thể phản ứng với họ ngay lập tức vì chúng tôi đang kiểm tra một số thông tin cần thiết cho câu trả lời của chúng tôi. Bây giờ sự thật đã được xác minh, chúng ta có thể trả lời cả hai chữ cái.

Rất có thể là Staline muốn chờ xem ngọn gió sẽ thổi về phía nào trong các mặt trận nội chiến Trung Hoa và thái độ đa nghi của Staline cũng cũng dễ hiểu cho dù rằng trong bản báo cáo ngày 15/03/1948, họ Mao đã suy định rằng quân THQDD nhất định sẽ bị đánh bại trong vòng vài ba năm sắp tới.

Tuy nhiên với lá thư trả lời này của Staline, Mao Trạch Đông thấy phấn khởi cho nên ngày 22/04/1948 đã đánh công điện thông báo ngay cho Staline biết ngay ngày khởi hành đi Moscova vào ngày 4-5/05/1948 bằng xe hơi và ngựa:

DOCUMENT No. 6¹⁷⁰

Cable, Terebin to Stalin, 22 April 1948

From Cde. Terebin

Reporting: on the evening of 22 April Zhou Enlai and Ren

Bishi invited me to [visit with] them and informed that in the beginning of May Mao Zedong will go to Moscow. Due to secrecy considerations Zhu De and Liu Shaoqi will not go.¹

On the pretext of illness and rest he [?] will, allegedly, rest here [?].

Mao Zedong will be accompanied by [his] wife [Jiang Qing] and daughter, as well as [interpreter] Shi Zhe. First [they] will go by car, [then] across the adversary's territory by horses for 10-15 days, and [then] again by car.

Probably [he] will not go to the capital of Manchuria [Harbin], but will stop nearby at one of the points, to which responsible people will be called for a meeting.

I was asked whether I had any instructions about the trip and whether I will be coming. Requested to inquire from you on my behalf.

To my question about Mao Zedong's opinion [as to whether I should come], [they] replied that he did not talk about this.

Zhou Enlai and Ren Bishi consider that [I] should not go, [but] provide for connection with you [Stalin]; for Melnikov² to work here as a doctor; we need a doctor, and this is more convenient from the point of secrecy, they added.

The radio, which had already arrived, is urgently being moved here. Zhou Enlai and Ren Bishi are leaving to go to Liu Shaoqi in the nearest future.

Requesting your urgent instructions, for the departure is planned for 4-5 May.

Terebin.

22.IV.1948

(Tạm dịch?)

Tài liệu số 6 Cable, Terebin to Stalin, ngày 22 tháng 4 năm 1948 From Cde. Terebin Báo cáo: vào tối ngày 22 tháng 4, Chu Ân Lai và Ren Bishi mời tôi đến thăm họ và thông báo rằng vào đầu tháng 5 Mao Trạch Đông sẽ đến Moscow. Do những cân nhắc bí mật Zhu De và Liu Shaoqi sẽ không đi. Với lý do bệnh tật và nghỉ ngơi, anh ta sẽ, được cho là, nghỉ ngơi ở đây [?]. Mao Trạch Đông sẽ đi cùng với vợ [Giang Thanh] và con gái, cũng như [thông dịch viên] Shi Zhe. Đầu tiên [họ] sẽ đi bằng xe hơi, [sau đó] bằng qua lãnh thổ của kẻ thù bằng ngựa trong 10-15 ngày, và [sau đó] một lần nữa bằng xe hơi. Có lẽ [ông] sẽ không đến thủ đô Mãn Châu [Cáp Nhĩ Tân], nhưng sẽ dừng lại gần đó tại một trong những điểm mà những người có trách nhiệm sẽ được kêu gọi một cuộc họp. Tôi được hỏi liệu tôi có bất kỳ hướng dẫn nào về chuyến đi và liệu tôi có đến không. Yêu cầu hỏi từ bạn thay mặt tôi. Đối với câu hỏi của tôi về ý kiến của Mao Trạch Đông [về việc liệu tôi có nên đến hay không], [họ] đã trả lời rằng ... Hẳn không nói về chuyện này. Chu Ân Lai và Ren Bishi cho rằng [tôi] không nên đi, [nhưng] cung cấp cho kết nối với bạn [Stalin]; Đê Melnikov làm việc ở đây với tư cách là một bác sĩ; chúng tôi cần một bác sĩ, và điều này thuận tiện hơn từ điểm bí mật, họ nói thêm. Đài phát thanh, đã đến, đang khẩn trương được chuyển đến đây. Chu Ân Lai và Ren Bishi sẽ rời đi để đến Liu Shaoqi trong tương lai gần nhất. Yêu cầu hướng dẫn khẩn cấp của bạn, cho việc khởi hành được lên kế hoạch cho ngày 4-5 tháng 5. Terebin.

Thoạt tiên thì Staline đồng ý về đề nghị của họ Mao trong công điện 22/04/1948 (Document no. 6) kể trên nhưng hai tuần lễ sau đó thì Staline lại đổi ý và đề nghị họ Mao nên trì hoãn chuyến đi khởi hành ngày 4-5 tháng 05/1948 với lý do là không thể bảo đảm được lộ trình đường bộ xuyên qua các vùng nguy hiểm đang xảy ra các trận chiến trên lãnh thổ Trung Hoa:

DOCUMENT No. 9¹⁷¹

Cable, Filippov [Stalin] to Mao Zedong, 10 May 1948

To Com[rade] Mao Zedong

In connection with the possible development of events in the areas of your presence and, in particular, with the commenced offensive of [prominent GMD General] Fu Zuoyi's forces on Yuxian, i.e. in the direction of those areas through which you plan to go to us, we are concerned whether your absence might influence the course of events, and also to what extent your passage is safe.

On this basis, should you not postpone your trip to visit us somewhat [?]

In case you decide not to postpone your departure, [we] ask to let us know what help we could offer you in your passage. Do you not consider it expedient that we send our plane to you [?]

In this case [we] ask [you] to let us know where to send the plane and when.

Waiting for your reply.

Filippov

10.V.1948 (Tạm dịch?)

Tài liệu số 9 Cable, Filippov [Stalin] gửi Mao Trạch Đông, ngày 10 tháng 5 năm 1948 To Com [rade] Mao Trạch Đông Liên quan đến sự phát triển có thể có của các sự kiện trong các lĩnh vực hiện diện của bạn và, đặc biệt, với cuộc tấn công bắt đầu của lực lượng [Tướng GMD nổi tiếng] Fu Zuoyi vào Yuxian, tức là theo hướng của những khu vực mà bạn dự định đến với chúng tôi, chúng tôi lo ngại liệu sự vắng mặt của bạn có thể ảnh hưởng đến quá trình của các sự kiện hay không, và cũng ở mức độ nào mà lối đi của bạn là an toàn. Trên cơ sở này, bạn không nên trì hoãn chuyến đi của bạn để đến thăm chúng tôi một chút [?] Trong trường hợp bạn quyết định không hoãn khởi hành, [chúng tôi] yêu cầu chúng tôi biết những trợ giúp nào chúng tôi có thể cung cấp cho bạn trong đoạn đường của bạn. Bạn không nghĩ rằng nó là thích hợp mà chúng tôi gửi máy bay của chúng tôi cho bạn [?] Trong trường hợp này [chúng tôi] yêu cầu [bạn] cho chúng tôi biết nơi gửi máy bay và khi nào. Chờ câu trả lời của bạn. Filippov 10.V.1948

Có thể suy diễn rằng đây là một trong những mưu chước nham hiểm nhưng cũng không che giấu được sự lừng khừng lo ngại không có tính cách chính đáng của Staline hoặc đây cũng có thể là một trong các chính sách ngoại giao hạ tiện của Staline bằng cách giả vờ đồng ý tới lui rồi lại đình hoãn dây dưa hạch sách đủ chuyện với mục đích cho họ Mao biết ai là ông chủ lớn quyết định trong chuyện này. Mao lại tiếp tục kêu xin

vào tháng **07/1948** (Doc. No 11/) nhưng ngày **14/7/1948** Staline lại yêu cầu đình hoãn với lý do mù mờ là tất cả những đảng viên cao cấp của CS Liên Xô kể cả Stalin đang bận bịu về chương trình thu hoạch lúa mùa vào thời điểm này cho nên không có ai có thể tiếp đón và họp mặt với họ Mao (Doc. No 12 /tr. 107). Có thể là Staline không muốn họ Mao làm hỏng chương trình nghỉ Hè thường niên 1948 của mình ở vùng Biển Đen (Black Sea/Hắc Hải) mặc dù Staline có thể gặp mặt họ Mao ở đó giống như Staline đã từng gặp những chính khách ngoại giao khác như Averell Harriman (in August 1945), Khorloogiin Choibalsan (August 1947) và Chu Ân Lai (October 1950)¹⁷²

Vào thời điểm Hè-Thu năm 1948, qua một thông điệp đầu năm 1949 của Tưởng Giới Thạch kêu gọi CSTH ngừng chiến, THQĐĐ lôi kéo các đế quốc đồng minh sau thế chiến thứ II là Hoa Kỳ, Anh, Pháp và Liên Xô *nhằm quốc tế hóa* trò chơi “*tấn công Hòa Bình*” này. Vì thế, Bộ Ngoại giao của chính quyền THQĐĐ ở Nam Kinh đã kêu gọi các nước Đồng Minh này đứng ra làm trung gian giúp thực hiện một thỏa ước đình chiến giữa CSTH và THQĐĐ.¹⁷³ Đại sứ Liên Xô ở Trung Hoa là Nikolai Rochin đã không bỏ dịp may để tiến hành ngay việc thăm dò các giới chức có thẩm quyền của bộ Ngoại giao THQĐĐ về đề nghị đó.^{173bis}

Rõ ràng là người Nga lại muốn áp dụng trò chơi “*Ngao Cò đánh nhau, ngư ông đắc lợi*” giống như trước đây khi triều đình nhà Thanh bị các đế quốc phương Tây ép buộc ký kết Hòa Ước Bắc Kinh (1860) để rồi sau đó Nga viện dẫn lý do đã có công làm trung gian trong cuộc thương lượng giữa 2 phe Quốc-Cộng của Trung Hoa hiện giờ để đòi hỏi quyền lợi này nọ. Và Staline cũng lợi dụng sự kiện này để một lần nữa đơn phương yêu cầu đình hoãn chuyến thăm viếng Moscova của họ Mao qua bức công điện đề ngày **10/01/1949**. Trong công điện này, Staline báo cho họ Mao biết việc THQĐĐ ở Nam Kinh đã gửi văn thư ngày 09/01/1949 yêu cầu đại sứ Nga đứng ra làm trung gian để thực hiện một cuộc ngưng chiến và đàm phán hòa bình với đảng CSTH. Cùng một lúc công điện này cũng được THQĐĐ gửi đến các tòa đại sứ Anh, Pháp, Mỹ nhưng chính phủ của họ chưa phúc đáp. Chính phủ Liên Xô cũng chưa phúc đáp vì muốn biết xem Đảng CSTH có đồng ý để cho Liên Xô đứng ra làm trung gian hòa giải hay không. Công điện có đoạn viết:

Telegram of J.V. Stalin to Mao Zedong dated 10th January 1949
Comrade Mao Zedong,¹⁷⁴

. . . The Soviet Government stood and continues to stand for the cessation of war and the establishment of peace in China.

.

Concerning your visit to Moscow, we think, in view of the circumstances mentioned above you should, unfortunately, once again put off departure for some time as your visit to Moscow in such circumstances will be used by the enemies to discredit the Chinese Communist Party as a force reliant and dependent on Moscow. That of course is disadvantageous for the Chinese Communist Party and also for the USSR.

Awaiting your reply,

Fillipov.

Tạm dịch:

Chính phủ Liên Xô giữ và tiếp tục giữ lập trường ngừng chiến và thiết lập hòa bình ở Trung Hoa

“Bất hạnh thay, về chuyện viện thăm Moscova chính phủ Liên Xô chúng tôi nghĩ rằng với tình huống như kê trên, ngày khởi hành của Ngài nên tạm hoãn lại một thời gian để tránh cho những kẻ địch hạ giá trị đảng CSTH như là một lực lượng chỉ biết trông cậy và tùy thuộc vào chính quyền Liên Xô ở Moscova. Như thế hiển nhiên là bất lợi cho cả đảng CSTH và Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết.”

Toàn bộ bức công điện này cho thấy sự bất đồng quan điểm giữa 2 trùm CS Nga-Hoa về vấn đề dùng chiến thuật ngoại giao hay chiến thuật quân sự để giải quyết cuộc nội chiến hiện nay ở Trung Hoa. Bức công điện cũng cho thấy có nhiều lý do khiến cho Staline không muốn từ chối ngay đề nghị của THQĐĐ. Có thể Staline đã nhận định một cách ngay tình rằng sự đáp ứng của đương sự gửi cho họ Mao là chiến lược tốt nhất nhằm mục đích chặn đứng chiến dịch tuyên truyền xuyên tạc về sự đắc thắng của THQĐĐ và Hoa Thịnh Đốn. Cũng có vẻ như là Staline muốn tỏ rõ cho họ Mao và các lãnh tụ của đảng CSTH vị thế bậc thầy của mình trên lãnh vực chiến lược của phong trào Cộng Sản thế giới vượt trội hơn là tầm nhìn hẹp hòi thiển cận của các lãnh tụ CS bản xứ ở những nước khác. Dù sao đi chăng nữa, thì những đề nghị của Staline đã gây ra một hiệu quả ngược lại bởi vì họ Mao không những không chấp nhận những chỉ thị của Staline mà còn chỉ dạy lại Staline phải thay mặt Cộng Sản Sô Viết đáp ứng lời kêu gọi của THQĐĐ như thế nào qua bức một bức công điện hồi đáp đề ngày 13/01/1950 đồng thời cũng cảnh cáo một cách gián tiếp rằng đây là chuyện nội bộ của Trung Hoa mà Liên Sô không nên can dự vào đồng thời cũng khuyến cáo Liên Sô nên vì tình hữu nghị Quốc Tế để đáp ứng một cách hòa hiệp với những đường lối mà đảng CSTH đang đề ra và nếu làm được như thế thì Liên Sô sẽ giúp ích cho CSTH rất nhiều:

.....
But it is for the people of China itself to choose the way to achieve peace, unity and democracy in China. The government of the USSR, relying on the principle of non-interference in the other countries' internal affairs, cannot accept mediation between the two sides in the civil war in China.

.....
If therefore it is possible for the USSR, in view of overall international relations, to make its reply along the lines which we are proposing, we would wish very much that you approve of our proposals. By doing so, you will help us enormously. ¹⁷⁵

Tạm dịch

.....
Nhưng chính là do nhân dân Trung Hoa phải tự chọn lựa đường lối của mình để thực hiện hòa bình, thống nhất và Dân Chủ ở Trung Hoa. Chính quyền Liên sô, chủ trương nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của những quốc gia khác, không thể nào chấp nhận làm trung gian giữa 2 phía trong cuộc nội chiến ở Trung Hoa

.....
Chính vì thế trên bình diện những liên hệ tổng quát quốc tế, nếu có thể được, Liên Sô nên đáp ứng phù hợp với những đường hướng mà chúng tôi đang đề xướng, chúng tôi rất mong muốn rằng quý vị chấp nhận những đề nghị của chúng tôi. Nếu làm được như thế, quý vị sẽ trợ giúp giúp chúng tôi thật to tát.

Qua trích đoạn từ 2 bức Công điện gửi qua lại giữa họ Mao và Staline kể trên thì có thể thấy được rằng trùm CS Quốc tế Staline đang nghiên về chủ trương giải quyết nội chiến ở Trung Hoa bằng con đường ngoại giao hơn là bằng phương pháp dùng bạo lực quân sự bởi vì Staline không muốn trở mặt với Tưởng Giới Thạch và Hoa Kỳ nguyên là 2 trong 3 cường quốc đồng minh của *hội nghị thượng đỉnh Cairo*¹⁷⁸ năm 1943 (Ai Cập) Anh-Mỹ và Trung Hoa trong chiến tranh thế giới thứ II chống quân phiệt Nhật

*



Tướng Giới Thạch, Franklin D. Roosevelt, Winston Churchill
Hội nghị Cairo, ngày 25 tháng 11 năm 1943
(Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Cairo_conference.jpg)

3 - Phản ứng của khối Tư Bản trước hiểm họa Cộng Sản nhuộm đỏ vùng bán đảo Đông Dương

Theo dư luận báo chí của người Pháp ở Đông Dương thì thực sự chính phủ Hoa Kỳ không có một thái độ thù địch hay chống đối nào về việc công nhận của họ đối với chính quyền Quốc Gia Việt Nam của Bảo Đại hay của bất cứ ai khác không phải là Cộng sản. Tuy nhiên Hoa Kỳ vẫn chờ đợi sự chuẩn phê của chính phủ và quốc hội Pháp đối với những thỏa ước đã được ký kết giữa Pháp và Việt Nam. Có một điểm đặc biệt cần lưu ý là khối CS quốc tế, cho dù họ có những chia rẽ trong lãnh vực tranh giành quyền lãnh đạo CS Quốc Tế, nhưng họ lại có chung một loại vũ khí lợi hại mà khối đế quốc Tư Bản không có. Vũ khí đó được CSQT và các đảng CS vệ tinh đặt lên hàng ưu tiên số 1 mà họ gọi là *Nghĩa Vụ Quốc Tế của tất cả những người Cộng Sản anh em*. Áp dụng vũ khí ưu tiên số 1 này trùm CSTQ Trạch Đông đã công nhận chính quyền Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa mà không cần phải chờ đợi để xem chính quyền CS HCM có được quốc tế xem như là hợp pháp hay không hoặc là phải cử người của họ đi sang Đông Dương quan sát tình hình trước khi tuyên bố thừa nhận chính quyền của CSVN.

Người đại diện cao cấp của đế quốc tư bản Anh *Malcom Mac Donald* sau khi đi một vòng kinh lý quan sát một cách chung chung tình hình vùng Đông Nam Á mới chịu tuyên bố một cách vô tội vạ trước một số đông các yếu nhân Pháp-Việt tựu họp tại dinh Thủ Hiến Bắc Việt vào ngày 20/11/1949 “*Xin hứa với quý vị rằng bản chức sẽ tường trình với chính phủ Anh quốc về cảm tưởng khích lệ rút ra được từ cuộc kinh lý ở Đông Dương*” kèm thêm nhận định rằng đương sự lưu ý tới sự “thành thật” của Cao ủy Đông Dương Pignon cũng như lòng ái quốc của hoàng đế Bảo Đại cho nên đương sự mong ước rằng tiến trình thương thảo Pháp-Việt sẽ mang tới sự thực hiện những thỏa ước ký kết ngày 08/03/1949.¹⁷⁶

M.Mac Donald lại xác quyết lời tuyên bố này vào ngày 24/11/1949 khi sang kinh lý Singapore: “*Bản chức đã nhìn thấy những chứng cứ thực tế về sự tiến triển vững chắc trong các công cuộc bình định nơi các vùng đông dân cư do các lực lượng quân đội của Việt Nam và Pháp hợp tác thực hiện một cách thân thiện.*”

Tại thủ đô Phnom Penh nước Cao Miên, M.Mac Donald cũng tuyên bố rằng: “*Tại Việt Nam, . . . có những lý do vững chắc khiến cho bản chức tin tưởng rằng việc chuyển trao cho chính phủ trung ương của Bảo Đại những quyền lực quan trọng trong lãnh vực hành chánh cai trị sẽ được thực*

hiện. Ở Bắc Phần và Nam Phần Việt Nam, bản chức đã đi thăm viếng những vùng lãnh thổ rộng lớn và đã gặp được các chức sắc điều hành ở các địa phương và nhiều nhân vật khác trong đa số những đô thị lớn và làng mạc mà trước đây do CSVN kiểm soát nhưng giờ đây đã được chính kiểm soát một cách tự do và chặt chẽ bởi chính quyền Quốc Gia Việt Nam. An ninh nội chính đã được các thân binh và Vệ Quốc quân Việt Nam đảm nhiệm một cách chắc chắn.” Rồi đương sự kết luận: ‘Dù sao thì tình hình quân sự vẫn khó khăn và sự tiến triển trong lãnh vực này đều đặn nhưng chậm. **Tất cả các chính phủ ở Đông Dương đều đồng một quan điểm rằng giải pháp cho vấn đề không thể chỉ dựa trên lãnh vực quân sự. Nó phải là một giải pháp chính trị. Từ đó mới thấy được giá trị của việc thương thảo mà bản chức đã đề cập ở phần trên. Yếu tố quan trọng hơn hết, để thu hút một cách rộng khắp các tầng lớp dân chúng mang đến sự ủng hộ của họ cho chính quyền của Hoàng đế Bảo Đại, chính là niềm tin tưởng to lớn của dân chúng sẽ mang lại hòa bình, tự do Quốc Gia cho nhân dân Việt Nam được quốc tế thừa nhận.**”

Trước đó, ngày 16/11/1949, M. Mac Donald đến Đà Lạt rồi cùng với lãnh sự Anh ở Sài Gòn và Cao ủy Pignon đến tham kiến với hoàng đế Bảo Đại. Sau khi hội kiến riêng với Bảo Đại, Mac Donald đã chuyển đạt một giác thư như sau:



.....
 Tổng trưởng Ngoại Giao vương quốc Anh, Ernest Bevin đã giao nhiệm vụ cho bản chức chuyển gửi đến Ngài hoàng đế lời vắn an riêng và lòng mong ước của ông ấy thấy được sự thành công của Ngài trong việc thành lập một chính phủ đại nghị ổn định, mang đến hòa bình và tạo dựng thịnh vượng cho đất nước của Ngài.

Bản chức nhân dịp này cũng xin chuyển đạt đến Ngài lòng kính cẩn cao trọng thực lòng của bản chức.

Ký tên: Malcolm Mac Donald.¹⁷⁷

Trên đây chỉ là một hình thức nghi lễ ngoại giao lịch sự thông thường chứ không phải một sự công nhận Quốc Gia Việt Nam do hoàng đế Bảo Đại giữ chức vụ Quốc Trưởng.

4 - Những bước Đường chong gai để phục hồi độc lập và xây dựng đất nước của chính quyền Quốc Gia Việt Nam thống nhất

Từ ngày 16 đến 20/07/1946, Q.T Bảo Đại ra Hà Nội để tuyên bố chính sách của chính phủ, chủ trì lễ tuyên thệ trung thành của các đầu lĩnh sắc tộc sơn cước miền Bắc, họp Hội đồng Nội Các và chủ trì lễ nhậm chức của Thủ Hiến Bắc Việt.



Lá cờ vàng ba sọc đỏ tung bay trước sân Phủ Toàn quyền Đông Dương (nay là Phủ Chủ tịch) – 1953.

nguồn: <http://txva.org/quoc-ky-viet-nam/#ixzz2T8Cha1ql>

Follow us: [thongtanxavanganh on Facebook](#)

<http://txva.org/quoc-ky-viet-nam/>



Cờ vàng 3 sọc đỏ được treo trước nhà hát lớn Hà Nội năm 1945

<http://www.x-cafevn.org/forum/showthread.php?t=22485&page=6>



Miền Bắc thiếu gạo. Thủ hiến Bắc Việt cấm vận chuyên gạo từ nội thành Hà Nội ra các vùng lân cận. Ngày 19/08/1949, hàng ngàn tấn gạo, thóc và gạo tấm được gửi từ Sài Gòn ra Bắc. Ngày 02/09 tàu Hương Giang lại từ Sài Gòn chở ra thêm 300 tạ gạo.^{177bis}

Ngày 28/09/1949, Quốc trưởng Bảo Đại lại ra Bắc tuần du nhiều tỉnh trong khi hoàng thân Bửu Lộc và công cán ủy viên Nguyễn Đắc Khê lên đường thăm viếng không chính thức để thăm dò dư luận ở Hoa Kỳ và Pháp quốc tuyên bố rằng chuyến đi này không có mục đích chính trị thì trong nước vào ngày 08/11/1949, thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng, tướng Nguyễn Văn Xuân đã cùng với Thủ hiến Bắc Việt đi kinh lý tiểu đoàn binh sĩ số 2 của Việt Nam đóng ở **làng Phù Lưu** thuộc huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh ngày nay. Dân các làng quê kề cận đã đổ xô đến một ngôi đình lớn ở làng Phù Lưu để chào đón phái đoàn kinh lý của tướng Xuân và thủ hiến Bắc Việt Nguyễn Hữu Trí.



(Nguồn : http://www.youtube.com/watch?v=DbvM1_7int8)

Thủ hiến Trí đã cam đoan với dân chúng rằng quốc trưởng Bảo Đại luôn luôn ân cần nghĩ tới thân dân của mình, đã trao phó nhiệm vụ cho thủ hiến Bắc Việt chăm lo những công tác cần yếu thường nhật và dân chúng cần phải tin tưởng vào tương lai đối với sự thống nhất đất nước đã được thực hiện một cách rõ ràng và quốc trưởng khẳng định rằng nhân dân nhất định sẽ có được một cách trọn vẹn đúng nghĩa nền độc lập của mình.

Tướng Xuân cũng tuyên bố trước đám đông dân chúng Bắc Việt tại Phú Lưu rằng tiểu đoàn quân binh số 2 là hạt nhân của quân đội Quốc Gia Việt Nam để bảo vệ an ninh tại vùng vùng này và nhân dân các làng có thể yêu cầu trực tiếp viên chỉ huy tiểu thiếu tá tiểu đoàn trưởng Vũ Văn Thụ để được bảo vệ cho việc thu hoạch vụ mùa tháng 10 sắp tới. Tướng Xuân đồng thời cũng ra một nhật lệnh hiệu thị binh sĩ cho rằng quân binh của Tiểu đoàn số 2 đã trung kiên với chính quyền quốc gia Việt Nam từ lúc bắt được thành lập, đứng đầu chiến tuyến phòng vệ Tổ quốc, là những người thợ tiên phong trong công cuộc xây dựng Quốc gia noi gương cho mọi người theo. Các binh sĩ cần phải chứng tỏ can đảm, tích cực khi đối diện với đối phương để hoàn thành nhiệm vụ được giao phó nhưng đồng thời cũng phải tuân hành luật pháp bởi vì luật pháp là những phương cách được dùng để bảo vệ dân chúng, những lớp người yếu kém, những người dân bình thường vốn đã từng bị gánh chịu nhiều đau khổ. Dân chúng phải có một cuộc sống an toàn vì họ đã đặt niềm tin vào quân đội và Chính phủ. Từ lời nói đến việc làm, các binh sĩ hãy cố gắng tỏ ra cho thấy không có gì bị chê trách để thu phục lòng dân chúng và để đánh đổ mọi hình thức tuyên truyền xuyên tạc và để mọi người đều nói rằng nước Việt Nam độc lập đang có một quân đội xứng đáng với tên tuổi của mình.¹⁷⁹

Theo chỉ thị số 331/QT ngày 16/11/1949 của quốc trưởng Bảo Đại thì công chức không được tuyên bố về chính trị.¹⁸⁰

Sau khi được chính quyền Bảo Đại thông báo việc ký kết Hiệp định Champ Élisée ngày 08/03, Giáo Hoàng Pius XII đã gửi một thông điệp đề ngày 25/11 gửi đến hoàng đế Bảo Đại để cảm ơn về mối tình cảm mà quốc trưởng đã dành cho giáo hội Công Giáo. Bức thông điệp viết: *“Chúng tôi dâng lên Thượng Đế đầy quyền lực những lời cầu nguyện cho sự thịnh vượng của Đức Hoàng Đế, cho đức Hoàng hậu hiền thê của Đức Ngài và cho toàn thể dân tộc Việt Nam.”*¹⁸¹

Trong khi đó Bắc Việt, Ủy viên vương quốc Anh Mac Donald đã hiện diện tại đại giảng đường đại học Hà Nội để cùng với bộ trưởng bộ giáo dục quốc gia Phan Huy Quát, thủ Hiến Bắc Việt Nguyễn Hữu Trí, tướng tư lệnh quân sự Pháp Alessandri để tham dự lễ phát bằng tiến sĩ danh dự cho Tổng Ủy Viên đại diện của Anh Quốc.

Dân chúng Hà Nội, Hải Phòng và khắp nhiều quận huyện, tỉnh thành ở Bắc Việt dân chúng được chính quyền quốc gia ở địa phương tổ chức mừng lễ Vạn Thọ và biểu dương công lao và thành quả chính trị của hoàng đế quốc trưởng Bảo Đại mang lại độc lập, thống nhất và thịnh vượng cho nước Việt Nam. Dân chúng trong dịp này cũng được chính quyền cấp phát gạo và tập sách cho học sinh. Cờ xí của Quốc gia Việt Nam và của nước Pháp được treo đầy khắp thành phố Hà Nội. Trong khi đó, sau khi được quân Pháp giải tỏa khỏi áp lực chiếm đóng của bộ đội CS Việt Minh, toàn tỉnh Nam Định bị tàn phá hoang tàn nhưng cho đến nay thì đã lần lần được hồi phục an ninh và hơn hàng vạn dân chúng đã trở về sinh sống làm ăn bình thường.

Ở Trung Việt, ngày 11/11/1949, thủ hiến Phan Văn Giáo đã cho triệu tập và chủ trì một hội nghị các bô lão, kỳ mục của thành phố để bàn bạc, đề ra các phương thức tự vệ trong vùng nội thành Huế và các vùng phụ cận. Mặc dù có sự khủng bố hăm dọa của CSVN nhưng vẫn có hơn 200 bô lão và kỳ mục hiện diện trong hội nghị này.

Đầu lĩnh kháng chiến chống Pháp ở Trung Việt là Trần Ngọc Châu đã cho phát sóng vào ngày 15/11/1949 trên đài phát thanh *Tiếng Nói Trung Việt* những lời kêu gọi mãnh liệt gửi tới hàng ngũ các cán bộ kháng chiến đề chiêu hồi họ quy thuận chính quyền của hoàng đế Bảo Đại. Trong cùng ngày, thủ hiến Trung Việt Phan Văn Giáo cho thành lập Ủy Ban đặc trách Bình Định miền Trung Việt Nam.

Tại Nam Việt, đầu lĩnh tổ chức các lực lượng quân sự Phục Quốc quân Nông Quốc Long về đầu thú chính quyền của quốc trưởng Bảo Đại.¹⁸²

Ngày 30/12/1949, tại tòa Đô Chính Sài Gòn Quốc trưởng Bảo Đại và Cao ủy Pignon của Pháp ký các hiệp định thi hành Thỏa ước Élysée 08/03/1949. Dân chúng tụ họp rất đông trước để tham dự nghi thức ký kết này và cờ vàng của 3 sọc đỏ của Quốc Gia Việt Nam được kéo lên phía trước chính diện tòa Đô Chính. Từ nay các công sở như Tư pháp, Cảnh sát, Học chính được chuyển giao về chính phủ Việt Nam.^{182bis}

5 - Tình hình quân sự trên 3 miền lãnh thổ Việt Nam cuối năm 1949¹⁸³

- Ở Bắc Việt, mặc dù có những lời đồn đãi cho rằng CS Việt Minh đang có dấu hiệu chuẩn bị tấn công quân Pháp và quân Quốc gia nhưng nhìn chung thì tình hình vẫn yên tĩnh nơi các vùng mật khu của VM sát biên Trung Quốc. Hoạt động của bộ đội CS Việt Minh hiện nay chỉ nhắm vào các đồn bót đơn độc nơi các vùng xa, vùng sâu. Một cuộc tấn kích đáng kể của CSVN vào đảo Tra Cổ đối diện với tỉnh Mong Cay vào ngày 17/11/1949: pháo binh của Pháp ở tỉnh này đã pháo kích một cách hiệu quả khiến cho bộ đội CSVN phải rút lui.

- Ở vùng Phát Diệm, sau những cuộc hành quân càn quét của quân đội Pháp (từ ngày 16/10/1949) trên một khu vực rộng 300 km² bao gồm có 200 làng và hơn 200 ngàn dân cư đã được giải phóng khỏi sự kiểm soát của CSVN. Dân chúng càng ngày càng thoát ly khỏi CSVN và trở về sinh sống nơi các vùng làng mạc do quân đội của chính quyền Bảo Đại kiểm soát.¹⁸⁴

- Ở miền Trung, các vùng Quảng Trị, Đồng Hới và Thừa Thiên Huế luôn luôn là các vùng sôi động có thể cảm nhận được nhưng phát ra khá chậm vì thời tiết rất xấu; những trận mưa lũ gây thiệt hại đường xá và đồn bót một cách trầm trọng nhất là vùng Quảng Trị. Bộ đội du kích CSVN ở phía Nam Trung Việt hoạt động kém sút. Ngược lại hoạt động quân sự của quân binh Pháp gia tăng cường độ và gặt hái nhiều kết quả địa phương, đặc biệt là chung quanh các vùng Vĩnh Hảo, Phan Thiết và Phan Rang.

- Ở Nam Việt, quân binh Pháp hành quân chung quanh tỉnh Tân An, vùng đồng bằng sông Vàm Cỏ Tây, tiêu hủy 3 công binh xưởng và tịch một số lượng lớn đạn dược, súng ống và gây thiệt hại nhiều nhân mạng của bộ đội du kích CSVN. Mặt khác, ở vùng Đồng Xoài cách tỉnh Thủ Dầu Một khoảng 65 km., quân đội Pháp đã can thiệp và đẩy lùi một cuộc tập trung quân CSVN nhằm tấn công cắt đứt tuyến đường giao thông nối liền Sài Gòn-Ban Mê Thuật.